Tìm hiểu Kinh Pháp Cú [Dhammapada] (Tâm Minh Ngô Tằng Giao)

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

Tìm hiểu Kinh Pháp Cú (DHAMMAPADA)

Tâm Minh NGÔ TẰNG GIAO

* DIỆU PHƯƠNG xuất bản, Hoa Kỳ, 2006 *

MỤC LỤC 1) Lời nói đầu 2) Nguồn gốc Kinh Pháp Cú

[01] 3) Vô thường và Vô ngã
4) Nhân quả và Nghiệp báo
5) Luân hồi
6) Tam độc: Tham, Sân, Si
7) Ái dục
[02] 8) Giới, Định, Tuệ
9) Người ngu và Người trí
10) Tam quy và Ngũ giới
11) Thập thiện
12) Lục độ Ba La Mật
[03] 13) Tứ diệu đế và Bát chánh đạo
14) Tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả
15) Mầu áo cà sa
16) Hương vị giải thoát
17) Nghệ thuật thuyết pháp
18) Đạo Phật là đạo yêu đời
19) Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi
20) Tài liệu tham khảo
LỜI NÓI ĐẦU

Người có lòng thành kính tin vào Đức Phật và theo Đạo Phật không phải chỉ hàng ngày thắp nhang đảnh lễ trước bàn thờ Phật, niệm Phật hoặc đọc dăm ba câu kinh, thỉnh vài hồi chuông, gõ đôi tiếng mõ hay lâu lâu rủ nhau đến chùa lễ bái là đủ. Chúng ta cần tìm hiểu rõ những lời dạy của Đức Phật vì Đức Phật đã từng nói rằng: "Tin ta mà không hiểu ta, ấy là bài báng ta."

Các kinh điển ghi lại lời dạy của Đức Phật thời rất nhiều, giáo lý của Đức Phật mênh mông bát ngát như biển cả, nhưng nói chung không có tính cách độc đoán và bí hiểm như những tín điều trong một số đạo khác. Kinh điển của Đạo Phật chỉ là những lời giảng dạy của một người như chúng ta, nhưng vị đó đã giác ngộ hoàn toàn. Vị đó đem những sự hiểu biết và kết quả tu tập được của chính bản thân mà diễn giảng cho chúng

ta nghe để chúng ta tự suy nghĩ. Khi đã suy nghĩ kỹ rồi thời chúng ta thử áp

dụng. Nếu nhận thấy đó là chân lý lúc đó chúng ta sẽ tin. Lòng tin bấy giờ mới thật là sáng suốt, chân chính và sẽ bền vững.

Kinh Pháp Cú thường được coi là cuốn kinh tóm thâu tinh hoa giáo lý của Đức Phật. Kinh Pháp Cú đã được nhiều vị dịch sang tiếng Việt, khi thì dưới hình thức những câu "kệ", khi thì thành "thơ", khi thì thành "văn xuôi" v.v... Trong cuốn "TÌM HIỂU KINH PHÁP CÚ" này, để cho giản tiện, soạn giả đã chỉ trích dẫn những câu "Pháp Cú" trong cuốn Kinh Pháp Cú được chuyển dịch thành thể thơ "lục bát" do soạn giả hoàn tất và được xuất bản vào năm 2003.

Khi soạn thảo cuốn Kinh Pháp Cú chuyển dịch thành thể thơ "lục bát" nói trên soạn giả đã tham khảo một số tài liệu quý báu về Kinh Pháp Cú viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Các tác phẩm tiếng Anh đa số được dịch trực tiếp từ nguyên bản tiếng Pali. Các tác phẩm tiếng Việt thì được dịch từ nguyên bản Pali hay được dịch theo bản chữ Hán hoặc tiếng Anh. Muốn cho đại đa số quần chúng khi đọc Kinh Pháp Cú cảm thấy dễ hiểu, soạn giả khi chuyển dịch thơ đã cố gắng xử dụng chữ Việt với những ngôn từ bình dị, tránh dùng nhiều chữ Hán và những danh từ triết học hoặc đạo học cao siêu. Đôi khi một vài lời giải thích cũng đã được chuyển thành thơ và thêm vào trong bài. Để hoàn thành tác phẩm người dịch trong khi sắp xếp ngôn từ và tứ thơ đôi khi đã phải thêm bớt một vài chữ, hoán chuyển một vài câu trong cùng một bài, nhưng vẫn cố gắng chuyên chở đầy đủ ý nghĩa trong các lời dạy của Đức Phật.

Soạn giả khi chuyển dịch thơ đã ước mong rằng những vần thơ "lục bát", một thể loại thơ đầy tình tự dân tộc, sẽ để lại trong tâm tư người đọc cũng như người nghe những tình cảm nhẹ nhàng thanh thoát vì thơ đầy nhạc tính và vang lên những âm điệu thân thương như những lời ru nơi quê mẹ. Ngôn ngữ có bình dị mới dễ hiểu. Thêm vần thêm điệu mới dễ đọc, dễ nghe. Từ đó mới dễ nhớ, dễ thuộc. Có nhớ, có thuộc mới dễ áp dụng những lời vàng ngọc Đức Phật dạy vào cuộc sống hàng ngày.

Trong cuốn "TÌM HIỂU KINH PHÁP CÚ" này có phần "tích truyện" được thuật lại một cách ngắn gọn và thêm vào câu Pháp Cú trích dẫn nhằm mục đích để cho người đọc rõ là trong trường hợp nào Đức Phật đã tuyên dạy câu Pháp Cú đó và cũng để người đọc dựa vào tích truyện mà hiểu thêm được ý nghĩa lời của Đức Phật.

Soạn giả cũng dựa vào một số bài giảng, bài viết và tài liệu về Kinh Pháp Cú cùng Phật Học Phổ Thông đã từng được phổ biến từ lâu nay để tóm lược và ghi lại trong sách một số khái niệm căn bản về Phật Giáo hầu giúp cho người đọc biết rõ con đường đạo mà mình đang dấn bước.

Người đọc nếu sẵn nhiệt tâm hướng về đạo pháp nên nghiền ngẫm và thường xuyên suy niệm về những lời vàng ngọc chứa đựng trong kinh rồi đem ra thực hành, áp dụng vào cuộc sống hàng ngày của mình. Hãy tự thanh lọc thân tâm. Chắc chắn người đọc có thể thâu hoạch được một niềm vui về tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những thứ hạnh phúc khác trên thế gian, sẽ gặt hái được nhiều lợi ích cho chính bản thân mình ngay trong hiện tại cũng như trong tương lai. Người đọc sẽ thấy Kinh Pháp Cú luôn

đem lại nguồn cảm hứng, an ủi, nâng đỡ, hộ trì và cải thiện tâm linh của mình trên những bước thăng trầm trong cuộc sống. Lời kinh khơi nguồn cảm hứng cao đẹp và mở ra một lối đi đầy hương hoa, tạo ra một sức mạnh cảm hóa kỳ diệu, giúp cho người đọc có một niềm tin vững chắc hơn trên con đường tu học để tiến đến bến bờ giác ngộ và nhờ đó mà được giải thoát.

Tư tưởng Pháp Cú là bức thông điệp muôn thuở mà Đức Phật đã truyền đạt cho con người trong cõi nhân gian với mục đích là dạy cho con người nhận chân được cuộc sống. Sống đúng nghĩa. Sống cao thượng. Kinh Pháp Cú xưa nay thường được xem như là cao điểm của tư tưởng hướng thượng hiền thiện. Trong công việc tu học để đạt đến chân lý, Đức Phật đã từng tuyên bố rõ ràng rằng Ngài chỉ là người dẫn đường chỉ nẻo chứ Ngài không thể "cứu rỗi" hay tu thay cho ai được cả và con người phải tự mình tu để giải thoát cho chính mình. Công trình tu tập và kết quả đạt được hoàn toàn nằm trong tay chúng ta. Chư Phật là ánh sáng. Chúng ta là con mắt. Nhờ ánh sáng mà mắt mới nhìn thấy được vũ trụ, vạn vật. Nhưng có ánh sáng mà không chịu mở mắt để nhìn thì cũng chẳng trông thấy gì. Ánh sáng của Phật bao giờ cũng chiếu đồng đều khắp mọi nơi cho tất cả mọi người. Ý chí muốn mở mắt ra để nhìn là việc của chúng ta. Không một vị Phật, một vị Bồ Tát hay một người nào khác làm hộ chúng ta chuyện đó được.

Ước mong sao những lời dạy của Đức Phật trong tập Kinh Pháp Cú sẽ là ngọn đuốc rực rỡ soi sáng dẫn đường, là ngón tay chỉ hướng cho mọi hành động, ngôn ngữ, tâm tư của người đọc và do đó đem lại an lạc và hạnh phúc. Tự mình nghe theo lời Phật dạy mà tu sửa, rồi tự mình sẽ giác ngộ và sự giác ngộ đó sẽ giúp cho mình được giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử đầy khổ đau. Niết Bàn yên vui tươi sáng đang chờ chúng ta. Chúng ta mỗi ngày cố gắng đi một chút chắc chắn thế nào cũng sẽ tới đích, cũng sẽ thành công.

Xin trân trọng giới thiệu đến các độc giả cuốn “TÌM HIỂU KINH PHÁP CÚ" của soạn giả là cư sĩ Tâm Minh Ngô Tằng Giao, một cuốn sách vừa hữu ích lại lý thú vì sách đã đề cập được tới khá nhiều tình tiết trong Kinh Pháp Cú. Mong rằng tác phẩm này sẽ góp được một phần nhỏ bé và khiêm tốn trong việc truyền bá Phật Pháp.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Mùa Phật Đản 2006 DIỆU PHƯƠNG

-ooOoo-

NGUỒN GỐC KINH PHÁP CÚ

Kinh điển của Đạo Phật chia làm ba tạng: Kinh Tạng, Luật Tạng và Luận Tạng mà người ta thường gọi là "Tam Tạng". "Kinh" là những lời dạy về giáo lý do Đức Phật nói ra để dạy cho các đệ tử tu hành. Kinh bao gồm những bài thuyết pháp của Đức Phật từ buổi thuyết pháp đầu tiên tại Ba La Nại cho đến lúc Phật nhập Niết Bàn. "Luật" là những giới cấm Đức Phật đề ra để cho các đệ tử theo mà từ bỏ điều dữ, tu tập thực hiện điều lành, giữ cho thân và tâm được thanh tịnh. “Luận" là những sách do các đại đệ tử của Đức Phật viết để thảo luận, diễn giải và phát huy lý tưởng mầu nhiệm trong Kinh

và Luật. Đối với những tư tưởng gia sâu sắc, uyên thâm, Luận Tạng là phần quan trọng nhất trong Tam Tạng bởi vì nó chứa đựng triết lý uyên thâm nhất của giáo lý Đức Phật, và ngược lại từ những bộ Luận Tạng này, giáo lý của Đức Phật đã được làm sáng tỏ thêm ra.

Kinh, Luật, Luận đều gọi là "Tạng" vì chữ tạng có nghĩa là cất, chứa. Trong ba Tạng kinh điển này chứa đựng đầy đủ toàn bộ giáo lý của Đạo Phật. Kinh điển của Phật giáo được chép lại thành hai thứ văn: văn Pali và văn Phạn (Sanskrit).

"Kinh Pháp Cú" (Dhammapada) là một trong 15 quyển kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh trong Kinh Tạng Pali. Đây là một quyển kinh Phật Giáo rất phổ thông và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng quan trọng trên thế giới. Nhiều tác giả coi bộ kinh này như là Thánh Thư của Đạo Phật. "Pháp" (Dhamma) có nghĩa là đạo lý, chân lý, giáo lý. “Cú” (Pada) là lời nói, câu kệ. "Pháp Cú" là những câu nói về chánh pháp, những câu ghi chép lời dạy của Đức Phật nên "Kinh Pháp Cú" còn được gọi là "Kinh Lời Vàng" hoặc "Lời Phật Dạy". Ngoài ra, trong ngữ văn Pali, “Pada” còn có nghĩa là con đường. Do đó, Dhammapada cũng thường được dịch là "Con Đường Chân lý” hay “Con Đường Phật Pháp”.

Kinh Pháp Cú là một tập hợp những câu dạy ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa của Đức Phật Thích Ca trong ba trăm trường hợp giáo hóa khác nhau. Những câu này do chính Đức Phật khi còn tại thế nói ra trong suốt gần nửa thế kỷ thuyết pháp của Ngài. Ngài giảng dạy bằng lời nói chứ không viết sách. Ba tháng sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn thời các vị đại đệ tử của Đức Phật mới nhóm họp để đọc lại và ghi chép, kết tập những giáo pháp của Ngài. Các câu Pháp Cú được các vị đại đệ tử sắp xếp thành 423 bài "kệ", chia ra làm 26 "phẩm" theo như hình thức hiện nay để cho thích hợp với giới độc giả và người nghe. Kinh Pháp Cú cũng được tụng đọc trong Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần đầu tiên này.

Kinh Pháp Cú tóm thâu tinh hoa giáo lý của Đức Phật. Đọc những bài kệ trong kinh này người đọc cảm thấy như chính mình được trực tiếp nghe lời Phật dạy từ bao năm trước vọng lại. Mỗi bài kệ có thể xem là chứa đựng một cách súc tích và trung thành nhất những lời dạy, những giáo lý căn bản nguyên thủy của Đức Phật. Mỗi phẩm trong Kinh Pháp Cú đặt trọng tâm vào một đề tài chính, thí dụ

"Phẩm Tâm", "Phẩm Đức Phật”, “Phẩm Địa Ngục” v.v... Mỗi bài kệ trong từng phẩm đều chứa đựng một nội dung tu học rất sâu sắc và phong phú. Nhiều bài tương đối đơn giản và dễ hiểu nhưng nhiều bài không thể nào chỉ đọc một lần mà hiểu ngay hết được. Cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần, đọc thêm các tích truyện đi kèm và tra cứu thêm các bản chú giải.

Trong Kinh Pháp Cú người đọc sẽ thấy những lời dạy về triết lý và luân lý cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Những lời dạy cho hàng xuất gia tất nhiên không bao hàm hàng tại gia, nhưng những lời dạy cho hàng tại gia đương nhiên có thể áp dụng cho cả hàng xuất gia. Do đó dù ở cương vị nào người đọc cuốn kinh này cũng thu nhập được nhiều lợi ích thanh cao. Hơn nữa những người muốn đi tìm chân lý, dầu theo tín ngưỡng nào chăng nữa, đều có thể thấy hứng thú và bổ ích khi đọc bộ Kinh Pháp Cú này. Giới học

giả và người có trình độ học thức Tây phương, không phân biệt niềm tin tôn giáo, đã nghiên cứu bộ Kinh Pháp Cú nhằm giúp họ phát triển về tâm linh để mà tự bản thân họ có thể thanh tịnh hóa tâm thức của mình khiến cho không còn bị nhiễm ô bởi đám mây vô minh che khuất. Ngày nay, nhiều người Âu Châu bắt đầu theo Đạo Phật và tìm hiểu kinh điển Phật Giáo. Họ nhận ra rằng kinh điển Phật Giáo thường chỉ nêu ra chân lý cho toàn thể nhân loại chứ không mang tính chất giáo điều.

Kinh Pháp Cú có những bài kệ được kết hợp với những ví dụ cụ thể rất sinh động, súc tích, và cảm hứng đến nỗi cuốn kinh có thể được xem như là bộ tuyển tập thánh điển cổ xưa nhất trên thế giới và là một trong những bộ thánh điển thiêng liêng nhất của Đông phương. Nhiều học giả quốc tế chuyên về tôn giáo và thần học đã từng nói đại ý rằng: “Kinh điển của Phật Giáo thật quả là nhiều, nhưng nếu giả dụ một ngày nào đó tất cả các kinh điển này bị thất lạc hay bị thiêu hủy đi hết mà chỉ còn lưu giữ lại được một cuốn Kinh Pháp Cú này thôi thì chúng ta cũng tạm coi như có đủ những gì cần thiết để noi theo giáo lý của Đức Phật”.

Tại các nước theo Phật Giáo Nam Tông, các Sa di phải học thuộc lòng Kinh Pháp Cú. Riêng tại Việt Nam ta, kinh này không được xếp vào danh sách các kinh để tụng niệm hàng ngày nên kinh ít được biết đến.

-ooOoo-

-01-

VÔ THƯỜNG VÀ VÔ NGÃ

THÂN VÔ THƯỜNG: SINH, LÃO, BỆNH, TỬ

Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật phân tích con người gồm có Thân và Tâm, cả hai thành phần này đều đóng một vai trò quan trọng trong đời sống. Trước hết nói về "Thân". Tấm thân con người thường được ca tụng hết mức. Hãy nghe một nhà thơ tả về các vẻ tuyệt đẹp của thân người, đó là hai chị em cô Kiều. Cô em là Thúy Vân thời: "Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang. Hoa cười ngọc thốt đoan trang. Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da". Còn cô chị là Thúy Kiều thời: "Làn thu thủy, nét xuân sơn. Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh. Một hai nghiêng nước nghiêng thành. Sắc đành đòi một, tài đành họa hai". Đa số thanh niên thường có quan niệm là mình đang ở trong tuổi thanh xuân, tấm thân mình mạnh khoẻ, tráng kiện, trẻ đẹp mãi và cuộc đời mình là cả một bài thơ tuyệt diệu.

Không ai ngờ rằng tấm thân đó đang dần dần già đi và đang chết đi từng giây, từng phút. Khoa học đã chứng minh rằng trong thân thể con người các tế bào thay đổi luôn. Trong mỗi một giây đồng hồ có hàng nghìn triệu tế bào chết đi và hàng nghìn triệu tế bào khác sinh ra để thay thế. Sự thay đổi này làm cho thân thể con người chóng phát triển lớn lên, mau già nua đi và tiến dần đến cái chết. Tóc mới ngày nào còn xanh mướt mà bây giờ đã trắng phau. Hôm nay làn da còn tươi láng, ngày mai đã thấy nếp nhăn nheo. Cái tấm thân trẻ trung, khoẻ đẹp của con người trong từng phút, từng giây đều có sinh và có diệt.

Khi Đức Phật còn là một thái tử và đang sung sướng ở trong cung vàng điện ngọc vậy mà Ngài đã than với bà vợ mình: "Chúng ta sẽ già yếu và xấu xa. Thời gian sẽ phủ lên đầu chúng ta những lớp tro bạc.

Ôi! mắt trong của em rồi sẽ mờ đục! Môi đỏ của em rồi sẽ uá màu!... Ta nghe trong ta, trong em và trong cả mọi người, mỗi ngày mỗi đổ vỡ, dưới sức tàn phá của búa thời gian, tất cả những gì quý báu của đời người... chúng ta ôm giữ một cách tuyệt vọng những bảo vật ở trong ta, như ôm giữ một cái bóng, như nắm bắt một làn hương!".

Có người nói: "Không ai có thể đặt chân hai lần trên cùng một dòng nước". Quả đúng thay! Trên cùng một khúc sông, dòng nước của ngày hôm nay nhìn qua thì có cảm tưởng là không khác chi so với dòng nước của ngày hôm qua. Nhưng thật ra nước sông ngày hôm nay là nước mới ở trên nguồn vừa chảy xuống, còn nước ngày hôm qua bây giờ đã trôi đi xa và có lẽ đã hòa nhập với nước ở ngoài đại dương rồi. Thân người cũng có khác đâu: “chảy luôn như nước lũ”, xuôi đi như dòng sông, trôi xa như đám mây, thoáng qua như vó ngựa. Nói theo danh từ nhà Phật thì đó là luật "vô thường".

Vô thường nghĩa là không thường, không mãi mãi ở yên trong một trạng thái cố định, luôn luôn thay hình đổi dạng, biến đổi liên tục. Thoạt tiên là hình thành, rồi tồn tại, sau đó đến biến đi và cuối cùng là tan rã. Đạo Phật gọi những giai đoạn đó là: "thành, trụ, hoại, không" hay "sinh, trụ, dị, diệt". Tương tự như một làn sóng khi mới nhô lên gọi là thành (hay sinh), khi nhô lên cao nhất thì gọi là trụ, khi hạ dần xuống thì gọi là hoại (hay dị), khi tan rã ra thì gọi là không (hay diệt). Tương tự như vẻ đẹp của một bông hoa. Khi hoa bắt đầu nở, là "sinh", vẻ tươi đẹp tồn tại một thời gian ngắn, là "trụ", tiếp đến là sự thay đổi, chuyển qua mầu héo úa, là "dị", rồi tàn lụi, khô héo lại, là "diệt". Chỉ cần quan sát một làn sóng, ngắm nhìn một bông hoa từ sinh đến diệt, chúng ta cũng có thể nắm bắt được giáo lý nhà Phật về "vô thường".

Tất cả sự vật trong vũ trụ từ nhỏ li ti như con vi trùng, như hạt cát, đến vật rất lớn như trái núi, trái đất, như trăng sao đều phải tuân theo bốn giai đoạn đó cả. Vũ trụ không tĩnh, vũ trụ luôn động, vũ trụ không phải là ao tù, vũ trụ là một ngọn thác luôn luôn chảy xiết, các giọt nước hợp thành luôn luôn kế tiếp thay đổi.

Chúng ta thường quan niệm rằng bốn thời kỳ ấy dài, tương đối bền lâu tùy theo mỗi vật. Thí dụ một bông hoa thường sống vài ngày, một con vật nhỏ sống từ một vài tháng đến vài chục năm, một con người thường được chúc tụng là sống lâu "trăm tuổi”, một cây cổ thụ sống vài trăm hoặc vài nghìn năm, một ngôi sao tồn tại vài muôn nghìn triệu năm chẳng hạn. Nhưng Đức Phật, với mắt trí tuệ, trông thấy tấm thân con người và nói chung là cả vạn vật đều biến đổi liền liền. Ngài thấy bốn thời kỳ "sinh, trụ, dị, diệt" chỉ dài lâu không đầy “một nháy mắt”.

Kinh Pháp Cú đề cập đến cái vô thường, vạch rõ ra những hiện trạng đè nén lên trên kiếp sống của một con người. Sau khi sinh, con người làm sao tránh khỏi già, tránh khỏi bệnh, tránh khỏi chết. Đó là bốn giai đoạn “sinh, lão, bệnh, tử".

Truyện tích kể rằng nhà sư trẻ tuổi đem lòng thương cô gái giang hồ. Thình lình cô chết. Vua ra lệnh cho dân chúng tới nơi nhìn thi hài cô, không ai màng liếc mắt đến

hoặc muốn tới gần. Đức Phật chỉ cho các Tỳ kheo xác chết sình thối ghê tởm ấy, và giảng về tính ô trược của thể xác. Quán thân bất tịnh để dứt bỏ lòng tham đắm vào tấm thân và quán thi thể người chết để suy ra lẽ vô thường của thân người:

(Pháp Cú 147)
Hãy nhìn cái tấm thân này
Bề ngoài đẹp đẽ, trong đầy nhớp nhơ
Đống xương lở lói vô bờ
Mang bao tật bệnh, cứ ngờ tốt tươi
Chứa gì bền vững ở đời
Đâu tồn tại mãi mà người bận tâm.

Một Tỳ kheo ni già hơn trăm tuổi run lẩy bẩy, chân bị vấp ngã, Đức Phật giảng về bản chất vô thường của đời sống:

(Pháp Cú 148)
Thân này suy yếu, già nua
Dễ dàng hư nát tựa như khu rừng
Tập trung bệnh tật chập chùng
Thời gian hủy hoại, cuối cùng tan đi
Có sinh có tử lạ gì.

Nhiều vị Tỳ kheo vào nghĩa địa hành thiền. Trước những thi hài chết đã lâu thời họ thấy ghê tởm. Nhưng trước các thi thể mới chết còn tươi rói thời họ bị kích động lòng dục, lúc đó họ mới nhận ra tham ái vẫn còn. Phật nhân đó dạy:

(Pháp Cú 149)
Trái bầu khi tới mùa thu
Bị quăng vì héo vì khô mất rồi,
Thân này cũng vậy mà thôi
Tàn đời thành đống xương phơi bạc mầu
Nhìn xem vui thú gì đâu.

Một thiếu phụ xinh đẹp đã xuất gia làm Tỳ kheo ni nhưng thiếu niềm tin. Sợ Đức Phật có lời lẽ làm giảm giá trị sắc đẹp của bà nên bà không đến hầu Ngài. Tuy nhiên, một ngày kia, cùng với những người khác, bà đến phòng giảng trong lúc Đức Phật đang thuyết Pháp. Đức Phật làm cho bà thấy một cô gái thật trẻ đẹp đang đứng quạt hầu Ngài. Rồi Ngài làm cho hình ảnh cô gái ấy dần dần biến đổi, phản ảnh sự tàn phá của tuổi già và cái chết trên thể xác đó. Chân lý bừng sáng trước mắt người thiếu phụ. Lúc bấy giờ Đức Phật mới dạy:

(Pháp Cú 150)
Thân này là một cái thành
Xây bằng xương cốt và quanh bốn bề
Quết tô máu thịt bao che
Để mà chứa chất não nề bên trong

Sự già nua, sự tử vong
Chứa chan kiêu ngạo, chất chồng dối gian.

Đức Phật chăm sóc một tăng sĩ bị bệnh mà các vị khác không dám đến gần. Chính tay Ngài lau rửa cho vị Tỳ kheo mình mẩy ghẻ lở hôi thối ấy. Sau khi làm xong Ngài ngồi lại trên đầu giường và thuyết cho thầy một thời Pháp về bản chất vô thường của thể xác. Đức Phật vạch ra cái giá trị của thời gian đối với đời sống con người, vạch ra cái tính cách tạm thời và không vĩnh cửu của thân người:

(Pháp Cú 41)
Thân này rồi chẳng bao lâu
Nằm dài dưới đất, chôn sâu ngủ vùi
Đâu còn ý thức chuyện đời
Tựa cây gỗ mục vứt nơi bụi bờ

Một người đồ tể vì tội ác sát sinh phải sa vào địa ngục. Ông con trai người đồ tể này về sau khi đến tuổi già mà chưa làm được việc thiện nào, các con rể ông thỉnh Đức Phật và chư Tăng về nhà để cúng dường thay cha vợ. Đức Phật nhân đó khuyên dạy mọi người là cần chuẩn bị hành trang lương thực cho chuyến đi xa tới kiếp sau bằng cách thanh lọc thân tâm khỏi các bợn nhơ của phiền não:

(Pháp Cú 235)
Ngươi nay giống lá héo khô
Diêm vương sứ giả đang chờ đợi ngươi
Đứng trên ngưỡng cửa tử rồi
Hành trang, lương thực ngươi thời không mang
Không hề chuẩn bị kỹ càng Chuyến đi thăm thẳm vô vàn dài lâu.

(Pháp Cú 237)
Đời ngươi sắp lụn sắp tàn
Ngươi đang lê bước đến gần diêm vương
Không nơi ngơi nghỉ dọc đường
Hành trang, lương thực không mang theo mình
Không hề chuẩn bị hành trình.

Trong nhà một bà Phật tử, các thiếu phụ lớn nhỏ, đủ lứa tuổi, đều “thọ bát quan trai” trong ngày giới. Khi được hỏi vì lý do gì mà giữ giới luật thời mỗi người giải thích phẩm hạnh đạo đức của mình theo một lối. Nghe xong quan điểm của từng người Đức Phật giảng về bản chất vô thường biến đổi của đời sống. Ngài dạy sự già nua và chết chóc cũng lùa con người đến với tử thần như người chăn bò lùa bò ra đồng:

(Pháp Cú 135)
Người chăn cầm gậy đi sau
Lùa đàn bò nọ chạy mau ra đồng,
Già nua, chết chóc đều cùng
Xua người đến chốn tử vong khác gì.

Mạng sống, hay tuổi thọ của mỗi chúng sinh, được ví như bò hay trâu, tuổi già là cây gậy, đồng cỏ là sự chết, và người chăn là nghiệp lực. Đời sống của chúng sinh bị nghiệp lực xua đuổi đi tới cái chết bằng tuổi già, như bò hay trâu bị người chăn xua đuổi ra đồng cỏ bằng cây gậy. Chúng sinh không được tự chủ trong hành động, cũng như bò hay trâu không được tự chủ trong sở thích của chúng.

Một thương gia, cùng tùy tùng gia thuộc, dừng chân nghỉ bên bờ sông chờ qua sông. Lúc ấy một trận bão kéo tới và trời mưa tầm tã. Nước sông dâng cao. Ông suy nghĩ: "Ta sẽ lưu lại đây mùa mưa, mùa đông và mùa hè để bán hết hàng". Đức Phật nhận thấy rằng trong bảy ngày nữa ông sẽ chết. Đại đức A Nan đến gặp và cho ông hay về cái chết sắp đến của ông. Ông thương gia hoảng hốt nghĩ mình chưa làm được công đức gì bèn thỉnh Đức Phật và chư Tăng về chỗ ngụ để cúng dường. Đức Phật khuyên ông nên hành thiền về cái chết. Ông làm theo, đắc từng Thánh đầu tiên, và tịch diệt như Đức Phật đã tiên đoán. Nhân đó Đức Phật dạy rằng mối hiểm họa của sự chết luôn cận kề, ta phải lo tu tập sớm:

(Pháp Cú 286)
"Nơi đây ta ở mùa mưa,
Đông về, hạ tới cũng ưa chốn này"
Người ngu nghĩ dại khờ thay
Nào hay nguy hiểm cạnh ngay tử thần
Luôn luôn cái chết rất gần.
Vua Thiện Giác là cha của công chúa Da Du Đà La. Công chúa là vợ Đức Phật khi Ngài chưa đi tu. Vua tức giận vì Đức Phật bỏ con gái của vua ra đi nên không ngừng quấy rối Ngài. Ngài tiên đoán rằng nhà vua sẽ chết một cách thê thảm vì bị đất nứt hút xuống, ngay tại nấc thang bước vào thềm cung điện. Nghe tin vậy vua Thiện Giác cố đề phòng, nhưng sau cùng cũng không thoát tay tử thần. Đức Phật dạy rằng ta không thể khắc phục cái chết:

(Pháp Cú 128)
Dù bay lên tận không trung
Hay là lặn xuống tận cùng bể khơi,
Chui vào hang thẳm núi đồi
Khắp trên trần thế chẳng nơi an toàn
Thoát tay thần chết kinh hoàng.
Tuy nhiên tấm thân sinh tử của con người không phải lúc nào cũng hoàn toàn vô dụng. Đối với người có trí thời trong cuộc đời ô hợp này tấm thân đó cũng có thể tạo ra được biết bao nhiêu việc tốt lành, việc thiện, để giúp ích cho người khác. Đó là một cái nhìn của Đức Phật đến tiềm lực hướng thượng của con người.

Một đại thí chủ thời Đức Phật xây cất một ngôi chùa rất đắt tiền. Khi công tác hoàn tất, bà vô cùng hoan hỉ, cùng các con và các cháu đi vòng quanh chùa, hát một bài kệ bày tỏ sự thỏa thích. Khi câu chuyện đến tai Đức Phật, Ngài ghi nhận rằng sở dĩ bà làm như vậy vì: "Bà ta đã thành tựu mỹ mãn nguyện vọng cao cả của bà. Trong nhiều đời bà có

tâm rất rộng rãi, bố thí cúng dường rất nhiều. Bà là người làm cho Phật Pháp được hưng thịnh". Ngài thêm rằng tất cả đều phải cố gắng làm nhiều việc thiện để tạo phước báu:

(Pháp Cú 53)
Như từ một đống hoa tươi
Lựa ra ghép lại cho đời tràng hoa
Nhiều tràng phô sắc mặn mà,
Người đời cũng vậy khác xa đâu nào
Thân tâm an lạc, thanh cao
Làm nên việc thiện kể sao cho vừa.

Hơn nữa ta nên quán thân như bọt nước vì bản chất đổi thay, tạm bợ của nó, hoặc quán thân như huyễn cảnh vì bản chất mờ ảo của nó. Những gì ta đang có chỉ là tạm bợ, một thời gian sau thì tất cả những thứ ấy sẽ biến thành không. Quán được như thế thời người trí sẽ đoạn lìa đam mê nhục dục, không chạy theo lạc thú vật chất, mà nên tu tập theo chánh pháp và có thể nhờ thân này mà tiến được tới bờ giác ngộ giải thoát, được an vui tự tại trong kiếp này cũng như trong kiếp sau. Cảnh tượng một ảo ảnh và những bọt nước chợt gợi ý cho một tăng sĩ đang hành thiền về lý vô thường và vô ngã của đời sống. Đức Phật đọc được tư tưởng của vị ấy và xuất hiện trước mặt thầy, xác nhận suy tư như vậy là đúng. Ngài dạy người trí nên đoạn lìa đam mê các thú vui vật chất, nên bẻ gãy đi mũi tên cám dỗ của dục vọng:

(Pháp Cú 46)
Chúng sinh nên biết thân này
Như là ảo ảnh rồi đây chóng tàn
Như là bọt nước mau tan
Nên hoa dục vọng chớ màng làm chi
Mũi tên cám dỗ bẻ đi
Dẹp Ma dục vọng còn gì hại thân,
Vượt qua tầm mắt tử thần.

Nhân một dịp nọ Đức Phật nhận thấy các thầy Tỳ kheo hành thiền với đề mục "vô thường", Ngài khuyên các thầy nên tiếp tục, nên thoát ly ngay mọi phiền não gây nên do sự chăm sóc thân "ngũ uẩn":

(Pháp Cú 277)
Mọi sinh vật vốn "vô thường"
Trí người nếu hiểu tận tường như trên
Thoát ly ngay mọi não phiền
Theo đường thanh tịnh vào miền sạch trong.

TÂM VÔ THƯỜNG

Gắn liền với thân là "Tâm". Thân đã vô thường, Tâm cũng vô thường. Tâm niệm con người rời đổi mau lẹ trong từng phút từng giây theo với ngoại cảnh. Đức Phật đã dạy

rất đúng: “Tâm người như vượn chuyền cây, như ngựa rông nơi đồng nội”. Chính vì tâm niệm sinh diệt quá mau lẹ, nhiều khi chúng ta không nhận ra được sự biến chuyển của nó, nên chúng ta có cảm tưởng như nó không thay đổi gì cả. Cái "ta" phút trước đâu phải là "ta" phút này hay "ta" phút sau nữa.

Cái "ta" hay cái "tâm" cũng thế đều vô thường, tạm bợ, giả tạo. Vậy mà người đời cứ bám víu vào nó, nhân danh nó để làm biết bao điều bất thiện. Truyện tích kể rằng trong khi ngồi thiền một mình trong vườn, tâm của một vị Tỳ kheo bị những tư tưởng xấu chế ngự. Đó là các tư tưởng tham dục, sân hận và bạo hành xâm lấn khiến thầy không định tâm được. Đức Phật nói rằng tâm rất dễ bị kích thích, hay thay đổi, biến chuyển rất nhanh chóng. Đức Phật khuyên:

(Pháp Cú 33)
Thường thường tâm kẻ phàm phu
Chập chờn, dao động, lu mờ, khó canh
Khó mà chế phục được nhanh,
Chỉ riêng kẻ trí tâm mình giữ yên
Giữ cho ngay thẳng lâu bền
Như tay thợ khéo uốn tên lành nghề
Tên luôn ngay ngắn mọi bề.
Tâm điều khiển ý muốn và hành động của con người. Cho nên canh phòng và kiểm soát tâm, hướng dẫn tâm theo chính

đạo là điều cần thiết. Nhưng việc này không dễ thực hiện, vì dò biết được tâm con người còn khó hơn dò lòng đại dương.

"Lục trần" là nguyên do làm cho tâm con người động. “Lục” là sáu. "Trần" là bụi dơ. Lục trần là sáu cảnh bên ngoài như bụi bặm có thể làm nhiễm dơ thân tâm ta. Sáu cảnh đó là "sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp". "Sắc" là những mầu sắc, những hình thể của người, của sự vật... "Thanh" hay "thinh" là những âm thanh, tiếng nhạc, lời nói ngon ngọt làm mình xiêu lòng, say đắm... “Hương” là mùi thơm tho của son phấn, của hoa lá, của món ăn thức uống... “Vị” là vị ngon ngọt của món ăn thức uống... “Xúc” là sự đụng chạm với đồ vật, quần áo, thân thể con người mà mình ưa thích... "Pháp" là những phương thế, những tư tưởng xâm nhập cái ý nghĩ của mình khiến mình sinh ra những sự phán đoán phân biệt khen chê, ưa ghét...

Khi thấy người có sắc đẹp, tâm chạy theo sắc, tức tâm động. Khi thấy châu báu ngọc ngà quý báu muốn chiếm đoạt thâu góp, tức tâm động. Khi nghe tiếng hay nên chạy theo âm thanh đó, làm theo những lời rủ rê ngọt ngào, tức tâm động v.v... Muốn an trụ tâm thì chẳng nên dính với lục trần.

Tâm là một cái gì khó nắm giữ, hay khinh động, hoảng hốt, khó hộ trì, khó nhiếp, sẵn sàng chạy theo sở thích của dục vọng, xoay vần theo ngũ dục và lòng tham con người. Điều phục tâm không dễ, vì phải dùng đến ý chí để kiềm chế sự ham muốn chạy theo dục vọng của tâm. Khi tâm chạy theo cảnh, theo người, theo lục trần một cách hăng

hái, thì mình phải cương quyết dùng ý chí để kiềm nó lại.

Nhờ sự hướng dẫn của chư Sư, một thiếu phụ có tâm đạo nhiệt thành tu tập và đắc quả. Bà có thể đọc được tư tưởng của người khác. Một tăng sĩ ở nơi xa nghe tiếng về năng lực tinh thần của bà, đến viếng và lưu lại tại chùa. Bà tận lực hỗ trợ thầy. Vị tăng sĩ lo sợ mình có thể phát sinh những tư tưởng xấu và vị thí chủ này có thể đọc được tâm mình nên thầy đến bạch cùng Đức Phật. Đức Phật khuyên thầy nên giữ vững cái tâm khó kiềm chế của thầy:

(Pháp Cú 35)
Tâm phàm phu cứ xoay vần
Chạy theo dục vọng muôn phần đảo chao
Khó mà nắm giữ được nào,
Chỉ riêng những kẻ thanh cao tính tình
Đã điều phục được tâm mình
Mới mong hạnh phúc, an bình mãi thôi.
Như vậy, chúng ta thấy rõ, tâm dẫn đầu các Pháp, tâm là tối thượng, mọi hành động đều do tâm hướng dẫn, do tâm làm chủ và do tâm tạo nên. Chính tâm điều khiển và tạo tác ra hành động bằng "Thân, Khẩu, Ý".

Tâm tạo tác ra thiện hoặc ác. Theo lối hành động tiêu cực thời con người thường buông thả theo bản tính. Lối này dễ thực hành hơn, có thể thoả mãn tạm thời tính ích kỷ và lòng ham muốn thụ hưởng thường tình của con người. Tiếc thay nếu chúng ta nói hay hành động với ý xấu hoặc với ác tâm thì khổ não và bất hạnh sẽ theo chúng ta như cái bánh xe lăn theo bước chân của con vật kéo xe:

(Pháp Cú 1)
Việc làm của bản thân ta
Do tâm, do ý tạo ra, dẫn đầu
Nói năng, hành động trước sau
Ý mà ô nhiễm: khổ đau theo kề
Tựa như là cái bánh xe
Theo chân con vật kéo lê trên đường.
Nhưng nếu ta theo lối hành động tích cực thời con người thường suy nghĩ chín chắn, có kiểm soát để theo lẽ phải trái, biết phân biệt thiện, ác. Nếu ta nói hay hành động với ý tốt, với thiện tâm, thời hạnh phúc và an lạc sẽ theo ta như bóng theo hình. Truyện tích kể rằng một nhà triệu phú keo kiết có một chàng con trai duy nhất. Một ngày chàng lâm trọng bệnh và sắp chết đến nơi vì ông cha triệu phú của chàng không muốn bỏ tiền ra để rước lương y điều trị. Với thiên nhãn, Đức Phật nhận thấy cảnh trạng đau thương của chàng trai đang hấp hối và xuất hiện trước chàng. Người thanh niên lấy làm hoan hỉ được chính mắt mình chiêm ngưỡng dung nhan Đức Phật và trút hơi trở cuối cùng với tâm trong sạch, đầy niềm tin tưởng nơi Ngài. Chàng được tái sinh vào cảnh trời. Nhân đó Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 2)
Việc làm của bản thân ta
Do tâm, do ý tạo ra, dẫn đầu
Nói năng, hành động trước sau
Ý mà thanh tịnh: dạt dào niềm vui
Và bao hạnh phúc trên đời
Theo ta như bóng khắp nơi theo hình.
Trong hai câu Pháp Cú 1 và 2 đối nhau ở trên, Đức Phật dạy cho ta thấy rằng theo "Luật Nhân Quả" thời con người có hai cách xử sự và mỗi cách sẽ đưa đến một hậu quả khác nhau. Hậu quả đó tốt hay xấu đều tùy thuộc ở hành vi của con người đã làm trong quá khứ hay đang làm trong hiện tại. Tất cả những hậu quả tốt hoặc xấu do hành vi của con người tạo ra đối với xã hội và đối với chính mình, đếu là trách nhiệm của mình. Điều thiện điều lành sẽ tạo nghiệp thiện và đưa đến an lạc, hạnh phúc. Điều xấu điếu ác sẽ tạo nghiệp dữ và đưa đến khổ đau. Không cần phải có một đấng thiêng liêng nào để thưởng phạt con người. Chính con người tự thưởng hay tự phạt mình bằng những hành động của chính mình. Ai gieo thứ gì thì sẽ gặt hái thứ ấy!

Hoàng tử Nanda, em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, xuất gia theo Đức Phật ngay trong ngày lễ cưới của ông. Thay vì cố gắng hành thiền, Tỳ kheo Nanda luôn luôn tưởng nhớ đến bà vợ chưa cưới. Đức Phật dùng một phương pháp hữu hiệu giúp thầy lìa bỏ những tư tưởng tham dục trước kia và thầy đắc quả A La Hán. Đức Phật ví tâm trạng tham dục như mái nhà lá lợp không kỹ và trạng thái trong sạch sau này của thầy Nanda như mái nhà khéo lợp:

(Pháp Cú 13)
Căn nhà lợp chẳng kỹ càng
Mưa tuôn thấm dột dễ dàng lắm thay
Tâm mà tu vụng có ngày
Bị nhiều tham dục lọt ngay khác gì.
(Pháp Cú 14)
Căn nhà lợp thật kỹ càng
Mưa tuôn đâu dột dễ dàng mấy khi
Tâm mà tu khéo sợ gì
Bao nhiêu tham dục dễ chi lọt vào.
VẠN VẬT VÔ THƯỜNG

Như trên chúng ta đã thấy luật vô thường ở khắp mọi nơi, chẳng những Thân và Tâm là vô thường, mà cả "Vạn Vật" hay "Hoàn Cảnh" cũng vô thường nữa.

Chúng ta, thường lầm tưởng chỉ có sinh vật là biến đổi và mau già chết, chứ những vật lớn lao như núi sông, đất cát, thì muôn đời cũng vẫn ở yên một chỗ. Nhưng thật ra không đúng như vậy. Sông núi cũng có cái già cái trẻ. Đất cát cũng có khi lở khi bồi. Không có vật gì là vĩnh viễn tồn tại. Đó là cảnh "bãi biển nương dâu", cảnh biển cả biến

thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển cả. Tục ngữ ta có nhiều câu nói lên được sự vô thường của sự vật một cách rất thâm thúy như: “Vật đổi, sao dời” hay “Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”. Thật thế, một đời của chúng ta đã chứng kiến biết bao hoàn cảnh thăng trầm, vinh nhục “lên voi xuống chó". Giàu nghèo, sang hèn tiếp tục diễn ra trước mắt chúng ta như một "bức tranh vân cẩu".

Truyện tích kể rằng một cô con gái con nhà giàu có lại xinh đẹp. Cô thương yêu một người hầu cận trong nhà nên cùng nhau trốn đi sống đời nghèo khó. Ít lâu sau cô sinh ra hai con. Rồi lần lượt chồng và hai con đều bị tai nạn mà chết. Cô tính tìm về quê cũ nương thân nhưng lại được tin cả cha mẹ và anh em ở nhà cũng vừa bị cuồng phong chôn vùi rất thê thảm. Cô phát điên lên. Đức Phật an ủi cô và nhấn mạnh rằng: "Nước mắt khóc các cái chết của vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em trong các kiếp sống luân hồi còn nhiều hơn nước ở bốn biển". Nhờ Đức Phật khuyên giải, cô bớt âu sầu và xin xuất gia làm Tỳ kheo ni. Ngày kia, trong khi rửa chân bên bờ suối, ni sư ghi nhận rằng những giọt nước từ chân bà rơi xuống gieo trên dòng nước chảy rồi tan đi. Điểm thì tan gần, điểm tan xa có điểm trôi đi xa hơn nữa mới tan. Cảnh tượng ấy gợi ý cho bà suy niệm về lý vô thường của đời sống mà chính bản thân bà đã kinh nghiệm. Đức Phật dùng thiên nhãn thấy, xuất hiện trước mặt bà và dạy rằng vạn vật đều là giả tạo. Sau đó không lâu, bà đắc quả A La Hán:

(Pháp Cú 113)
Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia sinh diệt. Thật là uổng thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà hay vạn vật chốn này giả thôi
Vô thường, tạm bợ, nổi trôi
Sinh ra rồi diệt, diệt rồi lại sinh.
Nhiều vị Tỳ kheo đắc quả A La Hán nhờ suy niệm về ảo ảnh và bọt nước. Đề cập đến sự chứng ngộ của các thầy, Đức Phật dạy rằng người nào biết xem cuộc đời này như bọt nước, như ảo ảnh, thì sẽ chấm dứt được mọi đau khổ và không còn sợ tử thần. Hãy dùng trí tuệ mà nhận ra cảnh huyễn hóa không thật, đó là "Những làn khí bốc trên mặt biển, đụng phải ánh nắng, hoặc là không khí tương phản mà hiện ra những bóng hình nhìn xa như lâu đài chợ búa. Người xưa tin những làn khí ấy là hơi của giống sò thần tự dưới đáy bể phun lên":

(Pháp Cú 170)
Tựa như bọt nước trôi sông,
Lâu đài, phố chợ bềnh bồng biển sương
Toàn là ảo ảnh vô thường
Nhìn đời như vậy còn vương vấn gì
Tử thần ta há sợ chi.
Vô thường là một định luật chi phối tất cả từ thân, tâm cho đến mọi hoàn cảnh, sự vật. Hiểu "lý vô thường", chúng ta sẽ gạt bỏ được tham ái, lọc bỏ các tà kiến, các phiền não

và tiến tới sự an tịnh của tâm hồn, sẽ sáng suốt đi tìm những cái vui chân thật thường còn.

VÔ NGÃ

"Vô ngã" nghĩa là không có cái "Ta", không có cái bản ngã, cái bản thể. Đối với người, đối với mình, đối với mọi người mọi vật không chấp có một cái thân thể thường tồn, nhất định, mà cho rằng chỉ là một cái thân do ngũ uẩn tạm thời hòa hợp mà thôi. Hiểu như vậy thời dứt "phiền não chướng", không còn mê tối vì các sự buồn rầu, hờn giận. Vạn vật biến đổi nhanh chóng, không có một tự thể riêng biệt, một chất cố định, một cái “ta” chắc thật, riêng cho mỗi vật. Hãy thử xét cái "ta" trong con người xem có phải là xác thân hay là tâm linh (linh hồn), hoặc là cả hai thứ hợp lại.

Nếu "ta" là xác thân (mà trong Phật học gọi là Sắc) thì xác thân chỉ là sự tạm hợp của bốn chất "Tứ đại". Bốn chất lớn trong thế giới tạm hợp lại làm thành con người và vạn vật, đó là: "địa, thủy, hỏa và phong". "Địa” là đất, là chất cứng như thịt, xương...; "Thủy" là nước, là chất lỏng như máu, nước mắt, nước miếng...; "Hỏa" là lửa, là chất nóng tức là hơi ấm trong người...; "Phong" là gió, là chất hơi, hơi thở ra vào, trái tim nhảy, phổi hô hấp, tay chân cử động...

Chúng ta thử lấy một thí dụ. Khí trời đang ở bên ngoài thì gọi là của cảnh vật. Nếu ta hít vào trong lỗ mũi thời ta gọi cái khí trời ấy là của ta. Vào trong người rồi khí trời sẽ thành thán khí. Những thán khí và các thứ hơi đang ở trong phổi ta cho là của ta. Nhưng khi ta thở ra khỏi mũi thời các khí đó đã là cảnh ngoài. Nếu cây cỏ hút lấy thán khí đó thì lại gọi là của cây cỏ rồi. Nói rộng ra thời những chất lỏng, chất nóng và chất cứng trong thân thể con người cũng đều như vậy cả. Thoạt gọi là của ta, rồi sau đó lần lượt thành ra của cảnh hay của vật. Vậy tại sao lại nhất định nhận nó là của ta, và gọi nó là cái "ta"? Vả chăng nếu cả bốn chất “tứ đại” đó rời nhau ra và mỗi thứ trở về mỗi loại của nó trong vũ trụ thì còn chất gì ở lại để gọi là ta nữa đâu.

Nếu "ta" là tâm linh, là linh hồn thì tâm linh là những tình cảm vui buồn, giận hờn... những ý nghĩ, tưởng tượng, ghi nhớ, những hành động, cử chỉ, phân biệt, hiểu biết v.v... Phật Giáo phân tách những thứ ấy ra làm bốn loại gọi là: "Thọ, Tưởng, Hành, Thức". "Thọ" là đối cảnh bèn sinh ra cảm giác vui sướng hoặc buồn khổ...; "Tưởng" là đối cảnh bèn nhận ra sự đen trắng, to nhỏ, nam nữ...; “Hành" là đối cảnh vật đem lòng ham muốn hoặc ghét giận...; "Thức" là đối cảnh bèn hiểu biết phân biệt sự vật. Dù phải tổng hợp bấy nhiêu thứ lại để thành cái ta, nhưng có hợp thì có tan. Khi tan thời chẳng còn thứ gì ở lại để làm "ta" nữa.

Trong "xác thân" và "tâm linh" đều không có “ta”. Vậy nếu có hợp cả hai thứ đó lại, tức là "sắc" hợp với "thọ, tưởng, hành, thức" (trong Phật học gọi là thân "ngũ uẩn" hay "ngũ ấm") thì thân ấy khi phân tách ra, vẫn không có chất "ta" nào riêng biệt cả. "Ngũ" là năm, “uẩn” là chứa nhóm, "ấm" là che lấp. Thân này chứa nhóm tật bệnh, già, chết, si mê, phiền não, nó che lấp chân lý, làm cho con người không nhận rõ được “Tâm” thật, “Tính” thật của mình.

Đức Phật dạy rằng các vật không có chất gì riêng biệt của nó, để làm thành một cái "ta" riêng cho nó. Nó chỉ là những hợp tướng tạm thời của nhiều phần tử "duyên" lại với nhau. Lúc nào duyên hết thì hợp tướng phải tan. Đó là định luật vô thường và lẽ thật vô ngã của tất cả mọi vật trong vũ trụ. Những hiện tượng trong đó có con người, bày ra và hoạt động trong vũ trụ đều là tạm thời và đều là giả, là vọng. Hiểu rõ như thế con người sẽ không vì những cái giả và tạm thời như xác thân, tiền tài, cảnh vật v.v... mà say mê, luyến tiếc, ghen ghét và tham lam, rồi tạo ra các tội lỗi, ác nghiệp, là những nguyên nhân sinh ra đau khổ, quả báo, luân hồi.

Truyện tích kể rằng người kia giàu có nhưng keo kiết. Ông có năm hũ vàng chôn giấu trong nhà nhưng không cho con biết. Đến lúc chết, ông ta tái sinh làm một người ăn xin có hình tướng xấu xa. Ngày nọ, tình cờ ông đi đến cái nhà của ông trong kiếp sống trước, nhưng khi bước vào thì bị con và người nhà cột trói lại và vứt trên một đống rác. Đức Phật đi ngang qua thấy vậy mới lưu ý người chủ nhà rằng ông kia chính là cha của anh trong kiếp trước. Anh không tin. Đến khi được biết chuyện năm hũ vàng,

anh về nhà đào lên thấy đúng. Đức Phật chỉ rõ cho thấy rằng kẻ cuồng si trong cuộc đời cứ lo nghĩ về cái “ta” giả tạo mãi, không biết rằng chính mình cũng không phải là của mình nữa huống chi là con cái, là tài sản của mình:

(Pháp Cú 62)
"Đây là con cái của tôi
Đây là của cải mấy đời chắt chiu!”
Người ngu chỉ nghĩ bấy nhiêu
Nào hay biết được một điều thâm sâu:
Chính thân ta cũng có đâu
Mà đòi con nọ, mà cầu của kia.
Những hiện tượng, những cảnh vật ở thế gian mà mắt phàm phu chúng ta trông thấy đều là giả, không đúng với hình tướng của hiện tượng thật, cảnh vật thật mà mắt sáng suốt của chư Phật trông thấy. Chúng sinh là người mê, chỉ trông thấy hình dáng giả của đời và của vũ trụ. Phật là người thức tỉnh nên Phật trông thấy hình dáng thật, bộ mặt thật của đời và vạn vật vũ trụ.

Thí dụ như trong một căn phòng tối tăm, một người trông thấy một con rắn to nằm uốn khúc cuộn tròn. Người ấy hốt hoảng, vội vàng kêu la cầu cứu. Nhưng đến khi thắp đèn sáng lên thì con rắn to ghê sợ ấy chỉ là một cuộn dây thừng. Thế ra người ấy kinh hoảng vì đã không nhìn thấy vật thật là cuộn dây, mà chỉ nhìn thấy vật giả và tưởng là con rắn.

Cũng vậy, một phương ngôn bên Ấn Độ nói: “Khi thấy chó thì không có đá; khi thấy đá thì không có chó." Trong lúc tối tăm, mê mờ, người ta trông thấy hình dáng một con chó ngồi trong xó cửa sắp nhảy ra cắn mình nên sinh tâm sợ hãi. Lúc sáng sủa, nhận rõ là hòn đá thì con chó ghê gớm lúc trước tự nhiên biến mất không còn nữa.

Nhân một dịp nọ Đức Phật nhận thấy các thầy Tỳ kheo hành thiền với đề mục “vô ngã", Ngài khuyên các thầy nên tiếp tục, nên sáng suốt nhận thức phân biệt điều này và nhàm lìa thống khổ, phiền não mà theo con đường trong sạch:

(Pháp Cú 279)
Mọi sinh vật có thật đâu
Thảy đều “vô ngã", "ta" nào là "ta"
Trí người nếu hiểu rõ ra
Thoát ly phiền não cho xa tức thời,
Theo đường thanh tịnh tuyệt vời.

Vợ chồng một người Bà La Môn đang ăn sáng. Đức Phật đến khất thực. Người vợ đứng che đi chẳng cho chồng thấy Đức Phật. Nhưng chồng biết được và đem cúng dường Ngài. Ông bạch hỏi Đức Phật những điều gì làm nên đặc tính của một thầy Tỳ kheo. Đức Phật mô tả vắn tắt rằng "Tỳ kheo là người không bị ràng buộc bởi những gì thuộc về tâm hay thân. Thân này gọi là sắc. Tâm này gọi là danh. Vị Tỳ kheo xứng danh chẳng hề mê luyến danh sắc. Không còn luyến ái, không thắc mắc lo âu về những gì mình không có":

(Pháp Cú 367)
Thân tâm, danh sắc biết ra
Cái "ta" không chấp, "của ta" chẳng màng,
Ưu tư, sầu não sẽ tan
Khi "ta" không chấp, chẳng màng "của ta"
Người như vậy thật cao xa
Xứng danh đáng được gọi là Tỳ Kheo.

Con người, vì không thấy rõ được sự thật, không nhận biết được sự giả hợp của ngũ uẩn tạo thành tấm thân của mình nên ngay từ lúc lọt lòng mẹ, một cái tên gọi cùng với nhận thức sai lầm về cái "ta" đã

tạo thành một ngộ nhận căn bản về sự hiện hữu và giá trị của một con người. Từ đó, tính “chấp thật” và sự ích kỷ hình thành. Đây chính là giềng mối của bao nỗi thống khổ mà chúng ta đã cưu mang suốt cả kiếp người. Chính ảo mộng về một cái "ta" và những cái "của ta" đã đưa đến hận thù giữa các cá nhân, các đoàn thể, đưa tới thảm trạng chiến tranh giữa các quốc gia.

Tất cả đều không có “ta”, đều “vô ngã". Bản chất thực của tấm thân chúng ta đang mang giữ giữa cuộc đời này rất mong manh, luôn biến chuyển. Khi cái "ta" đã không còn thì dục vọng còn dựa vào đâu để đòi hỏi cho cái "ta" riêng biệt. Khi biên giới thành trì ngăn cách giữa mình và người được san phẳng thời sự tranh chấp sẽ không còn, bức tường thành của sự ích kỷ hẹp hòi thực sự sụp đổ, ranh giới của chủ nghĩa cá nhân bị xóa nhòa, lòng bao dung vị tha sẽ bừng sáng, nhân loại xích lại gần nhau. Mình và người sẽ giao hòa trong một biển sống mênh mông không bờ lũy, không ngần ngại nắm chặt tay nhau cùng chung sức xây dựng một nền hòa bình vĩnh cửu và hạnh phúc chân thật hiện hữu ngay trên quả đất này. Đạo lý vô ngã của Phật Giáo là động cơ thúc đẩy

con người dũng tiến trong công việc phụng sự nhân loại.

-ooOoo-

NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

NHÂN, DUYÊN VÀ QUẢ

Kinh Pháp Cú nói đến “Luật Nhân Quả". "Nhân" nghĩa là nguyên nhân, là hạt, tức hạt giống sinh ra một vật hữu hình hay là sức mạnh sinh ra một vật vô hình. "Quả" là kết quả, là trái, tức là kết quả hữu hình hoặc vô hình của một hạt đã gieo trồng. Nhân là năng lực phát động, quả là sự hình thành của năng lực phát động ấy. Nhân và quả là hai trạng thái tiếp nối nhau mà có. Nếu không có nhân thì không có quả, nếu không có quả thì không có nhân. Định luật hiển nhiên này mọi người đều nhận thấy. Định luật nhân quả liên tục kéo dài vô cùng tận, như những lượn sóng chập chùng trên mặt đại dương. Những đặc tính của “Luật Nhân Quả” như sau đây:

1. Nhân thế nào thì quả thế ấy: Trong giới hữu hình, vật chất hay trong giới vô hình, tinh thần đều như vậy. Nếu muốn có quả cam thì ta phải ươm hạt giống cam; nếu muốn có hạt đậu thì ta phải gieo giống đậu. Cho đến quả địa cầu cũng thuộc nhân quả, như các nhà khoa học nói những đám bụi xoáy lâu ngày kết tụ thành quả địa cầu, thế nên nhiều hạt bụi là nhân, trái đất là quả v.v... Gieo việc làm tốt tất sau này sẽ thu được kết quả tốt, như chăm học thời sẽ giỏi giang và thi đậu. Gieo việc làm xấu sẽ thu được kết quả xấu, như lười biếng thời sẽ dốt nát, trộm cắp sẽ bị tù tội v.v...

2. Trong nhân có quả, trong quả có nhân: Chính trong nhân hiện tại đã có hàm chứa cái quả vị lai; cũng chính trong cái quả hiện tại, đã có hình bóng của nhân quá khứ. Mỗi vật, vì thế, đều có thể gọi là nhân hay là quả. Đối với quá khứ, thì nó là quả, nhưng đối với tương lai thì nó là nhân. Nhân và quả tiếp nối nhau quay tròn như thế mãi.

3. Một nhân không thể tự một mình sinh ra quả: Sự vật trong vũ trụ nầy đều là sự tổ hợp của nhiều nhân duyên. Không có nhân nào có thể tự tác thành kết quả nếu không có sự giúp đỡ của nhiều nhân khác. Những nhân giúp đỡ này gọi là "duyên". Thí dụ hạt lúa cần có sự giúp đỡ của các “duyên" như đất, hơi ấm, ánh sáng mặt trời, không khí, nước, phân bón, nhân công v.v... mới sinh ra cây lúa. Vậy "duyên" tức là sức mạnh, những cơ hội thuận tiện giúp cho "nhân" sinh sôi, nảy nở.

Nhân nào cũng có đủ cả hai tính cách nhân và duyên, vì nó là nhân để sinh quả của nó và đồng thời cũng là duyên để giúp đỡ các nhân khác sinh ra những quả khác. Thí dụ như ánh sáng mặt trời là nhân sinh ra hơi nóng, nhưng đồng thời cũng là duyên để giúp cho hạt cây mọc, cho hoa lá có sắc mầu, cho mắt người trông thấy cảnh vật v.v...

4. Nhân hữu hình có thể sinh ra quả vô hình và nhân vô hình có thể sinh ra quả hữu hình: Thí dụ nước hữu hình, khi "duyên" với sức nóng biến thành hơi vô hình tản mát trong không khí. Khi gặp sức lạnh, hơi nước vô hình lại biến thành mây hữu hình bay lơ lửng trên bầu trời.

Xác thân hữu hình và tâm linh vô hình của con người cũng liên can và tiếp tục theo nhau như thế. Thí dụ ý nghĩ oán giận (nhân vô hình) tạo ra ý nghĩ trả thù (quả vô hình). Quả vô hình này làm thành nhân sinh ra hành động bạo hành, giết chóc (quả hữu hình). Quả hữu hình này sẽ làm nhân cho những hình phạt tù tội, xiềng xích (quả hữu hình). Tù tội, xiềng xích hữu hình lại làm nhân cho những quả vô hình là buồn phiền, đau khổ. Buồn phiền đau khổ vô hình lại sinh ra những quả hữu hình là xác thân gầy ốm hoặc bị chết v.v...

Như thế nhân quả, quả nhân trong hai giới hữu hình và vô hình, trong hai phần xác thịt và tâm linh đều "duyên" với nhau và "sinh" lẫn nhau, chẳng khác gì chỉ có một giới, một khối duy nhất mà thôi.

5. Sự phát triển từ nhân đến quả có khi nhanh khi chậm: Có khi nhân vừa phát khởi thì quả đã xuất hiện, như khi vừa đánh xuống mặt trống thì tiếng trống liền phát ra. Có khi phải đợi một thời gian ngắn hoặc dài quả mới hình thành, như từ khi gieo hạt giống cho đến khi gặt lúa, từ ngày cắp sách đi học cho đến ngày thành tài.

Vì lý do mau chậm, trong sự phát hiện cái quả, chúng ta không nên hấp tấp, mà cho rằng cái luật nhân quả không hoàn toàn đúng, khi thấy có những cái nhân chưa phát sinh ra quả. Có nhân sinh quả ngay trong đời này (hiện báo). Có nhân sinh quả trong đời sau (sinh báo). Và cũng có nhân sinh quả cách nhau nhiều đời (hậu báo). Đối với thế gian thì có ngày giờ, năm tháng và đời này kiếp nọ. Nhưng tất cả những thứ ấy chỉ là những cái "mốc" mà con người tự đặt ra để phân chia một cái gì dài vô tận, không đầu không đuôi, không hình không tướng là "thời gian" mà thôi. Vì thế những cái chết liên tiếp của con người (hay của vạn vật) không ảnh hưởng gì đến những nhân đã gieo trồng. Những nhân này vẫn cứ đeo đuổi cái sức sống của nó trên dòng thời gian vô tận, để khi nào đến lúc, gặp thời sẽ sinh ra quả.

6. Sự sinh hoạt của những nhân có thể cải biến, thay đổi bằng những nhân khác: Khi đã gieo rồi, một nhân sẽ sống theo dòng sống của nó. Nhưng con người có thể gieo nhiều thứ nhân. Nhân này duyên với nhân kia, để cản trở hoặc giúp đỡ sự tăng trưởng và sinh hoa kết quả. Thí dụ một hạt mít, nếu bị đem phơi khô ngoài nắng hoặc cất kỹ trong hộp thật kín sẽ không bao giờ mọc cây, nở hoa và kết trái ra được.

Bởi vậy người ta có thể biến cải nhân này bằng những nhân khác. Người ta có thể kìm hãm hoặc trừ diệt hẳn đời sống của một nhân bằng cách tạo những nhân khác, tức là tạo những duyên khác để giúp đỡ hoặc phá hủy.

7. Phân tích hình tướng của nhân quả: Trong thực tế ta thấy nhân quả có trong những vật vô tri giác như nước bị lửa đốt thì nóng, bị gió thổi thì thành sóng, bị hơi lạnh thì đông lại. Nhân quả trong loài thực vật như hạt ớt thì sinh ra cây ớt, cây ớt thì sinh ra trái ớt. Nhân quả trong các loài động vật như loài chim sinh ra trứng. Trứng là nhân, chờ khi ấp nở thành con là quả. Con chim ấy trở lại làm nhân, sinh ra trứng khác là quả.

Nhân quả nơi con người: Về phương diện thể chất thời thân tứ đại là do bẩm thụ huyết của cha mẹ và do hoàn cảnh nuôi dưỡng. Vậy cha mẹ và hoàn cảnh là nhân, người con

trưởng thành là quả, và cứ tiếp nối như thế mãi, nhân sinh quả, quả sinh nhân, không bao giờ dứt. Về phương diện tinh thần thời tư tưởng và hành vi trong quá khứ là nhân, tạo cho ta tính tình tốt hay xấu trong nếp sống hiện tại là quả. Tính tình và nếp sống hiện tại này lại là nhân, để tạo ra những tư tưởng và hành động của ta trong tương lai là quả.

8. Lợi ích đem lại cho chúng ta do sự hiểu biết và áp dụng luật nhân quả: Luật nhân quả tránh cho ta lòng mê tín dị đoan, tin tưởng sai lầm vào thần quyền. Luật nhân quả phủ nhận cái thuyết chủ trương rằng "vạn vật do một vị thần sinh ra và uy quyền thưởng phạt muôn loài". Theo Phật Giáo thời không hề có một đấng thiêng liêng nào đứng ra thưởng phạt con người cả. Chính con người tự thưởng hay tự phạt mình bằng những hành động của chính mình. Ta gặt hái tương xứng với cái gì mà ta đã gieo. Chính con người tự tạo ra số phận của mình bằng những hành vi thiện hay ác, tự mình đưa mình lên cõi Niết Bàn hay tự mình đày mình xuống địa ngục.

Như trên đã nói, thời gian tiến triển từ nhân đến quả, có khi nhanh khi chậm. Có cái nhân từ đời này, đến đời sau mới hình thành quả v.v... Vậy nếu có người trong đời hiện tại làm việc hung ác, mà được an lành, là do kiếp trước họ tạo nhân hiền từ. Còn cái nhân hung ác, mới tạo trong đời này, thì tương lai hay qua đời sau, họ sẽ chịu quả báo. Còn người đời nay hiền từ, làm các điều phước thiện, mà vẫn gặp tai nạn, khổ sở, là do đời trước, họ tạo những nhân không tốt. Cái nhân hiền từ đời nay, qua đời sau họ sẽ hưởng quả vui.

NGHIỆP BÁO

"Nghiệp" là những hành động, tạo tác do ba nơi “Thân, Khẩu, Ý”. Đức Phật hướng dẫn chúng ta ý thức được sự quan trọng của nghiệp tức là "hành động” của mình làm, vì chỉ có hành động mới là quan trọng, mới là chủ yếu.

Nhân quả nghiệp báo có hai thứ là "biệt nghiệp" và "cộng nghiệp". Biệt nghiệp là nghiệp báo riêng biệt của mỗi chúng sinh. Cộng nghiệp là nghiệp chung cho nhiều chúng sinh đang cùng sống trong một hoàn cảnh. Như những người sống trong chiến tranh tại một quốc gia thời đều chịu ảnh hưởng chung của chiến tranh. Như sinh ở một nước tiên tiến, thì mọi người đều tương đối được hưởng một đời sống vật chất đầy đủ. Đã sinh chung một gia đình, một xứ sở hay một dân tộc, cố nhiên cái nghiệp quả phải có liên quan với nhau. Một người làm phúc, ngàn người đều được ảnh hưởng, một cây trổ hoa, muôn cây chung quanh đều được thơm lây.

Nghiệp có thể chia ra ba tính cách: lành là "thiện nghiệp", dữ là "ác nghiệp", hoặc không lành không dữ là "vô ký nghiệp". Lành nghĩa là có lợi ích cho chúng sinh trong hiện tại cũng như tương lai. Dữ, nghĩa là có hại cho chúng sinh trong hiện tại cũng như tương lai. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 165)
Làm điều ác cũng bởi ta
Nhiễm ô cũng vậy tạo ra bởi mình

Và khi làm những điều lành
Hoặc là thanh tịnh cũng mình tạo ra,
Tịnh hay không tịnh do ta
Chính ta tự tạo, ai mà khác đâu!

Nói suông không đủ, lời nói phải đi theo với việc làm mới mong có kết quả. Người miệng nói điều lành mà không làm điều lành thì chẳng ích lợi gì cho ai cả, giống như bông hoa đẹp mà chẳng có hương thơm:

(Pháp Cú 51)
Hoa kia sắc đẹp phô trương
Tiếc rằng chẳng có chút hương thơm nào
Khác chi người nói ngọt ngào
Trăm điều hoa gấm, trăm câu tốt lành
Nói xong không chịu thực hành
Chẳng đem lợi ích, cũng thành uổng đi.

Đức Phật dạy câu trên nhân vì có hai bà tín nữ, cùng là mệnh phụ phu nhân trong triều, đến học giáo pháp với Đại đức A Nan. Một bà chăm chú học. Bà kia không tiến bộ nhiều. Ngài mới vạch rõ rằng tựa như cành hoa không hương vị, giáo pháp trở nên vô ích cho người không cố gắng tu học. Kế đó Ngài dạy thêm rằng còn như người miệng nói điều lành và làm được điều lành, đem lại kết quả tốt, như bông hoa tươi đẹp đã có sắc lại thêm hương:

(Pháp Cú 52)
Hoa kia sắc đẹp vô cùng
Lại thêm hương tỏa thơm lừng biết bao
Khác chi người nói ngọt ngào
Trăm điều hoa gấm, trăm câu tốt lành Nói xong quyết chí thực hành Tương lai kết quả tạo thành đẹp thay.

Đối với người xuất gia, thuyết pháp suông không đủ. Dù thông suốt nhiều kinh mà không thực hành theo lời dạy, thời chẳng được sự ích lợi của việc tu hành, không khác gì một kẻ chăn bò thuê, cứ sáng sớm dắt bò ra đồng, tối lại lùa bò về chuồng giao cho chủ, ngày ngày chỉ lo đếm bò của người ta mà đổi lấy ít tiền công, nhưng không có con bò nào là của mình, cũng không hưởng được sữa hay thứ gì của bò cả. Người xuất gia như thế không hưởng được phần lợi ích của Sa môn:

(Pháp Cú 19)
Dù cho có tụng nhiều kinh
Không theo giáo pháp thực hành sớm hôm
Tu hành lợi ích đâu còn
Khác chi một kẻ luôn luôn chăn bò
Chăn thuê nên chỉ âu lo
Đếm bò cho chủ, sữa bò hưởng đâu?

Theo Phật Giáo, pháp học sẽ không bổ ích nếu không thật sự thực hành điều đã học, Phật Giáo không phải là một triết học suông mà là con đường giác ngộ duy nhất.

Như vậy, chỉ có hành động, chỉ có nghiệp là quan trọng, vì chính nghiệp mới đem lại kết quả tốt đẹp hay không tốt đẹp cho con người và chính con người mới thật là chủ nhân của nghiệp, tác thành ra nghiệp, và khi nghiệp đã làm rồi, thời không thể nào trốn tránh kết quả của nghiệp. Tạo nghiệp ác không tránh khỏi ác báo.

Một nông dân bị kết tội ăn cắp vì oa trữ những tang vật bị đánh cắp. Trên đường đưa tới pháp trường để bị xử tử, do tác phong đặc biệt của anh, anh được quân lính đưa trở lại trình với nhà vua. Vua ra lệnh đem anh đến trình diện Đức Phật. Đức Phật giải thích rõ ràng sự thật. Anh nông dân vô tội được thả về. Đức Phật giảng dạy về hậu quả của những hành động bất thiện và nói thêm rằng "Người hiền trí chẳng hề làm việc gì mà phải hối tiếc về sau":

(Pháp Cú 67)
Việc làm chẳng thiện, chẳng lành
Nếu làm xong lại tự mình ăn năn
Dầm dề nhỏ lệ khóc than
Biết rằng quả báo dữ dằn tương lai.

Ba nhóm Tỳ kheo đến yết kiến Đức Phật. Trên đường đi, nhóm thứ nhất thấy một con quạ đang bay bị thiêu đốt đến chết. Nhóm thứ nhì thấy một thiếu phụ bị liệng từ trên thuyền xuống và chết đắm giữa đại dương. Nhóm thứ ba thì thấy bảy vị Tỳ kheo bị đá rơi xuống bít lối ra nên bị nhốt trong hang đá bảy ngày. Ba nhóm Tỳ kheo xin Đức Phật giải thích. Đức Phật giải rằng trong một tiền kiếp, con quạ là một anh nông dân hung bạo đã thiêu đốt đến chết một con bò lười biếng, thiếu phụ trấn nước một con chó và bảy vị Tỳ kheo là bảy kẻ chăn bò tinh nghịch bít lỗ chui ra của một con kỳ đà ở trong hố suốt bảy ngày khiến kỳ đà suýt chết. Đức Phật thêm rằng không ai tránh được hậu quả của nghiệp ác đã tạo:

(Pháp Cú 127)
Dù bay lên tận không trung,
Hay là lặn xuống tận cùng bể khơi,
Chui vào hang thẳm núi đồi
Khắp trên trần thế chẳng nơi an toàn
Thoát tay nghiệp ác chớ mang.

Truyện tích kể rằng một người đứng tuổi có tâm đạo nhiệt thành xuất gia theo Đức Phật và tận lực chuyên cần tu niệm. Nếp sống kiên trì cố gắng sớm đưa vị Tỳ kheo ấy đến đạo quả. Nhưng không may vị đó bị mù hai mắt. Ngày kia, khi đi kinh hành vị này vô tình làm chết nhiều côn trùng. Vài vị Tỳ kheo ở nơi khác đến viếng, thấy có dấu máu trên đường kinh hành, mách với Đức Phật rằng vị này đã phạm giới sát sinh. Đức Phật giải thích rằng vị này không cố ý mà chỉ vô tình làm chết những côn trùng ấy. Lúc bấy giờ mọi người đều muốn biết tại sao vị này lại phải bị mù.

Đức Phật thuật rằng trong một kiếp sống trước kia, vị này làm lương y, có chữa bệnh đau mắt cho một thiếu phụ nghèo. Bà hứa đến lúc khỏi bệnh, bà và con gái bà sẽ về làm công trong nhà cho ông lương y. Thuốc quả thật công hiệu, nhưng bà không giữ lời hứa, viện lẽ rằng mắt bà còn tệ hơn trước. Vị lương y ác độc liền nảy sinh một ý tưởng tội lỗi. Để trả thù, ông cho thiếu phụ nghèo một thứ thuốc làm mù luôn cả hai mắt. Do nghiệp ác trong quá khứ, nay tuy vị Tỳ kheo đã đắc quả A La Hán, vẫn phải mang tật mù.

Theo tích truyện này thời đây là phương diện nhân quả tương xứng, gieo giống nào thì gặt giống đó, của định luật nghiệp báo. Một vị A La Hán, dầu đã thanh lọc mọi ô nhiễm, vẫn còn phải gặt hái những quả mà chính ngài đã gieo trong quá khứ xa xôi. Chư Phật và chư vị A La Hán không còn tạo nghiệp mới vì các ngài đã tận diệt mọi căn cội vô minh và ái dục, nhưng cũng như tất cả chúng sinh khác, các ngài không thể tránh khỏi hậu quả dĩ nhiên của những hành động, tốt và xấu, của chính các ngài trong quá khứ.

Đức Phật từng bị vu oan là đã giết chết một nữ tu sĩ theo đạo lõa thể. Kinh sách chép rằng sở dĩ Đức Phật phải chịu tiếng oan như vậy vì trong một tiền kiếp Ngài đã thiếu lễ độ đối với một vị Phật Độc Giác.

Đề Bà Đạt Đa toan giết Đức Phật, lăn đá từ trên núi cao xuống định giết Ngài nhưng đá vỡ làm đôi khi tới nơi và chỉ làm trầy chân Ngài. Kinh sách chép rằng trong một tiền kiếp Đức Phật đã lỡ tay giết chết một người em khác mẹ để đoạt của trong một vụ tranh chấp tài sản.

Theo đúng giáo lý của Đức Phật, ta không thể van lơn cầu cạnh, hay hối lộ, hoặc gian lận bằng cách nào mà thay đổi được định luật nhân quả. Cũng không thể lẩn trốn nơi nào trên thế gian, dầu trên trời rộng mênh mông, giữa đại dương sâu thẳm, hoặc trong thâm sơn cùng cốc mà ta tránh khỏi hậu quả của nghiệp ác đã tạo. Không có vị Trời nào, chí đến Đức Phật đi nữa, có thể can thiệp vào sự báo ứng của nghiệp. Ta chịu trách nhiệm về nghiệp ác của ta. Quả báo ấy có thể xảy đến tức khắc, thường gọi là quả báo nhãn tiền, hoặc một thời gian lâu sau ngày thực hiện điều ác mới xảy ra.

Một người có tâm đạo đến chùa nghe Pháp suốt đêm và đến sáng, xuống ao rửa mặt. Cùng lúc ấy có tên trộm bị rượt, chạy ngang qua, đánh rơi gói đồ đã trộm bên cạnh anh. Chủ nhà chạy đến đó thấy của cải của mình gần bên ao, tưởng lầm anh là tên trộm nên hô hoán gia nhân bắt đánh anh đến chết. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật giải thích rằng mặc dầu hoàn toàn vô tội, anh phải chịu một cái chết thê thảm như vậy là do nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ:

(Pháp Cú 161)
Khi mà nghiệp ác sinh ra
Do mình tự tạo, khó mà thoát thân
Nghiệp này nghiến kẻ ngu đần
Kim cương nghiến đá muôn phần giống nhau.
Đức Phật cho biết rằng trong một tiền kiếp anh nạn nhân nói trên là một vị quan cận thần có dính líu tình ái với vợ một người khác. Ỷ thế làm quan của mình anh vu oan

cho người chồng và hại người chồng đến chết để chiếm đoạt người vợ. Vì tội ác đó nên trong đời này anh phải chết thê thảm như vậy.

Kiếp tái sinh của con người tùy thuộc vào hành động. Người thời tái sinh vào bào thai. Nhưng người làm ác sinh vào khổ cảnh, địa ngục. Người phẩm hạnh tốt sinh vào nhàn cảnh, cõi trời. Bậc không ô nhiễm nhập diệt vào Niết Bàn.

Truyện tích kể rằng vị Tỳ kheo nọ thường đến nhà một người chuyên làm nghề kim hoàn và bà vợ người này sắm sửa vật thực để cúng dường. Ngày kia khi tăng sĩ đến, trong lúc chủ nhà đang chặt thịt thời có sứ giả của vua mang một viên hồng ngọc tới để sai làm. Chủ nhà cầm viên ngọc. Máu dính ra viên ngọc. Chủ nhà đi vào trong rửa tay. Một con ngỗng từ phía sau đáp xuống và thấy có máu, tưởng là đồ ăn, nuốt viên ngọc. Chủ nhà trở ra, thấy mất. Cật hỏi vị tăng sĩ. Thầy cho biết mình không có lấy, nhưng vì lòng từ bi sợ ngỗng bị chết, thầy không khai ra con ngỗng. Chủ nhà không tin, đánh đập thầy một cách tàn nhẫn, máu chảy đọng thành vũng dưới đất. Bà vợ can ngăn không được. Ngỗng thấy máu, bay trở xuống để uống. Trong cơn giận dữ chủ nhà đá con ngỗng văng ra chết. Lúc ấy vị Tỳ kheo mới thuật lại tự sự. Chủ nhà mổ bụng ngỗng, tìm ra viên ngọc và xin sám hối. Vị Tỳ kheo sau này chết vì thương tích đó. Thầy nhập Niết Bàn. Vợ chủ nhà sinh lên cõi trời. Chủ nhà bị đọa xuống địa ngục. Khi các Tỳ kheo khác bạch lại đầu đuôi câu chuyện, Đức Phật dạy rằng chính hành động hiện tại quyết định cho sự tái sinh trong tương lai:

(Pháp Cú 126)
Con người sinh tự bào thai
Và từ nơi đó ra đời. Lành thay!
Thế nhưng kẻ ác sinh ngay
Vào miền địa ngục đọa đầy triền miên,
Những người chính trực lành hiền
Sau này sẽ được sinh lên cõi trời,
Nhiễm ô ai diệt hết rồi
Mới lên được cõi thảnh thơi Niết Bàn.

Kẻ làm điều ác thời sẽ gặp nhiều phiền muộn trong kiếp này và trong cả kiếp sau. Kẻ ấy sẽ sinh ưu phiền và sầu khổ khi nhìn thấy kết quả xấu của nghiệp ác do mình gây ra. Một người đồ tể, suốt đời sinh sống bằng cách giết heo, phải chịu đau khổ cùng cực trong những ngày cuối cùng của anh. Trước khi lìa trần anh phải lăn lộn trên sàn nhà, kêu la rên siết vô cùng thảm hại, giống như một con heo bị đem ra làm thịt. Đến khi chết, anh tái sinh vào khổ cảnh. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 15)
Đau buồn ngay ở kiếp này
Kiếp sau cũng lại tràn đầy buồn đau:
Người làm điều ác hay đâu
Buồn kia theo mãi dài lâu bên mình
Quay nhìn việc ác tạo thành

Chết mòn thân xác, héo nhanh tâm hồn.
Theo luật nhân quả, những điều mình làm (thân), mình nói (khẩu), hay mình nghĩ (ý) sẽ tạo ra ảnh hưởng tốt hay xấu cho chính mình. Gieo nhân nào thì gặt quả ấy. Do vậy, con đường duy nhất là nên tránh xa điều ác. Điều ác, dù là điều ác nhỏ nhặt, cũng không nên xem thường.

Đại đức Đề Bà Đạt Đa, vốn là em họ của Đức Phật, vì tham lam và ganh tị nên âm mưu sát hại Đức Phật nhiều lần, nhưng đều thất bại. Đến khi già yếu, thầy ăn năn hối hận và mong muốn được yết kiến Đức Phật. Trong khi người ta khiêng thầy đi dọc đường thì thầy chết một cách vô cùng thảm hại đau thương rồi bị sa vào địa ngục. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 17)
Kiếp này tràn ngập khổ đau
Khổ đau cũng lại kiếp sau ngập tràn
Người gây nghiệp ác thở than:
"Bao điều gian ác mình làm trước đây!”
Bây giờ đường ác đọa đầy
Trầm luân cõi khổ biết ngày nào xong.
Do vậy, Đức Phật khuyên chúng ta hãy gấp làm điều lành, điều thiện và mau tránh điều ác. Hãy nắm ngay mọi cơ hội để làm điều thiện. Hãy ngăn đừng cho tâm nghĩ đến điều ác. Vì tâm của người biếng nhác trong việc làm điều thiện sẽ có khuynh hướng ưa thích làm việc ác.

Ông Cấp Cô Độc phát tâm bố thí rất trong sạch để hộ độ tăng chúng nên tiêu xài hết phần lớn gia sản của ông. Bị chỉ trích là phung phí tiền của nhưng ông không màng, cứ tiếp tục cúng dường để phát triển tăng sự. Đức Phật khen hạnh bố thí này của ông. Ngài dạy rằng "Người làm ác có thể gặp lành, ngày nào mà quả dữ chưa trổ. Nhưng khi quả trổ, chừng ấy họ mới thấy hậu quả tai hại. Người hành thiện có thể gặp dữ, ngày nào mà quả lành chưa trổ. Nhưng khi quả trổ, chừng ấy người hành thiện sẽ gặp quả phúc":

(Pháp Cú 119)
Khi mà nghiệp ác chưa thành
Người làm điều ác tưởng mình vui thôi!
Đến khi nghiệp ác tới rồi
Người ta mới thấy cuộc đời khổ đau.
(Pháp Cú 120)
Khi mà nghiệp thiện chưa thành
Người làm điều thiện tưởng mình khổ thôi!
Đến khi nghiệp thiện tới rồi
Người ta mới thấy cuộc đời an vui.
Khi đã phân biệt được thiện và ác, khi đã cương quyết tránh xa không làm điều ác, thời chúng ta phải bước thêm một bước nữa. Tránh điều ác chưa đủ, cần phải làm điều

lành, cần phải hành động lành, dù là những điều lành nhỏ nhoi nhất. Kẻ trí sở dĩ toàn thiện là nhờ góp nhặt và thực hành điều thiện mỗi lần một ít.

Một người làm vườn mỗi ngày phải cung cấp hoa tươi cho nhà vua. Một hôm trên đường mang hoa đi đến cho vua thời anh bất chợt anh gặp Đức Phật đang cùng chư Tăng đi khất thực. Anh trông thấy cảnh trang nghiêm đó nên phát tâm dâng đến Đức Phật những cành hoa mà anh định mang vào cho vua. Anh làm như thế có thể nguy đến tính mạng anh. Trái với mọi dự đoán, vua rất thỏa thích được biết hành động trong sạch ấy và ban thưởng anh xứng đáng. Nhân cơ hội, Đức Phật giảng về quả lành của những hành động thiện:

(Pháp Cú 68)
Việc làm rất thiện, rất lành
Nếu làm xong thấy lòng mình thảnh thơi
Chẳng ăn năn, lại mừng vui
Tương lai quả báo đẹp tươi tốt lành.
Một khi đã làm lành, đã hành động thiện, thời quả lành sẽ chờ đợi chúng ta. Một người giàu có ở thành Ba La Nại, nhiều tâm đạo, đã làm nhiều điều lành. Ông bỏ tiền ra xây cất một ngôi đại tu viện tại vườn Lộc Uyển để dâng cúng Đức Phật. Cơ sở kiến trúc này thật đồ sộ. Cho nên ở trên một cảnh trời đã có nơi sẵn sàng để đón rước ông trong khi ông còn sống ở đây. Đức Phật dạy "Người thiện đi từ thế gian này đến thế gian kế được hành động thiện của mình đón rước như người thân thuộc từ phương xa trở về". Ngài giảng về hành động lành hiện tại và trạng thái an nhàn trong tương lai:

(Pháp Cú 219 - 220)
Hãy nhìn người khách ly hương
Lâu ngày an ổn từ phương xa về
Bà con cùng với bạn bè
Hân hoan chào đón tràn trề niềm vui,
Người làm lành cũng vậy thôi
Tạo ra nghiệp phước để rồi mất đâu
Qua đời này đến đời sau Bao nhiêu nghiệp phước khác nào người thân Đón mừng họ rất ân cần.

Khi đã làm lành, đã tạo các nghiệp hiền thiện, người ta có quyền thốt lên nỗi niềm sung sướng an vui khi nhìn thấy kết quả tốt của nghiệp thiện mà mình tạo ra. Một người từng có tâm đạo nhiệt thành và có đời sống đạo hạnh. Ông thường hay bố thí, lại hay dưng thực phẩm và cúng dường các vật dụng cần thiết cho chư Tăng. Các con ông tất cả đều giống tính cha, biết giữ gìn giới đức và chăm lo bố thí. Khi đang hấp hối trên giường, ông thỏa thích nhìn thấy những cảnh trạng hạnh phúc . Sau khi trút hơi thở cuối cùng một cách an vui người ấy tái sinh vào nhàn cảnh. Đức Phật dạy kẻ làm phước, làm thiện sẽ đươc an vui trong kiếp này và kiếp sau, suốt hai kiếp đều an vui:

(Pháp Cú 16)

Vui mừng ngay ở kiếp này
Kiếp sau cũng lại tràn đầy mừng vui:
Người làm điều thiện ở đời
Thấy chân hạnh phúc khắp nơi theo mình
Quay nhìn việc thiện tạo thành
Sướng vui dào dạt, an lành chứa chan.

Người làm điều thiện, điều phước được hạnh phúc trọn đời này và đời sau. Cả hai đời hạnh phúc vì đã tạo phước, và còn hạnh phúc hơn nữa khi kiếp sau được sinh vào cõi lành. Truyện tích kể về cái chết của con gái út của ông Cấp Cô Độc, vị đại thí chủ thời Đức Phật. Trong giờ lâm chung, cô con gái út đó gọi cha là "em" và chết một cách an lành. Ông cha lấy làm buồn nghe con mình, vốn có tâm đạo nhiệt thành, nói những lời mê sảng không có ý nghĩa trong giờ phút quan trọng như vậy. Khi ông bạch lại với Đức Phật thì Ngài giải thích rằng sở dĩ cô gái út của ông gọi ông bằng "em" là vì vào lúc sắp tái sinh cô đã chứng đắc quả vị cao hơn cha mình:

(Pháp Cú 18)
Đầy tràn vui sướng kiếp này
Sướng vui cũng lại tràn đầy kiếp sau:
Người làm nghiệp thiện vui sao
Nhủ lòng: "Mình tạo biết bao phước lành!"
Kiếp sau sẽ được tái sinh
Vào nơi hạnh phúc an bình chứa chan.

Muốn cho niềm an vui tồn tại lâu dài, muốn nuôi dưỡng thiện nghiệp, người trí cần hướng thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp về các việc lành. Người trí chẳng những lo kiểm soát Thân mà còn lo điều phục, bảo vệ Tâm và Ý nữa. Nhân có vài vị tăng sĩ mang guốc đi qua lại làm ồn ào Đức Phật liền ra lệnh cấm mang guốc và khuyên thêm là các thầy nên giữ gìn ba nghiệp là "Thân, Khẩu, Ý" cho thật trong sạch:

(Pháp Cú 234)
Những người trí, những kẻ hiền
Luôn lo kiểm soát, giữ gìn tấm thân
Lời ăn tiếng nói lo luôn
Lại lo cho ý, cho tâm của mình
Chăm lo ba nghiệp nhiệt tình.

Điều ác là những điều nào bắt nguồn từ ba căn bất thiện là tham, sân, và si. Những điều nào kết hợp với ba căn thiện là lòng quảng đại hay tâm bố thí (không tham), thiện ý hay tâm từ (không sân) và trí tuệ (không si) được xem là điều thiện, là việc tạo ra nghiệp thiện. Câu Pháp Cú sau đây nói rõ hơn con đường ấy, với một vài chi tiết:

(Pháp Cú 185)
Chớ nên phỉ báng một ai
Đừng gây tổn hại cho người xung quanh

Giữ gìn giới luật nghiêm minh
Uống ăn chừng mực cho thành thói quen
Lánh riêng sống chỗ tịnh yên
Chuyên tu thiền định, hướng miền thanh cao
Lời chư Phật dạy lành sao!

Chúng ta có thể nói, lời dạy đầu tiên của Đức Phật là chớ có làm điều ác. Đối với ác, đối với bất thiện, cần có một nhận định dứt khoát. Một chàng thanh niên mới cưới vợ lấy làm bất mãn với hạnh kiểm dâm ô ngoại tình của người vợ trẻ. Chàng lánh mặt không dám gặp ai. Cũng chẳng đi chùa. Một hôm vào ngày rằm anh đến tịnh xá Trúc Lâm. Khi chàng đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật, Ngài nhân cơ hội khuyên dạy luôn chúng Tăng:

(Pháp Cú 242)
Hư thân, mất nết, hạnh tà
Vết nhơ đối với đàn bà tính hoang,
Lòng người keo kiệt, tham lam
Vết nhơ của kẻ không ham cúng dường,
Nhưng riêng tội ác, bất lương
Luôn là một vết nhơ trong cõi này
Và luôn trong cõi tới đây.

Những người làm ác, người dùng vũ khí để hại người vô tội và không có gì để tự vệ, kẻ ác tâm đó không thể nào tránh được một trong các loại khổ sau đây đang chờ đợi họ:

(Pháp Cú 137 - 140)
Ai dùng gậy gộc, gươm đao
Hại người lương thiện, thoát nào đớn đau
Mười điều khổ não trước sau
Tự mình lại sẽ rước vào thân thôi:
"Một là thống khổ kinh người,
Hai là thương tích khắp nơi thân mình,
Ba là bệnh nặng thật tình,
Bốn là tán loạn, thần kinh rối bời,
Năm là tai họa trong đời
Vua, quan áp bức, hại thời tránh đâu,
Sáu là tội nặng ngập đầu
Bị người vu cáo dài lâu, phiền hà,
Bảy là quyến thuộc trong nhà
Bà con ly tán xót xa bội phần,
Tám là tài sản xa gần
Tiêu ma giây phút, nát tan sớm chiều,
Chín là sẽ bị hỏa thiêu

Cửa nhà cháy hết, tiêu điều tang thương,
Mười là chết khó tránh đường
Đọa vào địa ngục, diêm vương đón chờ".
Đức Phật dạy câu trên nhân cái chết của ngài Mục Kiền Liên. Ngài là đại đệ tử của Đức Phật. Bọn ngoại đạo lõa thể thuê bọn cướp giết người bao vây nơi trú ngụ của ngài định hãm hại ngài, ngài trốn thoát được. Chúng mưu hại lần thứ hai, ngài cũng thoát hiểm. Đến lần thứ ba ngài quán thấy trong tiền kiếp mình có phạm tội ác nay phải chịu nốt quả báo còn sót lại nên ngài không trốn tránh nữa. Ngài bị bọn cướp bắt, đánh đập tàn nhẫn và sau đó qua đời. Nhà vua truy

lùng bọn cướp, bắt được cả bọn, đem thiêu sống. Các vị Tỳ kheo tiếc thương, mới tới hỏi Đức Phật tại sao một người giới đức cao dày như Mục Kiền Liên mà lại chết thảm như thế. Đức Phật mới kể rằng: "Trong một tiền kiếp cha mẹ Mục Kiền Liên đều bị mù loà, sống nhờ con phụng dưỡng. Ngài thờ phụng cha mẹ rất hiếu thảo. Đến khi có vợ, ngài nghe lời nói xúi bẩy của vợ mới dẫn cha mẹ vào rừng đánh chết và dàn cảnh như là cướp giết chết. Vì tội ác đó Mục Kiền Liên phải sa vào địa ngục trong nhiều đời. Đến nay vào đời cuối cùng còn phải chết vào tay bọn cướp để đền tội ác."

Phật Giáo giảng dạy trách nhiệm của mỗi người đối với chính mình, và tính cách dĩ nhiên phải có, không thể lẩn tránh, của định luật nhân quả. Ta phải gặt hái hậu quả của nghiệp đã tạo. Nhưng không nhất thiết bắt buộc phải gặt hái tất cả hậu quả của tất cả những hành động trong vòng luân hồi. Nếu phải vậy ắt không thể có giải thoát, không thể thoát ra khỏi vòng sinh tử.

Nếu trước kia ta dù sống buông lung, phóng dật, nhưng về sau ta biết tỉnh giác chuyên cần, biết quét dọn sạch sẽ các vọng tưởng phiền não trong tâm thời vẫn được tán dương. Thầy Tỳ kheo nọ từ sáng đến chiều chỉ lo quét dọn trong chùa. Về sau, thực hành theo lời khuyên của một vị A La Hán, thầy chỉ quét dọn vào buổi sáng, rồi lên đường đi khất thực, trở về thọ trai xong là rút vào tịnh thất chuyên cần hành thiền nhập định. Sau đó thầy đắc quả A La Hán. Khi đề cập đến sự thay đổi thái độ của thầy, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 172)
Người nào trước sống buông lung
Sau không phóng dật, một lòng chuyên tu
Như trăng thoát khỏi mây mù
Sáng soi trần thế, đẹp phô ánh vàng.
Tiến xa hơn nữa nếu mà ta cố gắng tạo một nghiệp tốt thật mạnh thời đôi khi ta có thể ngăn chận được nghiệp xấu trổ quả. Nghiệp xấu đưa con người đến khổ cảnh, nhưng khổ cảnh không phải là địa ngục trường cửu mà chúng sinh bắt buộc phải ở trong đó một cách vĩnh viễn. Đến lúc trả xong nghiệp xấu, kẻ bất hạnh cũng có thể tái sinh vào một cảnh giới khác, an vui hạnh phúc, nhờ các thiện nghiệp đã tạo.

Truyện tích kể rằng anh chàng Vô Não bị các bạn đồng học ganh tị nên đặt điều nói xấu, vu oan là anh gian díu với vợ của thầy. Thầy lập mưu là sẽ truyền cho anh một bí

quyết huyền diệu, nhưng anh phải giết người. Vô Não đã giết nhiều nhân mạng để lấy ngón tay xâu lại thành chuỗi đeo ở cổ cho đủ một trăm ngón. Được Đức Phật cảm hóa. Về sau, không những anh trở thành một vị Tỳ kheo giàu lòng từ bi mà còn đắc quả A La Hán và nhập Niết Bàn sau khi viên tịch. Các vị Tỳ kheo khác muốn biết làm sao một kẻ sát nhân như vậy có thể đắc quả A La Hán. Để giải đáp, Đức Phật nói:

(Pháp Cú 173)
Người nào làm những việc lành
Xóa mờ nghiệp ác của mình thuở xưa
Như trăng thoát khỏi mây mù
Sáng soi trần thế, đẹp phô ánh vàng.
-ooOoo-

LUÂN HỒI

Từ xưa đến nay người ta thường thắc mắc về vấn đề mất còn, sống chết. Có hai thuyết làm cho người ta chú ý đến nhiều nhất. Một thuyết cho rằng loài người cũng như loài vật, một lần chết là mất hẳn, không còn gì tồn tại sau đó nữa. Một thuyết cho rằng loài người chết đi, nhưng linh hồn vẫn vĩnh viễn còn lại, được lên thiên đàng hay bị xuống địa ngục.

Cả hai thuyết trên đều không đúng với sự thật. Chết rồi, không thể là hoàn toàn mất hẳn được, vì ở đời này, không có vật gì là mất hẳn. Cho đến một hạt cát, một mảy lông cũng không thể mất hẳn, huống là

cái thân con người. Nhưng bảo rằng linh hồn thường còn, ở mãi trên thiên đàng hay dưới địa ngục cũng không đúng. Trong vũ trụ không có một cái gì có thể vĩnh viễn ở yên một chỗ, mà trái lại, luôn luôn biến đổi và xê dịch. Vả lại, có gì bất công hơn là chỉ vì những cái nhân đã gieo trong một đời hiện tại ngắn ngủi, mà phải chịu cái quả vĩnh viễn tốt hay xấu trong tương lai? Hai thuyết trên này đều bị Đạo Phật bác bỏ.

Theo giáo lý Đạo Phật thì chúng sinh không phải đoạn diệt, cũng không phải thường còn, mà quay lộn trong cảnh sinh tử "luân hồi". Luân hồi theo chữ Hán thì "luân" là bánh xe, "hồi" là trở lại. Hình ảnh bánh xe quay tròn trở lại dùng để hình dung sự xoay chuyển của mỗi chúng sinh trong sáu cõi. Khi đầu thai ở cõi này, khi ở cõi khác. Tử sinh, sinh tử tiếp nối không ngừng, như bánh xe quay lăn. Khi đã công nhận luật nhân quả, thì chúng ta cũng không thể phủ nhận sự luân hồi, vì luân hồi chẳng qua là nhân quả liên tục. Bánh xe luân hồi quay tròn. Trên vòng tròn ấy, không có điểm khởi đầu cũng không có điểm kết thúc. Bánh xe ấy cứ quay mãi trong vòng trầm luân của sinh tử khổ đau cho đến khi nào con người tu tập và đạt đến sự giải thoát tối thượng.

Vua Ba Tư Nặc một hôm ra khỏi thành bất ngờ thấy một thiếu phụ rất xinh đẹp. Bà này đã có chồng. Muốn chiếm đoạt bà nên vua tìm cách hãm hại người chồng, sai người chồng đi làm một công chuyện khó khăn ở nơi thật xa, nếu không thành công sẽ bị trừng phạt. Suốt đêm hôm đó vua không ngủ được, bên tai cứ nghe văng vẳng tiếng kêu than của người từ dưới địa ngục. Vua đến hầu Phật và bạch rằng vua cảm thấy

đêm dài vô tận. Người chồng cũng trình với Đức Phật rằng một dặm đường thật quá dài. Đức Phật đúc kết hai câu chuyện và thêm rằng đối với người không biết giáo pháp, vòng luân hồi mới quả thật là xa xôi diệu vợi:

(Pháp Cú 60)
Người mất ngủ thấy đêm dài
Bộ hành mỏi mệt than hoài đường xa
Luân hồi cũng vậy thôi mà
Chập chùng tiếp nối thật là tái tê
Với người ngu dại, u mê
Biết gì chánh pháp, hiểu chi đạo mầu.
Con người nào hay ngoài nỗi cơ cực của kiếp người, còn có đời sống siêu thoát, đời sống an lành. Đó là đời sống của người hiểu "chân diệu pháp". Không hiểu "chân diệu pháp" con người sẽ khổ đau mãi mãi trong kiếp luân hồi. Chân diệu pháp chính là Phật pháp. Trong vũ trụ tất cả sự vật, từ vật nhỏ như hạt bụi, đến lớn như quả địa cầu, không vật nào chẳng luân hồi:

1. Đất luân hồi: Đất làm thành bình hoa. Một thời gian bình bị bể và lại thành đất. Đất này lại làm thức ăn cho cây cỏ. Cây cỏ tàn rụi trở thành phân bón cho cây khác, hoặc làm thực phẩm cho động vật. Động vật ăn cây cỏ này vào, hoặc bài tiết ngay ra ngoài để thành phân, thành đất, hoặc biến thành máu huyết, da thịt để một ngày kia thân thể động vật già yếu, sẽ tan rã thành đất lại. Bao nhiêu lần thay hình đổi dạng đất lại trở thành đất sau một vòng luân chuyển.

2. Nước luân hồi: Nước bị sức nóng mặt trời bốc thành hơi. Hơi bay lên không gặp lạnh biến thành mây. Mây tụ lại rơi xuống thành mưa. Mưa chảy xuống ao hồ thành nước lại. Hoặc nước mưa gặp hơi lạnh quá, đọng lại thành băng giá. Băng giá gặp hơi nóng mặt trời tan ra lại thành nước.

3. Gió luân hồi: Gió là sự luân chuyển của không khí. Không khí bị sức nóng mặt trời bốc cháy, giãn ra, bốc lên cao làm thành những khoảng trống. Để bù vào những khoảng trống ấy, không khí ở các n MỜẬ

- A Tu La (một loại thần nóng nảy giữ tợn): nếu tạo nhân trong trường hợp gặp việc nhân nghĩa thì làm, gặp việc sai quấy cũng không tránh, vừa cương trực, mà cũng vừa độc ác. Tạo nhân như vậy, kết quả sẽ gặp vui sướng cũng có, mà buồn khổ cũng nhiều.

- Người (nhân): Tu theo "ngũ giới" thì đời sau trở lại làm người, cao quý hơn muôn vật.

- Trời (thiên): Bỏ "mười điều ác" tu theo "thập thiện" thì sau khi chết, được sinh lên cõi trời. Nhưng nên nhớ cõi trời nầy cũng còn ở trong vòng phàm tục, chịu cảnh sinh tử, luân hồi.

- Muốn thoát ra ngoài cảnh giới sinh tử luân hồi thì phải tu nhân giải thoát.

Ngày kia Đại đức Xá Lợi Phất vô tình chạm nhằm vành tai của một tăng sĩ vốn đã có lòng ganh tị với thầy. Tăng sĩ này đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Khi được hỏi

đến, thầy Xá Lợi Phất không tự bào chữa mà chỉ mô tả lại đời sống khiêm tốn của thầy từ lúc xuất gia. Tăng sĩ kia nghe xong lấy làm ăn năn hối hận, xin sám hối với thầy và thầy cũng vậy, xin sám hối trở lại, nếu thầy có làm điều chi lỗi lầm, phạm đến tăng sĩ. Nhân đó Đức Phật ca ngợi Đại đức Xá Lợi Phất, ví thầy như đất, im lìm, trầm lặng không hề xao xuyến:

(Pháp Cú 95)
Bao sân hận chẳng vương mang
Tâm như một cõi đất bằng phẳng kia
Và như trụ đá kiên trì
Như hồ trong lắng không hề bùn nhơ
Người như vậy chẳng bao giờ
Luân hồi sinh tử diễn ra được nào.

Một ông cha vợ đã đến tuổi già mà chưa làm được việc thiện nào. Chú rể thỉnh Đức Phật và chúng Tăng về nhà để cúng dường thay cha vợ. Đức Phật dạy cụ già:

(Pháp Cú 238)
Hãy lo tự tạo cho mình
Một hòn đảo để tu hành bình an
Tinh cần, trí tuệ, khôn ngoan
Gột đi dục vọng, phá tan não phiền
Sẽ không quay trở về miền
Quẩn quanh sinh lão, triền miên luân hồi.

La Hầu La là một Sa di trẻ tuổi, đã đắc quả A La Hán, nằm ngủ trước hương thất của Đức Phật. Ma vương đến, cố ý làm cho thầy sợ hãi. Đức Phật nhận thấy và tuyên bố rằng người này đã đạt đến mức toàn thiện, không còn lo sợ, không còn ô nhiễm, xa lìa ái dục, tiêu trừ hết mọi gai chướng của đời sống trần tục, thì chỉ còn thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sinh diệt trong vòng luân hồi nữa:

(Pháp Cú 351)
Mục tiêu ai đạt tới nơi
Không còn sợ hãi. Xa rời nhiễm ô
Xa lìa ái dục êm ru
Cắt đi gai chướng nhỏ to trong đời
Mũi tên sinh tử nhổ rồi
Thân này là cuối, luân hồi còn đâu.

Đức Phật dạy thêm rằng người không còn ái dục, không còn luyến tiếc, bỏ hết mọi ham muốn các thú vui vật chất thấp hèn, dẹp bỏ mọi thành kiến, mọi tà kiến, thông suốt ý nghĩa trong kinh điển giáo lý, là bậc trí tuệ uyên thâm, là bậc vĩ nhân. Họ là người mang thể xác cuối cùng và không còn tiếp tục sinh diệt trong vòng luân hồi nữa:

(Pháp Cú 352)
Xa lìa ái dục tầm thường

Không còn luyến tiếc vấn vương bận lòng
Bao nhiêu giáo pháp tinh thông
Lời văn, ý nghĩa vô cùng hiểu sâu
Là người trí tuệ hàng đầu
Vĩ nhân đáng kính, còn đâu luân hồi,
Thân này là cuối cùng rồi.

Thầy Xá Lợi Phất một hôm dẫn năm trăm vị Tỳ kheo đi khất thực và đến trước nhà mẹ thầy. Bà mẹ mời mọi người vào nhà và dọn thức ăn. Nhân dịp này bà mẹ già nặng lời quở mắng thầy vì thầy bỏ nhà đi tu, nhưng thầy nhẫn nại chịu đựng. Khi nghe thuật lại hạnh nhẫn nhục này, Đức Phật ngợi khen vị đệ tử mình là đã làm tròn nhiệm vụ, thận trọng tự khép mình vào khuôn khổ khắt khe của đời sống đạo hạnh, sẽ mang xác thân này lần cuối cùng bởi vì đã tận diệt mọi dục vọng, sẽ không còn tái sinh nữa:

(Pháp Cú 400)
Ai không nóng giận với người
Chu toàn bổn phận, sống đời trang nghiêm
Không tham ái, biết tự kiềm
Xác thân hiện tại trở nên cuối cùng
Luân hồi sinh tử chẳng còn
Bà La Môn gọi tên không sai gì.

Người nọ có biệt tài biết được một người chết rồi sẽ tái sinh đi đâu khi gõ nhẹ vào cái sọ của người chết. Ngày kia ông đến nơi Phật ngự. Đức Phật đưa ra năm cái sọ. Ông nói đúng tất cả mọi trường hợp, ngoại trừ trường hợp cái sọ của một vị A La Hán đã viên tịch. Ông không thể biết được vị ấy đi về đâu. Ông bạch hỏi Đức Phật ông phải làm thế nào để biết. Đức Phật nói nếu ông xuất gia Ngài sẽ chỉ dạy. Vì muốn biết, ông nọ xin thọ lễ xuất gia và sớm đắc quả A La Hán. Đức Phật dạy rằng dù biết được nơi thác sinh của kẻ khác cũng chưa đủ, phải tu tập thêm để chứng quả A La Hán, chứng được vô sinh thời mới hết bị vướng vào vòng luẩn quẩn khổ đau của luân hồi. Khi đó thời không còn ai hay biết được nơi thọ sinh của mình nữa vì mình đâu còn tái sinh:

(Pháp Cú 420)
Ai mà sau lúc qua đời
Dù chư thiên hoặc loài người khắp nơi
Hay chúng sinh ở cõi trời
Không hay biết họ về nơi chốn nào,
Họ là bậc đáng tự hào
Nhiễm ô, dục vọng diệt bao lâu rồi
Chẳng còn sinh tử luân hồi
Bà La Môn xứng tên người biết bao!

Cần lưu ý là khi chết rồi, một chúng sinh ở cảnh giới này, có thể đầu thai qua cảnh giới khác, chứ không phải chỉ có người mới đầu thai làm người mà thôi. Những loài thú có tâm trạng gần giống người, có thể đầu thai làm người được, cũng như những người, có

tâm trạng lang sói, sẽ trở thành lang sói. Người ta thường có quan niệm sai lầm rằng, người có linh hồn người, thú vật có linh hồn thú vật và linh hồn người hay linh hồn thú vật đều bất biến, dù chết hay sống. Vì suy nghĩ như thế, nên người ta không thể công nhận rằng: chết rồi, linh hồn người trở lại chui vào thân hình chó, mèo chẳng hạn, và hồn chó mèo lại có thể vào nằm trong lốt thân hình con người.

Thật ra, nghiệp không phải là linh hồn, mà là một năng lực có nhuốm tính chất những hành động của mỗi chúng sinh. Vì tính chất riêng biệt ấy, mà "nghiệp lực" nhập vào một hình thức này hay một hình thức khác, do cái luật hấp dẫn (đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu). Thay vì nói người trở thành thú, hay trái lại, thú kia trở thành người, đúng hơn, nên nói "nghiệp lực phát hiện dưới hình thể người hay dưới hình thể thú".

Với giáo lý luân hồi, chúng ta phấn khởi mà tin rằng chết rồi không thể mất hẳn. Nhưng nếu chúng ta không biết vun trồng cội phúc, không cố gắng sống một đời sống có đạo đức, thì đời sau, chúng ta sẽ sinh vào cảnh giới xấu xa đen tối. Giáo lý luân hồi làm cho chúng ta thêm lòng tự tín, tự thấy mình là chủ nhân của đời mình, mình tạo nghiệp nhân gì, thì mình chịu nghiệp quả ấy, chứ không ai cầm cân thưởng phạt, ban phước, giáng họa cho mình cả.

Nay chúng ta đã hiểu ý nghĩa và giá trị của giáo lý luân hồi, chúng ta nên cố gắng cải tạo tư tưởng, lời nói là hành vi của chúng ta, để tránh cho kiếp sau khỏi lâm vào cảnh giới đau khổ. Một khi các nhân ác đã được rửa sạch, những quả lành đầy đủ, các nghiệp hữu lậu không còn, lúc bấy giờ chúng ta có thể thoát ra khỏi luân hồi sinh tử và đạt đến cảnh giới tốt đẹp, bất sinh bất diệt của các vị A La Hán và Phật.

Sống và chết cũng như thức và ngủ, vậy thôi. Chúng ta không nên quan tâm quá đáng về cái chết, vì ai cũng chết. Điều đáng quan tâm hơn là sống và sống như thế nào để lúc chết được bình an. Vì lẽ đó, đối với Phật tử chúng ta cần phải sống giữ tâm linh trong sạch, đừng làm điều gì gây khổ đau cho chính mình và cho kẻ khác, nhất là phải luôn luôn ý thức rằng cuộc đời là vô thường. Nên quan niệm rằng "trần gian này là chiếc cầu, hãy đi qua nó chứ đừng xây nhà trên nó". Cho đến khi nào tâm được trong sạch, thanh bình, không còn luyến tiếc, không còn bám víu vào bất cứ một điều gì, thì khi đó sự chết của chúng ta như “lên thuyền sang sông", giải thoát mọi khổ đau và thanh thản lìa đời trong sự bình an phúc lạc.

Một chàng thanh niên con nhà giàu có đem lòng thương một cô gái làm nghề diễn viên nhào lộn khi thấy cô này biểu diễn rất khéo léo và duyên dáng. Muốn cưới nàng làm vợ chàng phải rời nhà ra đi theo đoàn hát xiếc. Về sau này chính chàng cũng luyện tập để trở thành một nhà leo dây nhào lộn. Một hôm chàng đang biểu diễn tài nghệ của mình và đang được dân chúng tán thưởng thời đoàn khất sĩ của Đức Phật đi đến. Mọi người tranh nhau tới đảnh lễ Đức Phật, chẳng ai màng nhìn tiếp trò nhào lộn.

Chàng nghe Đức Phật dạy bên dưới "Chớ tham luyến vào thân tâm năm uẩn, hãy mau mau tìm lối thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, đừng luyến ái dĩ vãng, hiện tại, hay tương lai. Hãy vượt qua bờ bên kia của kiếp nhân sinh trần tục với tâm giải thoát, để khỏi

chịu cảnh tử sinh luân hồi trở lại với mình". Chàng chợt thức tỉnh. Sau khi rời đoàn hát chàng xin thọ giới Tỳ kheo, chẳng bao lâu chứng được quả vị A La Hán. Chàng vẫn không quên lời Phật dạy:

(Pháp Cú 348)
Mặc cho quá khứ trôi đi
Níu chi hiện tại, chờ gì tương lai
Rời mau bến thảm cuộc đời
Vượt qua bờ nọ là nơi tuyệt vời
Khi tâm đã giải thoát rồi
Đâu còn sinh lão nổi trôi xoay vần.
Liền sau khi thành đạo tại cội bồ đề, một trong những tuyên ngôn đầu tiên của Đức Phật đã được cất lên giữa dòng đời với nội dung giải thoát vòng luân hồi trầm luân. Khải hoàn ca đó đã được ghi lại trong kinh tạng như sau:

(Pháp Cú 153 - 154)
Lang thang khắp nẻo luân hồi
Qua bao tiền kiếp nổi trôi ta bà
Tìm không gặp kẻ làm nhà
Chuyên gây cuộc sống diễn ra rối bời,
Nay ta bắt gặp ngươi rồi
Kẻ làm nhà hỡi, ngừng thôi đừng làm!
Rui mè ngươi đã gãy ngang
Rui mè dục vọng tan hoang đã đành,
Cột kèo ngươi cũng tan tành
Cột kèo tăm tối vô minh hại người! Niết Bàn ta chứng đắc rồi Bao nhiêu tham ái dứt nơi tâm này.

Ở đây, Đức Phật xác nhận cuộc đi thênh thang bất định trong nhiều kiếp sống quá khứ đầy đau khổ, một sự kiện hiển nhiên chứng minh có nhiều kiếp tái sinh. Ngài phải đi bất định, và do đó, phải chịu khổ đau, phải lang thang mãi cho đến ngày tìm ra được "kiến trúc sư" đã xây dựng cái nhà này, tức thể xác này. Trong kiếp cuối cùng, giữa khung cảnh cô đơn tịch mịch của rừng thiêng, lúc đi sâu vào công trình thiền định mà Ngài đã dày công trau giồi từ xa xôi trong quá khứ, trải qua cuộc hành trình bất định, Ngài khám phá ra kẻ làm nhà hằng mong mỏi muốn biết.

Kẻ làm nhà này là nguyên nhân luân hồi. Kẻ làm nhà này không ở ngoài, mà ở sâu kín bên trong Ngài, khiến Ngài bị tái sinh mãi để mang cái thân xác này. Đó là dục vọng, ái dục, sự tự tạo, một thành phần tinh thần luôn luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi người. Dục vọng xuất phát bằng cách nào thì không thể biết. Cái gì ta tạo ra, ta có thể tiêu diệt. Tìm ra kẻ làm nhà tức tận diệt dục vọng, trong lúc đắc quả A La Hán, mà trong bài kệ này, ý nghĩa bao hàm trong thành ngữ chấm dứt dục vọng.

Rui mè, hay cái sườn nhà, của căn nhà tự tạo này là những ô nhiễm như tham, sân, si, tự phụ, tà kiến, hoài nghi, mê muội, phóng dật, biếng nhác. Cột kèo hay cây đòn dông chịu đựng cái sườn nhà là vô minh tăm tối, căn nguyên xuất phát của mọi dục vọng. Phá vỡ cột kèo vô minh bằng trí tuệ tức là làm sập căn nhà. Rui mè và cột kèo là vật liệu mà kẻ làm nhà dùng để cất nhà, cái nhà không đáng cho ta ham muốn. Vậy, khi hết vật liệu xây cất, tức nhiên anh thợ không còn dựng nhà được nữa. Khi cái nhà đã bị phá tan tành thì cái tâm đã thành đạt trạng thái vô lậu, vô sinh, bất diệt, là Niết Bàn. Tất cả cái gì còn tại thế đều phải bị bỏ lại phía sau và chỉ có trạng thái siêu thế, Niết Bàn, sẽ tồn tại.

-ooOoo-

TAM ĐỘC: THAM, SÂN, SI

THAM

"Tham" là tham lam. Ham muốn thái quá. Đắm say, thích thú muốn có nhiều những thứ mình ưa thích như tiền tài, sắc đẹp, danh vọng v.v... Lòng ham đó chẳng hề biết chán, càng được thời càng ham. Tham cho mình, rồi tham cho cả bà con quyến thuộc, quốc gia, xã hội của mình. Cũng vì lòng tham, mà nhân loại tranh giành giết hại lẫn nhau. Kẻ tham hay ghen ghét những người thành tựu.

Nếu có tâm tham thời phải "tu tâm" ngay, phải tập tính "thiểu dục tri túc". Thiểu dục là muốn ít, tri túc là biết đủ. Người thiểu dục, tri túc thì có một đời sống giản dị, thanh cao và an toàn vì biết đủ với những thứ mình đã có. Bỏ dần lòng tham đi để đạt tới được “vô tham". Vô tham là không tham lam.

Ở đời, có năm món dục lạc, mà người ta thường ham muốn nhất là: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. “Ngũ trần dục lạc" ấy, thật ra, vui ít mà khổ nhiều. Tham tiền thời phải đày đọa thân sống, đôi khi còn dùng những phương tiện bất chính để chiếm đoạt và khi mất thì lại đau khổ. Đối với sắc đẹp nên quán thân là bất tịnh, tham sắc thì nhiều khi lại lao vào những mưu chước tồi tệ để thỏa lòng dục vọng. Tham danh vọng, quyền tước thì phải vào lòn ra cúi, lao tâm khổ trí. Tham ăn uống cao lương mỹ vị thì bị nhiều bệnh khó trị, thân thể mệt nhọc, mạng sống không thọ. Tham ngủ nghỉ thì trí não hóa đần độn. Ngũ trần dục lạc đó chính là những nguyên nhân ràng buộc kiếp người vào vòng sinh tử, luân hồi, sa đọa.

Truyện tích kể rằng một phú gia không con, chết đi, bỏ lại tất cả tài sản sự nghiệp lớn lao. Vua truyền lệnh cho nhập gia sản của ông vào quốc khố và đến hầu Đức Phật. Vua bạch lại tự sự với Đức Phật và ghi nhận rằng mặc dầu nhà phú gia này ở gần nơi Đức Phật ngự, không bao giờ ông để bát cúng dường Ngài. Nhân cơ hội này Đức Phật kể thêm về tiền kiếp của phú gia là đã từng làm việc thiện bằng cách cúng dường một vị Bích Chi Phật nhưng lại tiếc của đem cúng và còn phạm một tội ác là giết cháu ruột để giành gia tài của anh mình. Đức Phật nhân đó dạy rằng:

(Pháp Cú 355)
Giàu sang, tài sản dồi dào

Chỉ làm hại được kẻ nào ngu thôi,
Dễ gì hại được những người
Đang cầu giác ngộ hướng nơi Niết Bàn,
Chỉ vì ham muốn giàu sang
Kẻ ngu tự hại bản thân đã đành
Hại thêm cả kẻ xung quanh.

Đức Phật ngợi khen người không tham lam và khuyên mọi người nên cúng dường các vị đó. Nhưng khi bố thí nên suy xét kỹ càng. Làm vậy sẽ tương tự như nếu đem hạt giống mà gieo trên đất lành, đất màu mỡ thời hạt mới đơm hoa, kết trái sum suê. Nếu gặp người thọ thí có đức hạnh mà bố thí sẽ được phước báu nhiều. Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy tham như cỏ hoang làm hại ruộng nương, đây là làm hại "đất tâm" của người tu hành và trị tham chẳng gì hơn là việc bố thí:

(Pháp Cú 356)
Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Tham lam gây hại nhiều hơn cho người,
Tham lam ai đã lìa rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người không tham muốn thì được thành tựu những điều tốt đẹp sau đây: Ba nghiệp thân, khẩu, ý được tự tại, của cải không bị mất mát, hưởng phúc đức và những sự tốt đẹp sẽ đến với mình, mặc dù mình không mong ước.

Đức Phật còn dạy là đừng để tham và sân, đừng để tội lỗi lôi mình vào cảnh khổ. Tội lỗi ở đây nghịch nghĩa với chánh hạnh, là không theo giáo pháp, trong câu sau này có nghĩa là sân hận. Căn nguyên của điều ác là tham lam và sân hận:

(Pháp Cú 248)
Các ngươi nên biết rõ rằng
Dễ gì chế ngự việc làm ác đâu
Tham lam, tội lỗi hố sâu
Kéo ta xuống chốn khổ đau đời đời.

SÂN

"Sân" là cơn giận, lòng giận dữ, nóng nảy, thù hận khi không vừa lòng, không được thỏa thích như ý muốn. Bất bình vì bị xúc phạm, nhân đó làm những chuyện sai trái. Sau cơn giận thời giữ lại lòng oán ghét tìm dịp mà trả thù.

Sở dĩ sân sinh khởi là do lòng yêu thích "cái ta" hay thích "cái của ta". Nếu người ta mắng nhiếc, chê bai kẻ nào khác thời ta không thấy giận, nhưng nếu ai chửi bới hoặc khiển trách ta hay người thân của ta, hoặc làm tổn hại tài sản của ta lập tức ta cảm thấy khó chịu ngay. Khi khó chịu tăng dần thời sẽ trở thành nóng giận. Nhưng nên nhớ

rằng trên đời này không ai tránh khỏi bị khiển trách, bị chê bai, khó tránh khỏi miệng thế gian như Đức Phật đã từng đưa nhận xét:

(Pháp Cú 227)
Người con Phật hãy nghe đây
Chuyện không phải chỉ đời này mà thôi
Từ đời xưa đã nói rồi:
"Làm thinh thời sẽ có người chê bai,
Nói nhiều cũng bị chê hoài,
Dù cho nói ít cũng người chê thôi". Làm người không bị chê cười Thực là chuyện khó ở nơi cõi trần.

Trong quá khứ, trong tương lai và trong hiện tại chưa hề có người nào bị tất cả mọi người chê bai hay được tất cả mọi người khen ngợi, đúng như lời Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 228)
Ở đời toàn bị chê bai
Hay toàn nghe tiếng người ngoài khen ta
Từ xưa chẳng thấy xảy ra,
Tìm trong hiện tại thật là khó sao,
Tương lai cũng chẳng có nào.
Nhưng vì bị chê bai mà nổi sân thời tai hại vô cùng vì lúc nóng giận thì con người không còn đủ bình tĩnh để tự kiểm soát hành vi và ngôn ngữ của mình. Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Một niệm lòng sân hận nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra.” Và: "Một đốm lửa sân, có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức.” Đức Phật khuyên: "Hãy từ bỏ nóng giận thì phiền não sẽ không đến với các ngươi.”

Phải tu tâm để đạt tới “vô sân". Vô sân là không nóng nảy, hết giận hờn. Chúng sinh bị qua nhiều kiếp sinh tử luân hồi chính vì không thắng nổi lòng sân. Chư Phật được tự tại, giải thoát, là do dứt trừ được lòng sân tận gốc. Điều khó nhất là diệt trừ phẫn nộ ngay từ trong tâm. Khi tâm chúng ta không còn nghĩ đến giận hờn thì tự nhiên cơn phẫn nộ sẽ không bộc phát. Trong khi đốn cây để cất tịnh thất cho mình, thầy Tỳ kheo nọ vô tình làm tổn hại đến cái chồi non của một vị thần cây. Vị này nổi giận, muốn giết thầy nhưng kịp nghĩ suy nên kiềm chế được cơn sân hận của mình đang phát sinh. Đức Phật tán dương vị thần và dạy:

(Pháp Cú 222)
Khi cơn giận dữ bùng ra
Ai mà ngăn được mới là người hay
Giỏi như hãm lại được ngay
Chiếc xe đang chạy chở đầy, phóng nhanh,
Nếu không thì bản thân mình
Cầm cương hờ hững tài tình gì đâu.

Đại đức Mục Kiền Liên hỏi thăm nhiều vị Trời nhờ công đức gì mà được tái sinh vào cảnh trời. Các vị này kể ra những hành động xem ra có vẻ không quan trọng lắm như chân thật, nhẫn nại và bố thí v.v... Khi ngài Mục Kiền Liên bạch hỏi Đức Phật vậy những hành động tuy nhỏ nhưng tốt lành có thể nào dẫn đến các cõi trời không, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 224)
Nói lời chân thật luôn luôn,
Dẹp cơn nóng giận dỗi hờn khó coi,
Dù ta có ít của thôi
Cũng chia bố thí cho người đến xin,
Nhờ ba việc tốt lành trên
Đưa ta đến cõi chư thiên, cõi trời.
Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy rằng cỏ dại làm hại ruộng vườn thời lòng sân hận cũng làm hại loài người. Vì vậy người nào diệt hết lòng sân hận thì người đó đáng được ngưỡng vọng và khâm phục:

(Pháp Cú 357) Cỏ hoang làm hại ruộng vườn Lòng sân gây hại nhiều hơn cho người,

Ai lìa sân hận được rồi Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng Hưởng về phước báu vô vàn.

Voi là một con vật quan trọng hàng đầu trong số những thú vật được con người huấn luyện để sử dụng. Giống như voi với sức mạnh có thể bứng gốc một thân cây, quấn vòi quanh thân cây ấy để mang đi dễ dàng, Đức Phật dạy rằng con người cũng có thể tạo cho mình tiềm lực vật chất, nghị lực tinh thần, lòng kiên nhẫn và sức mạnh, chẳng khác một con voi thuần thục. Luyện được lòng nhẫn nhục mới là khó:

(Pháp Cú 321)
Luyện voi dự hội, tài thay
Luyện voi vua cưỡi cũng hay vô cùng,
Nhưng mà nếu luyện được lòng
Luôn luôn nhẫn nhục, chẳng còn nổi sân
Khi nghe phỉ báng bản thân
Mới là điêu luyện, muôn phần tài hơn.
Đức Phật dạy rằng tự chế ngự được mình mới là điều rất quý và người chịu cố gắng, đủ nhẫn nại để tự huấn luyện mình thời cũng sẽ được hưởng kết quả tốt lành như người đã khéo huấn luyện các con thú vật như la, ngựa và voi. Con người thuần thục, giới đức trang nghiêm là hơn tất cả:

(Pháp Cú 322)
Con la được huấn luyện qua
Trở nên thuần tánh, tỏ ra tốt lành,
Ngựa nòi sinh chốn sông xanh

Sau khi huấn luyện, trở thành ngựa hay,
Voi ngà to lớn quý thay
Sau khi huấn luyện voi này tuyệt luân,
Con người nếu chính bản thân
Tự mình thuần hóa được luôn chính mình
Mới là người thật tài tình!

Đức Phật khuyên chúng sinh hãy từ bỏ cả tham lẫn sân. Ngài ví một chiếc thuyền như thể xác, như tấm thân con người do năm uẩn tạm hợp. Thân này sẽ tan rã vì vô thường, nên xét kỹ thời thấy nó quả thật trống không. Nước trong thuyền là những tư tưởng xấu cần diệt trừ. Tát cho khô nước tức là dập tắt ngay lửa tham sân. Khi thuyền khô cạn nước thời thuyền trở nên nhẹ nhàng để mau chóng qua bờ. Thân tâm dẹp sạch tham dục và sân hận thời trở nên thanh tịnh, đó là điều kiện tốt để sớm chứng được cảnh Niết Bàn:

(Pháp Cú 369)
Tỳ Kheo tát nước thuyền này
Thuyền không nhẹ nhõm xuôi ngay theo dòng,
Tham và sân trừ diệt xong
Thân này cũng nhẹ thoát vòng nhiễm ô
Niết Bàn mau chóng qua bờ.

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo” người nào không nổi sân, thì tâm không khổ não, tâm không tranh giành, tâm nhu hòa ngay thẳng, tâm từ bi như Phật, thường làm lợi ích yên ổn cho các chúng sinh, thân tướng trang nghiêm được chúng sinh tôn kính và vì có đức nhẫn nhục nên sẽ được mau sinh lên cõi Phạm Thiên.

SI

"Si" là si mê, vô minh, ngu tối. Người vô minh không sáng suốt, không suy xét hiểu biết đúng lẽ phải, đúng sự thật để phán đoán việc hay dở, tốt xấu, lợi hại v.v... nên mới làm những điều nhiễm ô tội lỗi,

có hại cho mình và người. Si, vô minh theo thế tục gọi là "dại" hay "ngu". Vô minh che lấp tâm trí, làm cho con người không còn nhìn thấy được những chất bợn nhơ đang gậm nhấm từ bên trong con người khiến các thói hư tật xấu ấy sẽ tăng dần và cuối cùng đưa con người vào con đường tội lỗi triền miên. Đức Phật dạy rằng vô minh là điều ô trược tệ hại nhất. Hãy dứt bỏ vô minh để trở thành người trong sạch

Hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên bạch với Đức Phật rằng họ không thể thuyết phục được ông thầy của họ trước kia đến gặp Đức Phật và nghe giáo pháp vì vị này còn quá luyến ái tín đồ riêng. Nhân dịp này Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa người suy luận chân chính với người suy luận sai lầm và hậu quả dĩ nhiên của mỗi lối suy luận:

(Pháp Cú 11)
Những gì không thật, hão huyền
Lại cho là thật và tin vô bờ,

Những gì chân thật lại ngờ
Lại cho không thật, chỉ là giả thôi,
Nghĩ suy lầm lạc mất rồi
Thấy sao chân thật rạng nơi pháp mầu.
(Pháp Cú 12)
Biết đây là thật để tin
Biết kia không thật, hão huyền mà thôi
Nghĩ suy theo đúng đường rồi
Thấy ngay chân thật rạng nơi pháp mầu.
Với hai câu Pháp Cú kể trên, chúng ta đã thấy vai trò chủ yếu của vô minh và tà kiến trong các nguồn gốc phát sinh các hành vi bất thiện. Như vậy chúng ta cũng không lạ gì khi Đức Phật khuyên chúng ta

trời. Ngài Xá Lợi Phất đem cháu đến hầu Phật và Đức Phật chỉ dạy, hướng dẫn người cháu về con đường chân chính nên theo:

(Pháp Cú 107)
Trăm năm ở tại rừng sâu
Dốc lòng thờ lửa cũng đâu sánh bằng
Chỉ trong giây lát cúng dường
Những người đạo hạnh một đường chân tu
Thật là công đức vô bờ
Hơn là thờ lửa mê mờ trăm năm.
Đức Phật cũng dạy rằng kính lễ một vị đắc quả thánh, một bậc chánh hạnh, dù chỉ là trong giây lát cũng đem lại công đức và thập phần quý hơn là cúng dường lễ vật hoặc vật thực đến người phàm tục. Một người bạn của ngài Xá Lợi Phất hằng năm tiêu phí rất nhiều tiền để giết thú tế thần và mở hội bố thí rộng rãi. Đức Phật thuyết phục ông ta trở về lối cúng dường chân chính:

(Pháp Cú 108)
Suốt năm bố thí, cúng dường
Để cầu phước báu chẳng bằng so ra
Phần tư công đức của ta
Khi ta kính lễ những nhà chân tu
Thanh cao, chính trực vô bờ.
Thường thời không sợ "tham" và "sân" nổi lên, mà chỉ sợ mình tự giác ngộ chậm, chỉ sợ mình si mê, vô minh mà thôi. Nếu "tham" và "sân" nổi lên, mà ta sáng suốt phán đoán kịp thời, không có si mê, thì tham sân kia cũng chẳng làm gì được. Người học Phật phải dẹp trừ lòng si mê của mình, lúc nào cũng phải sáng suốt đối với tất cả mọi việc, phải tu tâm để đạt được “vô si". Vô si là không mờ ám, không si mê. Đối với tất cả mọi việc, lúc nào cũng có trí tuệ sáng suốt, suy xét, phán đoán việc tà chính, hay dở, phải trái v.v... Do đó, việc làm mới chính đáng, tránh khỏi những điều tai hại, vừa lợi ích cho

mình và vừa lợi ích cho người, ở hiện tại cũng như ở tương lai. Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 358)
Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Si mê gây hại nhiều hơn cho người,
Si mê ai đã lìa rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.
Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người không si mê, thì thành tựu được các pháp công đức sau đây: được ý vui chân thiện và bạn chân thiện; tin nhân quả, thà bỏ thân mạng chớ không làm ác; chỉ quy y Phật; tâm ngay thẳng, có chính kiến; sinh lên cõi trời, khỏi bị đọa vào ba đường ác; hưởng phúc huệ; không lòng chấp ngã, bỏ hết ác nghiệp và khỏi bị nạn dữ v.v...

TAM ĐỘC

Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật dạy rằng tam độc "tham, sân, si" là những nguyên nhân gây ra bất hạnh và phiền não, ưu tư cho con người. Tham, sân, si có thể được tìm thấy một cách dễ dàng nơi hành động, ngôn ngữ, và ý nghĩ của chính mình cũng như của kẻ khác. Kinh nghiệm cho ta biết bất cứ ở đâu hay lúc nào, nếu tham sân si có mặt và ngự trị thì cuộc sống riêng hay chung đều trở nên xấu xa đau khổ. Tham sân si là sản phẩm của con người và xã hội và chính chúng là nguyên nhân làm hư hại cuộc sống an lành của loài người giống như bông tre nở từ cây tre và là biểu tượng suy tàn của cây tre, nghĩa là khi tre trổ bông là lúc tre tàn lụi.

Một số đại phú gia đã lớn tuổi rồi mới đi tu. Một bà vợ của một người trong nhóm đó nấu nướng rất khéo léo nên hằng ngày họ thường mang bình bát trở lại đây để khất thực. Bà thí chủ cúng dường thức ăn đồ uống rất ngon lành. Khi bà này chết họ thương nhớ, than khóc, kể lể. Đức Phật khuyên các thầy "Thực hành tâm không luyến ái vì khi nào còn rừng rậm tham, sân, si thời các thầy còn chịu đau khổ. Hãy đốn ngã rừng cây ấy các thầy mới được giải thoát":

(Pháp Cú 283)
Đốn rừng nhưng chớ chặt cây,
Đốn rừng tham ái với đầy sân si
Chính do rừng dục vọng kia
Mà bao sợ hãi dễ bề sinh ra
Rừng to, rừng nhỏ quanh ta
Cả hai rừng đó mau mà đốn đi,
Các Tỳ Kheo hãy thoát ly
Thoát rừng dục vọng muôn bề tối tăm.
Hãy đốn rừng, nhưng không chặt cây thật. Khi Đức Phật vừa nói "hãy đốn rừng", có vài vị Tỳ kheo hiểu sai, theo nghĩa trắng. Đọc ngay được tư tưởng sai lầm ấy Đức Phật nhấn

mạnh thêm, dạy rõ rằng rừng đây không phải là cây thật sự mà chỉ là đám rừng của những dục vọng như tham ái, sân hận và si mê. Do rừng dục vọng mà phát sinh sợ sệt. Hãy đốn ngã cả hai thứ rừng, rừng cây to và rừng cây nhỏ của dục vọng. Ở đây, cây to là những dục vọng lớn, có nhiều mặt năng lực và cây nhỏ là những dục vọng nhỏ, ít năng lực hơn.

Trong khi dạy cho con người biết "Tham, Sân, Si" là nguyên nhân của cuộc sống đau khổ, cần phải tiêu diệt, Đức Phật cũng nói cho chúng ta biết còn có ba pháp nữa là "Vô tham, Vô sân, Vô si" là những yếu tố tâm lý cần nên phát triển để xây dựng cuộc sống an lành. Muốn phát triển ba pháp thiện này chúng ta phải tu dưỡng theo chánh đạo gồm “Giới, Định và Tuệ".

Lời khuyên thời thật dễ dàng, nhưng loài người đâu có dễ dàng phục thiện. Vì con người, đã lâu đời lâu kiếp bị những phiền não căn bản nhiếp phục chi phối. Một lần nọ Đức Phật thuyết Pháp cho năm người nghe, chỉ có một người chăm chú nghe, còn những người kia thì lơ đễnh, không để ý đến lời khuyên dạy của Ngài. Một người ngủ gục, một người lấy ngón tay vẽ xuống đất, một người ngồi gần gốc cây lắc nhẹ cành lá, một người ngẩng nhìn trời xanh. Đức Phật giảng rằng sở dĩ như vậy là do những khuynh hướng, các thói quen của họ đã có từ nhiều kiếp trong quá khứ. Khi Đại đức A Nan bạch hỏi rõ lý do, Đức Phật giải thích thêm rằng đó là do bốn nguồn cội "tham, sân, si, và ái dục":

(Pháp Cú 251)
Lửa nào có thể sánh ngang
Lửa tham dục nọ dữ dằn vô biên,
Không còn cố chấp nào bền
Bằng tâm sân hận nổi lên cấp kỳ,
Lưới nào trói buộc dầm dề
So ra với lưới ngu si buộc ràng,
Sông nào chìm đắm cho bằng
Dòng sông ái dục cuốn phăng bao người.

Có hai vị Tỳ kheo. Một, thông suốt giáo pháp nhưng còn là phàm tăng, không thực hành những điều đã học. Vị kia, tuy không học nhiều nhưng thực hành trọn vẹn giáo pháp, từ bỏ tham, sân, si, nên đã đắc quả A La Hán, chứng ngộ Niết Bàn, thọ hưởng quả vị của đời sống thiêng liêng đạo hạnh. Một hôm vị phàm tăng muốn gây rối cho vị thánh tăng trước mặt Đức Phật nên đặt ra nhiều câu hỏi gút mắc. Biết rõ ý định thấp hèn ấy, Đức Phật nêu ra vài câu hỏi có liên quan đến sự chứng ngộ giáo pháp. Theo kinh nghiệm bản thân, vị A La Hán trả lời được tất cả nhưng vị phàm tăng thì không, vì không thành tựu được thánh đạo nào. Nhân dịp này, Đức Phật ca ngợi vị A La Hán đã thực hành giáo huấn của Ngài, mặc dầu không thông suốt giáo pháp bằng vị phàm tăng:

(Pháp Cú 20)
Dù cho chỉ tụng ít kinh

Nhưng theo giáo pháp thực hành sớm khuya
Hết tham, hết cả sân, si
Lòng luôn tỉnh giác, tâm thì hiền lương
Trước sau giải thoát mọi đường
Tu hành lợi ích ngát hương muôn đời.

Theo Phật Giáo, pháp học sẽ không bổ ích nếu không thật sự thực hành điều đã học. Như vậy, Phật Giáo không phải là một triết học suông mà là con đường giác ngộ duy nhất.

Một thiếu phụ trẻ đẹp được người cha dẫn đến giới thiệu để làm vợ Đức Phật vì người cha trông thấy tướng mạo trang nghiêm của Ngài. Nhưng Đức Phật từ chối. Ngài cho biết trước đây khi Ngài sắp thành Đạo dưới cội bồ đề Ma Vương từng cho ba người con gái tuyệt đẹp cố gắng lấy nhan sắc đến nơi để quyến rũ Ngài, nhưng tất cả đều thất bại. Ba người con gái đó là các nàng Tham ái, Ác cảm và Dục vọng. Giờ đây không ai có thể dùng bất cứ hình thức nào để dụ dỗ Ngài sa đọa được. Vì Ngài đã tận diệt mọi dục vọng, không còn dấu vết gì của tham, sân, si nữa. Cuộc chiến thắng tinh thần của Ngài không thể bị lay chuyển:

(Pháp Cú 179)
Chẳng ai hơn nổi con người
Đã từng thắng phục được nơi dục tình
Người như vậy chính thân mình
Ở đời không sợ dục tình dõi theo
Mênh mông Phật giới cao siêu
Tham, sân, si dấu tích đều còn đâu
Các ngươi cám dỗ dễ nào.
(Pháp Cú 180)
Lưới mê được giải tỏa rồi
Dục tình kia khó tìm người dõi theo
Mênh mông Phật giới cao siêu
Tham, sân, si dấu tích đều còn đâu
Các ngươi cám dỗ dễ nào!

Việc thực hiện con đường đi ra khỏi “tham, sân, si” luôn luôn được Đức Phật quan tâm và khuyến khích các đệ tử của Ngài hành trì để từ đó các pháp an lạc được tăng trưởng và các pháp khổ đau được diệt trừ. Nếu không khéo hành trì thì không những các khổ đau tăng trưởng mà các thiện pháp cũng bị tiêu trừ. Nếu ai ráng tu tập và trau dồi tâm trí để thoát khỏi vòng phiền não "tham, sân, si" tất nhiên người ấy sẽ được hoàn toàn giải thoát.

-ooOoo-

ÁI DỤC

Đức Phật khuyên con người nên diệt trừ ái dục. "Ái" là thích, thương yêu, mến tiếc, luyến ái, tham ái bám víu. "Dục" là ham muốn, tham dục, lạc dục. Ái dục là lòng ham muốn, luyến ái, bám víu, tham hưởng mọi sự sung sướng thường tình đối với người và đối với vật. Có ba loại ái dục:

1. Ái dục theo nhục dục "ngũ trần": Năm cảnh trần là "sắc, thanh, hương, vị, xúc". Trần là bụi dơ. Ngũ trần là năm cái có thể thấm bụi dơ vào thân tâm ta, vào chân tính của ta.

2. Ái dục đeo níu theo khoái lạc vật chất, theo quan niệm “đoạn kiến”, nghĩ rằng chết là hết, nên không cần quan tâm đến thiện ác, tội phước, quả báo gì cả, cứ lo hưởng thụ lạc thú vật chất và sự giàu sang hiện tại.

3. Ái dục đeo níu theo khoái lạc vật chất, theo quan niệm “thường kiến”, nghĩ rằng những lạc thú và tài sản sẽ còn với mình mãi mãi, lâu dài vĩnh cửu, trường tồn.

Kinh Pháp Cú chỉ rõ cho thấy ái dục là nguồn gốc của mọi sự đau khổ trong đời, là sức mạnh thúc đẩy con người tìm sự thỏa mãn lòng ham muốn ích kỷ bằng mọi cách, ngay cả bằng sự thiệt hại hoặc đau khổ của người khác. Ái dục là cạm bẫy nguy hiểm nhất, vì khi được toại nguyện thời nó đem lại cảm giác thỏa mãn cho con người và do đó lòng ái dục của con người cứ tăng thêm mãi. Đức Phật nhận định rằng những điều mà người thế gian gọi là sung sướng, hạnh phúc thời chỉ được xây dựng mong manh trên một số điều kiện. Khi những điều kiện ấy đầy đủ thì người đời gọi là được sung sướng, có hạnh phúc. Nhưng với hạnh phúc họ đang có trong tay họ cũng không cảm thấy được thoả mãn trọn vẹn và vĩnh viễn. Nguyên do là vì lòng dạ con người vốn thay đổi và lúc nào cũng muốn được thêm, thêm mãi. Khi chưa đạt được tất cả những điều họ ước ao thì họ có cảm tưởng là vẫn còn thiếu thốn, và lòng họ băn khoăn, day dứt, mong cầu. Hạnh phúc thật sự không cần thiết phải có liên hệ đến điều kiện vật chất bên ngoài, mà hoàn toàn tùy thuộc vào nội tâm của con người. Tất cả giáo lý của Đạo Phật đều quy tụ vào một điểm thực tế là muốn tìm an lạc vĩnh cửu, con người cần phải biết làm cách nào để thắng được lòng ái dục

Một khi đã nói đến ái, nhất là ái dục, thời đây là cả một đề tài muôn điệu. Đã là con người, thật khó mà thoát ly được ái dục.Vì vậy ta không gì lạ khi thấy Đức Phật đã dành nhiều câu khuyên dạy về ái dục. Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 359)
Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Ái dục gây hại nhiều hơn cho người,
Ai lìa ái dục được rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.
Một nữ thí chủ rất nổi tiếng, có đứa cháu thân yêu vừa qua đời. Bà thương tiếc và khóc lóc thảm thiết. Khi bà đến chùa, Đức Phật an ủi bà và dạy rằng: "Mỗi ngày có biết bao nhiêu người chết. Nếu bà xem mỗi người đã qua đời là một người thân mà bà than

khóc như thương tiếc một đứa cháu bà thì có lẽ chẳng có lúc nào mà bà ngưng chảy nước mắt. Ưu sầu và sợ hãi sinh ra do sự quá luyến ái, quá trìu mến đó". Người dứt được say đắm trong tình cảm sẽ không bị ràng buộc và khỏi lo phiền:

(Pháp Cú 213)
Khởi từ luyến ái sinh ra
Chứa chan hãi sợ, chan hòa lo âu
Mến thương, luyến ái lìa mau
Chẳng còn lo sợ, ưu sầu tiêu tan.

Để giảng hòa một cuộc tranh chấp giữa hai tiểu bang đang giành nhau nước dưới con sông làm ranh giới Đức Phật dạy không nên tham ái và nên diệt trừ dục vọng:

(Pháp Cú 199)
Ở ngay giữa đám nhân sinh
Mặc người tham ái, nếu mình thảnh thơi
Sống không dục vọng như người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.

Khi nhắc đến một vị Tỳ kheo vô lễ, mặc dầu thông suốt giáo pháp nhưng lòng còn chứa đầy ái dục và ngã mạn. Ỷ mình có sức học cao nên thầy luôn khinh rẻ các vị khác. Tuy có công chỉ dạy giáo lý cho các Tỳ kheo khác nhưng thái độ khinh mạn của thầy đã gây nhiều khó khăn trong việc truyền bá chánh pháp. Vì tội ác này thầy phải sa vào địa ngục, khi mãn hạn thầy chỉ được tái sinh thành con cá vàng, tuy có thân hình đẹp đẽ nhưng miệng lại thở ra mùi hôi thối. Đức Phật dạy rằng nếu không kiềm chế thời ái dục sẽ tăng mãi:

(Pháp Cú 334)
Sống đời say đắm buông lung
Thì lòng ái dục vô cùng tăng nhanh
Giống như giữa chốn rừng xanh
Dây leo, cỏ dại mặc tình tràn lan,
Đời người tiếp nối miên man
Khác gì khỉ, vượn đang tham quả rừng
Chuyền cây liên tục chẳng ngừng.

Người nuôi dưỡng ái dục thời sầu muộn mãi gia tăng. Trái lại người dập tắt ái dục thời sầu muộn không còn:

(Pháp Cú 335)
Nếu mà ở cõi trần gian
Bị điều ái dục buộc ràng vây quanh
Thời bao sầu khổ tăng nhanh
Như là cỏ dại thỏa tình hứng mưa.
(Pháp Cú 336)
Đời này nếu bản thân ta

Khi điều ái dục vượt qua chẳng màng
Thời bao sầu khổ lìa tan
Như mưa trơn tuột khỏi hàng lá sen.
Hãy dập tắt ái dục từ gốc rễ như là nhổ rễ cỏ hoang. Đức Phật dạy bao giờ còn ái dục là còn đau khổ:

(Pháp Cú 337)
Điều Như Lai dạy các ngươi:
"Lành thay cho kẻ họp nơi chốn này
Nhổ cho sạch gốc rễ ngay
Diệt trừ ái dục thẳng tay từ nguồn
Như là nhổ rễ cỏ hoang
Chớ nên để lũ Ma quân dục tình
Quẩn quanh phá hoại tâm mình
Như cơn nước lũ tung hoành bụi lau".
Trong lúc đi dài theo đường, Đức Phật trông thấy một con heo nái. Ngài thuật lại rằng trong những kiếp quá khứ của nó, con heo từng là một chị gà thường đứng bên hông chùa nghe giảng kinh nên được tái sinh làm một nàng công chúa. Một hôm công chúa quán tưởng đến tấm thân vô thường nên phát tâm tu hành, mãn đời được sinh lên cõi trời. Hưởng hết phước, vì nghiệp báo ở những tiền kiếp nên lại tái sinh dưới hình dạng con heo nái này. Ngài dạy rằng gốc ái dục mà nhổ chưa hết rễ thời tâm còn bị ràng buộc, còn chịu đau khổ dây dưa, sầu muộn còn phát sinh trở đi trở lại triền miên:

(Pháp Cú 338)
Đốn cây mà chẳng chịu đào
Hết luôn gốc rễ bám vào đất sâu
Thì cây lại mọc ra mau,
Đoạn trừ ái dục khác nào đốn cây
Đoạn cho căn gốc sạch ngay
Nếu không khổ não mãi quay trở về.
Ái dục nhận chìm người tham ái. Nếu bên trong kẻ nào ba mươi sáu dòng ái dục còn tuôn chảy mạnh mẽ, tâm tham ái sẽ cuồn cuộn lôi cuốn kẻ si mê ấy đi như một luồng thác lũ:

(Pháp Cú 339)
Người ham ái dục luôn luôn
Theo ba mươi sáu dòng tuôn bạo tàn
Cuốn vào cảnh dục dễ dàng.
Những người ái dục dâng tràn trong tâm
Bị dòng ái dục cuốn phăng.
Hãy dùng trí tuệ để dập tắt ái dục. Dòng ái dục tràn ngập khắp nơi như dây leo dại. Loài dây leo ái dục đâm chồi và bám vững . Hãy dùng trí tuệ bứng tận gốc rễ:

(Pháp Cú 340)
Dòng sông ái dục dâng tràn
Như dây leo dại mọc lan khắp miền,
Thấy dây leo mới nhô lên
Dùng gươm trí tuệ diệt liền cho mau
Diệt trừ tận gốc thật sâu.
Luyến ái dục lạc dẫn đến sinh hoại, khó thoát khỏi trầm luân. Tưởng lầm rằng đó là hạnh phúc nên mãi quẩn quanh trong sinh tử luân hồi:

(Pháp Cú 341)
Người đời ái dục thích ham
Nên ưa rong ruổi theo làn sóng xô
Ngụp chìm biển dục vô bờ
Tuy cầu hạnh phúc khó mà thành công
Vẫn còn trong chốn trầm luân
Quẩn quanh sinh tử vẫy vùng thoát đâu.
Bị ái dục ràng buộc sẽ đi đến sầu muộn và chịu đau khổ triền miên lâu dài. Kinh hoàng như thỏ nằm trong lưới bẫy, bị trói buộc và siết chặt:

(Pháp Cú 342)
Người mà ái dục bao trùm
Kinh hoàng như thỏ vẫy vùng lưới kia
Sa vào bẫy, sợ kể chi,
Não phiền, ái dục chẳng lìa cho mau
Khổ đau càng chịu dài lâu.
Người chìm đắm trong ái dục khác nào sống trong lưới bẫy của mọi sự ô nhiễm. Đức Phật nhấn mạnh rằng người tu hành có ý nguyện thành đạt trạng thái không dục vọng phải xa lìa ái dục để sống trong sạch:

(Pháp Cú 343)
Người mà ái dục bao trùm
Kinh hoàng như thỏ vẫy vùng lưới kia
Sa vào bẫy, sợ kể chi,
Tỳ Kheo ái dục gắng lìa cho mau
Niết Bàn giải thoát xa đâu.
Một chàng thanh niên có niềm tin vững chắc, xuất gia thành Tỳ kheo. Một hôm trong khi đi khất thực tại nhà người chú làm thợ vàng, thấy nhiều đồ trang sức đẹp mắt chàng sinh lòng tham luyến, bị dục lạc quyến rũ, chàng hoàn tục. Sau kết bạn với bọn cướp. Bị bắt và bị đưa ra hành hình. Trên đường đi chàng gặp lại thầy cũ của mình. Thầy khuyên chàng nên thiền định ngay. Chàng nghe lời. Gương mặt trở nên bình thản, đắc đạo quả. Không lo sợ bị tử hình. Đao phủ ngạc nhiên trình vua. Vua ra lệnh tha cho chàng. Đức Phật nhân đó dạy là khi đã được giải thoát không nên tự trói lại:

(Pháp Cú 344)
Người lìa ái dục, xuất gia
Sống vui ở chốn rừng già, núi sâu
Để rồi một sớm quay đầu
Xuôi dòng ái dục thương đau về nhà,
Kẻ hoàn tục đáng xót xa
Cởi ra rồi lại tự ta trói vào.

Ba mươi vị Tỳ kheo đi ngang qua khám đường thấy các phạm nhân bị trói buộc bằng dây xích. Các thầy bạch hỏi Đức Phật xem có loại dây trói buộc nào bền chắc hơn những sợi xích ấy không. Đức Phật giải đáp rằng theo lời các bậc thiện trí thời lòng luyến ái vợ con gia đình, lòng tham cầu giàu sang phú quý là sợi dây ngàn lần bền chắc hơn:

(Pháp Cú 345)
Với người trí tuệ mở mang
Dù cho trói buộc bằng phương tiện gì:
Dây gai, cây, sắt sá chi
Nào đâu vững chắc, chẳng hề bền lâu!
Riêng lòng luyến ái khát khao
Vợ con, châu báu quyện vào chẳng xa,
Trói này sao gỡ cho ra!

Đức Phật dạy thêm "Trói buộc ấy thật bền chắc. Nó trì xuống, mềm mỏng, nhưng rất khó tháo gỡ. Hãy tuyệt trừ ái dục, đừng dính líu, đừng luyến tiếc":

(Pháp Cú 346)
Những người có trí nói rằng:
"Dây này trói buộc ngày càng chắc thêm!"
Dây tuy mềm mại, êm đềm
Nhưng mà sao dễ nhận chìm người ta
Khó mà tháo gỡ cho ra
Thế nên người trí lìa xa dục tình
Cắt dây luyến ái cho nhanh
Tự mình giải thoát, tu hành bản thân.

Người tham ái bị kẹt trong lưới tham như con nhện vướng vào lưới của mình. Tuy ái dục chinh phục và ràng buộc con người chặt chẽ như vậy, nhưng với con người có ý chí, có nghị lực, vẫn có thể đối trị được dục ái đó để mà được giải thoát và không còn sầu muộn. Một bà hoàng hậu đắm say trong sắc đẹp lộng lẫy của chính bà. Một hôm bà tới viếng rừng Trúc Lâm lúc Đức Phật đang giảng Pháp. Đức Phật tạo một phương cách làm cho bà nhìn thấy một cô gái tuyệt đẹp, trẻ trung, bỗng cô dần dần trở nên già lụ khụ, cuối cùng cô chỉ còn là một túi da bọc xương. Do đó bà bừng ngộ ra rằng sắc đẹp thể chất là không thật, nhận thức ra tính cách vô thường tạm bợ của đời sống. Để khuyên bà, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 347)
Những người ái dục đắm chìm
Xuôi dòng ái dục vào miền khổ đau
Lọt vòng dây trói trước sau
Tựa như con nhện mắc vào lưới giăng.
Ai mà dứt mọi buộc ràng
Không còn ái dục, chẳng vương não phiền.
Một vị tăng sĩ trẻ tuổi bị một thiếu phụ đem lòng thương và quyến rũ. Thầy vấn vương nên không vui với đời sống xuất gia, thân hình càng ngày càng tiều tụy. Một hôm các bạn đồng tu đem thầy đến bạch với Đức Phật. Đức Phật thuật lại một diễn biến trong kiếp sống quá khứ của thầy: "Trong dĩ vãng thầy

từng là một người thiện xạ trẻ, tài ba, bắn cung rất giỏi. Một lần chàng đang chiến đấu với bọn cướp thời vợ chàng phản bội nên chàng bị giết chết. Vợ theo tên cướp đầu đảng. Kiếp này vợ chàng chính là thiếu phụ đang tìm cách quyến rũ chàng hoàn tục, muốn hại chàng thêm một lần nữa". Rồi Đức Phật khuyên:

(Pháp Cú 349)
Người nào bị khuấy động nhiều
Bởi tâm xấu ác, bởi điều bất lương
Thường ham dục lạc vô cùng,
Người mà dục lạc cầu mong tăng nhiều
Tự mình một sớm một chiều
Trói mình thêm chặt vào theo não phiền.
Người biết khắc phục được những tư tưởng bất thiện, biết tham thiền suy niệm về tánh cách ô trược của thể xác, luôn luôn giữ chánh niệm, đó là người sẽ dứt bỏ được lòng luyến ái đeo níu theo xác thân, chấm dứt được ái dục. Người ấy sẽ phá vỡ vòng ràng buộc của Ma vương, của những cám dỗ xúi bẩy làm chuyện không tốt lành:

(Pháp Cú 350)
Ai vui vì chẳng còn vương
Tư tưởng bất thiện, bất lương loại trừ,
Xác thân bất tịnh suy tư
Giữ gìn chánh niệm, thích ưa điều lành
Sẽ trừ ái dục vây quanh
Ma Vương ràng buộc phá nhanh dễ dàng.
Một vị Tỳ kheo trẻ tuổi, không biết tri túc, muốn rời bỏ đời sống xuất gia, ước mơ trở về thọ lãnh chút ít tài sản của cha chết đi để lại. Vì tâm tư bị giằng co giữa hai ý định, tiếp tục tu hành hay hoàn tục, nên vị Tỳ kheo trẻ tuổi sinh ra bất mãn, mất cả sự hăng hái học tập, biếng ăn uống thành ra gầy yếu. Các bạn đồng tu thấy thế nên dẫn vị Tỳ kheo trẻ đến yết kiến Đức Phật. Đức Phật giải thích rằng dục lạc không bao giờ được thỏa mãn hoàn toàn. Hạnh phúc vật chất chỉ là sự thỏa mãn của một vài ước vọng. Nhưng

khi ta vừa đạt được nó thì nó đã vội lìa bỏ ta. Không bao giờ ta cho là đủ:

(Pháp Cú 186 - 187)
Dù cho mưa xuống bạc vàng
Cũng đâu thỏa mãn lòng tham con người
Người hiền trí biết rõ thôi
Dục tình vui ít để rồi khổ thêm,
Cõi trời cao ngất từng trên
Dục tình dù có, chớ nên ham cầu,
Người con Phật hiểu pháp mầu
Chỉ mong tham ái được mau diệt trừ.
Không nên hiểu lầm là Đức Phật có ý phủ nhận tình cảm của con người khi theo đuổi một số lý tưởng tinh thần cao thượng. Đức Phật không khuyên chúng ta dẹp bỏ hoàn toàn tình cảm lành mạnh của con người. Ngài chỉ có ý muốn nhắc nhở chúng ta là không nên chú tâm quyến luyến và gắn bó vào những thú vui vật chất. Điều làm trở ngại quan trọng nhất cho việc phát triển tâm linh chính là cái tâm ý thiết tha gắn bó, nhớ tưởng đến những vật, những việc hay những ngoại cảnh có sức tạo niềm khoái lạc và thích thú theo lòng ham muốn ích kỷ của con người mà thôi.

-ooOoo-

-02-

GIỚI, ĐỊNH, TUỆ

Có nhiều hạnh tu khác nhau. Có nhiều pháp môn khác biệt. Nhưng không một hạnh tu và pháp môn nào ra khỏi Giới Định Tuệ.

Giới Định Tuệ có trong “Tam Vô Lậu Học". "Tam" là ba. "Vô" là không. "Lậu" có nghĩa là phiền não. Do vậy, "tam vô lậu học" là ba môn học giúp chúng ta vượt khỏi sự trói buộc của mọi phiền não, hoàn toàn tự tại, đưa đến giác ngộ, chứng nhập quả vị giải thoát hoàn toàn.

Giới Định Tuệ là nếp sống đạo hạnh và trí tuệ được tập trung và đề cao trong Kinh Pháp Cú, một nếp sống hướng thượng mang lại hạnh phúc cho bản thân mình và cho người khác. Giới Định Tuệ là đạo hạnh của cả người xuất gia lẫn người tại gia.

GIỚI LUẬT

Trong Đạo Phật, “Giới" có nghĩa là những điều luật để phòng ngừa và tránh cho thân thể, lời nói và tâm ý khỏi phạm điều quấy, đồng thời dứt dừng điều ác (phòng phi, chỉ ác) hoặc ngưng điều ác và làm điều thiện (chỉ ác, tác thiện).

Vậy giới là những quy luật, những quy tắc cần phải hành trì, là hàng rào phân định giữa thiện và ác, là phương pháp điều trị những tội lỗi do thân, miệng, ý phát sinh ra, hầu đem lại lợi ích cho mình và cho người. Giới là kỷ cương của Phật Pháp, là mạng sống của Tăng Già: "Giới luật còn thì Phật Pháp còn. Giới luật là thọ mạng của Phật Pháp".

Khi sắp nhập Niết Bàn, Đức Phật đã ân cần dạy các đệ tử: “Này các Tỳ kheo, sau khi ta nhập diệt, các thầy phải tôn kính, trân trọng giới luật, như người mù mà được sáng mắt, người nghèo mà được châu báu; phải biết rằng giới luật là vị đại sư cao cả của các thầy. Nếu ta còn sống ở đời thì cũng chẳng khác gì giới luật này".

Nhưng giới luật không phải là những điều răn cấm mà Đức Phật ban hành, bắt buộc hàng tín đồ phải tuân hành, nếu không là có tội. Phật Giáo không quan niệm có sự ban thưởng điều lành hay trừng phạt điều dữ mà chỉ truyền dạy lý nghiệp báo, tức định luật nhân quả. Gieo giống nào sẽ gặt quả nấy.

1. Thoạt tiên Đức Phật dạy con người nên cố tránh không làm các điều ác, điều bất thiện. Một người lái buôn nhập đoàn cùng đi với nhiều vị Tỳ kheo. Trong lúc ấy vài tướng cướp muốn giựt tiền của anh nên nấp chờ trong rừng. Anh được báo tin, vội ngưng lại không đi qua nơi phục kích đó. Anh khuyên các vị Tỳ kheo nên quay trở về cho an toàn. Lúc về, các vị Tỳ kheo bạch lại với Đức Phật về cố gắng bất thành của các tên cướp. Nhân đó Đức Phật khuyên dạy:

(Pháp Cú 123)
Tựa như một kẻ đi buôn
Có mang nhiều của nhưng không bạn bè
Tránh đường nguy hiểm chẳng đi,
Hay người tham sống chẳng khi nào gần
Tránh liều thuốc độc vô ngần,
Chúng sinh noi đó lo thân tâm mình
Tránh xa điều ác cho nhanh.
Vị Tỳ kheo nọ không lưu tâm đến những lỗi lầm nhỏ mà thầy thường hay phạm, như tính tình cẩu thả, không chịu giữ gìn kỹ lưỡng các đồ dùng trong chùa. Mặc dầu các bạn đồng môn nhiều lần khuyên giải, thầy vẫn một mực bỏ lửng, không để ý. Khi câu chuyện đến tai Đức Phật Ngài khuyên dạy thầy không nên xem thường lỗi lầm và điều ác dù là nhỏ. Người dại dột làm ác mỗi lần một chút, lâu ngày sẽ bị cái ác thâm nhiễm trọn vẹn:

(Pháp Cú 121) Chớ khinh điều ác nhỏ nhoi Cho rằng: “Quả báo mình thời chịu đâu!”

Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,
Người ngu gom góp vào mình
Bao điều ác nhỏ dần thành họa to.
Một người có phẩm hạnh chân chánh muốn từ bỏ đời sống trần tục để xuất gia theo Phật. Mỗi lần thảo luận với vợ đều bị bà vợ ngăn cản. Khi thì nói đang có mang chờ sinh đẻ đã. Khi sinh xong lại nói chờ con trưởng thành. Một ngày ông quyết tâm thọ lễ xuất gia và sớm thành đạt đạo quả A La Hán. Sau đó vợ và con ông cũng lần hồi gia nhập vào giáo hội và đắc quả A La Hán. Đức Phật nhân cơ hội đó nói lên lời lên án điều ác và ca tụng điều thiện, khuyên người đạo đức không nên tìm thành công bằng

phương tiện bất chính:

(Pháp Cú 84)
Đừng vì mình hay vì người
Ham cầu con cái, ham nơi ruộng tiền
Hay ngai vàng để ngự lên
Mà dùng mưu kế đảo điên ở đời,
Muốn thành công chớ hại ai
Thấy điều bất chính lầm sai tránh đường
Sống đời đức hạnh thơm lừng
Rạng vầng trí tuệ, ngát hương đạo mầu.
Một thiếu phụ nổi cơn ghen hành phạt tàn nhẫn một tỳ nữ có dan díu với chồng bà bằng cách bắt trói, cắt tai, cắt mũi, nhốt phòng kín. Trong khi hai vợ chồng đến tịnh xá nghe Đức Phật thuyết Pháp, người tớ gái được thân nhân giải cứu, đến bạch lại tự sự với Đức Phật. Đức Phật khuyên dạy:

(Pháp Cú 314)
Đừng làm ác, chẳng lợi gì!
Gieo đi độc ác, gặt về khổ đau
Làm lành, làm tốt cho mau
Không hề hối tiếc, trước sau đẹp lòng.
2. Sau khi tránh làm điều ác thời Đức Phật dạy là nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm việc lành, việc thiện theo chánh hạnh vì những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc trường cửu của ta. Tâm hướng thiện là tâm hướng về các loại hành động như bố thí, trì giới, hành thiền, cung kính bậc trưởng thượng, phục vụ, hồi hướng phước báu, hoan hỉ với phước báu của người khác, nghe giáo pháp, truyền bá giáo pháp và củng cố chánh kiến v.v...:

(Pháp Cú 169)
Thực hành chánh hạnh chuyên cần
Đừng theo đường ác, chớ làm điều sai
Ai theo chánh pháp đời này
Niềm vui mãi hưởng kéo dài đời sau.
Một bà tín nữ tuy nghèo nhưng giàu tâm đạo, cúng dường vật thực đến một vị A La Hán đang đứng khất thực trước túp lều của mình. Sau khi cúng dường xong bà đó đi quanh gốc cây để trở vào lều thời bị rắn cắn, bà chết và tái sinh vào cảnh trời. Từ nhàn cảnh ấy, vị Trời, trước kia là bà tín nữ nghèo, trở xuống lau dọn tịnh thất cho vị A La Hán để báo đáp ơn sâu và cũng để tăng trưởng thêm phước báu cho mình. Vị A La Hán ngăn cản, sợ người ngoài hiểu lầm mà đàm tiếu. Bà buồn. Đức Phật thấy vậy khuyên dạy bà rằng vị A La Hán tự chế như vậy là cần thiết, còn phần bà thời:

(Pháp Cú 118) Đã làm việc thiện, việc lành Hãy nên tiếp tục thực hành hăng say

Hãy vui với việc lành này Tâm hay làm thiện có ngày hưởng vui.

Trong ngày đầu tiên Đức Phật trở về nơi chôn nhau cắt rốn, thành Ca Tỳ La Vệ, liền sau khi thành đạo, Ngài đi trì bình trong các đường phố. Đức vua cha là vua Tịnh Phạn, nghe tin ấy lấy làm nhục nhã, lật đật chạy đến hỏi Đức Phật tại sao nỡ lòng làm nhục hoàng gia, đi khất thực trên những con đường mà trước kia Ngài chỉ đi bằng kiệu vàng. Lúc ấy Đức Phật lưu ý vua rằng đó là chánh hạnh của chư Phật, những người đến trước Ngài và Đức Phật đọc:

(Pháp Cú 168)
Luôn hăng hái, chớ buông lung
Sống theo chánh pháp vô cùng tịnh thanh
Những người chánh hạnh thực hành
Đời này cảm thấy thân mình an vui
Đời sau sung sướng thêm thôi.

Được biết Đức Phật mỗi khi thọ trai xong thường thuyết Pháp, một người thiện trí nọ đi khắp làng của mình, cổ động cho mọi người cúng dường vật thực đến Đức Phật và chúng Tăng, kẻ ít người nhiều, tùy phương tiện. Khi đến nhà một trưởng giả, nhã ý của ông bị hiểu lầm, và ông trưởng giả chỉ đóng góp một phần rất nhỏ. Đến lúc mọi việc đã hoàn tất tốt đẹp, người thiện trí họp tất cả lại để tỏ lòng tri ơn. Ông trưởng giả cũng đến dự, nhưng với ý định sẽ giết người thiện trí nếu vị này có lời khinh rẻ vì ông không đóng góp đúng theo sức. Tuy nhiên, người thiện trí vẫn cám ơn đồng đều tất cả mọi người và cầu chúc mọi người được hưởng phước báu dồi dào. Ông trưởng giả thấy vậy ăn năn và xin sám hối. Nghe câu chuyện này, Đức Phật giảng về giá trị của hành động thiện, dầu chỉ là điều thiện nhỏ, đừng tưởng rằng nó sẽ không đem lại kết quả tốt cho ta:

(Pháp Cú 122)
Chớ khinh điều thiện nhỏ nhoi
Cho rằng: “Quả báo mình thời hưởng đâu!”
Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,
Người hiền trí chứa tâm mình
Bao điều thiện nhỏ dần thành phước to.

Và rồi Đức Phật nói lên một cách tóm tắt, nhưng hết sức chính xác và cô đọng, hướng đi chung cho con người. Đây là một thái độ rất dứt khoát giữa thiện và ác, một sự lựa chọn giữa đêm đen tượng trưng cho bất thiện, và trời sáng tượng trưng cho thiện pháp. Đây cũng là con đường hướng thiện, phương pháp tu thân, đưa đến tự tâm chói sáng. Đạo Phật có thể được coi là tóm tắt trong câu sau này:

(Pháp Cú 183)
Chớ làm điều ác bao giờ
Làm điều lành tốt người chờ, người mong
Giữ tâm, giữ ý sạch trong
Là lời Phật dạy ghi lòng chớ quên.

3. Tán thán giới hạnh: Để nói lên tính chất ưu việt của giới pháp, các bản nghi thức truyền giới thường nêu ra những ví dụ như: "Giới như đám đất tốt, muôn hạt giống lành từ đất mà sinh ra, giới như thuyền bè đưa người qua bể khổ, như chuỗi ngọc anh lạc để trang nghiêm pháp thân". Hoặc nói "Giới là thuyền bè đưa qua biển khổ, là thềm thang bắc qua bờ sinh tử". Nhưng câu phổ biến nhất là: "Giới như bộ áo giáp kiên cố để bảo vệ sự tấn công của lục trần". Trong Kinh Pháp Cú này, chúng ta được nghe những lời tán thán rất tuyệt đẹp đối với những người có giới hạnh.

Thầy A Nan nhận thấy có ba loại hương rất ưu việt là hương gỗ chiên đàn, hương rễ cây và hương hoa, cả ba thứ hương đều chỉ bay xuôi theo chiều gió. Thầy muốn biết mùi thơm nào có thể vừa cùng bay

xuôi theo chiều gió vừa bay được ngược chiều gió. Đức Phật dạy rằng hương thơm của giới đức là đệ nhất và bay cùng khắp nơi, theo chiều gió cũng như ngược chiều gió:

(Pháp Cú 54)
Hương thơm hoa quý vườn kia
Ngược chiều gió thổi dễ gì thoảng bay,
Hương người đức hạnh thơm thay
Dù cho ngược gió dâng đầy muôn phương.
(Pháp Cú 55)
Muôn hương tỏa ngát thơm tho
Từ vườn hoa quý, từ hồ sen thanh
Dễ chi hơn được hương lành
Do người đức hạnh lưu danh cho đời.
Vua Trời Đế Thích, giả làm người thợ dệt nghèo, dâng vật thực đến Đại đức Ca Diếp. Đại đức lúc ấy đang tìm một người thật nghèo để giúp cho người ấy có cơ hội cúng dường ngài. Đức Phật giải thích rằng chính giới đức trong sạch của ngài Ca Diếp là sức hấp dẫn đưa vua Trời Đế Thích đến. Hương trầm, hương lài, hương sen đều là hương tuyệt diệu, nhưng không thể sánh bằng hương người đức hạnh:

(Pháp Cú 56)
Hương thơm hoa quý thua xa
Hương người đức hạnh chan hòa vượt trên
Xông lên mãi tận chư Thiên
Tỏa ra ngan ngát khắp miền trời cao.
Người giữ giới, không những chỉ được tán dương là tối thượng mà còn được xem là người có sức mạnh đương đầu với Ác Ma. Hai anh em xuất gia theo Đức Phật. Anh nhiệt tâm tu hành, dứt khoát với mọi ràng buộc ở thế gian. Người em, nhà sư trẻ, kém niềm tin, bắt chước anh đi tu nhưng nghĩ trong lòng là chỉ tu tạm thời rồi sẽ rủ anh bỏ tu. Người em luôn luôn tưởng nhớ đến dục lạc và sau đó sa ngã trước sự khuyến dụ của những bà trước kia là vợ thầy nên cuối cùng hoàn tục. Đức Phật chê trách kẻ không giữ giới, chỉ nghĩ đến tận hưởng khoái lạc không kiềm chế tình cảm, ăn uống không tiết độ, biếng nhác thời sẽ bị dục vọng lôi cuốn:

(Pháp Cú 7)
Ham theo lạc thú nổi trôi
Giác quan buông thả sống đời mê say
Uống ăn vô độ hàng ngày
Lại thêm biếng nhác, chẳng hay chuyên cần
Con người bị cuốn đến gần
Ma vương dục vọng ngàn lần hại ta
Như cơn gió lốc thổi qua
Cây cành nghiêng ngả, lá hoa tơi bời.

Trái lại, người anh, vị Tỳ kheo lớn tuổi, thì tu hành cố gắng và đắc quả A La Hán. Vợ thầy trước kia hết lòng đưa thầy vào trong vòng trụy lạc nhưng đều thất bại. Đức Phật ngợi khen người kiên trì giữ giới, không chủ tâm tìm khoái lạc và biết kiểm soát tình cảm, ăn uống có tiết độ, siêng năng và chuyên cần, dục vọng không dễ gì thắng họ:

(Pháp Cú 8)
Nhận ra ô uế thân người
Giác quan kiềm chế, sống đời tịnh yên
Uống ăn điều độ giữ gìn
Lại thêm bền vững đức tin, chuyên cần
Người đâu dễ bị cuốn gần
Ma vương dục vọng ngàn lần thua ta
Khác gì cơn gió thổi qua
Núi cao, vách đá khó mà lung lay.

Một trưởng lão thất vọng vì bệnh hoạn khiến cho việc thiền định tu tập bị trở ngại sáu lần. Đến lần thứ bảy ngài quyết tâm thà chết chứ không chịu ngã lòng. Ngài toan tự cắt cổ bằng dao cạo đầu thì chứng đắc được quả vị A La Hán. Sau đó ngài nhập diệt. Ma vương, thể hiện cho dục vọng và sự xấu xa tội lỗi, cố tìm coi ngài tái sinh đi về đâu. Đức Phật ghi nhận rằng Ma vương không thể tìm thấy dấu vết thần thức tái sinh của một vị A La Hán vì vị này đã nhập Niết Bàn. Đức Phật mới nói rằng:

(Pháp Cú 57)
Ai hằng ngày chẳng buông lung
Lại thêm giới hạnh vô cùng thanh cao
Có nguồn trí tuệ dạt dào
Thân tâm giải thoát há nào sợ chi
Ma vương dòm ngó dễ gì.

Và cuối cùng giới còn có khả năng vừa đem đến an vui, sung sướng, hạnh phúc cho người giữ giới, vừa mang lại ánh sáng cho người giữ giới. Người tốt thì danh được vang xa và sẽ tỏ rạng trước mắt mọi người như núi cao hùng vĩ. Còn người xấu xa tội lỗi dù ở gần mọi người nhưng cũng không ai muốn nhìn đến. Con gái của ông trưởng giả Cấp Cô Độc về làm dâu trong một gia đình không theo Phật Giáo. Nhà chồng hay mời đạo sĩ lõa thể về nhà để cúng dường và yêu cầu cô chăm lo dâng cúng các vị đạo sĩ, nhưng cô

từ chối vì cho rằng lõa thể là khiếm nhã. Cha chồng nổi giận. Thấy cô ca tụng ân đức của Đức Phật và các vị đệ tử của Ngài, bà mẹ chồng muốn gặp nên bảo nàng thỉnh các Ngài về nhà để cúng dường ngày hôm sau. Cô là một tín nữ có tâm đạo nhiệt thành. Cô đem hương hoa lên lầu cao hướng về nơi Đức Phật an trú để cầu nguyện và cung thỉnh Ngài. Lúc ấy ông Cấp Cô Độc vừa nghe thuyết Pháp xong, cũng thỉnh Đức Phật đến nhà để ông cúng dường. Đức Phật trả lời rằng Ngài đã nhận lời thỉnh cầu của con gái ông trước rồi. Trưởng giả Cấp Cô Độc lấy làm ngạc nhiên vì ông đã gả con gái đi lấy chồng xa. Đức Phật mới nói rằng:

(Pháp Cú 304)
Người lành dầu ở chốn xa
Vẫn luôn tỏ rạng như là núi cao,
Còn như người ác lạ sao
Dù cho kề cận ai nào thấy đâu
Như tên bắn giữa đêm thâu.
Giới trong giáo lý Phật Giáo, không mang tính cố chấp, cứng nhắc như là giới điều của các tôn giáo khác, mà mang nghĩa tự nguyện, thiết thực đem lại lợi ích cho mình và người, nhằm nuôi dưỡng và phát triển tín tâm của mình và người. Như thế nếu thực hành đúng giới luật tất nhiên thân tâm giải thoát được mọi sự ràng buộc và không sinh khởi ra hành vi trái lẽ phải. Nhờ có sức mạnh của giới học mà có thể vượt trên sự chi phối của ngoại cảnh, của nội tâm, để tìm đến sự thật, để đạt tới chỗ giải thoát chân thật.

Giới như đèn sáng lớn soi sáng đêm tối tăm, như gương báu sáng chiếu rõ tất cả các pháp. Giới là bậc thang đầu của đạo quả giác ngộ, là nền tảng của thiền định và trí tuệ, là ngọc anh lạc để trang nghiêm pháp thân, là thuyền bè để đưa người qua bể khổ sanh tử, là kho tàng vô lượng công đức.

Giới Luật là tiền đề cho Thiền Định. Từ nơi nếp sống giới đức này, người hành giả không có hối hận nên tâm được hân hoan, nhờ tâm hân hoan, đưa đến hoan hỷ, nhờ tâm hoan hỷ nên thân được khinh an, nhờ thân khinh an đưa đến lạc thọ, nhờ lạc thọ tâm được định tĩnh nhất tâm. Đó là tiến trình từ Giới Luật đưa đến Thiền Định.

THIỀN ĐỊNH

(Pháp Cú 386)
Siêng năng ẩn dật tu thiền
Nhiễm ô dứt bỏ, não phiền buông trôi
Tu tâm nhiệm vụ xong xuôi
Mục tiêu tối thượng tuyệt vời đạt nhanh
Bà La Môn thật xứng danh!
Đức Phật khuyên chúng sinh phải tự tu tập để giác ngộ, hãy theo đường thiền định. Ngài không giác ngộ giùm ai được. Ngài không độc đoán ép buộc ai bước vào con đường giải thoát này. Phải tự mình trực tiếp hiểu biết và khám phá ra chân lý mới là động lực giúp chúng sinh đủ lòng tin và sự kiên nhẫn để noi theo:

(Pháp Cú 276)
Các ngươi phải tự gắng công
Ta là thầy dạy chỉ đường mà thôi
Con đường giác ngộ tuyệt vời,
Tự ngươi thiền định theo nơi đúng đường
Thoát ra khỏi lưới Ma vương.

Thiền định là một pháp môn nhằm điều phục tâm, huấn luyện tâm, và do vậy nhiều khi chữ "Tâm" được dùng thay cho chữ thiền định. Ở đây chúng ta chứng kiến vai trò quan trọng của sự tu tập, huấn luyện, điều phục tâm trong đời sống của người Phật tử tại gia và xuất gia. Tâm con người thường yếu đuối và vô định, tâm rất khinh động, theo các dục quay cuồng, nhưng điều phục tâm không phải là đơn giản. Ai chế ngự được tâm mình thì mới thoát khỏi vòng trói buộc của dục vọng. Một thiện tín có nhiệt tâm tu học, xuất gia theo Đức Phật, nhưng sớm thấy rằng đời sống thiêng liêng đạo hạnh rất là khó khăn, vì giới luật quá nhiều. Thầy bất mãn và có ý muốn hoàn tục. Đức Phật khuyên thầy không nên lo âu vì giới luật nhiều hay ít nữa mà chỉ cần lo một việc mà thôi, đó là hãy kiểm soát và canh phòng tư tưởng, canh chừng cái tâm của mình:

(Pháp Cú 36)
Tâm phàm phu cứ xoay vần
Chạy theo dục vọng muôn phần đảo chao
Tinh vi, khó thấy được nào
Chỉ riêng người trí lo âu thật tình
Canh phòng nghiêm ngặt tâm mình
Cho nên hạnh phúc, an bình mãi thôi.

Ông cậu xuất gia sống đời thiêng liêng. Cháu còn nhỏ, được nhận vào làm Sa di. Ngày kia có người dâng đến cháu hai bộ y. Cháu dâng lại cậu một bộ, nhưng cậu từ chối, không nhận. Người cháu có ý buồn và, khi đang quạt cho cậu, nảy sinh ra ý nghĩ muốn rời bỏ đời tăng sĩ. Rồi, theo dòng tư tưởng, thầy mơ: "Sẽ bán bớt một bộ y, lấy tiền mua một con dê. Dê đẻ thành một bầy. Thầy có tiền. Thầy sẽ cưới vợ và có con. Thầy sẽ dắt vợ và con đến chùa lễ cậu. Trên đường đến chùa, bỗng nhiên vợ làm con bị rớt xuống đất. Thầy nổi giận, lấy cây đánh vợ". Vừa quạt vừa mơ như thế, thầy quơ cây quạt nhằm ngay vào đầu ông cậu. Thầy lấy làm hổ thẹn buông cây quạt xuống, bỏ chạy. Cậu chụp cháu lại, đem đến Đức Phật. Nhân cơ hội này, Đức Phật mô tả rằng tâm con người có bản chất vô thường, luôn luôn trôi chảy:

(Pháp Cú 37)
Tâm phàm phu cứ lao mình
Âm thầm, đơn độc du hành rất xa
Nào đâu hình dạng phô ra
Hang kia ẩn náu thật là thẳm sâu,
Tâm ai điều phục được mau
Thoát Ma trói buộc, lụy đâu dục tình.

Một tên trộm bị lính giải đi hành hình. Một thiếu phụ gia đình giàu có đem lòng thương, xin tiền cha mẹ để chuộc tội cho hắn và sau này về làm vợ hắn. Hắn không yêu thương gì bà, chỉ muốn tiền của bà. Về sau tên trộm đưa bà đến một đỉnh núi cao, bên bờ vực thẳm, mưu toan cướp giựt tất cả nữ trang của bà rồi xô bà luôn xuống hố sâu. Hết lời van lơn nhưng vô hiệu quả, cuối cùng bà xin tên trộm để cho bà lạy một lần chót. Hắn đồng ý. Đứng về phía sau tên trộm bà lừa thế đẩy hắn xuống hố. Về sau bà xuất gia. Sau khi gặp Đại đức Xá Lợi Phất, được nghe Pháp, bà đắc quả A La Hán. Các vị Tỳ kheo thảo luận với nhau không hiểu được tại sao bà đã đánh lừa xô chết một tên cướp và chỉ nghe vài lời của giáo pháp mà đắc được đạo quả A La Hán. Lúc bấy giờ Đức Phật giải thích về hiệu năng của lời "chân lý" và tầm quan trọng của sự tự khắc phục. Chiến thắng nhiều tên trộm chẳng đáng gì so với chiến thắng tên trộm "dục lạc" của chính mình, tự thắng mình là điều đáng phục:

(Pháp Cú 103)
Thắng ngàn, ngàn địch chiến trường
Chẳng bằng tự thắng bản thân của mình
Thắng mình oanh liệt thật tình
Mới là chiến thắng xứng danh hàng đầu.

Một Bà La Môn thắc mắc cho là Đức Phật chỉ biết đến "được" chứ không biết đến "mất". Anh ta đi hỏi Ngài. Đức Phật bèn hỏi anh sinh sống thế nào. Anh đáp rằng sống bằng nghề cờ bạc mà kết cuộc có lúc ăn lúc thua, lúc thắng lúc bại. Đức Phật giải thích rằng chuyện đó không quan trọng, cái chiến thắng thật sự là tự thắng chính bản thân mình:

(Pháp Cú 104 - 105)
Những người tự thắng bản thân
Vẻ vang hơn thắng địch quân hiểm nghèo
Thắng mình phải tiết chế nhiều
Bỏ lòng dục vọng, bỏ điều tham lam,
Dù ma quỷ, hay thiên thần
Chẳng ai thắng nổi khi cần đua tranh
Với người tự thắng chính mình.

Một cậu bé bảy tuổi xuất gia làm Sa di. Ngày kia, theo thầy đi trì bình, cậu để ý thấy những người nông dân dẫn thủy nhập điền, những người thợ chuốt tên, những người thợ mộc đang hành nghề. Cảnh tượng ấy khiến cậu nghĩ đến tiềm năng hùng hậu của con người. Cậu nêu lên nhiều câu hỏi cho ông thầy. Sa di ấy tự nghĩ "Những vật vô tri vô giác như nước, như gỗ còn có thể uốn nắn và kiểm soát được, tại sao ta lại không thể kiểm soát được cái tâm của ta?":

(Pháp Cú 145)
Những người tưới nước chăm lo
Đào mương dẫn nước vào cho khắp miền,
Những người thợ vót cung tên
Cung tên lo uốn triền miên tháng ngày,

Những người thợ mộc khéo tay
Xẻ cây, uốn ván thẳng ngay tài tình,
Còn như người trí tinh anh
Chăm lo kiểm soát thân mình cho nhanh.

Sau khi nghĩ vậy, cậu rút vào tịnh thất, chuyên chú hành thiền và đắc quả A La Hán trong lúc chỉ có bảy tuổi. Đức Phật nhân đó đề cao đức tính tự kiểm soát lấy mình, tự điều phục tâm mình.

Thiền định là kỷ luật tâm linh cần thiết cho nên dùng thiền định để chăn giữ, gạn lọc tâm là nền tảng đạo đức, nhằm mang lại hạnh phúc an lạc cho loài người. Chính vì thế, Đức Phật dạy rằng kẻ phóng dật coi như chết, còn người chuyên niệm theo thiền định thời không chết.

Một hoàng hậu có tật ganh tỵ, làm cho một người trong sạch, là một vương phi, mà bà coi là tình địch, bị thiêu đốt đến chết. Khi vua nghe được câu chuyện đau thương ấy thì vua bắt hoàng hậu phải chịu một cực hình còn tệ hại hơn nữa, cũng cho đến chết. Các vị Sư muốn hiểu trong hai bà, ai thật sự chết và ai thật sự còn sống. Đức Phật dạy rằng người tuy còn sống nhưng buông lung, phóng dật, không thận trọng, không giữ tâm chuyên niệm, gây nhiều tội ác như hoàng hậu phải được xem là đã chết. Trái lại người có tâm chú niệm, hiền từ, biết tu tập theo chánh pháp như vương phi thời luôn luôn được coi là sống:

(Pháp Cú 21 - 22)
Người chuyên niệm, chẳng buông lung
Coi như sống mãi, thoát vòng tử vong
Kẻ phóng dật, kẻ buông lung
Coi như đã bị mệnh chung lâu ngày
Sống mà như chết nào hay,
Người hiền trí biết điều này từ lâu
Cho nên gìn giữ trước sau
Dám đâu phóng dật, há nào buông lung
Luôn luôn cảnh giác vô cùng
Nhập vào cõi thánh vui mừng, bình an.

Chính nhờ điều phục tự tâm mà an lạc luôn luôn đến với người thiền định. Ở Ấn Độ, vào một khoảng thời gian nào trong năm, có ngày lễ của kẻ ngu. Chúng trét tro phân đầy mình, đùa giỡn, ăn nói tục tĩu, cộc cằn, với bất luận ai, trong bảy ngày. Vào thời kỳ ấy, Đức Phật và các môn đệ Ngài ở lại trong tự viện. Khi thời gian bảy ngày chấm dứt, những vị thiện tín mang vật thực đến chùa cúng dường, nghĩ rằng chắc các Ngài phải trải qua mấy ngày không vui. Đức Phật dạy rằng kẻ ngu dầu có hành động cuồng dại như thế nào, bậc thiện trí phải luôn luôn giữ tâm chánh niệm, canh giữ tâm niệm như kho tàng vĩ đại nhứt:

(Pháp Cú 26)

Kẻ ngu si bị đắm chìm
Trong đời phóng dật, trong miền buông lung
Nhưng người hiền trí tìm đường
Chăm lo gìn giữ tâm đừng buông lung
Tựa người bạc bể tiền rừng
Chăm lo báu vật, trông chừng quý kim.
(Pháp Cú 27)
Chớ nên chìm đắm xuôi theo
Buông lung, phóng dật là điều chẳng hay,
Chớ nên dục lạc mê say
Hãy nên tỉnh giác tâm này cho mau
Tu thiền định thật chuyên sâu
Mới mong phước báu, mới cầu bình an.
Khi dùng tâm niệm đẩy lui phóng dật, người trí thoát khỏi phiền não, vượt lên tận đền đài trí tuệ và nhìn xuống đám người đau khổ, như người khéo trèo núi, lên đến đỉnh tuyệt cao, nhìn trở tại đám vô minh còn ở dưới đất bằng. Vì hai nếp sống khác nhau nên các bậc hiền trí có cái nhìn rất đặc biệt, rất sai khác đối với những kẻ ngu si vô trí. Một lần nọ tôn giả Đại Ca Diếp cố gắng vận dụng thiên nhãn để tìm hiểu lý do sinh và tử của chúng sinh. Đức Phật xuất hiện trước mặt ngài và dạy rằng tôn giả đừng mất thời giờ làm việc đó vì chúng sinh cứ sinh tử rồi lại tử sinh thật là vô lượng đếm sao cho xuể, chỉ có một vị Phật mới thông suốt được toàn thể các kiếp sinh tồn. Chư vị A La Hán, đã thoát khỏi mọi phiền não, dùng nhãn quan siêu phàm của các ngài để từ bi nhìn lại đám đông chúng sinh vô minh còn phải chịu sinh tử triền miên, nghĩa là còn ở trong vòng đau khổ:

(Pháp Cú 28)
Nhờ trừ được hết buông lung
Những người hiền trí sẽ không lo gì:
- Tựa như bậc thánh hiền kia
Lên đài trí tuệ nhìn về dưới chân
Thấy bao nhiêu kẻ ngu đần
Trăm bề đau khổ, bội phần lo âu,
- Tựa người leo tới núi cao
Cúi nhìn muôn vật lao xao dưới ghềnh
Đắm chìm trong chốn vô minh.
Trong quá khứ xa xôi có một người giàu tinh thần phục vụ xã hội, cùng với một nhóm bạn hữu, đã tận dụng trọn đời sống mình trong công tác từ thiện như đắp đường, xây cầu, cất nhà tạm trú cho khách bộ hành. Bản thân giữ đúng bảy điều giới luật trong suốt đời mình. Sau khi chết, quả lành của hành động thiện đưa vị ấy tái sinh làm vua Trời Đế Thích:

(Pháp Cú 30)

Nhờ tinh tấn, chẳng buông lung
Khiến cho Đế Thích thành ông thánh hiền
Được làm chủ cõi chư thiên
Muôn người cùng cất tiếng khen ngợi hoài,
Kẻ phóng dật bị chê bai
Mọi người khinh miệt, chẳng ai nể vì.

Một tăng sĩ vào rừng hành thiền, nhưng thất bại. Thầy đi trở về yết kiến Đức Phật để xin chỉ dạy thêm. Trên đường đi, thầy gặp một đám lửa rừng to phừng phừng vồ tới, thiêu đốt tất cả cây cối lớn nhỏ. Cảnh tượng này thức tỉnh thầy, gợi ý rằng chính thầy cũng phải mạnh dạn và vững vàng tiến lên như đám lửa rừng để thiêu đốt tất cả trói buộc lớn nhỏ bằng lửa "Bát chánh đạo". Đức Phật đọc tư tưởng thầy và, rải một tia sáng đến, khuyên dạy:

(Pháp Cú 31)
Tỳ Kheo sợ tính buông lung
Chuyên tâm chú niệm, dốc lòng chuyên tu
Tiến mau biết mấy cho vừa
Đốt tiêu phiền não tựa như lửa hồng,
Đốt dây to nhỏ chập chùng
Từ lâu trói buộc người trong luân hồi.

Có một tăng sĩ độ lượng, sống thanh đạm và tri túc. Hằng ngày đi khất thực ông thường quay về làng cũ, nơi đây thân nhân của ông đã chờ sẵn để cúng dường vật thực. Ông chẳng ham tham dự các cuộc đại bố thí của trưởng giả Cấp Cô Độc hay của vua Ba Tư Nặc. Các Tỳ kheo khác cho rằng ông chưa cắt đứt được dây luyến ái với gia đình. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ vị ấy được như vậy là nhờ trong quá khứ đã có kết hợp chặt chẽ với Ngài và ghi nhận rằng những ai có nếp sống như thầy Tỳ kheo kia là đã đứng trước Niết Bàn:

(Pháp Cú 32)
Tỳ Kheo sợ tính buông lung
Chuyên tâm chú niệm, dốc lòng tu thân
Niết Bàn đã tiến đến gần
Hố sâu đọa lạc trăm phần thoát qua.

Một cậu bé phải ngủ một mình dưới gầm xe ở cạnh bãi tha ma vì cha cậu đi tìm bò bị thất lạc, không quay lại kịp. Có con quỷ dữ tới muốn ăn thịt cậu. Cậu vội đọc câu đã quen miệng: "Nam Mô Phật". Quỷ kinh sợ thối lui. Về sau chính con quỷ ấy lại ra tay giúp cậu. Vua nghe câu chuyện, đến hầu Đức Phật và bạch hỏi vậy suy niệm về phẩm hạnh của Phật có đủ oai lực để xua đuổi những âm hồn xấu

không. Để giải thích Đức Phật dạy mọi người phải luôn luôn suy niệm để tự giác ngộ và lo tu thiền định:

(Pháp Cú 301)

Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Về niềm vui lớn kể chi:
Lo tu thiền định sớm khuya chuyên cần.

Vài vị tu sĩ trải qua một thời gian an cư kiết hạ trong một ải trấn ở biên thùy và thấy ở đây đời sống thiếu tiện nghi vì mọi người đều phải rộn rịp canh chừng kẻ địch. Khi các thầy trở về bạch lại với Đức Phật, Đức Phật khuyên dạy các thầy nên tự canh phòng thân tâm mình như người ta canh phòng một ải trấn ở biên thùy:

(Pháp Cú 315)
Tựa như thành ở biên cương
Trong ngoài phòng thủ kỹ càng nghiêm minh
Ta nên phòng hộ thân mình
Chớ nên chểnh mảng mặc tình buông lung
Buông lung nguy hiểm vô cùng
Đọa đày địa ngục trong chừng phút giây.

Một nông dân nghèo, chỉ có mảnh vải rách đắp thân và cái cày để đi cày thuê, sống đời cực khổ. Người này xin xuất gia. Đem quần áo cũ và cái cày ra bỏ dưới gốc cây gần chùa. Nhiều lần thầy ấy định hoàn tục, nhưng cuối cùng lấy quần áo rách và cái cày làm đề mục, thầy cố gắng hành thiền và đắc quả A La Hán. Giảng về thành quả tốt đẹp của thầy Đức Phật dạy rằng người biết tự điều chế sẽ sống an lạc:

(Pháp Cú 379)
Tự mình hãy kiểm soát mình
Tự mình dò xét chân thành bản thân
Tự mình giác tỉnh canh phòng
Tỳ Kheo sẽ sống vô cùng an vui.

Trong sự thực hành thiền định cần phải áp dụng những pháp môn sau đây: Hoặc điều hòa hơi thở, y theo hơi thở ra vào, khiến tâm không loạn động; Hoặc tịnh niệm, giữ niệm cho trong sạch an tĩnh, khiến tâm an trụ vào một niệm thanh tịnh; Hoặc thiền định, dùng sự suy nghĩ mà nghiên cứu, tìm xét cho đến nhất cảnh thanh tịnh. “Định học” đem lại cho tâm trí khỏi tán loạn, tối tăm, trí tuệ được phát triển và năng lực được phát sinh, nếu biết thực hành đúng phương pháp của nó. Và Thiền Định là cơ sở cho Trí Tuệ sinh khởi.

TRÍ TUỆ

Từ thiền định, người tu tiến dần đến trí tuệ. Mục đích của Đạo Phật là diệt khổ và đem vui cho mọi loài, nhưng phải là người có trí tuệ mới biết được con đường đưa đến an lạc và hạnh phúc, đến bờ giải thoát và giác ngộ. Do vậy vai trò của trí tuệ chiếm cứ vị trí then chốt trong mọi lời dạy của Đức Phật. Chúng ta có thể nói Đạo Phật là đạo của người trí, là đạo của tuệ giác.

Trước hết chúng ta nên phân biệt hai hạng người. Một hạng người rất uyên bác trong Đạo Phật, hiểu biết về kinh điển rất nhiều, nhưng chỉ có nghiên cứu Đạo Phật, không có hành trì. Nói về hành thiền thời rất giỏi nhưng không hành thiền. Trình bày rất hay về diệu dụng của trí tuệ, nhưng không phát triển trí tuệ. Hạng người này chưa được gọi là có trí tuệ. Một hạng người khác, có lòng tín thành, hành trì theo những giới cấm trong Đạo Phật, nhưng chỉ có lòng tin, chưa chuyển lòng tin thành trí, người ấy vẫn có khả năng bị tham sân si chi phối và do vậy, chưa được xem là người có trí tuệ.

"Tuệ" là phân biệt sự, lý, lựa chọn các pháp, dứt sự nghi ngờ, chứng lý chân thật. Tuệ là khả năng khai sáng của tâm trí, quán chiếu sự vật, thể nhập và chứng ngộ chân lý. Tuệ là pháp sáng suốt của tự tâm, luôn luôn thường còn và ai ai cũng sẵn có, chỉ vì mê mờ nên không tự biết, làm cho trí tuệ không được phát triển.

Trong thực tế thời thiền định và trí tuệ không bao giờ rời nhau. Kinh Pháp Cú có nhiều lời vừa đề cao thiền định vừa ca ngợi trí tuệ. Một vị Tỳ kheo đã đắc quả A La Hán trong rừng, đi về viếng Đức Phật. Trên đường về, sau cả ngày đi mỏi mệt, thầy ngồi trên một tảng đá bằng phẳng và nhập định. Cùng đêm ấy, có năm trăm tên cướp vào làng hành nghề xong cũng leo lên tảng đá và, trong bóng tối, thấy vị sư ngồi, ngỡ gốc cây khô, chúng để những đồ đạc đã cướp được ở quanh thầy, có thứ treo lên đầu, lên vai thầy, rồi nằm xuống đá ngủ. Đến sáng sớm thức dậy, chúng mới hay mình lầm, xin sám hối. Được thầy giảng cho nghe về chánh pháp chúng cảm phục và xin xuất gia luôn. Kế đó thầy trò cùng nhau kéo về thăm Đức Phật. Nghe câu chuyện Ngài dạy:

(Pháp Cú 111)
Cho dù sống đến trăm năm
Không còn trí tuệ, không chăm tu thiền
Chẳng bằng sống một ngày liền
Mà đầy trí tuệ, mà chuyên tu thiền.

Một vị Tỳ kheo có tài học rộng, thông suốt giáo pháp, nhưng Đức Phật vẫn gọi là ông thầy "trống rỗng" để khuyến khích thầy cố gắng đạt đến đạo quả A La Hán. Vị tăng sĩ hiểu ý, rút vào rừng sâu thanh vắng hành thiền. Chấp nhận lời khuyên của một Sa di trẻ tuổi, thầy tinh tấn thực hành thiền định để đắc quả A La Hán. Đức Phật dùng tuệ nhãn thấy vậy, hiện thân đến trước thầy và dạy rằng:

(Pháp Cú 282)
Tu thiền trí tuệ phát sinh,
Bỏ thiền trí tuệ rời mình trôi ngay
Ai mà thông suốt điều này
Biết so lợi hại, dở hay đôi đường
Tự mình nỗ lực tăng cường
Thêm phần trí tuệ ngát hương thơm lành.

Một vị Tỳ kheo ngồi trong giảng đường thuyết Pháp cho mẹ và nhiều người khác nghe. Cùng lúc ấy có bọn tướng cướp xông vào nhà bà mẹ. Tên đầu đảng thì ở lại cạnh bà canh chừng và định tâm sẽ giết bà nếu bà trở về trước khi chúng cướp xong. Người làm

trong nhà bà ba lần chạy đến chùa báo tin, nhưng ba lần, bà đuổi người nhà đi, bảo không nên làm rộn bà trong khi nghe Pháp. Tên chúa đảng lấy làm khâm phục tâm đạo của bà, chạy đi tìm các tên đồng bọn để ra lệnh phải hoàn trả lại tất cả những gì đã lấy. Xong, tất cả đến xin sám hối với bà và đều xin xuất gia. Nhân chuyện này Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 372)
Khi mà trí tuệ thiếu rồi
Thời bao thiền định trôi xuôi theo dòng,
Khi mà thiền định chẳng còn
Thời bao trí tuệ theo dòng trôi xuôi,
Ai mà định, tuệ đủ đôi
Sóng vàng đưa lối kề nơi Niết Bàn.

Theo Kinh Pháp Cú thời những người Phật tử trung kiên đang sống giữa đám chúng sinh mê muội, đã đem trí tuệ soi sáng thế gian, như hoa sen thanh khiết mọc lên giữa đám bùn nhơ. Phật giáo không lên án ai một cách vĩnh viễn, không khi nào cho ai là người phải chịu hư hỏng buông lung mãi mãi, không thể cải hóa, vì tánh cách cao thượng luôn luôn ngủ ngầm bên trong mỗi người, dầu là người thấp hèn cách nào, cũng như hoa sen, từ bùn nhơ nước đục vượt lên nhưng vẫn giữ mình trong sạch và tinh khiết. Một tín đồ của một hệ thống tín ngưỡng lõa thể âm mưu thỉnh Đức Phật và các môn đệ của Ngài tới cúng dường với mục đích làm cho mọi người bị sụp vào hầm than hồng đào ngầm bên dưới và do

đó bị hạ nhục. Đức Phật phát giác mưu đồ và cảm hóa kẻ đó rồi kêu kẻ đó đến nghe Pháp. Đức Phật giải thích rằng vì kém trí tuệ nên nhiều người không nhận thức được sự cao thượng của các môn đệ Ngài. Đức Phật so sánh những kẻ ấy với người mù và bậc thiện trí như người có mắt:

(Pháp Cú 58 - 59)
Như từ trong đống bùn nhơ
Bên đường nước đọng, ai ngờ nở ra
Hoa sen phô sắc mặn mà
Tỏa hương thanh khiết gần xa đẹp lòng,
Khác chi giữa chốn bụi hồng
Giữa phường mê muội ngập trong não phiền
Nảy sinh Phật tử trung kiên
Rạng soi trí tuệ khắp miền nhân gian.

Một nông dân xuất gia sống đời thiêng liêng vì nghĩ rằng đời sống ở chùa sẽ được dễ dàng hơn. Sau đó, sáu lần thầy hoàn tục và sáu lần đều xin trở lại. Lần thứ bảy trở về nhà khi nhìn thấy hình ảnh vợ anh đang mang thai, nằm ngủ, bụng phình, ngáy ồ ồ, nước dãi chảy, thật là bất tịnh, anh nông dân thật sự nhàm chán thế tục. Anh trở lại chùa và xin xuất gia với những vị tăng sĩ không mấy hoan hỉ chấp nhận một người đã nhiều lần ra đi và trở lại. Sau cùng, anh được thọ "cụ túc giới" và cố gắng chuyên cần,

sớm thành đạt đạo quả A La Hán. Các vị Tỳ kheo đồng môn không tin, bạch với Đức Phật và Ngài giải thích trạng thái "tâm" của anh, trước và sau khi chứng ngộ Niết Bàn:

(Pháp Cú 38)
Người không an định được tâm
Không rành chánh pháp, không thông đạo mầu
Lòng tin lại chẳng bền lâu
Tất nhiên trí tuệ dễ đâu hoàn thành.
Trí tuệ ở đây chính là sự nhìn đúng sự thật của cuộc sống, nhìn đúng sự thật nhân sinh và vũ trụ; nó không bao giờ xem xét sự vật bằng cảm quan, bằng suy lường, bằng cảm nhận; mà nó nhìn sự vật, hiện tượng qua sự thể nghiệm thiền tập và đi vào chánh định, chánh kiến.

Trí tuệ có thể phân tích ra thành ba loại: Trí tuệ phát sinh bằng cách nghe lời dạy của người khác; trí tuệ theo lối hiểu biết phát sinh do sự suy luận; và trí tuệ có được bằng lối thiền định để được khai thông, sáng suốt. Hai loại đầu chỉ cho ta sự sáng suốt về lý luận thế gian. Do hai phương pháp ấy ta chỉ có thể hiểu biết sự vật trong phạm vi mà triết lý có thể thấu hiểu đến như phân biệt thiện, ác; những gì nên làm, những gì không nên làm. Đối với loại thứ ba, nhờ thiền định ta có thể chứng được bằng trực giác những chân lý ngoài phạm vi lý trí. Trạng thái chú tâm vào đề mục thiền định không phải là tâm trạng mơ màng, tiêu cực, mà là một sự nỗ lực, linh động, tích cực. Chính nhờ thiền định ta có thể vượt qua mọi cảnh giới vật chất, nhờ thiền định ta có thể đặt mình vào đời sống kỷ cương, tự kiểm soát thân tâm, tự mình giác ngộ và sáng suốt hoàn toàn. Thiền định là thuốc bổ cho cả tâm lẫn trí. Loại trí tuệ này được Đức Phật tán thán rất nhiều.

Đức Phật khuyên người thiện trí hãy cố thoát ra khỏi thế gian này. Ba mươi vị tỳ kheo đến hầu Phật, nghe Pháp và đắc quả A La Hán cùng các thần thông. Lúc về, các vị đó bay đi. Đại đức A Nan thấy họ vào mà không thấy họ ra và cũng không thấy họ ở đâu hết nên bạch hỏi Đức Phật. Cùng lúc ấy có những con thiên nga đang bay trên không trung. Đức Phật ghi nhận rằng chư vị A La Hán có năng lực thần thông cũng bay giữa không trung như loài thiên nga:

(Pháp Cú 175)
Thiên nga tung cánh thảnh thơi
Chỉ bay theo hướng mặt trời hừng đông,
Người quyền phép nhờ thần thông
Chỉ bay lượn giữa hư không dễ dàng,
Riêng người trí lớn vô vàn
Dẹp trừ dục vọng Ma quân kia rồi Mới bay khỏi thế gian thôi.

Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này nhờ chinh phục được Ma vương dục vọng. Đó là các vị A La Hán, nhập Đại Niết Bàn, thoát được khỏi sinh tử, không còn tái sinh trở lại trên thế gian nữa.

Như vậy, trí tuệ vô lậu khác hẳn với trí tuệ thế gian hay tri thức thế gian. Trí tuệ vô lậu là con đường giải thoát hoàn toàn, là nguồn sống an lạc, hạnh phúc chân thật, mà trí tuệ thế gian chỉ là yếu tố trợ duyên.

Ba công năng chính của trí tuệ như sau:

1. Dứt trừ phiền não: Phiền não là ngọn lửa luôn luôn ngủ ngầm và bốc cháy trong con người chúng ta bất cứ lúc nào. Nó có công năng thiêu đốt mọi hạnh lành, mọi công đức mà chúng ta đã tạo. Phiền não là do mê lầm phát sinh. Khi trí tuệ đã có thì mê lầm phải mất, như khi ánh sáng phát ra thì bóng tối tất phải tan biến. Mê lầm đã mất thì phiền não tất không còn phát sinh nữa.

2. Chiếu sáng sự vật: Sự vật bị vô minh che khuất, như màn sương sớm che phủ cảnh vật, như mây phủ che lấp mặt trăng khiến trái đất bị bao trùm trong bóng tối. Nay trí tuệ phát chiếu vào sự vật, chẳng khác gì khi ánh sáng mặt trời lên, thì màn sương ắt phải tan biến, khi mây tan đi thì trăng sáng hiện ra và trái đất lại sáng sủa, lúc bấy giờ thực tướng thực tánh của sự vật được lộ bày như thật. Phật Giáo chỉ sử dụng một lưỡi gươm, đó là gươm trí tuệ, và chỉ công nhận một kẻ thù, đó là vô minh.

3. Thể nhập chân lý: Khi bị vô minh phủ lấp, ngăn che thì ta với người, ta với vật tưởng như riêng biệt, sai khác. Nay nhờ trí tuệ soi sáng, thấy rõ được tâm cảnh đều chân không, nên thể nhập được chân lý, giác ngộ hoàn toàn. Phật Giáo xây dựng cuộc sống an lạc, hạnh phúc bằng trí tuệ chứ không phải bằng đức tin.

Trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật cũng đã thiết tha nhắn nhủ rằng: "Trí tuệ là chiếc thuyền kiên cố chở khỏi biển già, đau, chết; là ngọn đèn lớn chói sáng vô minh hắc ám; là liều thuốc hay chữa hết thảy bệnh tật; là chiếc búa sắt chặt gãy cây phiền não. Vậy các ngươi phải lấy sự nghe, sự suy nghĩ, sự tu tập mà tự tăng ích cho trí tuệ mình".

"Đạo Phật là đạo trí tuệ" vì vị giáo chủ đã tỏ ngộ chân lý tuyệt đối và giảng dạy cho đồ chúng những gì Ngài biết bằng trí tuệ siêu xuất của mình. Nền khoa học cách đây hơn 25 thế kỷ vẫn còn sơ khai, con người chưa có kính hiển vi hay kính viễn vọng, cũng chưa có phi thuyền không gian, thế mà Đức Phật đã biết trong ly nước có vô số vi trùng, trong vũ trụ có hằng sa thế giới. Những lời dạy của Ngài về vũ trụ nhân sinh, cho đến nay vẫn là chân lý. Và khi khoa học càng tiến bộ, càng chứng minh sự đúng đắn của mọi điều Ngài tuyên thuyết trước đây.

GIỚI, ĐỊNH, TUỆ

Giới Định Tuệ là ba môn học căn bản nhất trong hệ thống giáo dục Phật Giáo. Bởi vì toàn bộ giáo lý Phật Giáo không nằm ngoài phạm vi Giới Định Tuệ. Do vậy, nói học Phật là học Giới Định Tuệ, tu Phật là tu Giới Định Tuệ

Giới, Định và Tuệ, ba môn vô lậu học, chỉ có trong giáo lý của Đức Phật. Ba môn học này giúp cho hành giả vượt khỏi sự trói buộc của phiền não, hoàn toàn tự tại; là phương tiện giúp cho hành giả không bị rớt trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, tâm không bị ràng buộc bởi mọi lậu hoặc, không dừng lại ở phước báo nhân thiên.

Trên cơ sở phân tích, có thể nói rằng, từ Giới sinh Định, từ Định phát Tuệ. Nhưng thực ra đây không phải là ba giai đoạn công phu theo thứ tự trước sau mà Giới, Định và Tuệ có mối quan hệ hỗ tương, trùng trùng nhân quả và tương quan mật thiết với nhau như một vòng tròn khép kín, không thể tách rời

nhau. Cho nên, Đức Phật đã nhiều lần thuyết pháp với Giới Định Tuệ; cái mà chúng ta cần phát triển gần như đồng bộ tùy theo khả năng từng người.

Truyện tích kể rằng một thanh niên nghèo khổ, chỉ có một bộ đồ rách và một cái tô bể, treo tất cả tài sản của mình trên cây, rồi đến chùa xin thọ lễ xuất gia. Sau đó nhiều lần anh hoàn tục, rồi trở lại giáo hội. Cuối cùng, nghĩ tới hoàn cảnh khốn cùng mà anh phải chịu nếu còn hoàn tục nữa, anh gia công hành thiền và đắc quả A La Hán. Đức Phật giảng về tâm bất mãn của anh trước kia và đức chuyên cần sau này. Ngài dạy rằng "Biết tự kiềm chế là khôn ngoan. Hãy nỗ lực sám hối như ngựa đã hay còn thêm roi. Hãy nhiệt tâm chuyên cần với niềm tin chân chính, trau giồi trí tuệ và đạo đức, thiền định, giữ giới, tri và hành đạo một cách tích cực để tiêu trừ mọi khổ đau”:

(Pháp Cú 144)
Giống như ngựa giỏi chạy hăng
Thêm roi thúc giục lại càng hay hơn
Ngươi mau giữ giới chuyên cần
Niềm tin, đạo đức quyết tâm giữ gìn,
Trau dồi trí tuệ vững bền
Pháp môn thiền định nên chuyên thực hành
Theo và hành đạo nhiệt thành
Để mau tiêu diệt ngọn ngành khổ đau.
Chỉ nội trong một buổi sáng mà một thiếu phụ mất những người thân yêu gần gũi nhất của bà gồm chồng, hai con, cha mẹ, anh chị em trong một trường hợp vô cùng thê thảm. Bà phát điên và chạy cùng đường. Đức Phật từ bi an ủi bà và dạy "Trước cái chết, những người thân cũng chẳng thể làm gì để giúp đỡ được. Người hiền trí ngay khi còn khoẻ mạnh, nên giữ gìn giới luật, và dọn dẹp cho thật sạch sẽ các chướng ngại trên con đường đưa tới Niết Bàn":

(Pháp Cú 288 - 289)
Tử thần khi đến kêu mình
Bà con thân thuộc cũng đành bó tay
Cha con tình có tràn đầy
Dễ gì giúp được nhau ngay lúc này.
Khi ta hiểu lẽ trên đây
Người nào giới hạnh hàng ngày luôn theo
Lại thêm trí tuệ cao siêu
Sẽ mau mở lối đi nhiều hương hoa
Niết Bàn chốn đó tìm qua.

Tóm lại, chủ đích của Đạo Phật là muốn toàn thể chúng sinh giác ngộ được sự thật, sống theo sự thật, để được tự tại và giải thoát. Nhưng, muốn được thế cần phải lấy sự hành trì làm căn bản, mà nguyên tắc chính của tất cả sự hành trì là Giới, Định và Tuệ. Vậy chúng ta nên đặc biệt chú trọng vào ba môn đó mà thực hành. Vì chỉ có sự thực hành theo đúng nguyên tắc căn bản mới đưa đến mục đích giải thoát và giác ngộ của Đạo Phật. Giới, Định, Tuệ là ba môn học không dời đổi, là chìa khóa mở cửa ngõ Niết Bàn giải thoát.

-ooOoo-

NGƯỜI NGU VÀ NGƯỜI TRÍ

NGƯỜI NGU

Đạo Phật là đạo đối trị với vô minh tức là đối trị với kẻ ngu si, dại khờ, nên Kinh Pháp Cú dành trọn một phẩm để đề cập đến hạng người này.

Truyện tích kể rằng một cô gái rất đẹp và hiền thục, con một thương gia giàu có. Nước da cô như màu hoa sen xanh biếc nên cô có tên là Liên Hoa Sắc. Đến tuổi cập kê có quá nhiều vương tôn công tử đến xin hỏi cưới cô. Cô không ưng ai cả. Xuất gia làm ni cô, tinh tấn tu hành trong một căn lều giữa rừng. Một ngày cô ra khỏi rừng đi vào thành phố khất thực. Một kẻ bất lương vốn là con người cậu của ni cô, đem lòng yêu cô từ khi cô chưa đi tu, hắn lén vào rừng trốn dưới gầm giường. Khi cô trở về hắn hãm hiếp cô. Ngay sau đó khi hắn rời khỏi lều thời mặt đất nứt ra và tên gian ác bị đọa vào địa ngục. Khi nghe câu chuyện, Đức Phật giảng dạy về những phiền não mà kẻ ngu có hành động bất thiện phải gặp:

(Pháp Cú 69)
Khi mà nghiệp ác chưa thành
Chưa gây hậu quả thật tình thảm thương
Người ngu cảm thấy bình thường
Tưởng như được nếm mật đường ngọt thay,
Nhưng khi quả báo đọa đày
Người ngu chịu khổ, đắng cay não nề.
Nhiều người tìm đến tịnh thất của một vị Phật Độc Giác để cúng dường. Họ đi qua lại và giẫm lên đám ruộng của một anh nông dân. Anh cản ngăn nhiều lần không được nên tức giận và lén nổi lửa thiêu đốt tịnh thất. Dân chúng đến, không còn thấy vị Phật nữa. Khi hay biết sự thật họ bèn xúm lại đánh anh đến chết. Anh bị đọa vào địa ngục, sau đó tái sinh làm ngạ quỷ có hình tướng giống như con rắn. Đức Phật chỉ cho rõ về những quả xấu của hành động bất thiện của kẻ ngu:

(Pháp Cú 71)
Người ngu nghiệp ác tạo nên
Nào đâu hậu quả thấy liền nơi đây
Tựa như sữa chẳng đông ngay,
Tuy nhiên nghiệp báo đêm ngày ngầm theo

Giống như ngọn lửa thầm reo
Trong than hồng ủ dưới nhiều lớp tro.

Kẻ ngu tham danh nhiều chừng nào càng gặp nhiều nguy hiểm chừng nấy. Một người học trò buông lung hư hỏng theo học nghề bắn đá và sử dụng sai lạc tài nghệ của mình, bắn hòn đá trúng một vị Phật Độc Giác chết ngay tại chỗ. Do nghiệp bất thiện này, anh tái sinh làm ngạ quỷ, bị nhiều búa tạ cháy đỏ vung lên và giáng xuống liên tục trên đỉnh đầu. Nhắc đến tài nghệ trong quá khứ của "quỷ búa tạ" này, Đức Phật ghi nhận rằng chính sự hiểu biết tài giỏi của người học trò buông lung này đã làm hại anh:

(Pháp Cú 72)
Chút tài mọn, chút hư danh
Dù thêm vào được cho mình nay mai
Người ngu vẫn tự hại đời
Tự đưa mình tới cuối trời diệt vong
Để rồi hạnh phúc chẳng còn
Tiêu tan đầu não, héo hon trí người.

Vì là ngu si vô trí, không biết phân biệt chính, tà, chân, ngụy, nên kẻ ngu hay lựa chọn những pháp môn sai lầm để hành trì. Ta không lạ gì nếu thấy kẻ ngu thường chọn cách tu trì theo khổ hạnh. Một đạo sĩ tu khổ hạnh ở gần một ngôi làng và được một gia đình thường cúng dường thức ăn. Gần lều của thầy có một ngọn đồi và một con kỳ đà chúa sống ở đó. Nó thường viếng thầy và rất kính trọng thầy. Nhưng một hôm thầy mưu toan giết con kỳ đà. Thầy bèn giấu một cây gậy trong áo, đến gần đồi cát và giả vờ ngủ. Khi con kỳ đà đến gần thầy định giết nhưng kỳ đà chạy thoát. Đức Phật dạy “Hãy thanh tịnh và trong sạch bên trong. Còn như dung mạo bên ngoài chỉ là trang điểm suông”:

(Pháp Cú 394) Kẻ ngu bện tóc trên đầu

Da dê may áo mặc đâu ích gì, Lòng đầy tham dục chưa lìa Điểm trang ngoài mặt làm chi cho thừa.

Chính kẻ ngu, vì ngu si khờ dại, vì sai lầm mà miệt thị giáo pháp, khinh miệt chư vị hiền thánh, khinh miệt người hành đạo, và do vậy sẽ tự đưa mình đến chỗ hoại vong. Một bà thí chủ thường giúp đỡ một thầy tu. Sau khi thấy người ta tán tụng Đức Phật bà cũng muốn đến nghe Ngài thuyết Pháp. Thầy tu ganh tị, sợ bà sẽ không giúp ông nữa nên ông thuyết phục bà không nên đi nghe. Không làm theo lời ông, bà tín nữ đến hầu Phật. Thấy vậy, thầy cũng đến bạch với Đức Phật rằng bà này không hiểu nổi chánh pháp. Thầy xin Đức Phật đổi đề tài và chỉ giảng về đức bố thí và trì giới mà thôi. Biết rõ ý định không tốt của thầy, Đức Phật dạy "Những người khờ dại, vì sai lầm mà phỉ báng giáo pháp của chư Phật, khinh miệt chư vị hiền thánh, khinh miệt người hành đạo và như thế chỉ tự làm tổn hại mình, tự đưa mình đến chỗ hoại vong mà thôi":

(Pháp Cú 164)
Đám người khờ dại, ngu si
Vì nhìn sai lạc, khinh khi đạo mầu

Khinh khi giáo pháp thâm sâu
Nhạo người chánh đạo từ lâu tu hành,
Đám này rước khổ vào mình
Giống cây lau nọ khi sinh quả rồi
Sẽ liền tự diệt mà thôi.

Và cũng vì ngu si, kẻ vô trí làm hại các người hiền thiện. Nhưng hại người không đến đâu, trở lại mình bị hại. Truyện tích kể rằng người thợ săn kia vào rừng với bầy chó. Trên đường đi, anh gặp một tăng sĩ. Trọn suốt buổi anh không săn được gì. Lúc trở về, anh gặp lại thầy. Nghĩ rằng vì gặp thầy nên không săn được thịt, anh nổi giận xua chó vồ cắn thầy. Thầy hoảng sợ, trèo lên cây thoát thân. Tên thợ săn chưa đã nư giận, bắn một mũi tên trúng vào gót chân thầy. Thầy bị quá đau, loay hoay làm rơi cái y xuống. Cái y trùm lên mình tên thợ săn. Đoàn chó dữ thấy có người lúng túng trong cái y, ngỡ rằng vị tăng sĩ từ trên cây đã rơi xuống đây nên áp lại cắn tên thợ săn đến chết. Thầy thoát nạn trở về hầu Phật và thắc mắc không biết hành động như vậy thầy có tạo ác nghiệp hay không. Đức Phật rọi sáng cho biết là thầy "vô tội" và mô tả hậu quả xấu càng tăng trưởng thêm của kẻ nhẫn tâm gây tổn hại cho người khác. "Làm hại người hiền lương vô tội thời quả dữ của việc ấy sẽ quay lại với người làm ác":

(Pháp Cú 125)
Khi mà kẻ ác hại người
Tâm tư trong sạch, cuộc đời hiền lương,
Ác kia trở lại thảm thương
Gây cho kẻ ác trăm đường khổ thay
Tựa như ngược gió vung tay
Tung ra bụi bẩn, bụi bay lại mình.

Người ngu si, vì thiếu hiểu biết, nên đã biến "tự ngã", biến sự ngu dốt của mình thành ra kẻ thù gây đau khổ cho chính mình. Ngày kia, có một người mang bệnh cùi, người đó đến nghe Pháp và đắc quả Dự Lưu. Bất hạnh thay, lúc trở về, người ấy bị một con bò cái hung hăng húc vào người và ngã ra chết. Đức Phật giải thích rằng vị ấy phải mang bệnh cùi vì trong một tiền kiếp đã có lần nhổ nước miếng vào một vị Phật Độc Giác. Và vị ấy bị bò húc chết vì trong một tiền kiếp khác đã giết một cô gái giang hồ, nay cô đầu thai thành con bò này húc vị đó để trả thù:

(Pháp Cú 66)
Những người ngu dại, u mê
Thiếu phần trí tuệ, thiếu bề tinh anh
Tự mình lại biến chính mình
Thành ra thù địch quẩn quanh theo hoài
Tạo muôn nghiệp ác nào hay Chuốc vào hậu quả đắng cay sau này.

Hai người bạn chuyên làm nghề móc túi, một hôm cùng đi nghe thuyết Pháp. Sau khi chăm chú nghe, một người đắc quả Dự Lưu. Trong lúc ấy người kia chỉ lo ăn cắp tiền của các Phật tử. Khi về nhà, vợ chồng người ăn cắp thời có đồ ăn ngon lành và chê

người bạn kia không khôn ngoan, không biết lợi dụng thời cơ để kiếm chút gì nuôi thân. Khi hay được câu chuyện, Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa người cuồng dại với người trí và dạy rằng thật không gì nguy hiểm bằng, khi người ngu tưởng rằng mình có trí:

(Pháp Cú 63)
Người ngu tự biết mình ngu
Thế là có trí, người xưa dạy rồi,
Ngu mà cứ tưởng khôn thôi
Mới là một kẻ muôn đời thật ngu.

Một Đại đức có tính hay khoe khoang, muốn được mọi người khen tặng mình là người thông hiểu rành rẽ về chánh pháp nên thường hay leo ngồi trên Pháp tọa. Các vị Tỳ kheo khác một hôm đến viếng chùa thấy vậy lầm tưởng rằng thầy thông suốt giáo pháp, đến nhờ thầy giảng, mới biết thầy không thông. Câu chuyện được bạch với Đức Phật, Đức Phật giảng về thái độ của người cuồng dại, dầu suốt đời sống chung với người trí, vẫn không thông hiểu giáo pháp, cũng như cái muỗng, dầu nằm trọn vẹn trong nồi canh, vẫn không thưởng thức được hương vị của canh:

(Pháp Cú 64)
Người ngu suốt cả một đời
Gần bên người trí cũng hoài công thôi
Hiểu đâu chánh pháp cao vời,
Như thìa, như muỗng múc nồi canh kia
Múc hoài từ sáng tới khuya
Vị canh ngon ngọt hưởng gì được đâu.

Đức Phật khuyên chúng ta nên sống một mình cô độc, còn hơn là bạn với kẻ ngu. Có lần các Tỳ kheo chia làm hai nhóm tranh cãi ồn ào mãi. Đức Phật ngăn cản chẳng được. Ngài bỏ đi sống một mình giữa rừng, có con voi chúa phục vụ. Khi có người thắc mắc cho rằng chắc Ngài bị vất vả nhiều, Đức Phật dạy "Thà ở riêng một mình còn hơn kết bạn cùng người ngu đần. Ở một mình rảnh rang, khỏi phiền não":

(Pháp Cú 330)
Thà ta cứ ở một mình
Còn hơn có bạn đồng hành ngu si,
Mình ta rong ruổi bước đi
Tránh làm điều ác có chi phiền lòng,
Như voi kia sống thong dong
Một mình thanh thản ở trong rừng già.

Tôn giả Đại Ca Diếp có hai người học trò. Một người kính cẩn, lễ độ. Người kia không nghe lời răn dạy, lại hay tỏ ra bất mãn. Người học trò xấu một hôm đến nhà một tín nữ nói dối là thầy bị bệnh. Tín nữ dâng cúng thực phẩm ngon nhờ mang về cho thầy. Dọc đường trò ăn hết cả. Khi bị thầy quở rầy thời trò không vui, nổi lửa đốt tịnh thất của thầy và bỏ trốn. Đức Phật nghe thuật lại chuyện, dạy rằng nên sống đơn độc còn hơn

kết hợp với người điên khùng, cuồng dại. Vì lòng từ bi, vì thương họ, ta có thể đến gần người cuồng dại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp cho họ sáng suốt hơn, nhưng không nên để cái cuồng dại của họ nhiễm ta:

(Pháp Cú 61) Khi cùng sánh bước đường đời

Nếu không tìm được một người so ra
Hơn ta hay chỉ bằng ta
Một mình rong ruổi thế mà lại hay,
Gặp người ngu muội phiền thay
Chớ nên kết bạn có ngày khổ đau.
NGƯỜI TRÍ

Đối diện với kẻ ngu là bậc trí và cả một phẩm để dành nói đến bậc trí trong bộ Kinh Pháp Cú. Người trí ưa thích im lặng như biển lớn, như cái gì đầy tràn, như ao đầy nước, còn kẻ ngu thì ồn ào như khe núi, như cái gì trống rỗng, như ghè vơi nước. Chúng ta sẽ thấy thật không dễ gì được gặp bậc hiền trí, và chỗ nào bậc hiền trí sinh, chỗ ấy được an lạc. Đại đức A Nan bạch hỏi Đức Phật những nhân vật cao quý, vĩ đại như thánh nhân đản sinh ở nơi nào. Để giải đáp, Đức Phật dạy "Rất khó gặp được bậc thánh nhân trí tuệ cao siêu vì người như thế rất ít. Nơi nào có người trí tuệ cao siêu ra đời thì gia tộc đó được phúc báu và hạnh phúc":

(Pháp Cú 193)
Khó mà gặp được thánh nhân
Là người trí tuệ muôn phần cao siêu
Người như vậy chẳng có nhiều,
Chỗ nào kẻ trí sớm chiều sinh ra
Gia đình hạnh phúc chan hòa.
Người trí được ví như con ngựa phi nước đại, bỏ lại sau con ngựa yếu đuối hèn kém để nêu rõ hạnh tinh cần và sự tỉnh thức của người trí giữa các người phóng dật, u mê. Hai Tỳ kheo rút vào rừng hành thiền. Một vị kiên trì chuyên chú nên chẳng bao lâu chứng đắc được quả La Hán. Vị kia thì phóng dật, chỉ ngồi sưởi, tán chuyện rồi lăn ra ngủ. Đức Phật ca ngợi vị sống tinh cần chánh niệm:

(Pháp Cú 29)
Giữ cho tinh tấn trong lòng
Giữa bao nhiêu kẻ buông lung tràn trề
Giữ cho tỉnh táo mọi bề
Giữa bao nhiêu kẻ ngủ mê li bì
Kìa trông kẻ trí khác gì
Như con tuấn mã phóng đi hào hùng
Phía sau bỏ lại trên đường
Ngựa gầy hèn yếu não nùng lết theo.

Kẻ trí thấy rõ cần phải nhiếp phục tự thân. Một cậu bé bảy tuổi xuất gia làm Sa di. Ngày kia, khi đi theo thầy cậu để ý thấy những người nông dân dẫn thủy nhập điền, những người thợ chuốt tên, những người thợ mộc đang đẽo gỗ làm bánh xe. Cậu tự nghĩ: "Những vật vô tri vô giác như nước, như gỗ còn có thể uốn nắn và kiểm soát được, tại sao ta lại không thể thuần hóa được cái thân của ta?". Nghĩ vậy, cậu rút vào tịnh thất, chuyên chú hành thiền và đắc quả A La Hán trong lúc chỉ có bảy tuổi. Đức Phật nhân đó dạy:

(Pháp Cú 80)
Những người tưới nước chăm lo
Đào mương dẫn nước vào cho khắp miền,
Những người thợ vót cung tên
Cung tên lo uốn triền miên tháng ngày,
Những người thợ mộc khéo tay
Xẻ cây, uốn ván thẳng ngay tài tình,
Còn như người trí tinh anh
Chăm lo thuần hóa thân mình cho nhanh.
Nói cho rõ hơn, người trí có một lựa chọn dứt khoát giữa thiện và bất thiện, giữa trạng thái sáng sủa và trạng thái tối tăm. Đứng trước lạc khổ ở đời, người hiền trí đã vượt lên trên mọi xúc động nên không cảm thấy vui buồn.

Người trí chỉ giáo hoá người khác khi tự mình đã có một vị trí thích đáng. Một Tỳ kheo vốn có tài hùng biện nhưng tham lam. Thầy đi từ chùa này sang chùa khác thuyết Pháp và tham lam thâu góp tất cả những vật cúng dường. Ngày kia có hai vị sư trẻ tuổi không thể thỏa thuận với nhau để chia hai bộ y và một cái mền gấm. Thầy tham lam giảng hòa hai đàng bằng cách chia cho mỗi vị một bộ y, còn cái mền thì về phần thầy. Câu chuyện đến tai Đức Phật. Nhân cơ hội, Đức Phật giảng về bổn phận của ông thầy trước hết là phải làm gương và người trí như thế thời sẽ không bị kẻ khác khiển trách. "Trước hết phải tự đặt mình vào con đường Chánh Đạo rồi sau mới chỉ bảo dạy dỗ người khác":

(Pháp Cú 158)
Đầu tiên hãy tự đặt mình
Vào đường chân chính quang minh rạng ngời
Về sau mới giáo hóa người,
Kẻ hiền, kẻ trí luôn noi gương này
Nào ai chê trách nữa đây.
Thần thông là năng lực tinh thần. Do nhờ sự phát triển tinh thần đầy đủ, hành giả có thể bay trên không trung, đi trên mặt nước, chui xuống lòng đất v.v... Những loại năng lực ấy thuộc về tâm linh và phi thường nhưng không phải là phép lạ. Còn bay khỏi thế gian là các vị A La Hán, nhập Đại Niết Bàn, không còn tái sinh trở lại trên thế gian này.

Đại đức Xa Nặc, trước kia là người đánh xe cho thái tử Tất Đạt Đa, thầy tỏ ra thật kỳ khôi, khó dạy. Thầy thường tự hào rằng mình là người duy nhất thân cận bên Phật

ngay từ buổi đầu khi Phật còn là thái tử nên thầy hay ganh tị với địa vị ngày nay của hai vị đại đệ tử của Đức Phật là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Thầy thường lên tiếng chê bai hai vị này. Ba lần Đức Phật khuyên dạy thầy về sự lợi ích có bạn tốt và lưu ý rằng hai vị đại đệ tử là bạn tốt nhất của thầy. Thầy không nghe lời. Đến khi Đức Phật nhập diệt, thầy hối hận quá mới đến sám hối với hai vị đại đệ tử trên. Sau này thầy tinh tấn tu hành và đắc quả A La Hán. Người trí thường sáng suốt và có hạnh tuyệt diệu, nên Đức Phật khuyên chúng ta nên thân cận kẻ trí hơn kết bạn với kẻ ngu:

(Pháp Cú 78)
Người gian ác, kẻ tiểu nhân
Chớ nên làm bạn, kết thân với mình
Chỉ nên kết bạn người lành
Tác phong quân tử, tính tình thanh cao.

Có lần chư Tăng chia làm hai nhóm tranh cãi nhau náo động. Đức Phật khuyên giải không được. Ngài vào sống một mình ở giữa rừng để nhập hạ. Trong đấy có một con voi chúa tới hầu hạ Ngài chu đáo. Sau mùa an cư tôn giả A Nan dắt năm trăm Tỳ kheo vào rừng thỉnh Đức Phật trở về tịnh xá. Luận về đời sống cô đơn của Ngài trong thời gian qua Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 329)
Nếu không gặp bạn đồng hành
Hiền lương, trí tuệ cùng mình đi xa
Ta nên sống một mình ta
Như vua lánh khỏi nước nhà bại vong,
Như voi kia sống thong dong
Một mình thanh thản ở trong rừng già.

Chung sống với người ngu, chung sống với người trí là cả một sự mâu thuẫn thái cực. Một lần nọ Đức Phật lâm bệnh, vua Trời Đế Thích biến ra hình người đến hầu và săn sóc Ngài. Các vị Tỳ kheo lấy làm

ngạc nhiên trước cử chỉ gương mẫu của vua Trời Đế Thích. Lúc ấy Đức Phật dạy nên gần bên người trí vì chẳng khác nào gặp được bà con thân thuộc:

(Pháp Cú 207)
Sống chung, thân cận người ngu
Lúc nào cũng thấy buồn lo phập phồng,
Khổ thay gần kẻ ngu đần
Khác nào sống cạnh địch quân hiểm nghèo,
Sống cùng người trí lành nhiều
Vui như bên kẻ thân yêu, họ hàng.

Cho nên khi gặp được người hiền trí hoặc người thông minh, kiên nhẫn, giới hạnh trang nghiêm và các bậc thánh nhân, ta nên kết hợp với họ:

(Pháp Cú 208)

Đúng như vậy! Thật rõ ràng:
Nếu gần gũi được những hàng thánh nhân,
Người hiền trí, người đa văn
Những người trì giới thành tâm, kiên trì
Nên theo gót họ mọi bề
Như trăng theo mãi đường đi sao trời.

Người trí biết nhận chân giá trị của giáo pháp. Ba mươi thanh niên được nghe giáo pháp liền đắc quả A La Hán. Từ cuộc sống trụy lạc chỉ theo đuổi các thú vui nhục dục họ đã đổi thành đức hạnh. Đức Phật đề cập đến sự chứng ngộ mau lẹ ấy và giải thích rằng các vị này vốn đã là những người thông minh xuất chúng, dù chỉ sống chung với bậc trí tuệ trong chốc lát cũng hiểu ngay được chánh pháp:

(Pháp Cú 65)
Người thông minh dễ dàng thay
Gần người trí tuệ hiểu ngay đạo mầu
Hiểu ngay chánh pháp thâm sâu
Khác chi cái lưỡi nếm vào canh kia
Biết ngay hương vị khó chi.

Vua Ba Tư Nặc tiêu xài tiền của thật nhiều để cúng dường Đức Phật và chư Tăng. Trong triều đình có một vị đại thần không vui vì cho như thế là hoang phí, nhưng một vị khác lại lấy làm hoan hỉ. Xét về hai thái độ khác nhau ấy Đức Phật giảng cho vua nghe rằng:

(Pháp Cú 177)
Những người keo kiết ở đời
Sinh đâu vào được cõi trời mai sau
Những người ngu muội dài lâu
Ghét lời bố thí, ghét câu cúng dường,
Chỉ riêng người trí tìm đường
Mở tâm quảng đại cúng dường lòng vui
Đời sau an lạc mãi thôi.

Kẻ trí và người ngu nhìn đời có khác nhau. Người thiện trí không luyến ái trần thế tức là cái thể xác ngũ uẩn này, cái thân tâm này. Một hoàng tử lấy làm sầu muộn khi hay tin người vũ nữ thường ca múa giúp vui cho ông vừa chết. Hoàng tử đến hầu Phật để tìm nguồn an ủi. Đức Phật khuyên giải ông và dạy rằng chỉ người cuồng dại mới say đắm mà lặn ngụp trong thế gian:

(Pháp Cú 171) Dù nhìn trần thế của ta Xa hoa lộng lẫy như là xe vua

Kẻ cuồng dại mới thích ưa
Mới mong tham đắm mê mờ ngu si
Còn như người trí thiết chi
Có đâu luyến ái, dễ gì bận tâm.

-ooOoo-

TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI

TAM QUY

Muốn tu học theo Đạo Phật, muốn trở thành Phật tử thời chính bản thân mình phải có chí muốn thành Phật và tự nguyện sẽ thành Phật, vì biết mình có sẵn Phật tánh nên tự tin là mình sẽ thành Phật. Ai tu cũng được cả, dù giàu sang hay nghèo hèn, dù thông minh hay dốt nát, dù già hay trẻ. Tu càng sớm càng hay. Tu chỉ có nghĩa là "sửa đổi", sửa xấu thành đẹp, sửa ác thành hiền, sửa si mê thành giác ngộ... Tu ở nhà, tu ngoài xã hội, tu ở chùa, nơi đâu cũng được.

Muốn tu đạo Phật thời bước đầu tiên trong con đường tu tập là "Quy Y". Quy là trở về. Y là nương tựa. Quy y là sự trở về để nương tựa. Có tất cả ba sự trở về nên gọi là "Tam Quy". Đó là quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng.

Phật, Pháp, Tăng là ba thứ tôn quý nhất của người Phật tử, cho nên gọi là "Tam Bảo". Bảo là quý. Công việc đầu tiên của người bước vào Đạo Phật là "Quy Y Tam Bảo", nghĩa là đến chùa, xin làm lễ được nhận vào hàng đệ tử của Phật, và xin chư Tăng truyền giới cho.

Giáo chủ một đạo khác chuyên tu khổ hạnh, dạy đệ tử tìm nương tựa nơi núi, rừng v.v... để thoát khỏi đau khổ. Đức Phật khuyên rằng vì sợ hãi mà đến quy y thần núi, quy y thần rừng và tại các đền miếu thời đó không phải là chỗ quy y tối thượng, không phải là chỗ nương tựa an toàn. Quy y như thế khổ não vẫn còn nguyên. Trái lại người đi tìm quy y Phật, Pháp, Tăng, được mở trí tuệ để hiểu rõ "Bốn điều chân lý nhiệm mầu" (Tứ Diệu Đế), hiểu biết "Tám con đường chân chính phải theo" (Bát Chánh Đạo) để thoát khỏi mọi điều đau khổ. Quy y như vậy mới hòng được giải thoát:

(Pháp Cú 188 - 192)
Loài người hãi sợ kinh hoàng
Nên tìm nhiều chỗ vội vàng quy y
Thánh thần núi nọ, rừng kia
Hoặc nơi cây cối, tháp bia, miếu đền
Nào đâu nương tựa được yên
Quy y như vậy não phiền còn vương,
Nếu quy y Phật, Pháp, Tăng
Riêng phần trí tuệ vinh thăng nhiệm mầu
Hiểu ra Tứ Đế thâm sâu:
Biết rằng trần thế khổ đau là gì,
Hiểu ra nguồn gốc khổ kia,
Biết đường diệt hết khổ đi là rồi
Biết Bát Chánh Đạo tuyệt vời
Tám đường chân chính con người nên theo
Quy y chỗ đó cao siêu
An toàn, giải thoát trăm điều khổ đau.

1. Chúng sinh cần trở về để nương tựa vào Đức Phật. Con người trước khi được nghe Phật Pháp, sống trong cảnh mê lầm, như người lạc đường trong đêm tối. Muốn ra ngoài ánh sáng và đi cho đúng đường, cần phải đổi hướng, quay đầu theo sự chỉ dẫn của Phật, xem đó là vị đạo sư. Đức Phật là ông thầy cao quý nhất đã vạch ra con đường giải thoát. Đây là "Quy Y Phật", còn gọi là "Nam Mô Phật".

Nam Mô Phật thường được nói tắt thành "Mô Phật". Nam Mô Phật là nói theo tiếng Phạn, có nghĩa là "Chí tâm đảnh lễ Đức Phật".

Ta chính thức trở thành Phật tử sau khi thọ lễ quy y Tam Bảo. Người Phật tử quy y, hay tìm nương tựa nơi Đức Phật, không phải để cầu xin hay hy vọng được chính Ngài ra tay giải thoát giùm mình. Niềm tin mà người Phật tử trọn vẹn đặt vào Đức Phật giống như niềm tin của người bệnh đặt vào danh y, hay của trò đặt vào nơi thầy. Ta phải thường xuyên suy niệm về Phật, suy niệm về các phẩm hạnh của Phật:

(Pháp Cú 296)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Nghĩ về Đức Phật từ bi
Một lòng tưởng niệm sớm khuya chuyên cần.
2. Đã quay về với ánh sáng của Phật thì phải tuân theo lời giảng dạy của Phật, nghe giáo lý của Phật. Giáo Pháp là con đường duy nhất. Đây là "Quy Y Pháp". Thường xuyên suy niệm về chánh pháp, suy niệm về đặc tính của chánh pháp, tức là những lời giáo huấn của Phật:

(Pháp Cú 297)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Nghĩ về Chánh Pháp từ bi
Một lòng tưởng niệm sớm khuya chuyên cần.
3. Khi Đức Phật còn tại thế thì nghe lời giảng của Đức Phật. Khi Đức Phật đã tịch diệt thì nghe lời giảng của chư Tăng. Tăng là các vị Sư, những người đã xuất gia tu tập, hy sinh đời riêng để làm sứ mạng giữ gìn giáo pháp và tuyên dương giảng dạy giáo lý cho người khác. "Tăng Già" là đoàn thể tu sĩ Phật Giáo, đại diện cho các vị Thinh văn đã theo đúng con đường và trở thành những gương sống. Khi "Quy Y Tăng" ta cần thường xuyên suy niệm về Tăng Già, suy niệm về phẩm hạnh của giáo hội Tăng Già, giáo hội cao quý của chư đệ tử Phật:

(Pháp Cú 298)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Nghĩ về Giáo Hội từ bi
Chư Tăng hòa hợp sớm khuya tu hành.
NGŨ GIỚI

Bước thứ nhì sau khi làm lễ quy y là giữ giới, nghĩa là tuân theo những lời răn cấm của Đức Phật dạy, mà chư Tăng đã truyền giảng sau khi làm lễ quy y. Có tất cả năm điều răn cấm, gọi là năm giới hay “Ngũ Giới". Người phát tâm quy y Tam Bảo là đã bước chân lên nấc thang giải thoát, nhưng nếu không giữ ngũ giới là chỉ mới bước một nấc đầu rồi dừng lại. Năm giới không những đưa người mạnh tiến trên đường giải thoát, mà còn đem lại trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, quốc gia, xã hội nữa. Ngũ giới chính là giềng mối chắc thật tạo hạnh phúc cho cá nhân và đoàn thể.

Đối với người tại gia, Đức Phật khuyên giữ năm giới. Năm giới đó là: "không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp, không tà dâm và không uống rượu say sưa". Những ai phạm năm giới này là tự đào bỏ mất thiện căn của mình, bỏ mất đi cái gốc lành, rồi tự đào hố chôn sâu gốc rễ của mình vào vòng trầm luân, bám chặt, dính mắc vào kiếp sống sinh tử luân hồi, không bao giờ thoát ra khỏi thế gian đầy đau khổ này. Đức Phật dạy chúng ta nên cố tránh những hành động tạo nghiệp bất thiện kể trên. Nhân có nhiều thiện tín than phiền rằng thật là khó giữ tròn năm giới, vì mỗi người có một hay hai giới không giữ được. Nghe câu chuyện, Đức Phật dạy rằng không giới nào kém quan trọng hơn giới nào. Tất cả các giới đều khó giữ, nhưng phải giữ cho thật đầy đủ thì mới được giải thoát:

(Pháp Cú 246 - 247)
Ai mà có thói sát sinh
Nói năng gian dối, tính tình tà dâm
Say sưa, trộm cắp, hư thân
Sống đời như thế trầm luân vô vàn
Coi như ngay cõi nhân gian
Tự đào bỏ mất thiện căn của mình.
1. Không sát sinh tức là không được giết hại, không được làm tổn hại đến đời sống của người và sinh vật. Phải có lòng từ bi thương hết mọi loài.

Một nhóm "sáu vị tỳ kheo" ỷ mình cao tuổi đạo nên tranh chấp giành chỗ ở, tấn công một nhóm khác gồm "mười bảy vị", Đức Phật hay được câu chuyện, cho ban hành giới luật có liên quan đến việc cấm hành hung hoặc sát hại kẻ khác vì ai cũng sợ hình phạt và đều quý trọng đời sống:

(Pháp Cú 129)
Sợ thay gậy gộc, gươm đao
Sợ tay thần chết hại bao cuộc đời
Suy lòng mình ra lòng người
Chớ nên giết hại hoặc xui giết người.
(Pháp Cú 130)
Sợ thay gậy gộc, gươm đao
Yêu thương mầm sống, khát khao cuộc đời
Suy lòng mình ra lòng người

Chớ nên giết hại hoặc xui giết người.
Thứ nhất không sát sinh là tôn trọng sự công bằng. Chúng ta, ai cũng coi sinh mạng của mình là quý. Tất cả loài vật đều quý thân mạng của chúng như chúng ta và cũng biết đau khổ như người. Thứ hai, không sát sinh là tôn trọng Phật tánh bình đẳng. Chúng ta mỗi loài tuy thân hình khác nhau, mà vẫn đồng một Phật tánh. Sát hại một sinh vật là sát hại Phật tánh. Thứ ba không sát sinh là nuôi dưỡng lòng từ bi. Từ bi là tình thương hoàn toàn vị tha. Đây là một trong những yếu tố cốt tủy của Phật Giáo.

Đang đi khất thực Đức Phật thấy một đám trẻ con dùng gậy đánh đập một con rắn. Ngài hỏi lý do, chúng nói sợ rắn cắn. Ngài khuyên:

(Pháp Cú 131)
Ai cầu hạnh phúc cho mình
Mà dùng dao gậy gian manh hại người
Khiến người tan nát cuộc đời,
Kiếp sau mình chẳng an vui được nào.
Người sống ác không những sống lo âu mà cũng chết trong tâm trạng sợ hãi và mê muội. Hồi tưởng lại những việc ác làm trong đời, với tâm trạng sợ hãi và lo âu, người đó qua đời tái sinh vào các cõi ác, như súc sinh, quỷ đói và địa ngục. Người sống thiện, sau khi chết sẽ được tái sinh vào các cõi lành vì khi gần chết thường hồi tưởng lại những việc thiện mình làm trong đời, nghĩ tới Phật, Pháp, Tăng luôn luôn hướng dẫn mình trong cuộc sống hiền thiện và hướng thượng:

(Pháp Cú 132)
Ai cầu hạnh phúc cho mình
Không dùng dao gậy gian manh hại người
Không gây tổn hại cho đời,
Kiếp sau mình sẽ an vui vô cùng.
Không sát sinh cũng để tránh nhân quả báo ứng oán thù. Nếu mỗi ngày ta đều gieo căm hờn cho người và vật thời tích lũy lâu ngày, khối oan gia ấy to hơn sức ta, chừng ấy ta bị nó sát hại lại. Càng tạo nghiệp sát, càng lao mình vào đau khổ.

Một chàng thanh niên mang một cái tên có nghĩa là "Thánh Hiền". Chàng làm nghề đánh cá. Đức Phật dạy rằng không phải bằng cách gây tổn thương cho chúng sinh khác, cho các sinh vật có mạng sống, có tình cảm như loài người, loài thú, mà có thể trở thành thánh hiền, cao thượng được:

(Pháp Cú 270)
Sinh linh sát hại triền miên
Thánh hiền đâu xứng là tên của mình,
Không còn sát hại sinh linh
Thánh hiền mới thật xứng danh vô cùng
Đức Phật muốn khuyên chúng sinh diệt sân hận và rải tâm từ đến muôn loài để cho cuộc sống chung được hài hòa nên Ngài luôn luôn ngăn cấm đệ tử gây tổn hại cho

người khác:

(Pháp Cú 300)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Về niềm vui lớn kể chi:
Chớ gây tổn hại chút gì cho ai.

Một vị Tỳ kheo đã đắc quả, từ trong rừng trở về hầu Phật. Một thiếu phụ, có chuyện cãi vã với chồng, bỏ nhà, cũng vào đám rừng ấy và muốn trở về cha mẹ. Ông chồng thấy mất vợ, vào rừng tìm, thấy bà vợ đi theo sau vị A La Hán. Ông sinh lòng ganh tị, đánh đập vị Tỳ kheo túi bụi, mặc dầu bà vợ hết lòng bào chữa van lơn. Tỳ kheo không sân giận, không nổi xung. Khi về tới chùa, các vị Tỳ kheo khác thấy vết thương bèn hỏi thăm và không tin khi nghe thuật lại câu chuyện. Đức Phật hay rõ bèn khen rằng:

(Pháp Cú 405)
Ai không dao gậy bạo hành
Trong khi tiếp xúc chúng sinh ở đời
Dù người mạnh, yếu vậy thôi
Không gây thương tổn hay đòi sát sinh
Bà La Môn thật xứng danh.

Không sát sinh thì khỏi phạm hai tội lớn sau đây: Một là giết hại các bực Phật vị lai, vì Đức Phật nói: “Tất cả chúng sinh đều là chư Phật vị lai". Hai là giết lộn bà con nhiều đời, ăn lầm bà con nhiều kiếp, vì trong kinh Bồ Tát Giới có nói: "Tất cả lục đạo chúng sinh đều là họ hàng ta, cha mẹ ta, đã chết đi rồi sinh lại trong nhiều đời nhiều kiếp”.

Người không sát sinh thì trong đời sống hiện tại sẽ mở rộng thêm lòng từ bi, là một nhân chính để tu thành Phật và được hưởng các pháp lành như kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo” đã kể: "Tất cả chúng sinh đều kính mến; Trừ sạch thói quen giận hờn; Thân thể thường được khỏe mạnh; Tuổi thọ được lâu dài; Thường được thiên thần hỗ trợ; Ngủ ngon giấc và không có ác mộng; Trừ hết các mối oán thù; Khỏi bị đọa vào ba đường ác; Sau khi chết, được sinh lên cõi trời".

2. Không trộm cắp tức là không lấy những tài vật thuộc quyền sở hữu của người khác mà không có sự ưng thuận của họ. Đức Phật cấm trộm cắp vì lý do tôn trọng sự công bằng, tôn trọng sự bình đẳng, tôn trọng quyền tư hữu, diệt trừ lòng tham, nuôi dưỡng lòng từ bi và tránh nghiệp báo oán thù. Trong khi cố gắng lánh xa hành động trộm cắp người Phật tử cũng phát triển đức tính liêm khiết, chân thật và chính trực.

Một vị A La Hán trên đường đi khất thực về thấy một miếng vải bị gió bay rơi dưới đất, vừa lượm lên thì chủ khúc vải nhận thấy, tri hô là ngài lấy trộm. Ngài giải thích rằng ngài không có ý định trộm cắp và trao trả vải lại cho chủ. Nhưng người kia đem câu chuyện thuật cho các vị khác nghe, và các vị ấy cười chê ngài. Đức Phật giải thích rằng chư vị A La Hán không khi nào còn trộm cắp của người:

(Pháp Cú 409)

Thế gian hễ cứ một ai
Không hề lấy vật mà người không cho
Dài hay ngắn, nhỏ hay to
Dù tốt hay xấu, dù hư hay lành
Bà La Môn thật xứng danh.

Không lấy của người, không lấy của không cho, mà trái lại còn lấy của mình để đem bố thí cho những kẻ thiếu thốn. Nếu không gian tham trộm cắp, mà lại làm hạnh bố thí thì theo kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" được những pháp lành như sau: "Tiền của có dư không bị nạn giặc giã cướp mất hay bị chính quyền tịch thâu, không bị nạn lụt trôi, lửa cháy và con cái phá tán; Được nhiều người tin cậy; Không bị lừa dối, gạt gẫm; Xa gần đều khen ngợi lòng ngay thẳng của mình; Lòng được an ổn, không lo sợ vì sự tổn hại gì cả; Khi chết rồi được sinh lên cõi trời".

3. Không tà dâm là không được lấy vợ hay lấy chồng của kẻ khác. Nếp sống tình dục lang chạ bừa bãi của con người sẽ phá hoại thiết chế gia đình. Dù trong cuộc sống vợ chồng chính thức nhưng nếu giao tiếp không đúng lúc, không đúng chỗ và không chừng mực thì cũng bị xem là tà dâm.

Cháu của cư sĩ Cấp Cô Độc là một chàng thanh niên đẹp trai, thường có hành động tà dâm, hay đeo đuổi vợ người. Nhiều lần chàng bị bắt nhưng lại được nhà vua tha tội cho nhờ tiếng tăm của gia đình. Cuối cùng gia đình dẫn chàng đến thỉnh cầu Đức Phật khuyên dạy. Đức Phật dạy rằng tà dâm là tạo nghiệp ác. Ngài cũng giảng cho chàng về hậu quả tai hại của tật xấu tà dâm, nêu rõ những tai họa chờ đợi kẻ phóng dật tà dâm, nêu rõ bốn điều bất hạnh sẽ đến với kẻ buông lung theo vợ hay chồng người khác:

(Pháp Cú 309)
Buông lung theo vợ, chồng người
Mắc vào bốn nạn khiến đời bất an:
Bản thân tội lỗi vương mang,
Ngủ đêm trằn trọc, tâm can rối bời
Bà con khinh bỉ chê cười
Chết vào địa ngục là nơi đọa đày.

Đức Phật dạy: "Người ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, quyết bị nạn cháy tay". Đức Phật cấm tà dâm là muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình, tránh oán thù và quả báo xấu xa, tránh bị đọa làm ác thú, tránh bị trừng phạt:

(Pháp Cú 310)
Mang về vô phước cho mình,
Đọa làm ác thú. Cuộc tình vui chi
Vì đang lo sợ mọi bề,
Thêm vua phạt tội nặng nề bản thân,
Cho nên phải giữ thân tâm
Vợ, chồng người chớ tà dâm hoang đàng

Riêng đối với hàng xuất gia, Đức Phật dạy nên dứt hẳn dâm dục. Vì dâm dục là nhân đi đến sự đọa lạc, luân hồi trong sinh tử. Ái càng nặng thì trói buộc càng chặt, sự đau khổ do đó mà tăng trưởng. Động cơ của ái là si, tựa vào gốc si mê, ích kỷ để yêu thương. Do đó, ái chỉ làm cho mình và người đau khổ. Nếu sự yêu thương bị ngăn chặn hoặc bị từ chối thì yêu thương biến thành oán thù. Nếu yêu thương được thỏa màn thì càng mê đắm, mù quáng. Giáo lý Đạo Phật nhằm thoát khỏi khổ đau, mà nguyên

nhân chính của khổ là ái. Thế nên, Đạo Phật dạy nên xa lìa ái dục và tán thán người xa lìa ái dục. Đạo Phật khuyên chỉ nên hưởng những thú vui cao quý của tinh thần, đạo lý.

Khi bà Tỳ kheo ni A La Hán nọ bị một người trước kia thương bà, hãm hiếp, chư tỳ kheo bắt đầu thắc mắc rằng chư vị A La Hán còn có thể bị dục lạc cám dỗ, còn cảm thấy khoái lạc về nhục dục nữa không. Đức Phật giải thích trạng thái của các vị này là "Bà La Môn không luyến ái dục lạc":

(Pháp Cú 401)
Người mà ái dục thoát ly
Không còn đắm nhiễm chút gì dài lâu
Tựa như giọt nước trôi mau
Chẳng còn dính lại trên tàu lá sen
Hay hột cải đặt đầu kim
Không còn dính lại ở trên được nào,
Bà La Môn xứng danh sao!
Người xuất gia muốn chứng quả, thành đạo, phải triệt để đoạn trừ dâm dật ở thân cũng như ở tâm. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Lòng dâm không trừ, thì không thể ra khỏi trần lao". Còn đối với người tại gia, Phật chỉ ngăn tà dâm, ngăn sự lang chạ, ngoại tình.

Không tà dục và giữ được tịnh hạnh sẽ được các điều lợi như Kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo” nói: “Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đều được vẹn toàn; Đoạn trừ hết những sự phiền não, quấy nhiễu; Không ai dám xâm phạm vợ chồng con cái; Được tiếng tốt, người đời khen ngợi”.

4. Không nói sai sự thật là không nói dối, tránh vọng ngữ. Chỉ nói đúng với điều đã làm, đúng với sự thật đã trông thấy, nghe thấy mà thôi. Nói dối, chỉ trong trường hợp để cứu khổ độ nguy cho người và vật mới không phạm tội, vì như vậy là thực hành được “hạnh từ bi”.

Một thời các tu sĩ ngoại đạo rất ghen ghét với Đức Phật nên lập mưu bêu xấu Ngài. Họ nhờ một nữ đệ tử trung thành của họ giả làm như thường tới lui và ngủ lại tại chùa Kỳ Viên nơi Ngài cư trú. Ít lâu sau bà này nói là đã có thai với Ngài. Bà độn bụng cho to rồi đến đến chùa công khai phỉ báng Ngài. Nhưng mưu gian bị khám phá. Mọi người đánh đuổi bà đi. Vừa ra khỏi chùa thời đất nứt ra hút bà rơi vào địa ngục. Đức Phật dạy: "Một người đã chà đạp sự thật thời còn có điều ác nào mà chẳng dám làm, chẳng hề nghĩ đến ác báo vào kiếp sau". Ngài đọc câu kệ sau khi đề cập đến lời vu oan của thiếu phụ:

(Pháp Cú 176)

Ai vi phạm giáo pháp rồi,
Ai ưa gian dối thốt lời dài lâu,
Ai tin chẳng có đời sau,
Bao điều xấu, ác họ đâu sợ gì
Sẵn sàng làm, có ngại chi.

Để hạ uy tín của Đức Phật, một giáo phái khác thuê một thiếu phụ giả bộ nói rằng "thường hay lui tới chùa Kỳ Viên nơi Đức Phật cư ngụ và ngủ lại đêm tại đây với Ngài". Ít lâu sau họ thuê bọn côn đồ say rượu rình giết thiếu phụ này rồi chôn vùi dưới đống rác gần tịnh thất của Đức Phật để tạo sự nghi oan xấu xa cho Ngài. Về sau, những người giết thuê ấy bị nhà vua ra lịnh truy tầm, bắt được, chúng thú thật mọi chuyện. Thanh danh Đức Phật chẳng hề thương tổn. Khi giảng về tật xấu của người gian dối, Đức Phật dạy "Người hay vọng ngữ, người làm điều sai trái mà chối đều sẽ lâm vào cảnh khổ, chết sẽ bị đọa xuống địa ngục":

(Pháp Cú 306)
Nói lời xảo trá dối gian,
Làm rồi lại chối không làm, không hay
Ai mà tạo những nghiệp này
Chết vào địa ngục đọa đày tránh đâu Làm người ty tiện dài lâu..

Người Phật tử tại gia có học Phật nên nói đúng thời, đúng lúc, nói lời có ích, có đạo lý, tránh nói nhảm nhí, nói lời vô nghĩa. Người không nói dối thì được những điều lợi ích như sau theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo": "Miệng thường thơm sạch; Thế gian và nhân, thiên đều kính yêu; Lời nói không lầm lộn và vui vẻ; Trí tuệ thù thắng, không ai hơn; Được hưởng lạc thú như ý nguyện và ba nghiệp đều sạch".

5. Không uống rượu và các chất say khác. Phật cấm uống rượu vì muốn bảo toàn hạt giống trí tuệ và ngăn ngừa những nguyên nhân sinh ra tội lỗi. Rượu làm người mất bình tĩnh, mất sáng suốt và không thể giữ được bốn giới nói trên.

Đối với những người Phật tử tại gia, tu tập điều thiện, chính là giữ giới. Giữ cho đủ năm giới. "Ngũ giới" là căn bản, là mức đạo đức tối thiểu cho một con người, sống xứng đáng là con người, có nhân cách, có nhân phẩm. Năm giới Phật Giáo là chuẩn mức đạo đức cho loài người nói chung. Đó là một bài học công dân thông thường mà bất cứ một xã hội nào, một quốc gia nào muốn phồn thịnh, hùng cường cũng không thể bỏ sót được. Nếu Tam Quy là nền tảng, thì Ngũ Giới là năm nấc thang của người Phật tử tại gia để bước dần lên Thánh quả. Trong bước đầu, người Phật tử nếu có thể phát nguyện giữ cả năm giới thì càng tốt, nếu vì nhiều sự ràng buộc chưa thể giữ được cả năm giới thì nên cố giữ vài giới mà mình thấy có thể thực hành được. Nhưng đã phát nguyện giữ giới nào thì giữ cho trung kiên.

-ooOoo-

THẬP THIỆN

Con người ta bị trôi lăn trong luân hồi cũng vì tạo tác những nghiệp ác, những nghiệp ấy do từ hành động, việc làm là "thân", do lời nói là "khẩu", và do tưởng nghĩ là "ý" mà sinh ra. Để diệt trừ những nghiệp ác, Đức Phật có nói Kinh Mười Điều Thiện “Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh”.

"Thập Thiện Nghiệp" là mười nghiệp lành, gồm có mười giới cấm: "Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói độc ác, không nói hai lưỡi, không tham lam, không sân hận, không si mê". Thiện nghiệp hay nghiệp lành, theo Phật Giáo là tất cả những việc làm đúng với lẽ phải, hợp với chân lý, vừa ích lợi cho mình, vừa ích lợi cho người và vật khác.

Trong mười giới cấm này thời có bốn giới cấm đã được đề cập tới trong phần “Ngũ Giới” là: "Không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp và không tà dâm". Ba giới cấm nữa là "Không tham lam, không sân hận và không si mê" thời đã được đề cập tới trong phần nói về tam độc là "Tham, Sân và Si". Chỉ còn ba giới cấm cần nói rõ thêm là: "Không nói thêu dệt, không nói độc ác" và "không nói hai lưỡi" mà thôi.

Truyện tích kể rằng nhân có một nhóm sáu vị Tỳ kheo mang guốc gỗ, tay cầm gậy khua lóc cóc, đi lên đi xuống rầm rầm trên một phiến đá, làm kinh động đến các vị Tỳ kheo khác đang ngồi thiền. Đức Phật nghe thấy những tiếng động đó và hỏi nguyên nhân. Khi được thầy A Nan cho biết rõ đầu đuôi, Đức Phật mới ra lệnh cấm các Tỳ kheo không được mang guốc gỗ nữa. Ngài còn dạy rằng con người làm những việc lành hay dữ, hành động xấu hay tốt đều do “thân”, do “miệng” và do "ý" mà ra. Ngài khuyên chúng sinh hãy giữ "Thân, Khẩu, Ý", hãy kiểm soát hành động, lời nói và ý nghĩ cho trong sạch:

(Pháp Cú 231)
Giữ gìn kiểm soát Thân người
Đừng vì nóng giận để rồi làm sai
Thân đừng làm ác, hại ai
Làm lành, làm thiện, miệt mài tu thân.
(Pháp Cú 232)
Giữ gìn kiểm soát Lời người
Đừng vì nóng giận để rồi nói sai
Lời đừng nói ác, hại ai
Nói lành, nói thiện, miệt mài tu thân.
(Pháp Cú 233)
Giữ gìn kiểm soát Ý người
Đừng vì nóng giận để rồi nghĩ sai
Ý đừng nghĩ ác, hại ai
Nghĩ lành, nghĩ thiện, miệt mài tu thân.

Ba bài kệ trên dạy giữ gìn "thân nghiệp", "khẩu nghiệp" và "ý nghiệp" cho thật trong sạch. Đức Phật luôn luôn dạy không nên tạo ác nghiệp bằng Thân, Khẩu, Ý. Cần giữ cho thanh tịnh bằng cách tự mình kiềm chế lấy mình:

(Pháp Cú 391)
Người không tạo nghiệp ác chi
Hành vi, lời nói, nghĩ suy đúng đường,
Khi thân, khẩu, ý đàng hoàng
Tự mình chế ngự, sẽ mang tốt lành
Bà La Môn thật xứng danh!
1. Không nói thêu dệt: không nói ngoa, không nói sai lạc sự thật để người khác phải mê lầm. Chỉ nói những lời chân thật, đúng chắc, không thêm, không bớt.

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người không nói lời thêu dệt sẽ được ba điều lợi ích: "Được người trí thức yêu mến; Hay đáp được những câu hỏi khó khăn; Được làm người có uy đức, cao quý trong cõi nhân thiên".

2. Không nói độc ác: tránh xa những lời chửi rủa, thô bỉ, xấu xa. Chỉ nói những lời nhu hoà, êm tai, tao nhã khiến vui lòng người.

Vài vị Tỳ kheo thường nặng lời lăng mạ một vị khác là đồi bại và vị này cũng tức giận trả lời lại. Đức Phật khuyên các thầy không nên gây thù trả oán, không nên nói lời thô lỗ vì lời cay đắng ác độc thốt ra trong lúc nóng giận làm cho người nghe đau đớn khó chịu như bị thương tích:

(Pháp Cú 133)
Đừng nên mở miệng nói câu
Tục tằn, ác độc khiến đau lòng người
Người ta cũng nói trả thôi,
Những lời độc địa muôn đời khổ thay
Lời qua tiếng lại đắng cay
Như bao dao gậy phạt ngay thân mình.
Một vị A La Hán kia có thói quen trịch thượng, nói chuyện với ai cũng dùng lời xưng hô như khi nói với người ở giai cấp cùng đinh. Các thầy Tỳ kheo khác bất mãn và phản đối rồi bạch với Đức Phật. Đức Phật giải thích rằng vị ấy không có ý định xấu, trong tâm không có ác ý muốn làm mất lòng người khác, mà đó chỉ là một thói quen chuyển từ kiếp sống quá khứ sang kiếp hiện tại mà thôi. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 408) Nói lời êm dịu, ôn hòa Lại thêm lợi ích, thật thà mãi thôi

Không hề xúc phạm đến ai Bà La Môn gọi tên người xứng sao!

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người không nói lời hung ác mà lại nói lời ôn hòa, được những công đức như sau: "Nói lời nào cũng khôn khéo đúng lý và lợi ích; Nói điều gì, ai cũng nghe theo và tin cậy; Nói ra lời nào cũng không ai chỉ trích mà còn được mến yêu".

3. Không nói hai lưỡi: từ bỏ lời nói phù phiếm. Không nói lời đâm thọc, phản gián, gặp người bên này thời nói xấu bên kia, gặp người bên kia lại nói xấu bên này để gây ác cảm, bất hòa giữa hai người.

Tỳ kheo nọ trong một chuyến du hành dừng chân tại một tu viện do hai vị tăng khác trụ trì. Tỳ kheo giảng pháp, được dân chúng hoan nghênh, vị này nổi ý xấu muốn chiếm tu viện cho riêng mình. Tỳ kheo bèn có lời nói gây chia rẽ hai vị tăng trụ trì kia, vốn là huynh đệ thân thiết với nhau, để hai vị này hiểu lầm nhau mà cùng bỏ đi. Sau khi viên tịch, Tỳ kheo tái sinh làm ngạ quỷ có hình thù xấu xa, trong miệng mọc ra một cái đuôi đầy ròi bọ lúc nhúc. Đức Mục Kiền Liên gặp ngạ quỷ này và trở về bạch với Đức Phật. Đức Phật giảng về hậu quả tai hại của lời nói đâm thọc, gây chia rẽ:

(Pháp Cú 281)
Lời nên thận trọng mọi bề,
Ý luôn kiềm chế chớ hề buông lung,
Thân đừng làm ác, bất lương
Cố mà thanh lọc ba đường kể trên
Sẽ mau chứng đạo thánh hiền.
Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo” người không nói hai lưỡi sẽ được những điều lợi ích sau đây: “Bà con, dòng họ được luôn luôn sum họp; Tình bằng hữu của thiện tri thức được vững bền bất hoại; Đức tin bất hoại; Pháp hạnh bất hoại".

Đấy là mười thiện nghiệp, nếu như chúng ta thực hiện mười thiện nghiệp này thì không những trong đời sống hiện tại được hạnh phúc an lạc mà sau khi thân này kết thúc sẽ được sinh vào cảnh giới an lành. Từ ngàn xưa các vị hiền, thánh, Bồ Tát và chư Phật đã thoát khỏi sinh tử, luân hồi chứng được Niết Bàn đều bắt đầu lấy mười điều thiện này làm căn bản tu hành.

"Mười Điều Thiện" có thể được phân chia làm ba nhóm: Ba điều thiện của "Thân" là "không sát sinh, không trộm cắp và không tà dâm". Bốn điều thiện của "Khẩu" là "không nói dối, không nói thêu dệt, không nói độc ác và không nói hai lưỡi". Ba điều thiện của "Ý" là "không tham lam, không sân hận và không si mê".

Trái ngược hẳn lại với "Mười Điều Thiện" là "Mười Điều Ác". Mười điều ác còn được gọi “thập ác nghiệp”. Có thể chia mười điều ác này thành ba nhóm: Ba điều ác của “Thân” là "sát sinh, trộm cắp và tà dâm". Bốn điều ác của “Khẩu" là "nói dối, nói thêu dệt, nói độc ác và nói hai lưỡi". Ba điều ác của “Ý” là "tham lam, sân hận và si mê".

Nếu không đoạn trừ mười ác nghiệp này thì sẽ đem lại khổ đau ngay trong đời sống hiện tại và sau khi thân này kết thúc phải đọa vào trong cõi dữ, ác thú, địa ngục. Như thế, chúng ta có thể xem mười ác nghiệp là các nhân tố của vô minh đưa con người đến hố sâu tội lỗi, gây ra khổ đau cho bản thân, cho gia đình và làm rối loạn cho xã hội .

Sau một mùa an cư năm trăm Tăng sĩ đến yết kiến Đức Phật và Ngài khuyên dạy rằng người hiền trí phải từ bỏ ngay trạng thái tối tăm đầy bóng đêm là mười loại hành vi bất thiện, và phát triển trạng thái sáng sủa rực rỡ ánh vàng là mười loại hành vi thiện, tìm niềm vui trong việc tu niệm, xa lìa dục vọng, thanh lọc ô nhiễm trong tâm trí, để chứng Niết Bàn trong cõi đời hiện tại:

(Pháp Cú 87 - 88) Người hiền trí rời bỏ ngay

Con đường bất thiện giăng đầy bóng đêm
Tìm qua nẻo thiện vượt lên
Ánh vàng rực rỡ xuôi miền an vui,
Gia đình nhỏ hẹp lìa thôi
Xuất gia và sống cuộc đời độc thân
Đúng theo phép tắc Sa Môn
Gột đi ô nhiễm trong tâm kỹ càng
Cầu vui chánh pháp Niết Bàn
Bao nhiêu dục lạc buộc ràng tránh xa.

Một nhà chăn nuôi gia súc giàu có thường hay đến nhà ông Cấp Cô Độc để nghe Đức Phật giảng pháp. Một hôm ông có cơ duyên được cúng dường Đức Phật và chư Tăng tại nhà mình liên tiếp trong bảy ngày. Khi Đức Phật ra về, ông mang theo bình bát của Đức Phật và tiễn chân Ngài đi một đỗi xa. Lúc trở lại ông bị một người thợ săn bắn một mũi tên khiến ông bị chết. Các vị Tỳ kheo bàn luận rằng nếu Đức Phật không đến viếng chắc nhà chăn nuôi gia súc kia khỏi phải chết. Đức Phật giải thích rằng dù thế nào chăng nữa, ông ấy không thể lẩn tránh nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ và Ngài thêm rằng "Cái hại mà kẻ thù có thể gây cho kẻ bị thù, hay của người oán hận gây cho người đã tạo ra mầm oán hận, không nguy hiểm bằng tâm hướng về hạnh ác, hướng về điều bất thiện sẽ gây hại cho mình":

(Pháp Cú 42)
Kẻ thù gây hại cho nhau
Hay người oán hận trước sau rửa hờn
Cũng đâu gây hại nhiều hơn
Hại do hạnh ác trong tâm tạo thành
Gây ra cho chính thân mình.

Một người khá giả kia nảy sinh ý nghĩ tham ái khi gặp một vị A La Hán. Kế đó ông kiểm soát được tâm, xin xuất gia và sớm đắc quả A La Hán. Nghe sự thay đổi thuận lợi và sự thành đạt mỹ mãn ấy Đức Phật ca ngợi vị đó và thêm rằng "Điều lợi ích mà cha mẹ và bà con quyến thuộc có thể làm cho mình, thì người có tâm hướng thiện và chính trực cũng tự mình làm được, mà còn có thể làm tốt hơn nữa":

(Pháp Cú 43)
Dù cha mẹ hoặc thân nhân
Giúp ta chỉ được một phần thăng hoa
Chính nhờ tâm tốt của ta
Tìm về việc thiện, hướng qua hạnh lành
Làm mình cao thượng thật nhanh.

Mười nghiệp lành, cũng như mười nghiệp dữ, đều do thân, khẩu, ý phát khởi ra. Nghiệp dữ ví như cỏ, nghiệp lành ví như lúa, đều mọc chung trên một đám ruộng. Cỏ thường làm chướng ngại cho lúa, không cho sinh trưởng tốt tươi. Nếu muốn lúa tốt để mãn mùa thu hoạch được nhiều, thì phải nhổ sạch cỏ. Cũng thế, muốn được nghiệp

lành, thì cần phải dứt hẳn mười nghiệp dữ.

-ooOoo-

LỤC ĐỘ BA LA MẬT

Người Phật tử tu hạnh Bồ Tát ngoài mười điều thiện, phải tu tập pháp “Lục Độ Ba La Mật”. Lục là sáu. Độ là vượt qua. Ba la mật nguyên âm tiếng Phạn là Paramita, người Trung hoa dịch nghĩa là "bỉ ngạn đáo”, nói theo tiếng Việt là "đến bờ bên kia". Đây là sáu món tu tập có công năng như một chiếc thuyền, đưa mình từ bờ bên này, bờ vô minh của thế gian, vượt sang bờ bên kia, bờ giác ngộ của chư Phật. Kẻ tu hành muốn đến bờ giải thoát hoàn toàn, cần phải tu cả phước lẫn tuệ. Tu phước gồm có: "bố thí, trì giới, tinh tấn và nhẫn nhục". Tu tuệ là "thiền định và trí tuệ".

BỐ THÍ BA LA MẬT

Đạo Phật thường được gọi là đạo từ bi. Vậy người Phật tử, khi noi theo dấu chân Phật, cũng phải thể hiện được lòng từ bi và làm cho nó tăng trưởng. Phương pháp mầu nhiệm nhất là thực hành pháp môn "bố thí ba la mật". "Bố" nghĩa là rộng rãi, cùng khắp. "Thí" là cho, là trao tặng. Bố thí là cho, là tặng cùng khắp, tặng cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi nơi. "Bố thí Ba la mật" gồm các loại sau đây:

1. Tài thí: Đem tiền bạc, của cải, vật thực của mình ra cho người thiếu thốn. Đôi khi đem những vật quý báu nhất của mình như thân mạng, đời sống của mình để cứu vớt kẻ khác ra khỏi nguy nan.

2. Pháp thí: Đem chân lý, giáo pháp, những lời dạy của Đức Phật để chỉ bày, khuyên bảo người khác; hoặc chính mình y theo giới luật của Phật tu hành để làm khuôn mẫu cho người bắt chước, bỏ dữ theo lành, cải tà quy chánh. Pháp thí có hiệu quả lâu bền vì giúp cho người hiểu được lẽ thật, phá được vô minh và đạt đến hạnh phúc chân thật. Bởi vậy Pháp thí là một hành động cao quý và có công năng cứu độ, giải thoát hơn cả. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 354)
Coi như bố thí hàng đầu
Là đem Chân Lý nhiệm mầu tặng nhau,
Coi như hương vị tối cao
Hương vị Chân Lý ngọt ngào dài lâu
Coi như hoan hỷ hàng đầu
Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời,
Người nào ái dục diệt rồi
Vượt qua phiền não, xa rời khổ đau.

3. Vô úy thí: Vô úy nghĩa là không sợ. Vô úy thí là lấy lời nói hay việc làm giúp cho người khác đang sợ hãi thành hết sợ. Đem sự bình tĩnh và an vui đến cho mọi người và mọi vật. Đời sống đã khổ, lại càng khổ thêm vì sợ. Cho nên làm cho người hết sợ, chính là đã cứu cho họ bớt đi quá nửa khổ đau trong kiếp sống.

Sự bố thí theo ba cách nói trên, thật ra không khó và không hiếm. Rất nhiều người có thể làm được. Nếu nhìn bề ngoài, thì những hành động ấy đều là bố thí cả. Nhưng nếu xét về tâm lý và động lực thúc đẩy bên trong, thì có thể có hai trường hợp khác xa nhau:

1. Bố thí "chấp tướng": Nghĩa là bố thí với một dụng tâm không trong sạch như cầu danh, cầu tài lợi, hoặc vì ganh đua, hoặc vì bị ép buộc, hoặc cho với một tâm lý khinh rẻ, hối tiếc, phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ ưa người ghét... Như thế là chấp tướng, là còn "bám níu lấy hình tướng", phước đức của những hành động ấy rất mỏng manh, như mây nổi giữa hư không, gặp gió thổi liền tiêu tan.

2. Bố thí "không chấp tướng": Nghĩa là bố thí với một dụng ý trong sạch, đúng với ý nghĩa của nó. Bố thí vì tâm từ bi bình đẳng. Nhận biết tài sản cũng như thân mạng mình đều là giả tạm, vô thường, nên không tham lam, tiếc nuối. Biết cái ngã không có thật, nên khi cho không thấy có kẻ cho và người nhận, không tự cao, tự đại. Bố thí như trên mới đúng là bố thí Ba la mật.

Chúng ta đã thấy rõ giá trị của pháp bố thí Ba la mật. Công đức của nó không những chỉ riêng cho người nhận, mà lẫn cả người cho nữa. Nó vừa độ người mà vừa độ mình. Có công năng đưa mình và người từ bờ mê lầm đến bờ giác ngộ, từ địa vị phàm phu đến quả vị Bồ Tát.

TRÌ GIỚI BA LA MẬT

"Trì" là giữ chặt chẽ. "Giới" là những điều răn dạy, ngăn cấm, những quy luật mà đức Phật đã chế ra. Đạo Phật có mục đích đưa người đến chỗ giác ngộ. Vậy những giới luật, những giáo điều của Đạo Phật tất nhiên là có một giá trị và công dụng. Trì giới Ba la mật là môn tu bằng cách giữ gìn nghiêm chỉnh, trọn vẹn giới luật mà Đức Phật đã răn dạy.

Căn cơ của chúng sinh không đồng nhau, và sự tu hành của các đệ tử Phật cũng có nhiều cách. Vì thế, Đức Phật phải chế ra rất nhiều giới luật và phân ra nhiều loại. Nói chung là dù tại gia hay đã xuất gia, tất cả đều cần giữ cho “thân, miệng, ý” được sáng suốt, trong sạch, không ô nhiễm. Thân không làm, miệng không nói và ý không nghĩ đến những điều sai lầm, độc ác nữa. Như thế sẽ trừ diệt được hết những nghiệp ác sinh ra đau khổ, luân hồi. Một thiện tín giàu tâm đạo, có niềm tin tưởng chân thành nơi Tam Bảo nên được hết sức quý trọng mỗi khi đến hầu Phật. Đại đức A Nan bạch hỏi Phật rằng nếu thiện tín đó viếng một vị giáo chủ khác, không phải là Đức Phật, thời vị đó có được quý trọng như vậy chăng. Đức Phật dạy “Người có đủ niềm tin nơi giáo pháp, trì giới chặt chẽ, có tài đức thời đến đâu cũng được quý trọng, tôn vinh”:

(Pháp Cú 303)
Tâm ai tràn ngập niềm tin
Lại thêm giới hạnh giữ gìn thanh cao
Có thêm tài đức dồi dào
Đi đâu cũng được đón chào tôn vinh.

Phần đông thiện tín ưng thuận dâng một bộ y quý giá đến Đại đức Đề Bà Đạt Đa thay vì dâng đến Đại đức Xá Lợi Phất là một vị đại đệ tử của Đức Phật. Một vài thiện tín có tâm đạo, thấy Đề Bà Đạt Đa đắp y, nói rằng thầy không xứng đáng được danh dự ấy. Nhân cơ hội này Đức Phật kể rằng trong một tiền kiếp Đề Bà Đạt Đa đã hành động tương tự. Ngài dạy là ngoài việc trì giới ra còn cần làm, cần nói và cần nghĩ tới tất cả mọi việc lành, lợi ích cho mình và lợi ích cho người và vật khác, cứu khổ toàn thể chúng sinh, hoá độ khắp hết mọi loài, không sợ khó nhọc và tốn thời giờ, không phân biệt chủng loại. "Người bỏ hết tham dục, giữ gìn giới luật nghiêm minh, tự kiềm chế được mình và chân tình thì đáng mặc áo nhà tu":

(Pháp Cú 10)
Người mà ô nhiễm chẳng vương
Giữ gìn giới luật vững vàng, nghiêm minh
Luôn tự chế, rất chân tình
Áo cà sa khoác vào mình xứng thay.
Trì giới Ba la mật cũng có hai cách. Trì giới "chấp tướng" là chỉ có hình thức bên ngoài, chứ bên trong thì rất nhiễm ô. Trì giới như thế chẳng ích lợi gì, chỉ thêm mất thời giờ và không phải là trì giới Ba la mật. Chỉ có trì giới "không chấp tướng" là làm theo đúng các điều răn cấm mà Đức Phật đã chỉ dạy, làm vì hoàn toàn tự nguyện, không vì danh lợi, không vì háo thắng, không vì bị hoàn cảnh ép buộc mà làm. Trì giới như thế mới đúng là trì giới Ba la mật, công đức sẽ vô lượng vô biên.

TINH TẤN BA LA MẬT

"Tinh" là thuần một thứ, chuyên một việc, không có xen lẫn một ý gì, một việc gì khác vào. "Tấn" là tiến tới mãi mãi không dừng, không gián đoạn hay thối lui. Hai chữ tinh tấn nói theo nghĩa thông thường là siêng năng, chuyên cần tu tập để tiến trên con đường Đạo.

Người sống tiêu cực, uể oải, không tinh tấn, dù trẻ tuổi và khoẻ mạnh, vẫn lười biếng và có tinh thần suy nhược, những người như thế không có trí tuệ để ngộ đạo. Truyện tích kể rằng một thời ở nước Xá Vệ có nhiều thanh niên trẻ tuổi được thâu nhận vào giáo hội. Nhiều vị vào rừng hành thiền và mấy tháng sau đắc quả A La Hán. Trong lúc đó một nhóm khác không chịu đi, ở lại chùa. Nhóm đi hành thiền được Đức Phật khen ngợi, chào đón. Ngài giảng rằng:

(Pháp Cú 280)
Lúc cần nỗ lực lại lười
Dù đang cường tráng, dù thời thiếu niên,
Tinh thần suy nhược triền miên
Còn đâu trí tuệ mà tìm được ra
Con đường ngộ đạo thơm hoa.
Người tu tập trước hết phải tinh tấn ngăn ngừa để các điều ác đừng phát sinh ra. Nghĩa là từ trước tới nay chưa làm ác thời nên tiếp tục giữ cái tính thiện đó. Một bà vợ hàng

ngày thường mang cung tên đưa cho chồng đi săn. Các vị Tỳ kheo thắc mắc không biết hành động như vậy bà có tạo nghiệp ác không. Đức Phật giải thích rằng vì bà không có ý định làm ác mà chỉ vâng lệnh chồng nên không tạo nghiệp ác, cũng như "cầm thuốc độc mà tay không trầy trụa thì chất độc không ngấm vào người, do đó vô hại”:

(Pháp Cú 124)
Bàn tay không có vết thương
Dù cầm thuốc độc chẳng phương hại gì
Người không làm ác sợ chi
Chẳng bao giờ bị ác kia hại mình.

Truyện tích kể rằng một tên trộm rất ác tâm. Y đã bảy lần đốt ruộng, bảy lần đốt nhà, bảy lần chặt chân bò của một trưởng giả giàu có. Còn chưa vừa lòng y lại đốt luôn hương phòng mà trưởng giả đã dâng hiến Phật. Do tạo nghiệp ác như thế, khi mạng chung tên trộm bị đọa vào địa ngục A Tỳ, chịu hình phạt ở đó rất lâu. Nhưng quả báo chưa hết, đến khi đầu thai hắn phải chịu đau khổ làm thân ngạ quỷ, dưới thân hình một con trăn to lớn, mình luôn luôn bị ngọn lửa đốt cháy lần lần từ đầu đến đuôi, rồi từ đuôi đến đầu không ngưng nghỉ. Đức Phật nhân đó dạy rằng người dại khờ làm điều ác mà không biết rằng sau này chịu khổ như nhóm lửa để tự đốt mình:

(Pháp Cú 136)
Kẻ ngu nghiệp ác gây nên
Để rồi quả báo đến liền hay đâu,
Tương lai chịu vạn khổ đau
Như là lấy lửa thiêu mau chính mình.

Cho nên nếu đã lỡ làm việc ác thời cần tinh tấn diệt cho mau các điều ác đã phát sinh. Một thầy Tỳ kheo bất mãn với giới luật đời tu, thường lặp đi lặp lại hành động phạm giới sai lầm. Đức Phật trách cứ và răn dạy “Dù lỡ làm việc ác thời nên ngưng ngay để tránh khổ đau sau này":

(Pháp Cú 117)
Lỡ làm việc ác mất rồi
Chớ nên tiếp tục bước đời lầm sai
Chớ vui với việc ác này
Tâm hay chứa ác có ngày khổ đau.

Tiến thêm một bước nữa, người tu tập cần tinh tấn làm cho các điều lành phát sinh và sau đó tinh tấn làm cho các điều lành tăng trưởng. Nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm điều thiện. Những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc trường cửu của chúng ta. Truyện tích kể rằng hai vợ chồng người kia chỉ có mỗi một cái quần và hai người chia nhau mặc một cái áo. Lúc vợ mặc áo thì chồng không mặc. Lúc chồng mặc thì vợ không. Ngày kia người chồng mặc áo đi nghe Đức Phật thuyết Pháp và lấy làm thỏa thích, phát tâm muốn dâng cái áo duy nhất của hai vợ chồng anh, nhưng lúc ấy anh bị tâm luyến ái chế ngự. Suốt đêm ấy anh chiến đấu chống lại tính vị kỷ của mình. Cuối cùng anh reo lên: "Ta đã thắng, ta đã thắng", và chạy đem dâng cái áo. Câu

chuyện đến tai vua. Vua khen ngợi và ban thưởng anh xứng đáng. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 116)
Hãy mau thực hiện điều lành
Còn bao điều ác tránh nhanh đừng làm,
Điều lành lười biếng không ham
Làm càng chậm trễ lại càng khổ đau
Trong tâm chuyện ác đến mau.
Tinh tấn, cũng như bố thí và trì giới, đều có hai phương diện. Thứ nhất là tinh tấn có "chấp tướng". Loại tinh tấn này chỉ để được tiếng khen, hoặc vì sợ người trên la rầy, quở phạt hoặc với một tâm lý háo thắng, quyết hơn người để tự cao tự đại. Như vậy không đúng là tinh tấn Ba la mật. Loại thứ hai là tinh tấn "không chấp tướng". Đây là tinh tấn một cách chân thành, quyết tâm sửa chữa, thấy mình cần giải thoát ra khỏi luân hồi, nên phải gấp rút chuyên cần tu luyện.

Trong tất cả sự nghiệp vĩ đại ở đời hay kết quả vẻ vang trong đạo, cái bí quyết duy nhất để thành công là pháp tinh tấn. Cho nên câu nói cuối cùng của Đức Phật Thích Ca với các đệ tử trước khi Ngài nhập diệt là: "Hỡi các người! Hãy tinh tấn lên để giải thoát". Công việc tu hành, đi từ bờ mê đến bến ngộ, đường dài muôn trùng vạn dặm, trải qua bão táp mưa sa, nếu không có được đức tinh tấn, như các bùa hộ mệnh và bí quyết tiến thủ, thì chúng ta chỉ quanh quẩn mãi trong biển sinh tử luân hồi.

NHẪN NHỤC BA LA MẬT

"Nhẫn" là nhịn, chịu đựng những cảnh trái mắt nghịch lòng. "Nhục" là điều sỉ nhục, điều xấu hổ, làm tổn thương đến lòng tự ái của mình. Nhẫn nhục Ba la mật là nhẫn nhục đến chỗ cùng tột không còn ai có thể nhẫn nhục hơn thế nữa. Nhẫn nhục Ba la mật gồm có ba thứ về "thân", về "miệng" và về "ý".

1. Thân nhẫn: Đối với nghịch cảnh như nắng mưa, nóng lạnh, đói khát, đau ốm, hoặc bị người đánh đập, hành hạ, làm bức não nơi thân, mình cũng cam chịu, không phàn nàn hay chống cự lại. Đây là chịu đựng về thể xác.

2. Khẩu nhẫn: Tuy gặp việc trái ý miệng cũng không thốt ra những lời nguyền rủa độc ác, những lời nhục mạ chua cay, mắng nhiếc tồi tệ. Luôn tỏ ra thanh nhã, êm ái.

3. Ý nhẫn: Dẫu gặp nghịch cảnh vẫn nhẫn nhục trong tâm, không hề phát ra một tư tưởng căm hờn, oán giận, không nổi lên ý phản đối, những tư tưởng hắc ám để trả thù. Trong ba thứ nhẫn này, "ý nhẫn" là khó nhất và quan trọng nhất. Nhiều khi thân có thể chịu đựng được cực hình, miệng có thể không thốt ra những lời nguyền rủa, nhưng ý vẫn ngấm ngầm phản đối và tức giận đốt cháy tim gan. Đến khi "tâm ý" cũng không ngấm ngầm nổi dậy phản đối, sự tức giận lắng xuống tận đáy lòng, thì nhẫn nhục mới thật là hoàn toàn và do đó những đau khổ, oán thù đều dứt hết.

Một Đại đức nọ ỷ mình là em họ Đức Phật nên không tôn trọng các vị Sư cao hạ khác. Khi các vị này chỉ dạy để sửa sai hạnh kiểm lầm lạc ấy thì Đại đức cảm thấy tự ái bị tổn thương, đến than phiền với Đức Phật. Đức Phật biết rõ mọi chuyện nên khuyên nhủ

Đại đức nên sám hối, nhưng Đại đức không nghe. Lúc bấy giờ Đức Phật thuật một câu chuyện nhắc lại rằng trong tiền kiếp có lần Đại đức đã từng hành động tương tự. Về sau Đại đức chịu nghe lời dạy của Đức Phật, đến xin sám hối với các vị Sư cao hạ. Đức Phật nhân dịp này dạy rằng lòng sân hận không nguôi trong tâm của người còn ôm ấp những ý tưởng như "nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giựt của tôi" rồi từ đó đưa đến chuyện trả thù báo oán sẽ không dẫn đến an tịnh:

(Pháp Cú 3)
"Người kia chửi bới, đánh tôi
Lại còn lấn lướt, cướp hoài. Giận thay!"
Ai mà nghĩ mãi điều này
Làm sao dứt bỏ được ngay hận thù.
Khi hành pháp nhẫn nại thời tất cả mọi hận thù tiêu tan:

(Pháp Cú 4)
"Người kia chửi bới, đánh tôi
Lại còn lấn lướt, cướp hoài. Giận thay!"
Ai không còn nghĩ điều này
Sẽ mau dứt bỏ được ngay hận thù.
Một thiếu phụ nọ có thói quen đọc hồng danh của Đức Phật mỗi khi có chuyện không may xảy đến. Ông chồng phản đối, nhưng bà vẫn không bỏ thói quen ấy. Người chồng tức giận chạy đi tìm Đức Phật và nêu lên vài câu hỏi. Lối giải đáp của Đức Phật bộc lộ một sức nhẫn nại phi thường làm người chồng nóng giận kia dịu dần, xin theo Ngài và thọ lễ xuất gia. Mấy người anh của ông hay tin, đến lăng mạ Đức Phật và chất vấn Đức Phật tại sao quyến rũ ông. Ngài nhẫn nại trước những lời nguyền rủa và giảng Pháp cho các người ấy. Rốt cuộc họ cũng xin quy y. Khi các Tỳ kheo tán dương hạnh nhẫn nại của Đức Phật thời Ngài dạy:

(Pháp Cú 399)
Ai không tức giận với người
Chịu lời khiển trách, đòn roi, phạt hình
Lấy điều nhẫn nhục lặng thinh
Làm quân lực bảo vệ mình một bên
Bà La Môn thật xứng tên.
Một vị Tỳ kheo thường nặng lời lăng mạ một vị khác và vị này cũng trả lời lại. Đức Phật khuyên các thầy không nên gây thù trả oán và giảng dạy về sự lợi ích của người biết giữ im lặng trước những lời lăng mạ của kẻ khác. Người hành đúng theo lời thực tiễn này, dầu còn tại thế, cũng được xem như đã đắc quả Niết Bàn vì đã không còn phẫn nộ và không có tâm lấy oán trả oán:

(Pháp Cú 134)
Nếu mà ngươi giữ lặng yên
Như chuông bể nứt im lìm chẳng vang

Trước lời ác độc phũ phàng
Niết Bàn ngươi đã thênh thang bước vào:
Chẳng còn sân hận chút nào.

Đức Phật hằng ngày khuyên dạy hàng tín đồ không nên trả thù báo oán mà phải hành pháp nhẫn nại, luôn luôn, trong mọi trường hợp, ở mọi nơi, trước mọi khiêu khích. Đức Phật tán dương những ai sẵn sàng chịu đựng lỗi lầm của kẻ khác, mặc dù trong tay có đủ quyền lực để trả thù. Trong quyển Kinh Pháp Cú này có nhiều trường hợp cho thấy rằng Đức Phật luôn luôn hành pháp nhẫn nại, dù lắm khi Ngài cũng bị chỉ trích thậm tệ, bị chửi mắng và bị tấn công.

Nhẫn nại không bao giờ là dấu hiệu của sự sợ sệt, hèn nhát, của ươn hèn yếu kém, hay chủ bại, đầu hàng. Trái lại đó là sức mạnh bất khuất của con người tự chủ. Người tu tập nhẫn nhục vì đã nhận được thật tính của con người là luôn luôn yên lặng, bình đẳng đối với tất cả mọi sự, mọi việc, không hề bị lay động bởi một cảnh vật gì dù là thuận hay nghịch, hợp với mình hay trái với mình.

Muốn có đức tính không sân hận thì cần phải tu pháp quán "từ bi" hay "nhẫn nhục" mới rưới tắt được lửa sân hận. Một thiếu nữ nhan sắc rất đẹp. Cha cô chưa ưng gả cô cho ai. Đến khi ông trông thấy dáng mạo trang nghiêm của Đức Phật trên đường đi khất thực, ông liền ngỏ ý cầu thân. Đức Phật thẳng thắn từ chối. Cô gái bị chạm tự ái, nguyện trả thù. Sau này cô được chọn vào hoàng cung làm vương phi. Khi nghe tin Đức Phật cùng chư Tăng đi ngang qua vùng của cô, cô bèn âm mưu thuê người đi theo lăng mạ Ngài thậm tệ. Đại đức A Nan không chịu nổi, bạch với Đức Phật, xin Ngài rời đi nơi khác. Nhưng Đức Phật khuyên thầy A Nan nên thực hành pháp nhẫn nhục và Đức Phật tự ví "như voi chiến lâm trận, bình thản vững tiến giữa lằn tên mũi đạn, sẵn sàng và thản nhiên hứng chịu những lời nguyền rủa":

(Pháp Cú 320)
Như voi ra trước trận tiền
Luôn luôn hứng chịu cung tên bắn mình
Như Lai nhẫn nhục tu hành
Chịu điều phỉ báng cũng đành lòng thôi,
Sống vô tư cách lắm người
Xa điều giới luật, ghét nơi cửa thiền.

Nhẫn nhục cũng có hai phương diện. Thứ nhất là nhẫn nhục có "chấp tướng". Đây là nhẫn nhục vì sợ quyền thế, vì đang nằm trong hoàn cảnh bất lợi chưa thể trả thù được, hoặc mong cầu được người khen, hay được chức trọng, quyền cao; vì khinh bỉ đối thủ, hay tự cho mình cao hơn người. Nhẫn nhục như thế là vì còn do dục vọng "tham, sân, si, và mạn" thúc đẩy, chưa phải là nhẫn nhục Ba la mật. Thứ nhì là nhẫn nhục "không chấp tướng". Đây là nhẫn nhục do ý muốn diệt trừ lòng sân hận, kiêu mạn, tự ái, tham lam... Hơn nữa, còn nhắm mục đích trau dồi lòng từ bi và hỷ xả.

Đức Phật dạy "Niết Bàn là tối thượng, nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao, người tu hành không gây hại cho người khác":

(Pháp Cú 184)
Phật thường dạy đã lâu rồi
Niết Bàn là chốn tuyệt vời cao siêu
Cũng như nhẫn nhục trăm chiều
Lấy điều khổ hạnh làm điều tối cao,
Xuất gia chẳng hại ai nào
Sa Môn tu tập nỡ sao hại người.
Lửa sân hận có thể đốt thiêu tất cả những gì quí báu, mà loài người đã xây dựng được trên thế giới này. Lửa sân hận chỉ có thể bị dập tắt bằng nước nhẫn nhục Ba la mật.

THIỀN ĐỊNH BA LA MẬT

Thiền Định là tu tập bằng phương pháp tập trung tư tưởng, tâm trí vào một đối tượng duy nhất không cho tán loạn, để tâm trí được vắng lặng và mạnh mẽ, hầu quan sát và suy xét một vấn đề cho đến cùng cực và do đó nghiệm ra được chân lý. Trong Bát Chánh Đạo cũng có Định. Trong sự suy tầm nghiên cứu của các nhà khoa học cũng cần đến Định. Tâm có định thì trí mới sáng suốt để suy nghĩ và tìm tòi được sâu xa.

Tu tập Thiền định có nhiều kết quả tốt đẹp như giữ được tâm từ bi, thương yêu chúng sinh; các phiền não tham, sân, si, không còn phát sinh nữa; gìn giữ được các giác quan không cho sắc, thanh, hương, vị, xúc lay động; vui vẻ lạc thú; xa lìa được ái dục; chứng được chân không; cởi mở được tất cả những dây trói buộc sự giải thoát; khai phát được trí tuệ vô lượng và an trú trong cảnh giới của chư Phật. Khi tâm đã được điều phục, cảnh thiền đã được chứng đắc, thời cùng với trí tuệ được đưa đến cảnh giới an lạc Niết Bàn:

(Pháp Cú 23)
Nhờ tu thiền định thâm sâu
Tháng năm kiên nhẫn, trước sau chuyên cần
Người hiền trí được bình an
Thân tâm giải thoát, Niết Bàn hưởng vui.
Riêng với thiền định Ba la mật là thiền định lên cao đến mực xuất thế gian. Tâm và ý lúc ấy tuyệt đối thanh tịnh, đến nỗi không còn biết là thanh tịnh, không còn thấy tướng thanh tịnh nữa. Khi ấy trí tuệ sáng suốt cùng cực mới phát sinh.

TRÍ TUỆ BA LA MẬT

Trong Đạo Phật, hai tiếng vô minh được nhắc nhở đến luôn, vì chính vô minh là nguồn gốc, là đầu dây mối nhợ của đau khổ của sinh tử luân hồi. Đức Phật thường dạy chúng sinh rằng: “Cái khổ của lạc đà, của lừa ngựa chở nặng mãn kiếp, cái khổ trôi lăn trong tam giới chưa gọi là khổ. Ngu si không trí tuệ, tin tưởng sai lạc, không biết hướng đi, cái ấy mới thật là khổ".

Đức Phật còn dạy "Si là nguồn gốc của bao tội lỗi, trí tuệ là nguồn gốc của muôn hạnh lành". Chúng ta là Phật tử chúng ta không muốn gây tội lỗi để chịu quả khổ đau, chúng ta chỉ mong làm được các hạnh

lành để hưởng phước quả và được giải thoát. Vậy tất nhiên chúng ta phải tu để cố đạt được trí tuệ Ba la mật. Trí tuệ Ba la mật là thể tánh sáng suốt có khả năng soi sáng sự vật một cách thấu đáo tinh tường đến nơi đến chốn, không thể sai lầm được, trông thấy rõ ràng chân lý của vạn vật, vũ trụ. Muốn vậy cần diệt vô minh. Đức Phật dạy rằng “Vô minh là điều ô trược, cấu uế, xấu xa dơ bẩn tệ hại nhất. Hãy dứt bỏ vô minh để trở thành người trong sạch không ô trược":

(Pháp Cú 243)
Điều dơ bẩn, việc xấu xa
Đứng đầu tất cả chính là vô minh
Tỳ Kheo nên diệt tận tình
Diệt trừ cho hết vô minh, ngu đần
Thành người thanh tịnh thân tâm.

Muốn có được trí tuệ, Đức Phật chế ra nhiều pháp tu. “Giới, Định, Tuệ" và "Văn, Tư, Tu" là những pháp được thực hành nhiều nhất. "Giới, Định, Tuệ” đã được đề cập tới trong một phần trước. Nơi đây cần tìm hiểu thêm về "Văn, Tư và Tu". "Văn" là nghe. Nghe lời giảng của thầy, của bạn, nghe lời nói chứa trong kinh, trong sách của chư Phật, Bồ Tát và thánh hiền. Đọc kinh sách Phật và nghe thuyết pháp là bước đầu. Khi đã gom góp, tích trữ được ít nhiều tài liệu rồi thời ta yên lặng nghiền ngẫm, suy nghĩ. Đây là giai đoạn “Tư”. “Tư" là suy tư, có suy tư mới thấu hiểu được những lời dạy của chư Phật và Thánh hiền, mới thấu hiểu được những giáo lý cao siêu của Đức Phật. Khi đã hiểu rồi thời cần phải đem những điều hiểu ấy ra thực hành. Đó là giai đoạn thứ ba trong việc tu học, giai đoạn “Tu”. “Tu" là tu học. Giai đoạn này mới là giai đoạn quan trọng, khó khăn, nhưng vô cùng thiết thực và ích lợi, vì nó đưa chúng ta đến chỗ giải thoát. Để có một quan niệm tương đối rõ ràng, chúng ta có thể nêu lên ba công năng chính của trí tuệ như sau:

1. Dứt trừ phiền não: Phiền não là do mê lầm phát sinh. Khi trí tuệ đã có thì mê lầm phải mất, như khi ánh sáng phát ra thì bóng tối tất phải tan biến đi. Mê lầm đã mất thì phiền não tất không còn phát sinh ra nữa.

2. Chiếu sáng sự vật: Sự vật bị vô minh che khuất, như màn sương sớm che phủ cảnh vật, nay trí tuệ phát chiếu vào sự vật, chẳng khác gì khi ánh sáng mặt trời lên, thì màn sương tất phải tan biến, lúc bấy giờ thực tướng thực tánh của sự vật được lộ bày như thật.

3. Thể nhập chân lý: Khi bị vô minh phủ lấp, ngăn che thì ta với người, ta với vật tưởng như riêng biệt, sai khác. Nay nhờ trí tuệ soi sáng, thấy rõ được tâm cảnh đều chân không, nên thể nhập được chân lý, giác ngộ hoàn toàn.

-ooOoo-

-03-

TỨ DIỆU ĐẾ VÀ BÁT CHÁNH ĐẠO

Truyện tích kể rằng sau khi đi một vòng châu du hoằng Pháp ở các làng mạc, Đức Phật trở về tịnh xá, và giữa chúng Tăng có cuộc thảo luận về trạng thái gồ ghề hay bằng phẳng của các con đường đã trải qua. Đức Phật nói rằng thảo luận về các con đường ấy không thích hợp cho sự giải thoát, đó chỉ là những đoạn đường ở bên ngoài thân tâm. Ngài khuyên chư Tăng nên lưu tâm đến con đường cao thượng là "Bát Chánh Đạo" thuộc giáo lý "Tứ Diệu Đế" và những việc cần phải làm khác để sớm đắc được đạo quả. Những giáo lý căn bản của Đạo Phật được tóm tắt như sau đây:

(Pháp Cú 273)
Con đường cao thượng hàng đầu
Là "Bát Chánh Đạo" nhiệm mầu biết bao,
Bốn điều chân lý tối cao
Là "Tứ Diệu Đế" dễ nào sánh ngang,
Không còn luyến ái vấn vương
Là điều cao thượng thơm hương Niết Bàn,
Trong loài động vật hai chân
Thì Đấng Toàn Giác vô ngần tối cao.

Người Phật tử tu học để muốn vĩnh viễn yên vui ở ngoài vòng sinh tử của thế gian. Muốn đạt được kết quả đó trước hết người Phật tử phải thấu hiểu tình trạng đời người, biết rõ căn bệnh của thế gian ra sao, để rồi tìm thuốc trị bệnh. Đức Phật khi dạy chúng sinh tìm quy y Phật, Pháp, Tăng là nhắm giúp chúng sinh mở mang trí tuệ và đồng thời hiểu rõ được bốn chân lý mầu nhiệm mà thoát khổ. Bốn chân lý đó gọi là "Tứ Diệu Đế":

(Pháp Cú 190 - 191)
Nếu quy y Phật, Pháp, Tăng
Riêng phần trí tuệ vinh thăng nhiệm mầu
Hiểu ra Tứ Đế thâm sâu:
Biết rằng trần thế khổ đau là gì,
Hiểu ra nguồn gốc khổ kia,
Biết đường diệt hết khổ đi là rồi
Biết Bát Chánh Đạo tuyệt vời
Tám đường chân chính con người nên theo.

Đức Phật giảng "Tứ Diệu Đế" để giải rõ tình trạng đời người và dạy phương pháp thay đổi tình trạng đó. "Tứ" là bốn; "Diệu" là huyền diệu, mầu nhiệm, cao quý; "Đế", là sự thật, là chân lý. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý mầu nhiệm. Đó là: khổ (Khổ Đế); nguồn gốc của khổ (Tập Đế); sự diệt khổ (Diệt Đế) và con đường dẫn đến sự diệt khổ (Đạo Đế).

Khổ phải được thông suốt, hiểu biết. Nguồn gốc của khổ, nguyên nhân gây ra khổ (tức ái dục) phải được tận diệt. Sự diệt khổ (tức Niết Bàn) phải được chứng ngộ. Con đường dẫn đến sự diệt khổ (tức Bát Chánh Đạo) phải được phát triển. Dầu chư Phật có giáng sinh hay không, bốn Chân Lý ấy vẫn có trên thế gian. Chư Phật chỉ khám phá ra và vạch rõ cho nhân loại thấy bốn chân lý mầu nhiệm này mà thôi.

1. Khổ đế: Sự thật đầu tiên về tình trạng đời sống của chúng sinh trong thế gian là đau khổ, một thực trạng mà con người cảm nhận từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Đức Phật dạy: "Này các Tỳ kheo, sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thương yêu mà biệt ly là khổ, mong cầu mà không được là khổ. Tóm lại, chấp thủ năm uẩn là khổ". Như vậy, "khổ" có thể chia làm 3 phương diện:

Về phương diện sinh lý: khổ là một cảm giác khó chịu, đau đớn của thể xác như khi bị một gai nhọn đâm buốt bàn chân hay một hạt cát vào trong mắt... Con người sinh ra đã vất vả khốn đốn, lớn lên già yếu, bệnh tật khốn khổ vô cùng và cuối cùng là cái chết, là sự tan rã của thể xác.

Về phương diện tâm lý: khổ là do không toại ý, không vừa lòng v.v... Những mất mát, thua thiệt trong cuộc đời làm mình khổ. Người mình thương muốn gần mà không được, người mình ghét mà cứ phải gặp gỡ hoài. Muốn tiền tài, danh vọng, địa vị nhưng nó cứ vụt qua ngoài tầm tay mình v.v...

Về sự chấp thủ năm uẩn: Cái khổ thứ ba này bao hàm hai cái khổ trên, như trong kinh đã dạy: "Chấp thủ năm uẩn là khổ". Năm uẩn hay “ngũ uẩn” là năm yếu tố nương tựa vào nhau để tạo thành con người, gồm có: thân thể vật lý là sắc và cấu trúc tâm lý là thọ, tưởng, hành và thức. Gọi chung lại là " sắc, thọ, tưởng, hành, thức". Nói một cách tổng quát, khi ta bám víu vào năm yếu tố trên, coi đó là "ta", là "của ta", là tự ngã của ta, thì khổ đau có mặt. Mọi khổ đau, lo lắng, sợ hãi, thất vọng đều gắn liền với ý niệm về “cái ta” ấy.

Phật giáo không phủ nhận rằng trong đời người cũng có lúc vui vẻ sung sướng vì thân tâm được thỏa mãn trong những điều mong muốn. Những hạnh phúc ấy là quả tốt của những nghiệp lành đã tạo ra

trong kiếp trước hay kiếp này. Đức Phật không dạy rằng con người phải tránh những hạnh phúc ấy. Không nên hiểu lầm là Ngài có ý phủ nhận tình cảm của con người để theo đuổi một số lý tưởng tinh thần cao thượng. Điều mà Đức Phật muốn nhắc nhở chúng ta không phải là bảo ta dẹp bỏ hoàn toàn tình cảm lành mạnh của con người, mà chỉ có ý nhắc chúng ta không nên chú tâm quyến luyến và gắn bó vào những thú vui vật chất. đừng say đắm mê mờ trong những hạnh phúc trên. Đức Phật nói cái vui đó là cái vui mong manh trong đau khổ, cái vui còn vướng trong vô minh nghiệp chướng đưa đến khổ đau càng sâu dày thêm.

"Bể khổ mênh mông nước ngập trời
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi,
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió,
Ngẫm lại cùng trong bể khổ thôi!".
Một nhà thơ đã cảm hứng mà viết như trên. Ngược gió hay xuôi gió, chiếc thuyền cũng ở trong biển mà thôi, không thể vượt lên trên biển được. Mà cái biển đó là biển khổ. Cho nên cái vui của con người trong cảnh trầm luân này là cái vui trong đau khổ của thế gian, chưa phải là cái vui giải thoát. Do thế, Đức Phật nói đời là bể khổ, mặc dù chúng sinh cho đời là vui, rồi say đắm theo đời, không giờ phút nào rời khỏi, cho đến

một ngày nào đó phải nhắm mắt tắt thở, bấy giờ mới hoảng hốt, khổ đau.

Điều làm trở ngại quan trọng nhất cho việc phát triển tâm linh không phải là những vật, những việc, hay những ngoại cảnh có sức tạo niềm khoái lạc và thích thú; mà chính là cái tâm ý thiết tha gắn bó, nhớ tưởng đến những vật hay những việc ấy, theo lòng ham muốn ích kỷ của con người. Theo Phật Giáo chính trạng thái tinh thần khi đối đầu với ngoại cảnh mới là điều quan trọng.

Một hoàng tử xuất gia và rút vào rừng, hành thiền một mình. Về đêm, ông nghe văng vẳng tiếng đàn hát từ thành vọng đến và lấy làm bất mãn với lối sống đơn độc giữa rừng sâu. Một vị thần trên cây khuyến khích ông nên cố gắng tìm thích thú trong đời sống cô đơn. Về sau, thầy Tỳ kheo bất mãn ấy trở về bạch lại tự sự với Đức Phật. Đức Phật giảng cho thầy về tính cách khó khăn của kiếp sống ở thế gian:

(Pháp Cú 302)
Khó thay diệt ái dục rồi
Để mà vui sống cuộc đời xuất gia,
Khó thay cuộc sống tại nhà
Trần gian sinh hoạt thật là thương đau,
Khổ thay phải sống gần nhau
Khi không ý hợp tâm đầu êm xuôi,
Khổ thay cứ mãi nổi trôi
Trong vòng sinh tử luân hồi quẩn quanh,
Vậy lo vượt thoát cho nhanh
Khổ đau nơi ấy, tử sinh chốn này.
Đức Phật giảng cho ta trông thấy cuộc đời sâu hơn, xa hơn, đúng với sự thật hơn. Trông sâu hơn và xa hơn, vì những sung sướng trong thế gian không vững bền, không vĩnh viễn. Khi nó mất thì chúng ta buồn đau. Mà ngay khi còn, nó cũng gây cho chúng ta biết bao bận rộn, lo nghĩ, ghét ghen, thù oán... Trông đúng với sự thật hơn, vì trong khi ta đang say đắm trong hạnh phúc, nếu ta không biết tu tập để giữ gìn và làm tăng trưởng nhân duyên lành đã sinh ra hạnh phúc thì hạnh phúc đã bắt đầu suy giảm theo luật “vô thường” rồi. Đau khổ đã dần dần đến thay thế cho sung sướng rồi. Bởi vậy tình trạng chung và đúng sự thật của thế gian là đau khổ. Ấy là một "lẽ thật" chắc chắn, hiển nhiên.

Một chàng thanh niên được cha mẹ hết lòng thương yêu. Chàng xuất gia làm Tỳ kheo mà không được cha mẹ ưng thuận trước. Về sau, cha mẹ thầy cũng lần lượt theo nhau xuất gia. Tuy nhiên chàng và cha mẹ không sống rời nhau và không dứt tình phụ mẫu, cứ mãi khăng khít quây quần bên nhau, sống chung với nhau trong một ngôi chùa và cùng đi khất thực. Các vị Tỳ kheo khác cảm thấy khó chịu nên đến bạch với Đức Phật. Nghe câu chuyện, Đức Phật dạy rằng thương hay ghét đều tạo khổ:

(Pháp Cú 210)
Chớ kề cận kẻ yêu thương,

Chớ gần gũi kẻ mình thường chẳng ưa,
Ở đời khổ mấy cho vừa
Khi yêu không gặp, khi ưa chẳng kề
Cũng đau cũng đớn kể chi
Ghét này phải gặp, oán kia phải kề.

Đức Phật cũng dạy thêm rằng không nên say mê luyến ái vì khi xa lìa hay mất đi điều mình luyến ái thời mình sẽ cảm thấy đau khổ. Sự say mê luyến ái dễ bị ràng buộc:

(Pháp Cú 211)
Đừng yêu đến độ say mê
Kẻo khi ly biệt não nề héo hon
Nếu mà yêu ghét không còn
Chẳng chi ràng buộc, tâm hồn thảnh thơi.

2. Tập đế: là nguồn gốc hay nguyên nhân dẫn đến thực trạng đau khổ. "Tập" là tích tập, các phiền não chồng chất tụ hội tạo thành năng lực đưa đến khổ đau. Khi nhận thức được bản chất của khổ một cách rõ ràng, ta mới có thể đi vào con đường đoạn tận khổ đau.

Cuộc đời là khổ đau hay không đều tùy thuộc vào thái độ tâm lý, cảm thọ và nhận thức của mỗi người; nguyên nhân của khổ có nguồn gốc sâu xa trong tâm tưởng của con người. Phật Giáo cũng nhìn thấy các nguyên nhân của đau khổ; có cái phát sinh từ vật chất hay hoàn cảnh xã hội, nhưng nguyên nhân thật sự vẫn là tâm thức.

Nguyên nhân của khổ thường được các kinh đề cập chính là tham ái, do tham ái mà chấp thủ, bám víu vào các đối tượng của tham ái. Sự khao khát về dục lạc sẽ dẫn đến khổ đau, bởi vì lòng khao khát ấy không bao giờ thỏa mãn. Đức Phật dạy “Tham ái sinh sầu ưu, tham ái sinh sợ hãi. Ai giải thoát tham ái thời không còn sầu ưu sợ hãi nữa":

(Pháp Cú 216)
Khởi từ tham ái sinh ra
Sinh lo, sinh sợ khó mà tránh đi
Khi mà tham ái xa lìa
Chẳng còn lo sợ chút gì nữa đâu.

Nguyên nhân sâu hơn và căn bản hơn chính là vô minh, tức là si mê không thấy rõ bản chất của sự vật hiện tượng đều nương vào nhau mà sinh khởi, đều vô thường và chuyển biến, không có cái chủ thể, cái bền vững độc lập ở trong chúng. Do không thấy rõ nên sinh tâm tham muốn, ôm giữ lấy các đối tượng lạc thú. Do không thấy rõ mới lầm tưởng rằng "cái ta" là quan trọng nhất, là cái có thực cần phải bám víu, củng cố và thỏa mãn nhu cầu của nó. Do vô minh mà có chấp thủ "cái ta" và "cái của ta". Do những chấp thủ ấy mà có những nỗi thống khổ của cuộc đời. Chúng ta có thể nhận thấy một cách rõ ràng, khổ hay không là do lòng mình, do cái nhìn của mỗi người đối với cuộc đời. Nếu không bị sự chấp ngã và dục vọng vị kỷ hay phiền não khuấy động, chi phối, ngự trị trong tâm thì cuộc đời đầy an lạc, hạnh phúc.

3. Diệt đế: "Diệt" là chấm dứt, là dập tắt. Diệt đế là sự chấm dứt hay dập tắt phiền não, nguyên nhân đưa đến đau khổ. Khi phá trừ hết những phiền não rồi thì con người được tự do hoàn toàn, yên vui, sáng suốt và không còn những nhân để tạo ra luân hồi nữa. Con người đã giải thoát khỏi sinh tử và đạt tới Niết Bàn.

Đạo Phật xác nhận cuộc đời đầy dẫy những đau khổ, chúng ta thường được nghe nói rằng “đời là bể khổ". Tuy thế Đạo Phật đồng thời cũng xác định có một sự thật khác nữa là an lạc, hạnh phúc. Vì vậy mà có sự tu tập để đạt được hạnh phúc. Hạnh phúc này hoặc tương đối hoặc tuyệt đối.

Hạnh phúc tương đối: Khi ta làm lắng dịu lòng tham ái, chấp thủ thời tâm trí không còn bị đun nóng bởi các ngọn lửa phiền muộn, lo lắng, sợ hãi nữa. Tâm ý của ta trầm tĩnh và sáng suốt hơn, khả năng nhận thức sự vật hiện tượng sâu sắc và chính xác hơn. Thân tâm ta được chuyển hóa, thái độ ứng xử của ta đối với mọi người độ lượng, bao dung và khiêm tốn; đối với của cải, tài sản, danh vọng trở nên thanh thản hơn, không còn bị áp lực của nó đè nặng lên trái tim mình. Trên cơ sở ấy, ta hưởng thụ đời sống có phẩm chất hơn. Tóm lại, tùy vào khả năng giảm thiểu lòng tham, sân và vô minh đến mức độ nào thì đời sống của ta sẽ được tăng phần hạnh phúc lên mức độ ấy.

Nếu ta phát triển hạnh phúc tinh thần cao hơn bằng cách tu tập thiền định thì ta sẽ có sự an lạc tuyệt vời. Đức Phật dạy: "Có người có thể không bị bệnh về thể xác trong một năm hay có thể đến cả trăm năm, nhưng thật hiếm có người không bị bệnh về tinh thần, dù chỉ trong một phút". Những tâm lý được coi là bệnh của tinh thần là tham lam (tham muốn chạy theo nhục dục ngũ trần "sắc, thanh, hương, vị, xúc"), sân hận (oán ghét, bất toại nguyện), hôn trầm dã dượi (uể oải trong tâm, không tinh tấn, kiên trì), dao động và hối hận (lo âu vì những hành động bất thiện), hoài nghi và do dự (tâm bất định). Khi các loại tâm lý này có mặt, nó sẽ trói buộc và ngăn che tâm trí của ta; loại trừ chúng đi thì tinh thần sẽ sáng tỏ thanh tịnh và an lạc như mặt trăng thoát khỏi đám mây che. Các trạng thái hạnh phúc tinh thần này được gọi là "Tứ thiền".

Hạnh phúc tuyệt đối: Trên nền tảng hạnh phúc tinh thần, ta phát triển tuệ quán, hướng tâm đến đoạn trừ toàn bộ phiền não vi tế, thâm sâu, ta có thể đạt hạnh phúc tuyệt đối, tối thượng là Niết Bàn. Diệt đế chính là Niết Bàn. Niết Bàn là sự thanh tịnh, là hạnh phúc tuyệt đối. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 204)
Ai không bệnh, lợi nhất đời
Ai mà biết đủ là người giàu sang
Ai thành tín là bạn vàng
Và nơi cực lạc: Niết Bàn là đây.

4. Đạo đế: "Đạo" là con đường, là phương pháp thực hiện dẫn đến chấm dứt khổ đau. Đức Phật dạy cho chúng sinh một con đường chắc chắn để đi đến Niết Bàn. Như vậy, toàn bộ giáo lý mà Đức Phật đã dạy đều là Đạo đế. Con đường ấy gọi là Bát Chánh Đạo (Tám thánh đạo) được coi là tiêu biểu và căn bản nhất của Đạo đế.

(Pháp Cú 274)

Con đường duy nhất dẫn vào
Đâu còn tìm được đường nào khác hơn
Khiến cho thanh tịnh nhãn quan,
Các ngươi theo đúng lối vàng nói trên
Ma vương mê loạn ngay liền
Chẳng còn dục vọng gây phiền cho ngươi.

Bát Chánh Đạo là con đường “Trung Đạo" mà Đức Phật đã tìm ra để chứng ngộ Niết Bàn. Con đường gồm có tám điều chân chính, tám phương tiện mầu nhiệm mà người Phật tử phải làm: "Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định". Đó là con đường giác ngộ duy nhứt. Đứng về mặt triết học, tám yếu tố ấy là tám trạng thái tinh thần (hay tâm sở) nằm trong tám loại tâm siêu thế có đối tượng là Niết Bàn.

- Chánh kiến: là sự thấy, hiểu biết chân chánh hay nhận thức đúng, rõ ràng như thật. Nhận thức đúng về đạo đức của cuộc sống, cái nào là thiện, cái nào là ác. Nhận biết về bản chất của sự vật đúng với sự thật, hợp với lẽ phải.

- Chánh tư duy: Suy nghĩ đúng đắn, chân chánh và xét đoán sáng suốt, đúng với chân lý, không mê lầm. Do sự hiểu biết, cái nhìn chân chánh mà sự suy niệm hay ý nghĩ đúng đắn phát sinh.

- Chánh ngữ: Ngôn ngữ đúng đắn, nghĩa là không nói những lời vọng ngữ, ác khẩu, hai lưỡi đưa đến đau khổ, chia rẽ, hung bạo, căm thù. Nói những lời lẽ chân thật, êm ái, chính đáng, hiền hòa đưa đến xây dựng niềm tin, đoàn kết hòa hợp, thương yêu và lợi ích, những lời hợp với Chân, Thiện, Mỹ. Lại còn đem phương tiện mà giáo hóa người.

- Chánh nghiệp: Hành vi đúng đắn, làm việc chân chánh có mục đích lành mạnh, vừa lợi ích cho mình, vừa lợi ích cho người và vật khác.

- Chánh mạng: Đời sống đúng đắn, trong sạch nghĩa là phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp chân chánh, không sống bằng những nghề phi pháp, độc ác, gian xảo dễ gây ra ác nghiệp.

- Chánh tinh tấn: Nỗ lực đúng đắn, siêng năng chuyên cần, cố gắng hết sức bằng tất cả nghị lực bản thân để đoạn trừ điều ác, thực hành điều thiện. Diệt trừ phiền não và tạo dựng đức lành.

- Chánh niệm: Nhớ nghĩ đúng đắn, tưởng nhớ chân chánh. Nhớ những việc chân chánh đã làm, quán tưởng những việc chân chánh hiện tại và sẽ làm, để suy nghĩ và hành động cho hợp với lẽ phải, để diệt trừ những ý tưởng sai quấy và phòng ngừa những việc làm sai lầm.

- Chánh định: Tập trung tư tưởng đúng đắn, định tâm chân chánh, nghĩa là đừng để tâm thức bị rối loạn, tập trung tư tưởng làm an tịnh tâm thức một cách đúng đắn, có hiệu quả phát triển tuệ giác.

Theo Đức Phật thời “Bát Chánh Đạo” là con đường duy nhất để chấm dứt mọi đau khổ:

(Pháp Cú 275)
Thuận tu theo chánh đạo rồi
Bao nhiêu khổ não tức thời tiêu tan,
Sau khi chứng ngộ đạo vàng
Biết phương cách diệt vô vàn chông gai
Diệt bao chướng ngại hại người
Ta nay truyền dạy các ngươi con đường.
Giáo lý "Tứ Diệu Đế" vừa là phương tiện, vừa là cứu cánh. Một giáo lý hoàn chỉnh đầy tính nhân bản đem lại niềm tin, sức sống cho con người, xã hội. Đặc tính của giáo lý "Tứ Diệu Đế" là con đường Trung Đạo, không rơi vào cực đoan hưởng thụ dục lạc hay khổ hạnh ép xác. Giáo lý "Tứ Diệu Đế" bao hàm tất cả các giáo pháp mà Đức Phật đã dạy, có thể thực hành cho người xuất gia cũng như tại gia, ai cũng tu tập được, ai cũng có thể nếm hương vị giải thoát, đáp ứng được nhu cầu thoát khổ cho cá nhân và chuyển hóa xã hội.

Đức Phật dạy rằng chẳng phải vì bện tóc, chẳng phải vì gia tộc, cũng chẳng phải tại nơi sinh trong một giai cấp nào mà trở thành Bà La Môn. Nhưng ai hiểu biết chân thật "Tứ Diệu Đế", thông đạt chánh pháp, đó là kẻ Bà La Môn:

(Pháp Cú 393)
Mệnh danh là Bà La Môn
Nào vì bện tóc ở luôn trên đầu
Nào vì chủng tộc mình đâu
Cũng không vì đã dựa vào nơi sinh,
Riêng ai hiểu biết thật tình
"Bốn điều Chân Lý" tâm thành nhận ra
Tinh thông "Chánh Pháp" Phật Đà
Và luôn thanh tịnh, là Bà La Môn
Nhân có hai người cãi nhau vì ai cũng cho là con bò của mình mạnh hơn. Để tranh hơn thua, hai người chất cát và đá đầy xe rồi bắt bò kéo. Xe không nhúc nhích mà dây thừng đều đứt. Các vị Tỳ kheo nhìn

thấy về bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên các thầy nên tận diệt những dây thừng của tâm mình để trở thành người đã giác ngộ. Người giác ngộ là người thấu triệt "Tứ Diệu Đế":

(Pháp Cú 398)
Bỏ đai da sân hận đi
Bỏ cương luyến ái chớ hề vấn vương
Bỏ dây tà kiến lầm đường
Bỏ đồ phụ thuộc buộc ràng quẩn quanh
Bỏ đi cây trục vô minh
"Bốn điều Chân Lý" thật tình hiểu ra

Con người giác ngộ tiến xa
Xứng danh tên gọi là Bà La Môn.
Bà La Môn trong hai câu Pháp Cú 393 và 398 trên đây là tiếng chỉ chung người đạo hạnh thanh tịnh chứ không theo nghĩa thông thường để chỉ giai cấp đạo sĩ Bà La Môn.

-ooOoo-

TỨ VÔ LƯỢNG TÂM:TỪ, BI, HỶ, XẢ

Đức Phật khuyên dạy chúng sinh hãy chăm tu tập "Tứ Vô Lượng Tâm", tức là "bốn món tâm rộng lớn không lường được", đó là các tâm "Từ, Bi, Hỷ, Xả". Phật dạy hãy mở rộng bốn tâm này, không hạn chế, cho tất cả các loài hữu tình ở khắp bốn phương. Đây là những đặc tính giúp con người trở nên tốt đẹp, hoàn thiện, là lối sống của bậc thánh. Nếu mỗi người tự cố gắng thực hành "tứ vô lượng tâm", không phân biệt tôn giáo, chủng tộc v.v... thì mỗi người sẽ trở thành một công dân lý tưởng trong một thế giới hòa bình, an lạc.

Đạo Phật thường được gọi là đạo từ bi, đạo cứu khổ. Ở đâu có Đạo Phật, ở đó có tình thương. Phương châm tu tập của Phật Giáo là từ, bi, hỷ, xả. Người Phật tử lấy từ, bi, hỷ, xả làm nền tảng cho sự phát triển thánh hạnh; tâm từ bi được coi là tâm Phật. Trong quá trình truyền giáo, Đạo Phật chưa bao giờ gây chiến tranh hay đổ máu, thông điệp tình thương cứu khổ, giúp đời đã được Đức Phật tuyên thuyết ngay từ thời kỳ sơ khai thành lập giáo đoàn. Bốn món tâm rộng lớn không lường được nói trên nếu của Phật và các vị Bồ tát thời được xưng là "Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả".

Tâm "Từ" là khả năng hiến tặng niềm vui cho tha nhân, cho người khác. Tâm "Bi" là khả năng làm vơi đi nỗi khổ đang có mặt. Tâm "Hỷ" là niềm vui, lòng thanh thản do từ bi đem tới. Tâm "Xả" là thư thái nhẹ nhàng, tự do, không kỳ thị. Đức Phật dạy người Phật tử phải tu tập tứ vô lượng tâm.

TÂM TỪ

"Từ" là lòng lành giúp ích cho người, lòng thương yêu, thường đem vui cho tất cả chúng sinh. "Tâm từ" là cái gì làm cho lòng êm dịu, là lòng mong ước cho tất cả chúng sinh đều được an lành vui vẻ. Tâm từ là lòng mong mỏi chân thành của người bạn hiền muốn cho bằng hữu mình được an vui hạnh phúc. Ngược lại với tâm từ là lòng "sân hận".

Tâm từ không phải là sự yêu thương thiên về xác thịt, về tình dục, cũng không phải là lòng trìu mến vị kỷ, lòng luyến ái đối với người nào. Tâm từ không phân biệt kẻ thân người sơ, không dành riêng cho tình đồng chí, không dành riêng cho tình đồng chủng, cũng không dành riêng cho tình đồng hương hay đồng đạo. Hơn nữa tâm từ không phải chỉ nên có giữa người và người mà phải bao trùm tất cả chúng sinh, bởi vì, loài cầm thú cũng cần đến sự giúp đỡ và tình thương.

Nói tóm lại, tâm từ bao la, rộng rãi, trải ra đồng đều đối với chính mình cũng như đối với những người thân cận, dù không quen biết, dù có ác cảm với mình. Người thực hiện từ tâm đến mức độ cùng tột sẽ thấy mình đồng hóa với tất cả chúng sinh, không

còn sự khác biệt giữa mình và người. Cái gọi là "ta"

không còn nữa. Mọi sự chia rẽ đều biến mất như đám sương mù tan trong nắng sáng. Vạn vật trở thành một, đồng thể, đồng nhất.

Khi tâm từ xuất hiện thì lòng sân hận, ác ý, thù oán không thể phát sinh. Đức Phật dạy chỉ có tâm từ mới dập tắt được lòng sân. Không những dập tắt được lòng sân, tâm từ còn diệt được các mầm tư tưởng bất thiện. Nhìn thái độ của loài người đối với hận thù, Đức Phật đưa ra nhận xét là tình thương sẽ chinh phục được lòng sân hận. Để giảng hòa một cuộc tranh chấp giữa hai tiểu bang đang giành nhau nước dưới con sông làm ranh giới, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 197)
Ở ngay giữa đám nhân sinh
Dù người hờn oán, nếu mình thảnh thơi
Sống không thù hận cùng người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.
Nhưng có lòng từ ái đối với người khác không có nghĩa là phải quên mình. Lúc Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, các đệ tử từ bốn phương xa gần tấp nập về đảnh lễ Ngài. Chỉ có một thầy Tỳ kheo, thay vì làm như các vị khác, lại rút về tịnh thất chuyên cần hành thiền. Khi được hỏi về thái độ ấy, thầy trả lời vì trong ba tháng nữa Đức Phật sẽ nhập diệt nên thầy nghĩ rằng để tỏ lòng quý trọng Ngài, việc làm tốt đẹp nhất là thành tựu đạo quả A La Hán lúc Ngài còn tại tiền. Đức Phật ngợi khen thầy và nhấn mạnh là "Không nên vì mục tiêu của người khác mà lãng quên mục tiêu, sự an lành của chính mình. Hãy nhận định rõ ràng mục tiêu của mình và lập tâm thành đạt mục tiêu ấy":

(Pháp Cú 166)
Chớ vì lợi ích cho người
Mà quên lợi ích cho nơi chính mình
Mục tiêu giải thoát tử sinh
Ai lo lợi ích cho mình chớ quên
Quyết tâm đạt được cho bền.
Không nên hiểu lầm là Đức Phật dạy ta nên ích kỷ, chớ có phục vụ kẻ khác một cách vị tha, bất cầu lợi. Trái lại Đức Phật chỉ nhấn mạnh rằng trong khi phục vụ lợi ích cho người cũng đừng quên mục tiêu tự giải thoát cho chính mình. Mình có giác ngộ và giải thoát rồi sau đó đi giúp kẻ khác mới hữu hiệu được hơn.

TÂM BI

"Bi" là lòng thương xót cứu khổ, thương dứt trừ đau khổ cho hết thảy chúng sinh. Bi là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác. Đặc tính của “tâm bi" là ý muốn giúp người khác thoát khỏi cảnh khổ.

Tâm bi là vị thuốc có thể tiêu trừ bệnh hung bạo. Lòng của người có tâm bi thật là mềm dịu. Lắm khi người có tâm bi không ngần ngại hy sinh đến cả tính mạng. Chính do nơi tâm bi mà con người có thể hoàn toàn vị tha trong khi phục vụ kẻ khác, giúp mà không

bao giờ mong đền ơn, đáp nghĩa.

Đối tượng của tâm bi là những kẻ nghèo đói, túng thiếu, đau ốm, cô đơn dốt nát, hư hèn và cả những người có đời sống buông lung, phóng đãng tội lỗi. Tâm bi phải bao trùm tất cả chúng sinh đau khổ, rất bao la và bình đẳng. Như Đức Phật xưa kia đã từng tế độ cho một người phụ nữ lạc bước giang hồ và cho cả một tên sát nhân tàn ác, toan hại Ngài. Về sau, cả hai đều theo Ngài và hoàn toàn đổi tính. Bên trong mỗi người, dù xấu xa thế nào cũng ngầm có những tính tốt. Đôi khi chỉ có lời nói phải, đúng lúc, cũng có thể làm đổi hẳn con người. Như vua A Dục ngày xưa, tàn bạo đến nỗi, người đời bấy giờ gọi là "A Dục, con người tội lỗi". Thế mà, khi nghe được lời nói phải của một thầy Sa di trẻ tuổi, ông đổi hẳn lại tính tình, mạnh tiến trên con đường tự giác và trở thành "A Dục, con người hiền đức". Ta nên nhận định rằng, tâm bi của Phật giáo không phải là giọt nước mắt nhỏ suông gọi là thương xót. Kẻ thù gián tiếp của tâm bi là "âu sầu, phiền não".

Tâm từ và tâm bi thường đi chung với nhau. Trước hết phải dùng tâm bi để trừ giùm đau khổ cho chúng sinh, rồi kế đó dung tâm từ mà cho họ niềm vui. Như thế, cái vui mới được hoàn toàn. Vậy "bi" là nhân mà "từ" là quả. Người sống có tâm từ bi, có tình thương thì mọi hận thù trên thế gian này sẽ tiêu tan.

Một người có hai bà vợ. Một bà có con và một bà không. Bà không con đem lòng ganh tị, trộn thuốc độc vào thức ăn của bà kia, hại bà kia hai lần hư thai. Đến lần thứ ba, thuốc độc làm cho bà kia đang có mang cùng chết với đứa bé. Bà kia khởi tâm cương quyết báo oán và thực hành ý định. Bà không con bị trả thù, cũng quyết tâm trả thù lại. Thù oán trả qua trả lại, hết bà này đến bà kia, qua lại trong hai kiếp sống liên tục. Tuy nhiên, đến kiếp tái sinh thứ ba, cơ hội đưa đẩy hai bà cùng đến gặp Đức Phật và sau đó nhờ Ngài khuyên giải mà hận thù được chấm dứt:

(Pháp Cú 5)
Khắp nơi trong cõi dương gian
Hận thù đâu thể xua tan hận thù
Chỉ tình thương với tâm từ
Làm tiêu oán hận, giải trừ hờn căm
Đó là định luật ngàn năm.
Cô hầu nhỏ của một ông chồng nọ bất chợt đem lòng ganh tị bà vợ lớn. Một lần cô đem đổ bơ nóng lên đầu bà nhưng bà không giận mà còn giải lòng từ bi đến cô, nguyện rằng mình không sân hận, khiến cho bơ nguội lạnh, bà không bị phỏng. Về sau, cô hầu nhỏ ăn năn hối hận và xin sám hối. Bà bảo cô phải lên xin sám hối với Đức Phật trước bà mới bằng lòng quên lỗi. Cô làm theo lời bà và được Đức Phật khuyên rằng "Hãy lấy tình thương mà chế ngự tâm sân, lấy chân thật khắc phục giả dối":

(Pháp Cú 223)
Lấy từ bi, lấy ôn hòa
Thắng cơn nóng giận bùng ra thét gầm
Lấy hiền lành, lấy thiện tâm

Thắng lòng hung ác bất nhân khó lường
Lấy tâm bố thí cúng dường
Thắng hàng keo kiệt, thắng phường tham lam
Lấy chân thật để đập tan
Những trò hư ngụy, dối gian ở đời.
TÂM HỶ

"Hỷ" là lòng vui, tự mình vui và mừng giùm cho người được điều thiện. Hay muốn nói cho đủ là tùy hỷ: vui theo, cùng vui với người khác. Phản nghĩa của hỷ là "ưu phiền". Hỷ không phải là trạng thái thỏa thích suông, cũng không phải là cảm tình riêng đối với một người nào. Hỷ là lòng cùng vui thích với người khác khi họ có hạnh phúc hay họ được thành công, nhất là khi sự thành công ấy tiến về nẻo thiện, hướng đến mục đích giải thoát.

Lòng "ganh tị" là kẻ thù trực tiếp của hỷ. Nhiều người lấy làm bực tức khi thấy người khác thành công hay vui khi thấy người khác thất bại. Chính tâm hỷ làm tiêu tan lòng ganh tị đó.

Người có tâm hỷ sẽ trực tiếp hưởng nhiều lợi ích do tâm ấy đem lại cho mình hơn cả người khác. Nếu so sánh với tâm từ và tâm bi, tâm hỷ lại càng khó thực hiện. Muốn có tâm hỷ, phải có ý chí mạnh mẽ và hết sức cố gắng. Để tạo sự an vui, hạnh phúc trong đời sống cá nhân cũng như tập thể và vươn mình lên sống đời trong sạch, cao thượng, người Phật tử nên thực hành tâm hỷ.

Một Sa di, con của người gác cửa, nói xấu về tâm bố thí của tất cả các thiện tín đến chùa, từ đại thí chủ như ông Cấp Cô Độc đến vua Ba Tư Nặc, ngoại trừ những người có họ hàng với chú. Đề cập đến bà con mình thời chú nói: "Ô! Nhà của bà con tôi cung cấp đầy đủ cho các Sa môn tứ phương!". Vài vị Sư khác muốn tìm hiểu, điều tra và khám phá ra sự thật. Khi các vị này bạch lại với Đức Phật về tác

phong thấp hèn của chú Sa di, Đức Phật dạy "Người nào đem lòng khen chê, bất mãn và đố kỵ về những phẩm vật bố thí thì tâm người ấy chưa được an tịnh. Người bỏ được tính đố kỵ, ganh ghét và không so đo hơn thua thì tâm lúc nào cũng an tịnh":

(Pháp Cú 249)
Do lòng tin, bởi niềm vui
Người người bố thí, nơi nơi cúng dường
Kẻ mà tâm xấu buông lung
Thấy ai được hưởng, trong lòng ghét ganh
Ngày đêm sẽ mãi quẩn quanh
Không hề an tịnh tâm mình được lâu.
(Pháp Cú 250)
Chỉ riêng người hiểu pháp mầu
Nên lòng ganh ghét trước sau diệt trừ
Ngày đêm hương đạo thơm đưa

Cõi lòng an tịnh, tâm tư thanh nhàn.

-ooOoo-

TÂM XẢ

"Xả" là lòng buông xả ra mọi vật của mình cho tất cả chúng sinh không phân biệt kẻ oán người thân. Xả là bố thí, bỏ đi, không chấp, không ghi giữ trong lòng. Xả là trông thấy đúng đắn, nhận định chân chính, suy luận vô tư, tức là không ghét bỏ cũng không luyến ái; không ưa thích cũng không bất mãn. Phản nghĩa của "tâm xả" là "cố chấp".

Người cao thượng luôn giữ tâm bình thản trước sự khinh rẻ, phỉ báng, nguyền rủa. Giữa cuộc thăng trầm của thế gian đó, Đức Phật dạy ta nên luôn bình thản, hành tâm xả, vững chắc như tảng đá sừng sững giữa trời, vững như voi, như mãnh hổ. Ví như gió thổi ngang màn lưới mà không bị vướng trong lưới, tuy sống giữa chợ người mà ta không luyến ái những lạc thú hão huyền và vô thường của cuộc đời. Như hoa sen từ bùn nhơ nước đục vươn lên, chúng ta cũng vượt lên bao nhiêu quyến rũ của thế gian để sống trong sạch, tinh khiết, luôn luôn bình tĩnh và an vui.

Kẻ thù trực tiếp của xả là "luyến ái" và kẻ thù gián tiếp của tâm xả là sự "lãnh đạm". Tâm xả lánh xa lòng tham ái và trạng thái bất mãn. Thái độ vô tư, thản nhiên, an tịnh là đặc tính quan trọng của tâm xả. Người có tâm xả không thích thú trong vui sướng cũng không bực tức trong phiền não. Người có tâm xả đối xử đồng đều giữa kẻ tội lỗi và bậc thánh nhân. Đức Phật luôn khen ngợi, khuyến khích hàng đệ tử thực hành tâm xả.

Xả có bốn thứ. Nếu đem cho người ta đồ vật, của cải thời gọi là "tài xả". Nếu đem giáo pháp, giáo lý cho người thời gọi là "pháp xả". Nếu đem đức không sợ hãi cho người thời gọi là "vô uý xả". Còn tự mình xả bỏ tất cả các mối phiền não thời gọi là "phiền não xả".

Một Tỳ kheo có thói xấu hay moi móc lỗi lầm của người khác để chê bai. Đức Phật dạy "Nếu có ai nói rõ lỗi lầm của người khác và chỉ dạy cho họ cách sửa chữa lại thì đó chẳng phải là một hành động xấu ác đáng chê trách. Trái lại nếu có kẻ nào luôn luôn chỉ trích chỗ sai lầm của người khác với ý định hiểm độc để nói xấu thời những người như thế không bao giờ đạt được giác ngộ mà chỉ có sự ô nhiễm tăng trưởng trong họ mà thôi":

(Pháp Cú 253)
Nếu ta thấy được lỗi người
Tâm ta nóng giận tức thời dễ sinh
Tăng thêm phiền não thật nhanh,
Xa lìa an tịnh, quẩn quanh muộn sầu,
Lỗi người chẳng để tâm lâu Còn chi sầu muộn, còn đâu não phiền

Vài thầy Sa di không biết nên theo phá khuấy một vị A La Hán khả kính vì thân hình ngài nhỏ bé thấp lùn. Khi được biết vị thánh tăng tính tình hiền hòa, chẳng hề tức giận, vẻ mặt luôn bình thản, không chút xao động, Đức Phật dạy rằng chư vị A La Hán giữ mình luôn luôn bình thản trước những lời tán dương hay khiển trách:

(Pháp Cú 81)

Gió nào lay núi đá cao
Và người trí lớn khác nào núi kia
Tiếng đời trần tục khen chê
Tán dương, phỉ báng, dễ gì động tâm.

Theo lời mời của một vị Bà La Môn, Đức Phật và các môn đệ Ngài đến an cư kiết hạ tại làng của ông ta. Nhưng Đức Phật và các Tỳ kheo lắm lúc bị bỏ lửng, không được chăm sóc đến, vì vị thí chủ này lãng quên, hơn nữa dân làng địa phương lúc đó đang bị nạn đói kém trầm trọng. Đức Phật và các Tỳ kheo trong thời gian đó phải dùng lúa cho ngựa ăn được cúng dường bởi các người buôn ngựa, nhưng không có ai vì đó mà buồn ý, vẫn tinh tấn tu tập. Đến khi trở về tịnh xá Kỳ Viên các ngài được cung cấp thực phẩm chu đáo nhưng cũng không vì đó mà tỏ ra thỏa thích quá độ. Đức Phật lưu ý rằng người thiện trí vượt lên trên mọi xúc động thường tình, không bao giờ bồng bột, cũng không bao giờ để tinh thần suy sụp, luôn bình tĩnh trước mọi việc xảy ra:

(Pháp Cú 83)

Người lành thường mãi lìa xa
Mọi điều dục lạc bỏ qua chẳng bàn,
Người hiền trí gặp vui buồn
Dù đầy hạnh phúc, hay tràn khổ đau
Không hề dao động trước sau
Tinh thần luôn vững, há nào mừng lo.

Một bà tín nữ có ý muốn thỉnh năm vị Tỳ kheo lão thành về nhà trai tăng. Nhưng tịnh xá lại cử đi năm vị Sa di trẻ tuổi đến nhà bà thọ thực. Bà thí chủ chỉ muốn thỉnh những vị Tỳ kheo nên bà không vui, tỏ vẻ không tôn kính và không dâng cúng vật thực đúng thời khiến các vị Sa di bị đói khát. Về sau bà mới nhận ra phẩm hạnh của các vị Sa di, mặc dầu không được tiếp đãi nồng hậu, vẫn không hề tỏ ra bất mãn. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 406)

Tỏ ra thân thiết chân tình
Giữa người thù nghịch quanh mình gần xa,
Tỏ ra thiện chí ôn hòa
Với người tính khí thật là hung hăng,
Không còn luyến ái vương mang
Bên người cố chấp buộc ràng vây quanh,
Bà La Môn thật xứng danh.

Một ông vua lấy làm thất vọng và âu sầu vì đã bị bại trận ba lần. Ông không thắng nổi kẻ địch là người cháu gọi mình bằng cậu. Người cháu đó là vua A Xà Thế. Ông vua bại trận bỏ cả ăn uống, cứ nằm dài mãi trên giường. Đức Phật luận về hậu quả không hay của cả người thắng lẫn kẻ bại, dạy rằng muốn an vui, chớ ham tranh thắng bại. "Kẻ chiến thắng gây thêm thù hận. Còn người thất trận phải chịu khổ đau ảo não". Sống an

hòa là thái độ tốt nhất:

(Pháp Cú 201) Khi mà thắng lợi vẻ vang Sinh ra thù oán ngập tràn. Nguy thay!

Khi mà thất bại chua cay
Sinh ra đau khổ chất đầy tâm can!
Chi bằng thắng bại chẳng màng
Cuộc đời tịnh lạc, bình an vô cùng.

Hỷ và xả là hai hạnh lành, có tương quan mật thiết, làm nhân làm quả cho nhau. Xả làm nhân cho hỷ, nghĩa là muốn vui theo với người, muốn làm cho người vui, thì trước tiên mình phải đừng chấp, phải xả bỏ những điều ngang trái, những điều thiệt thòi sỉ nhục mà người khác đã làm cho ta.

Trong các truyện về "Tiền thân Đức Phật" ta thấy Ngài từng xả bỏ thân mạng mà cứu giúp chúng sinh. Khi được làm Bồ Tát trên cung trời Đâu Suất, Ngài xả bỏ các sự vui sướng nơi thiên cung mà giáng sinh cứu thế. Trước kia khi còn là một hoàng tử sắp lên ngôi vua, Ngài xả bỏ tất cả đền đài cung điện, châu báu ngọc ngà, vợ đẹp con khôn, quyền cao chức trọng để mà một thân một mình ra đi tu hành khắc khổ.

Người tu hành phải tập xả dần, xả tất cả. Con tằm sở dĩ thành bướm bay lượn đó đây, vì nó đã rời bỏ cái kén, dù đó là một cái kén bằng tơ vàng óng ánh, ấm áp, đẹp đẽ mịn màng vô cùng. Nhưng xả mà còn buồn rầu tiếc nuối cho cái mà mình đã bỏ đi thì xả như thế không có ích gì. Xả phải đi đôi với hỷ. Phải xả với vẻ mặt hân hoan, vui mừng như người tù khi tháo gỡ xiềng xích.

-ooOoo-

MÀU ÁO CÀ SA

Kinh Pháp Cú dành riêng hẳn một phẩm gọi là "Phẩm Tỳ kheo" để đề cập tới các người xuất gia. Những đặc điểm chính của người xuất gia là trong sạch, hoàn toàn độc thân, tự ý sống nghèo nàn, khiêm tốn, đơn giản, phục vụ một cách vị tha, nhẫn nại, bi mẫn và thanh tao nhã nhặn. Ngoài việc học hỏi giáo lý, tu trì "Giới, Định, Tuệ" người xuất gia còn có nhiệm vụ trao truyền những tinh hoa Phật Pháp cho mọi người, tạo cho họ niềm tin đối với Phật Pháp.

Y vàng, hay áo cà sa là một sắc tướng tượng trưng hạnh từ khước, dứt bỏ, xuất gia. Nhuộm y màu vàng để cho bộ y hết đẹp, không còn giá trị vật chất. Sắc tướng bên ngoài của đời sống thiêng liêng đạo hạnh không có nghĩa lý gì nếu không có sự trong sạch bên trong.

Truyện tích kể rằng phần đông thiện tín ưng thuận dâng một bộ y quý giá đến Đại đức Đề Bà Đạt Đa thay vì dâng đến Đại đức Xá Lợi Phất là vị đại đệ tử của Đức Phật. Một vài thiện tín có tâm đạo, thấy Đề Bà Đạt Đa đắp y, ngỏ ý rằng thầy không xứng đáng được danh dự ấy. Nhân cơ hội, Đức Phật dạy rằng trong một tiền kiếp Đề Bà Đạt Đa làm thợ săn voi trong rừng. Hắn thấy voi thường quỳ xuống đảnh lễ mỗi khi một vị Phật Độc Giác đi ngang qua. Hắn bèn nghĩ ra mưu kế để săn voi. Hôm sau khi vị Phật cởi áo ra

tắm bên bờ suối, hắn lấy trộm y vàng để nguỵ trang cho dễ giết voi. Số voi bị giết chết đi dần dần. Khi voi đầu đàn khám phá ra mưu kế gian manh đó voi bèn xông lên trước dùng vòi quật ngã thợ săn, định giết chết, nhưng thấy bộ y vàng trên người nên tha chết cho hắn. Đức Phật dạy rằng khi tâm chưa rời bỏ những điều tham dục, không tự kiềm chế được mình và thiếu thành thật thì không xứng đáng mặc áo nhà tu:

(Pháp Cú 9)
Nếu mà mặc áo cà sa
Lòng còn ô uế, tâm tà quẩn quanh
Chưa tự chế, thiếu chân tình
Xứng đâu mà khoác vào mình áo kia.
Nhận thấy rằng xa hoa vật chất là ảo huyền và thú vui vật chất không tạo hạnh phúc thật sự, tu sĩ tự nguyện lìa bỏ tất cả sự nghiệp trên đời để khoác trên mình chiếc y vàng và cố ghép mình vào nếp sống hoàn toàn trong sạch. Tuy nhiên, không phải sắc tướng bề ngoài mà là sự thanh lọc bên trong và đời

sống gương mẫu làm cho con người trở nên trong sạch. Sự thay đổi từ trong ra ngoài chứ không phải bên ngoài mà thôi.

Một ông quan đại thần sau khi đánh dẹp loạn quân đắc thắng trở về được vua ban thưởng vàng bạc rất nhiều lại tặng thêm một cô vũ nữ tuyệt đẹp. Trong bảy ngày đêm ông hưởng các lạc thú vật chất, tiệc tùng tưng bừng. Cô vũ nữ giúp vui. Hôm sau cả đoàn keó nhau ra bờ sông tắm rửa. Tắm xong lên bờ bày tiệc rượu ca hát. Chiều trở về dinh tiệc vui lại tiếp tục. Cô vũ nữ trang phục lộng lẫy, trong lúc đang múa hát thời ngã lăn ra bất tỉnh, sùi bọt mép rồi chết luôn. Ông rất âu sầu, đến hầu Phật và được nghe Đức Phật giảng giáo pháp. Sau khi nghe xong ông đắc quả A La Hán và nhập diệt luôn, mặc dầu lúc ấy ông ăn mặc rất sang trọng. Các thầy Tỳ kheo bạch hỏi Đức Phật có nên gọi vị ấy là Sa môn không. Đức Phật dạy rằng không nên đánh giá con người bằng y phục "Đặc tính thánh không tùy thuộc ở hình dáng bề ngoài. Sự trong sạch đến từ bên trong, chính sự thanh tịnh bên trong là chính yếu":

(Pháp Cú 142)
Người nào sống thật trang nghiêm
Thân tâm an tịnh, giữ gìn đường tu
Bao nhiêu dục vọng diệt trừ
Không hề buông thả những hờ giác quan
Lại thêm giới hạnh chu toàn
Sinh linh chẳng hại, tính luôn ôn hòa
Dù cho ăn mặc xa hoa
Vẫn là tu sĩ, là Bà La Môn.
Đức Mục Kiền Liên dùng thần thông đem hai vợ chồng một một ông chưởng khố rất giàu có nhưng tính keo kiệt đến trước mặt Đức Phật. Khi nghe thuyết Pháp xong cả hai xin quy y. Nghe những vị Tăng sĩ khác tán dương phẩm hạnh của ngài Mục Kiền Liên, Đức Phật lưu ý rằng những vị tốt như Đức Mục Kiền Liên phải làm cho người khác đặt

niềm tin nơi mình mà không hề gây tổn hại đến ai, đi trì bình khất thực mà không gây phiền phức cho ai:

(Pháp Cú 49)
Sa môn khất thực trong làng
Ví như ong lượn nhịp nhàng bên hoa
Kiếm tìm mật nhụy hút ra
Xong rồi tung cánh bay qua cuối vườn

Một tăng sĩ trụ trì có lòng ganh tỵ với hai vị khách vốn là đại đệ tử của Đức Phật từ xa đến viếng, vì hai vị này được chủ nhà kính mộ. Chủ nhà nổi nóng khiển trách thầy. Thầy lăng mạ chủ nhà và đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên thầy nên sám hối, không nên ích kỷ và có nhiều tham vọng, không nên chấp điều gì là “ta” và “của ta”. Ngài dạy thêm rằng "Người si mê thường hay tìm danh vọng mà họ không xứng đáng. Muốn địa vị cao trong Tăng chúng, quyền thế trong chùa chiền, danh vọng ngoài xã hội":

(Pháp Cú 73)
Kẻ ngu thường muốn hư danh
Ngồi trong Tăng chúng muốn giành chỗ trên,
Trong Tăng viện muốn uy quyền,
Muốn người cung kính đến xin cúng dường.
(Pháp Cú 74)
Để cho kẻ tục, người Tăng
Phục ta và phải nghĩ rằng ta đây:
"Chính ta làm được việc này!"
Hay: "Ta ra lệnh đó đây thi hành!"
Kẻ ngu cuồng vọng khoe mình,
Lòng tham, ngạo mạn tăng nhanh với đời.

Vị Sa di kia xuất thân từ một gia đình khả kính, được thiện tín tới tấp dâng lễ vật cúng dường. Nhưng ông chẳng màng, từ chối tất cả, chấp nhận đời sống đơn độc và nghèo nàn ở chốn rừng sâu. Một ngày tươi sáng nọ vị Sa di thành đạt đạo quả A La Hán. Các vị Tỳ kheo hết lời tán dương phẩm hạnh gương mẫu của vị này. Nghe câu chuyện, Đức Phật mô tả hai con đường khác nhau, một dẫn đến lợi lộc và một đến Niết Bàn. Ngài dạy "Không nên thoả thích trong mùi danh bả lợi của thế gian mà phải trau dồi tâm dứt bỏ":

(Pháp Cú 75)
Một đường danh lợi thế gian
Một đường đưa tới Niết Bàn cao xa
Tỳ Kheo đệ tử Phật Đà
Nhủ lòng cho rõ để mà bước chân,
Đừng nên tham đắm lợi trần,

Đạo mầu giải thoát chuyên tâm trau dồi!

Các vị xuất gia là các bậc mô phạm, thực thụ sống đời sống phù hợp với lời dạy của Đức Phật. Do đó, để chế ngự việc thèm thuồng vật thực, để tâm được nhẹ nhàng khoan khoái, tu sĩ phải sống đời sống giản dị và thanh đạm. Cuộc sống xa hoa sẽ biến con người trở nên nô lệ của tham vọng. Nên ở độc thân, vì tất cả năng lực nhờ đó mà được bảo tồn trọn vẹn để có thể dùng vào việc trau dồi tinh thần và đạo đức cho mình, cho người khác. Phải kiểm soát hành động lời nói và thu thúc sáu căn chặt chẽ. Như vậy, sự tinh tấn sẽ thúc đẩy người xuất gia khước từ những lạc thú trần gian và chấp nhận đời tu sĩ, đi lang thang, rày đây mai đó, không luyến ái một nơi ở nhất định nào, hoàn toàn tự do.

Một vị Tỳ kheo cất vật thực để sau này dùng. Đức Phật khuyên thầy không nên làm như vậy và giải thích thêm tác phong chân chính của một vị Tỳ kheo thuần thành:

(Pháp Cú 92)
Không màng tài sản chứa đầy
Uống ăn chừng mực qua ngày để tu
Thoát vòng đau khổ, ưu tư
Thảnh thơi theo cánh gió đưa Niết Bàn
Như chim bay giữa không gian
Tìm chim, dấu vết vô vàn khó thay.

Vì thiện tín đem vật thực dồi dào dâng đến một Đại đức nên có vài vị Tỳ kheo bàn tán rằng Đại đức đã dặn dò các thí chủ làm như vậy để tỏ ra mình có nhiều uy tín. Đức Phật dạy rằng chính tâm trong sạch bố thí của thiện tín tự nhiên phát sinh chứ không phải do Đại đức xúi giục, người không ô nhiễm không mất thì giờ để nói chuyện về “tứ vật dụng” là bốn món cần thiết cho đời sống Tỳ kheo. Ngài dạy "Người đã tận diệt được lòng ham muốn, không còn nghĩ tới cao lương mỹ vị, đã thành đạt giải thoát, không còn bị dục lạc kích thích, thì đường đi của họ thênh thang, tự do và thoải mái như đường của chim bay giữa không trung”:

(Pháp Cú 93)
Nhiễm ô, ham muốn diệt ngay
Uống ăn chừng mực qua ngày để tu
Thoát vòng đau khổ, ưu tư
Thảnh thơi theo cánh gió đưa Niết Bàn
Như chim bay giữa không gian
Tìm chim, dấu vết vô vàn khó thay.

Tỳ kheo đúng theo nghĩa là người đi xin. Các thầy chỉ lặng lẽ đứng trước cửa để người ta sớt thức ăn vào bát và chỉ sống với vật thực nào mà người thí chủ vui lòng đặt vào bát một cách hồn nhiên. Nhưng không phải chỉ vì lý do giản dị là đi xin kẻ khác mà người ấy là Tỳ kheo. Tỳ kheo phải là người đã chấp nhận toàn thể giới luật. có liên quan đến đời sống Tỳ kheo. Một vị Bà La Môn từ bỏ thế gian để sống đời đạo sĩ du phương khất thực. Một hôm ông gặp Đức Phật và thỉnh cầu Đức Phật

gọi ông là Tỳ kheo vì ông cũng đi trì bình khất thực như những tu sĩ Phật Giáo. Đức Phật đáp rằng không phải chỉ đi khất thực mà trở thành Tỳ kheo:

(Pháp Cú 266)
Chỉ đi khất thực từng nhà
Làm sao đủ gọi được là Tỳ Kheo,
Người tu chân chánh phải theo
Bao nhiêu giới luật là điều tối cao
Gọi Tỳ Kheo xứng làm sao,
Chỉ riêng khất thực lẽ nào xứng danh.

Đức Phật còn nhấn mạnh thêm rằng người phẩm hạnh cao, vượt khỏi cả thiện lẫn ác, có trí tuệ thông suốt, mới đáng gọi là thầy tu. Vượt xong điều thiện là siêng năng làm các điều lành, làm điều lành đã quen, đã siêng, nên chẳng cần cố gắng, chẳng thấy khó nhọc chi, nên gọi là vượt xong điều thiện. Vượt xong điều ác là bỏ dứt được các điều bất thiện:

(Pháp Cú 267)
Bao nhiêu thiện, ác vượt xong
Tu hành thanh tịnh, tác phong cao vời
Sống đầy hiểu biết ở đời
Xứng danh được gọi là người Tỳ Kheo.

Nhân một nhóm tăng sĩ trong khi an cư kiết hạ tại một vùng đã âm mưu giả vờ tâng bốc nhau. Người này khoe người kia thành đạt quả vị này hay quả vị khác nhưng thật sự không có ai chứng đắc được gì hết. Họ làm như vậy để được thiện tín cúng dường dồi dào trong khi vùng đó đang bị đói khổ, thực phẩm khan hiếm. Đức Phật chê trách thái độ “tăng thượng mạn” đó. “Tăng thượng mạn" là sự khoe khoang của người tu hành, chưa chứng đắc quả vị mà tự nhận đã chứng đắc. “Tăng” là gia tăng thêm lên. "Thượng" là trên. "Mạn" là kiêu căng, tự cao, tự đại:

(Pháp Cú 308)
Hay phá giới, chẳng tu hành
Thà nuốt sắt đỏ vào mình nóng ran
Như cho lửa cháy đốt thân
Còn hơn thọ lãnh nhân dân cúng dường.

Vị tu sĩ nọ đang hành thiền trong một khu vườn chơi. Một kỹ nữ cũng có hẹn hò với một người đàn ông trong khu vườn ấy, nhưng người này không đến. Chờ người hẹn mãi mà không thấy, cô gặp nhà sư đang ngồi một mình. Thấy diện mạo tuấn tú của vị tu sĩ cô mới sinh lòng quyến luyến và lại gần trêu ghẹo, quyến rũ. Nhà sư bị kích động, vừa sợ hãi vừa cảm thấy toàn thân được một sự thoả thích lâng lâng tràn ngập. Dùng thiên nhãn thấy vậy, Đức Phật xuất hiện trước mặt vị Tỳ kheo và dạy rằng khi ngồi thiền thời nên chọn nơi rừng sâu vắng vẻ mới khỏi bị sa ngã. Người đã dứt bỏ dục vọng, thích ở ẩn dật, nơi mà người trần tục không thích ở:

(Pháp Cú 99)
Núi rừng tịnh lạc, nên thơ
Nhưng người phàm lại không ưa chốn này,
Riêng người giải thoát khác thay
Tỏ ra thích ở nơi đây vô cùng
Vì bao dục lạc dứt xong.
Một vị Tăng sĩ nọ có thói quen, mỗi khi tranh luận với ai mà thấy đuối lý thời mời người ấy đến một nơi khác, vào một giờ hẹn trước, để tiếp tục thảo luận cho ra lẽ. Nhưng đến ngày hẹn, thầy lại tới chỗ hẹn trước giờ và tuyên bố là vị kia đã thua tài biện luận của mình vì không thấy đến nơi hẹn. Khi câu chuyện được bạch lại với Đức Phật, Đức Phật giải thích thái độ của người thật sự đáng là Tỳ kheo

"Chẳng phải cạo trọc đầu mà có được danh nghĩa Sa môn. Kẻ đã dứt trừ xong mọi ác ý mới là Sa môn":

(Pháp Cú 264)
Người mà nói dối, nói sai
Lại thêm phá giới, sống đời buông lung
Dù đầu cạo tóc hết luôn
Cũng chưa xứng gọi Sa Môn tu hành
Huống còn tham dục đầy mình
Làm sao lại xứng trở thành Sa Môn.
(Pháp Cú 265)
Bao nhiêu điều ác ở đời
Dù cho lớn, nhỏ ai người dứt luôn
Chính nhờ điều ác không còn
Xứng danh được gọi Sa Môn tu hành.
Vài vị Tỳ kheo đã thành đạt những tiến bộ tinh thần khá cao nhưng không kiên trì tinh tấn để đắc quả A La Hán ngay. Họ nghĩ rằng họ đã thành công trong việc tu tập như thế thời dễ dàng có thể trở thành A La Hán lúc nào cũng được. Họ đến yết kiến Đức Phật và nói lên ý nghĩ đó. Ngài khuyên "Chẳng phải vì thuộc giới luật, học rộng, nghe nhiều, chứng ngộ tu thiền, sống cô độc mà tự mãn khi chưa thành đạt mục tiêu cuối cùng, khi mà mê lầm, phiền não còn trong tâm". Các Tỳ kheo nhờ đó mà tinh tấn tu tập hơn và chứng quả:

(Pháp Cú 271 - 272)
Không vì giới luật luôn theo
Không vì học rộng, nghe nhiều giỏi thêm
Không vì chứng ngộ tu thiền
Hay là cô độc sống riêng một mình
Mà cho là đã đạt thành
"Niềm vui giải thoát, hương lành xuất gia

Phàm phu không thể sánh qua!"
Tỳ Kheo chớ có tỏ ra bằng lòng
Khi mà trừ diệt chưa xong
Mê lầm, phiền não còn trong tâm mình.

Năm thầy Tỳ kheo, mỗi thầy tự chế một giác quan. Các thầy bạch hỏi Đức Phật để biết giác quan nào khó chế ngự hơn hết. Đức Phật dạy điều phục giác quan nào, căn nào, cũng khó như nhau, nhưng người tu hành đồng thời phải chế ngự được đủ các căn mới tiến đến được giải thoát:

(Pháp Cú 360 - 361)
Người nào chế ngự được ngay
Mắt, tai, mũi, lưỡi: lành thay vô ngần!
Lại thêm chế ngự được thân
Cũng như lời nói và tâm ý mình
Nói chung quả thật tài tình!
Tỳ Kheo nào bản thân mình thật hay
Chế ngự xong mọi điểm này
Khổ đau giải thoát, đọa đày tiêu tan.

Một Tỳ kheo có tài ném đá, trăm phát trúng cả trăm. Một hôm thầy ra tắm sông cùng một số bạn đồng tu. Muốn khoe khoang tài của mình, thầy liệng cục đá vào đầu một trong hai con thiên nga đang bơi lội gần đó, làm nó bị chết. Để khuyên dạy, Đức Phật giải thích trạng thái thích đáng mà một người Tỳ kheo cần phải có:

(Pháp Cú 362)
Người nào chế ngự tay chân
Giữ gìn lời nói và tâm ý mình
Thích ưa thiền định nhiệt thành
Độc thân, tự tại, tu hành cô liêu
Biết đầy đủ, chẳng ham nhiều
Xứng danh là bậc Tỳ Kheo vô cùng.

Một thầy Tỳ kheo đã lăng mạ hai vị đại đệ tử của Đức Phật là các tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên nên bị đọa địa ngục. Đức Phật nhân cơ hội này dạy rằng một Tỳ kheo phải kiểm soát lời nói, ăn nói hiền từ hoà nhã, không tự phụ, thì khi diễn bày ý nghĩa của kinh điển lời sẽ êm dịu rõ ràng. Ăn nói khôn khéo ở đây có nghĩa là trí tuệ:

(Pháp Cú 363)
Tỳ Kheo ngôn ngữ thuần rồi
Nói câu khôn khéo, tránh lời tự cao
Thì khi giảng Pháp ngọt ngào
Muôn phần êm dịu, xiết bao rõ ràng

Một vị Tăng sĩ biết Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, cố tránh không làm theo những vị khác. Thầy rút về tịnh thất mình, lấy giáo pháp làm đề mục hành thiền nhằm thành đạt

đạo quả A La Hán. Vì hiểu lầm thái độ của thầy, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Khi nghe thầy đó giải thích ý định của mình, Đức Phật tán dương thầy:

(Pháp Cú 364)
Tỳ Kheo chánh pháp tuân theo
Một lòng suy tưởng, mến yêu đạo mầu
Tư duy chánh pháp thâm sâu
Sẽ không sa đọa. Chẳng bao giờ rời
Mãi theo chánh pháp tuyệt vời.

Một thầy Tỳ kheo nhận lời mời của một đệ tử của Đề Bà Đạt Đa đến tu viện riêng của Đề Bà Đạt Đa và sống vài ngày trong sự tiếp đón nồng hậu của chủ. Khi trở về chùa, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với Đức Phật. Đức Phật khuyên dạy thầy và các vị khác là "nên biết đủ" và "đừng khinh thường những gì mình thọ lãnh":

(Pháp Cú 365)
Điều mình thọ lĩnh được rồi
Chớ nên coi rẻ, buông lời khinh khi,
Người ta thọ lĩnh được chi
Chớ thèm, chớ muốn thứ gì của ai,
Tỳ Kheo ganh tỵ người ngoài
Khó mà an trú cho nơi tâm mình
Bao điều thiền định tốt lành.
(Pháp Cú 366)
Tỳ Kheo thọ lĩnh cúng dường
Ít nhiều cũng chẳng coi thường khinh chê
Cứ luôn sinh hoạt mọi bề
Siêng năng, thanh tịnh không hề buông lơi
Chư thiên khen ngợi hết lời.

Từ bi chất chứa trong tâm và Tỳ kheo luôn luôn đem nguồn vui đến cho mọi người, cứu khổ mọi loài. Tỳ kheo lấy từ tâm đối xử với mọi người, vui thích với giáo pháp, sẽ đạt đến cảnh giới an lạc và được giải thoát khỏi sầu khổ:

(Pháp Cú 368)
Tỳ Kheo chất chứa trong tâm
Từ bi hoa nở hương thầm bay xa
Vui trong giáo pháp Phật Đà
Sẽ mau đạt cảnh thăng hoa Niết Bàn
Nhanh siêu thoát, sớm bình an
Chẳng còn phiền não, vô vàn sướng vui.

Người dứt bỏ thằng thúc sẽ vượt qua trận lụt, "vượt dòng nước lũ mênh mông", tức là đã giác ngộ và giải thoát:

(Pháp Cú 370)
Tỳ Kheo nào cắt đứt xong
Năm điều phiền não chẳng còn vấn vương,
Năm điều ô trược dứt luôn,
Năm căn lành tốt tìm phương trau dồi,
Năm điều trói buộc vượt rồi
Xứng danh được gọi là người thành công
"Vượt dòng nước lũ" mênh mông.
Cắt đứt được năm điều phiền não là: cái tôi, hoài nghi, cố chấp sai lầm trong nghi thức cúng tế, luyến ái và sân hận. Dứt bỏ được năm điều ô trược là: tham ái, sân hận, phóng dật, kiêu căng và mê muội. Trau dồi năm căn lành tốt là: lòng tin nơi "Tứ Diệu Đế", ý niệm chánh pháp, quyết tâm tu tập, tâm không vọng động và suy xét hiểu rõ chân lý. Vượt khỏi năm điều trói buộc là: tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn và tà kiến.

Đức Phật dạy rằng Tỳ kheo phải chuyên cần hành thiền, đừng xao lãng, phải hết sức chú ý và tập trung tư tưởng, theo dõi hơi thở, giữ chánh niệm và tỉnh giác, đừng để tâm chạy theo dục lạc. Không vì phóng túng mà nuốt hòn sắt nóng dục lạc. Lúc cháy phỏng mới ăn năn, than thở thì đã muộn rồi:

(Pháp Cú 371)
Tỳ Kheo hãy cố tu thiền
Chớ nên buông thả, chớ nên lơ là
Tâm mình ái dục tránh xa
Đừng chờ nuốt sắt nóng mà kêu than:
"Thân thiêu đốt khổ vô vàn!"
Tỳ kheo sống nơi tĩnh mịch thời tâm yên tịnh. Hiểu rõ chánh pháp thì sẽ hưởng được niềm vui cao thượng hơn các niềm vui của người trần thế:

(Pháp Cú 373)
Tỳ Kheo ẩn dật sống nhàn
Luôn luôn yên tịnh vô vàn trong tâm
Bao điều chánh pháp nhận chân
Sẽ vui hưởng thú siêu nhân hơn người.
Người suy niệm biết rõ lẽ sinh và diệt của "ngũ uẩn", của năm nguyên tố hòa hợp lại tạo thành thân và tâm con người, thì sẽ hình dung được niềm vui và hạnh phúc của những người đã thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi:

(Pháp Cú 374)
Ai mà suy nghĩ, nhận chân
Lẽ sinh diệt của thân tâm này rồi
Thân tâm ngũ uẩn con người,
Hưởng ngay hạnh phúc, niềm vui tốt lành Của người thoát khỏi tử sinh.

Tỳ kheo có trí tuệ phải lo chế ngự lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), tự biết đủ, nghiêm trì giới luật, giao thiệp với những người có đức hạnh, trong sạch và chuyên cần. Phải chân thành thân thiện, đoan chính, thanh cao. Tỳ kheo đó sẽ dứt sạch phiền não, có nhiều niềm vui:

(Pháp Cú 375 - 376)
Tỳ Kheo có trí hiểu rằng
Phải lo chế ngự lục căn cho lành,
Tự mình biết đủ phần mình,
Đạo mầu giới luật nghiêm minh giữ gìn
Kết thân với các bạn hiền
Có tài, có đức lại thêm chuyên cần.
Chân thành giao thiệp xa gần
Tác phong đoan chính muôn phần thanh cao,
Được như vậy tốt là bao
Xua đi phiền não, đón vào sướng vui.

Năm trăm vị Tỳ kheo đi vào rừng vắng tu tập thiền định. Nơi đây các vị đó quan sát những cánh hoa lài nở tươi đẹp vào buổi sáng rồi đến chiều thì tàn úa rơi xuống đất. Các vị đó suy niệm và nung chí lên, chuyên cần hành thiền. Đức Phật biết vậy, rọi hình ảnh Ngài trước mặt các thầy và dạy "Này các Tỳ kheo! Hãy dứt bỏ trọn vẹn tham, sân, như bông lài buông rơi những cánh hoa tàn":

(Pháp Cú 377)
Như hoa lài lúc héo tàn
Buông rơi cánh úa theo làn gió kia,
Tỳ Kheo theo đó khác chi
Tham và sân xả hết đi mọi đường.

Thuở ấy có một thầy Tỳ kheo ở chùa Kỳ Viên rất an tịnh, nhàn nhã. Tính tình trầm tĩnh, đi đứng nghiêm trang, thường ngồi, nằm nơi vắng vẻ, ít nói, ít tiếp chuyện với bạn đồng tu. Tác phong tự tại của thầy làm mọi người lưu ý. Mọi người mới đến thưa trình cùng Đức Phật. Đức Phật cho biết kiếp trước thầy Tỳ kheo này là một con sư tử chúa, dáng điệu rất oai vệ, săn được mồi, ăn xong liền nằm im lặng lẽ. Ngài dạy các Tỳ kheo nên noi theo gương đó:

(Pháp Cú 378)
Tỳ Kheo thanh tịnh bản thân
Ôn hòa ngôn ngữ, bình an tâm hồn
Ung dung tự tại luôn luôn
Không màng dục lạc thế nhân thường tình
Con người an tịnh xứng danh!

Một Tỳ kheo say mê phẩm hạnh của Đức Phật, cứ mãi ngồi chiêm ngưỡng dung nhan Ngài. Đức Phật khuyên Thầy không nên làm vậy và dạy rằng người nào thấy giáo pháp

tức là thấy Phật. Thầy bất mãn, trèo lên một tảng đá, toan từ đó nhảy xuống quyên sinh, Đức Phật thấy vậy xuất hiện trước mặt thầy. Gặp Đức Phật, thầy vượt qua cơn sầu và cảm thấy hoan hỷ. Nhân cơ hội Đức Phật đọc lên câu kệ sau đây. Thầy cố gắng hành thiền và về sau đắc quả A La Hán:

(Pháp Cú 381)
Tỳ Kheo hoan hỷ bản thân
Tin theo Phật pháp với tâm chân thành
Sẽ mau đạt cảnh an lành
Thân tâm phiền não sớm thanh tịnh liền.

Đức Phật tuyên ngôn những lời sau đây khi tán dương một thầy Tỳ kheo trẻ tuổi có nhiều oai lực thần thông:

(Pháp Cú 382)
Tỳ Kheo tuy trẻ tuổi thôi
Nhưng mà Phật pháp tu thời siêng năng
Sẽ là ánh sáng huy hoàng
Rạng soi toàn cõi thế gian mịt mờ
Như trăng ra khỏi mây mù.

Đức Phật không quên nhắc nhở các vị Sa môn xuất gia, phải biết tôn trọng áo cà sa và gìn giữ giới hạnh. Đức Mục Kiền Liên thấy một con quỷ đói có hình dáng như một bộ xương khô. Lần khác thấy những con quỷ hình dáng Sa môn đang phừng phừng bốc cháy. Ngài về trình lại cho Đức Phật nghe. Ngài giải thích rằng đó là các tăng sĩ ô nhiễm trong kiếp sống ở quá khứ nay chịu hậu quả này:

(Pháp Cú 307)
Dù cho mặc lắm cà sa
Nhưng mà hạnh ác, gian tà chẳng ngăn
Sau vì nghiệp ác mình làm
Chết vào địa ngục gian nan đọa đày.

Một Tỳ kheo vô ý cắt đứt một nắm cỏ, phạm vào giới luật cấm đốn cây. Tuy đã theo đúng thủ tục thú tội với bạn đồng tu nhưng trong tâm tu sĩ đó vẫn còn thắc mắc. Một Tỳ kheo khác khuyên rằng đó là giới cấm nhỏ, không đáng để ý, vị này có tính ngang nhiên tự phụ nên khuyên xong bèn tự mình cúi xuống nhổ một nắm cỏ, coi đó là việc tầm thường. Đức Phật dạy là chớ lơ là trong việc giữ gìn giới luật. Tương tự như lá cỏ sắc bén tựa lưỡi dao, nếu chẳng khéo cầm giữ sẽ bị đứt tay. Kẻ tu hành mà không giữ giới hạnh nghiêm túc sẽ bị sa vào địa ngục. Theo tà hạnh sẽ đưa đến đau khổ:

(Pháp Cú 311)
Cỏ kia sắc tựa lưỡi dao
Những người vụng dại nắm vào đứt tay,
Sa Môn tà hạnh còn đầy
Tất nhiên địa ngục đọa ngay tức thì.

(Pháp Cú 312)
Ai mà phóng đãng buông lung
Không theo giới cấm, vô cùng nhiễm ô
Sống đời đạo hạnh đáng ngờ
Không sao chứng quả, khó mà thành công.
Gặp việc đáng làm thì phải làm cho tận tâm. Tu hành mà không giữ giới cho nghiêm túc, thì sẽ bị lục trần và dục vọng lôi cuốn vào đường tội lỗi. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 313)
Việc cần làm, phải nên làm
Làm cho hết sức, tận tâm, nhiệt tình,
Xuất gia mà chẳng giữ mình
Hành vi phóng đãng, tu hành buông lơi
Chỉ gieo cát bụi cho đời.
Sau khi đã tìm hiểu một số lời dạy của Đức Phật với chư Tăng, Ni, chúng ta đã hình dung ra được phần nào nếp sống chân chính của những người đang khoác trên mình màu áo cà sa khả kính. Trở lại với chính hình ảnh của Đức Phật từ thuở xa xưa, chúng ta thấy trên mọi nẻo đường khất thực và hoằng hóa, Ngài luôn luôn đi chân không và đi bộ với bình bát trên tay. Giản dị chỉ có thế. Dung dị trong bộ áo cà sa, trong tấm y vàng có những lúc chỉ là y phấn tảo. Tấm lót ngồi làm bằng cỏ khô đan lại. Có

những lúc Ngài trú mưa qua một đêm trong một chái nhà lá của thợ làm đồ gốm một mình. Ngài sinh ra dưới cội cây, và nhập Niết Bàn cũng dưới cội cây, chỉ đơn giản nằm nghiêng trên chiếc võng dây treo giữa hai cây Ta la song đôi. Cuộc sống dung dị nhưng thơ mộng biết bao! Đẹp đẽ biết bao! Xúc cảm biết bao! Chính những hình ảnh, những nét vẽ dung dị đó là những hào quang tối thượng và kỳ diệu nhất để cho chúng ta chiêm ngưỡng. Nội dung giáo hoá của Đức Phật vẫn luôn là Giới, Định, Tuệ qua thân giáo và khẩu giáo.

Cần nhấn mạnh lại ở đây rằng Đức Phật đã định rõ giá trị lý tưởng của một người tu xuất gia phải căn cứ vào cá tính và thái độ, hơn là vào hình dáng, hơn là vào bộ áo cà sa mà quý vị đó đang khoác bên ngoài.

-ooOoo-

HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT

Trong Kinh Pháp Cú có một số bài khá phong phú đề cao chánh pháp vì chánh pháp đóng một vai trò rất quan trọng trong trách nhiệm phát huy chánh kiến, tu tập trí tuệ, đưa người hành giả dần đến mục đích giác ngộ và giải thoát. Chánh pháp cũng giữ một vai trò rất quan trọng trong trách nhiệm hướng dẫn quần sinh. Chúng ta nhớ lại lời căn dặn của Đức Phật trong kinh Đại Bát Niết Bàn: "Này A Nan, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa người khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ tựa."

Nhờ chánh pháp người trí được an tịnh. Truyện tích kể rằng một thiếu nữ về nhà chồng không được bên chồng chấp thuận vì không có của hồi môn (theo tập tục thời bấy giờ ở Ấn Độ). Mẹ cô đã dâng tất cả sự nghiệp đến chư Tăng. Người thiếu nữ bị hất hủi, cho rằng các Tăng đã hại hạnh phúc của cô, cô đâm ra thất vọng và nguyền rủa các Tăng. Đức Phật thuyết Pháp cho cô nghe và tâm cô trở nên an tịnh:

(Pháp Cú 82)
Như là hồ nước thẳm sâu
Phô dòng phẳng lặng, khoe mầu sạch trong
Những người có trí, có lòng
Khi nghe chánh pháp cũng không khác gì
Thân tâm tịnh lạc kể chi.
Khi lời giáo huấn được giảng bày minh bạch, những người theo chánh pháp mà tu hành sẽ vượt khỏi kiếp sống trần tục, nơi mà dục vọng chế ngự và thường là khó thoát, để qua được đến bờ bên kia là cõi Niết Bàn, được giải thoát hoàn toàn. Những người có tâm đạo, cùng ở dọc theo một con đường nọ, quyết định để bát cúng dường chư Sư và nghe giảng giáo pháp suốt đêm. Nhưng khi về khuya vài người không chịu nổi nên trở về nhà. Vài người khác ở lại nhưng không ngớt ngủ gục. Nghe câu chuyện, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 86)
Ai mà có đủ duyên may
Được nghe chánh pháp giảng bày phân minh
Đúng theo chánh pháp tu hành
Sẽ mau thoát cảnh tử sinh bờ này
Trùng dương dục vọng vượt ngay
Bên kia bờ giác dang tay đón chờ.
Sống một ngày mà chứng ngộ trạng thái bất diệt của cõi Niết Bàn là không sinh, không già, không chết quý hơn sống cả thế kỷ mà không chứng. Một thiếu phụ trẻ tuổi mất đứa con duy nhứt. Bà ôm con chạy đi tìm phương cứu chữa. Bà đưa con đến Đức Phật cầu cứu và Ngài khuyên bà nên tìm cho Ngài một ít hột cải trong nhà nào chưa từng có người chết. Hột cải thì bà tìm được, nhưng không gặp nhà nào chưa từng có người chết. Ánh sáng chân lý bừng phát sinh. Khi trở về được nghe giảng giáo pháp,

bà xuất gia làm Tỳ kheo ni. Ngày kia, khi nhìn một ngọn nến cháy chập chờn trước gió bà suy niệm về lý vô thường của đời sống. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 114)
Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia bất tử. Thật là uổng thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà rồi giác ngộ thấy ngay Niết Bàn
Nơi bất diệt, đẹp vô vàn

Không trò bệnh lão, không màn tử sinh.

Một ngày nhận thấy giáo pháp chân lý tối thượng quý hơn sống cả thế kỷ không thấy. Một thiếu phụ khá giả có đông con, bảy trai và bảy gái. Theo lời yêu cầu của các con bà phân phối hết tài sản cho chúng vì chúng hứa sẽ cung phụng bà đầy đủ. Nhưng về sau những đứa con bất hiếu ấy lãng quên, không chăm sóc bà. Bà hết sức thất vọng và xuất gia làm Tỳ kheo ni. Bà chuyên cần suy niệm về giáo pháp. Đức Phật giảng cho bà tầm quan trọng của chánh pháp:

(Pháp Cú 115)

Trăm năm sống chẳng nhận ra

Pháp kia tối thượng. Thật là uổng thay!

Chẳng bằng sống chỉ một ngày

Mà hay rằng giáo pháp đầy thâm sâu

Dạt dào chân lý tối cao.

Một câu chánh pháp dù ngắn cũng hữu ích. Người kia đi biển, thuyền bị đắm, cố gắng nhọc nhằm lắm mới lội được vào bờ. Không còn quần áo, ông lấy vỏ cây che đỡ thân mình. Dân làng thấy ông ăn mặc như vậy tưởng lầm ông là một vị A La Hán. Nhận định sự điên cuồng ấy, ông tìm yết kiến Đức Phật. Ngài đang trên đường đi khất thực nhưng thấy đủ cơ quyên nên dừng lại bên đường giảng vắn tắt cho ông một bài pháp ngắn. Được cảm hóa bằng những lời dạy hữu ích, đầy trí tuệ, tâm ông khai ngộ và đắc quả A La Hán. Các Tỳ kheo ngạc nhiên về ích lợi của bài pháp ngắn. Đức Phật dạy “Ngàn câu vô dụng không bằng một câu hữu ích":

(Pháp Cú 101)

Kệ kia nói đến ngàn câu

Nếu đều vô nghĩa, ích đâu cho đời

Một câu nói cũng đủ rồi

Nếu đầy nghĩa lý, mọi người mừng thay

Nghe xong tâm tịnh lạc ngay.

Một Tỳ kheo sống trong rừng chỉ thuộc một câu kinh và trong những ngày giới thường đọc câu ấy. Chư Thiên trong vùng hết lòng hoan nghênh. Hai Tỳ kheo khác, vốn thuộc nhiều kinh kệ, cũng đến nơi ấy thuyết Pháp nhưng không được chư Thiên hoan nghinh. Bất mãn, hai vị bỏ đi. Khi trở về bạch lại với Đức Phật về thái độ của chư Thiên. Ngài dạy "Chánh pháp là để hành trì chớ không phải để nói suông”:

(Pháp Cú 259)

Nào đâu cứ phải nói nhiều

Là người chánh pháp chuyên theo hộ trì,

Ai tuy ít học, ít nghe

Nhưng mang chánh pháp quyết đi thực hành

Chẳng buông lung, rất tâm thành

Hộ trì như vậy xứng danh hàng đầu.

Nhờ chánh pháp soi đường, nên trí tuệ phát triển, có thể chiến thắng ma quân dục vọng và cuối cùng đưa đến giác ngộ và giải thoát. Nhiều Tăng sĩ đang hành thiền trong rừng bị các vị Trời ngụ trên cây

làm chao động, họ trở về thỉnh giáo với Đức Phật. Ngài khuyên các thầy nên rải tâm từ đồng đều đến tất cả. Hành đúng lời dạy, về sau những vị ấy được chư Thiên hộ trì. Đức Phật dạy "Nên nhớ rằng thân ta mong manh như cái lọ sành. hãy giữ tâm mình vững như thành trì":

(Pháp Cú 40)
Thân như đồ gốm mong manh
Giữ tâm cho vững như thành vây quanh
Với gươm trí tuệ tinh anh
Hãy mau đánh dẹp tan tành quân Ma
Dẹp Ma dục vọng quấy ta
Thắng rồi nỗ lực để mà tiến thêm
Giữ gìn chiến thắng cho bền
Vượt vùng luyến ái, thoát miền nhiễm ô.
Sống theo chánh pháp thời tiếng lành gia tăng. Vùng kia bị dịch hạch hoành hành. Vợ chồng viên chưởng khố trước khi chết chỉ cho con trai chỗ chôn kho tàng và bảo con trốn đi mới thoát chết. Mười hai năm sau chàng con trở về. Tuy giàu có nhưng sợ nguy đến bản thân nên sống khiêm tốn, đi làm công lam lũ. Nhà vua có tài nhận biết người khi nghe tiếng nói. Nghe tiếng anh nói, vua biết đây là một người giàu có. Về sau vua điều tra và tìm ra sự thật. Vua bổ nhiệm anh làm chưởng khố và gả công chúa cho. Khi anh được vua giới thiệu đến Đức Phật thì Đức Phật diễn tả những đặc tính của người sung túc như sau:

(Pháp Cú 24)
Luôn cố gắng, chẳng buông lung
Nghĩ suy chín chắn, tấm lòng hăng say
Bản thân tự chế hàng ngày
Sống theo chánh pháp, tốt thay cuộc đời
Tiếng lành tăng trưởng mãi thôi.
Đức Phật là bậc đạo sư vĩ đại. Ngài đã khám phá ra con đường xuyên qua cách rừng vô minh đen tối, và muốn chỉ cho chúng ta thấy con đường đó nếu chúng ta có đủ trí tuệ sáng suốt để lắng nghe những gì Ngài nói. Nước biển mênh mông vô tận nhưng đều bắt từ nguồn. Dù là nước trăm sông nhưng đều đổ về biển cả và thuần một vị, đó là vị mặn. Giáo Pháp Đức Phật thuyết giảng trong gần nửa thế kỷ cũng thế, dù nhiều vô lượng nhưng chỉ có một vị, đó là vị giải thoát, là Bồ Đề, là Niết Bàn tịch tĩnh.

Với lòng từ mẫn thương xót chúng sinh, Đức Phật thấy rõ chúng sinh ít người bỏ ác làm lành, ít người hướng tìm giải thoát. Trong nhân loại rất ít người qua được đến bờ bên kia là bờ giải thoát giác ngộ, là cõi Niết Bàn. Phần đông đám người còn lại chỉ cam tâm quanh quẩn xuôi ngược ở bờ bên này là bờ của bất thiện, của trói buộc, của đau khổ,

của cảnh giới sinh tử trần gian. Phần đông sinh trở đi trở lại trên thế gian này.

vài n Truyện tíching kể rằng những m m gười người a rất M chy l o, cùng m ả ở dọc Mhần Ậ

trong đời sống này. Điều đó nghĩa là Niết Bàn nằm ngay trong tầm tay của mỗi người. Biểu hiện của Niết Bàn là không còn tạo nghiệp và không còn tái sinh.

"Niết Bàn tức sinh tử, sinh tử tức Niết Bàn". Câu kinh thâm thúy mới đọc tưởng như mâu thuẫn. Thật ra lúc mê thì sinh tử, khi ngộ là Niết Bàn, hai cảnh sinh tử và Niết Bàn không phải là hai nơi xa cách mà chỉ là một. Pháp nhiệm mầu của Đạo Phật là dạy cho con người biết cách chuyển mê thành ngộ, biến cải cảnh sinh tử đau khổ của thế gian thành cảnh an lạc, Niết Bàn của chư Phật.

-ooOoo-

NGHỆ THUẬT THUYẾT PHÁP

Trong gần nửa thế kỷ thuyết pháp độ sinh, Đức Phật đã giảng dạy và hóa độ cho rất nhiều người thuộc nhiều thành phần, căn cơ và nguồn gốc khác nhau. Tùy cơ duyên mà Ngài sử dụng những phương cách giảng khác nhau để khai mở trí tuệ cho hàng đệ tử. Có khi Ngài dùng lời dịu dàng để khuyên răn. Có khi Ngài dùng các lý luận sắc bén để thuyết phục. Có khi ngài dùng những ví dụ, những ngụ ngôn. Có khi ngài dùng những định nghĩa. Cũng có khi Ngài dùng các ẩn dụ mạnh mẽ.

Đức Phật dùng một phương pháp rất biệt tài trong tập Kinh Pháp Cú là sử dụng các ví dụ rất linh động và chính xác để gợi cảm cho người nghe mà xác chứng và nhiều khi lại giải thích thêm cho cặn kẽ hơn những điều Ngài nói. Các ví dụ ngài dùng thật vô cùng phong phú và khác biệt, lại giản dị, trong sáng, hướng thượng, hiền thiện và giải thoát.

Truyện tích kể rằng vua Lưu Ly chỉ vì nghe thuật lại một lời nói có tính cách khinh khi đến nguồn gốc, dòng dõi mẹ và bà ngoại của mình nên xúc động và sinh lòng thù oán sâu đậm dòng dõi Thích Ca của Đức Phật. Vua mang quân sang tiêu diệt toàn thể những người cùng họ này. Trên đường trở về, quân đội của vua đóng dinh trại bên một bờ sông để nghỉ. Giữa đêm khuya, một trận lụt to lôi cuốn tất cả vua và binh lính theo dòng nước. Mọi người đều bị chết hết. Nghe câu chuyện thương tâm ấy Đức Phật dùng hình ảnh nước lũ cuốn trôi xóm làng để ghi nhận rằng nhiều người đi đến sự sụp đổ của chính mình trong khi thực hành mưu đồ để thành đạt mục tiêu, miệt mài trong dục vọng, tâm phóng túng, không biết rằng "Diêm vương đang cắt ngắn mạng sống của họ":

(Pháp Cú 47)
Tựa như nước lũ cuốn đi
Xóm làng say ngủ li bì nửa khuya
Tử thần cũng sẽ rước về
Những người phóng túng, đam mê tối ngày
Chỉ chuyên thu nhặt luôn tay
Cánh hoa dục lạc chất đầy trong tâm.

Cũng nhân truyện tích trên chúng ta nhận thấy vua Lưu Ly vì tàn sát quá nhiều người trong dòng họ Thích Ca mà phải chịu quả báo "hiện tiền" là bị nước lụt cuốn trôi ngay. Còn khi thấy quá nhiều người trong dòng họ Thích Ca bị giết chết, Thầy A Nan khóc lóc xin nhờ Đức Phật cứu cho, nhưng Đức Phật bảo đó là quả báo của dòng họ Thích Ca phải gánh chịu, vì trong một tiền kiếp, họ đã bỏ thuốc độc vào một hồ nước, giết hết loài cá trong hồ, nay cá ấy tái sinh ở nước của vua Lưu Ly và đến báo oán.

Đức Phật dạy nên chấm dứt tham luyến. Người còn đang say đắm, mê luyến về tài sản, về đàn gia súc, về con cháu, sẽ bị thần chết đến dẫn đi một cách bất ngờ, cũng như dân chúng trong làng đang say ngủ bị cơn lụt to nửa đêm thình lình lôi cuốn trôi ra biển:

(Pháp Cú 287)
Người mà tâm mãi hằng ngày
Cháu con, gia sản đắm say chẳng ngừng
Khó mà thoát khỏi tử thần
Giống như thảm họa xóm làng ngủ say Bị cơn nước lũ cuốn ngay.

Từ hình ảnh lũ lụt Đức Phật đưa ra hình ảnh ao hồ. Ngài dạy sau khi nghe Pháp thời tâm của người hiền trí an tịnh như nước trong hồ sâu yên lặng. Lần khác Ngài dạy rằng tâm của bậc thánh nhân không dao động thời an tịnh như cõi đất bằng, kiên cố như trụ đồng và cũng phẳng lặng và trong suốt như ao sâu không bị bùn đất làm nhơ bẩn.

Hình ảnh từng giọt nước nhỏ rơi xuống lâu ngày cũng làm đầy được một cái bình, từ đó Đức Phật dạy là đừng nên xem thường điều ác dù nhỏ hay điều thiện dù nhỏ. Hình ảnh gần gũi khác là mưa trên mái nhà. Ngài dạy tâm không tu sẽ bị tham dục xâm nhập như mái nhà mà lợp không kín sẽ bị mưa dột vào. Trái lại nhà lợp kín sẽ không bị mưa dột như kẻ khéo tu.

Kế đến là hình ảnh cát bụi và cây cối. Ngài dạy là kẻ ác hại người thời ác kia trở lại gây khổ cho mình như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay ngược trở lại vào mắt người tung. Lần khác Ngài dạy là kẻ xuất gia mà chẳng giữ mình, hành vi phóng đãng, tu hành buông lơi thời chỉ gieo cát bụi cho đời. Ngài cũng dạy rằng người không tự kiềm chế dễ bị dục vọng lôi cuốn như cây yếu trước cơn gió lốc. Lòng ái dục tiềm ẩn chưa bị tận diệt thời khổ não vẫn phát sinh trở lại như đốn cây mà không đào hết rễ thì nó vẫm đâm chồi sống lại mãi. Đức Phật diễn tả người phá giới tự hại mình như cây leo chùm gửi leo quanh rồi siết chết cây vườn:

(Pháp Cú 162)
Người phá giới tự hại mình,
Như dây chùm gửi leo quanh cây vườn
Dần dần siết chết cây luôn,
Người này gieo hại bản thân vô bờ,
Gieo điều xấu, ác mong chờ
Mà quân thù địch ước mơ hại mình.

Hình ảnh cỏ lau mọc dại cũng được nhắc tới. Đức Phật dạy “Người nào nuôi dưỡng ái dục thời sầu muộn sẽ gia tăng như cỏ dại mọc lên nhanh sau những cơn mưa". Lần khác Ngài khuyên "Đừng để cho lũ Ma quân dục tình phá hoại cái Tâm của mình như cơn lũ lụt làm hại đám cỏ lau”. Có khi Ngài nhấn mạnh "Tham, sân, si, ái là bốn khuyết điểm của loài người như cỏ hoang làm hại ruộng vườn".

Đức Phật cũng dùng hình ảnh những súc vật mà chúng ta thường trông thấy trong cuộc sống hàng ngày để làm ví dụ khi thuyết pháp cho mọi người dễ hiểu. Ngài dạy "Ai học mà không hành thời vô ích, như kẻ chăn bò chỉ đếm bò cho chủ". Hoặc "Già nua, chết chóc lùa con người đến với tử thần như người chăn bò lùa bò ra cánh đồng”. Hoặc “Bà La Môn là người đã giác ngộ như trâu dũng mãnh đầu đàn".

Đối với chuyện ái dục thời Đức Phật đưa ra hình ảnh "Ngày nào còn một bụi cây nhỏ dục vọng giữa nam và nữ mà chưa bị chặt ngã, thời ngày ấy tâm hãy còn bị trói buộc, giống như con bê đeo dính bò mẹ":

(Pháp Cú 284)
Dây tình nam nữ, gái trai
Nếu mà chưa dứt, còn hoài vương mang
Thì tâm, ý vẫn buộc ràng
Như bê bú mẹ luôn ham, chẳng rời.
Để thuyết pháp Đức Phật đưa ra nhiều hình ảnh của các sinh vật để người nghe dễ cảm nhận. "Ái dục của người sống dễ duôi tăng trưởng như dây leo. Nó nhảy từ kiếp sống này chuyển sang kiếp khác như loài khỉ, vượn thích trái cây trong rừng". Hoặc "Kẻ bị bao trùm trong ái dục kinh hoàng như thỏ nằm trong bẫy". Hoặc "Những ai đắm say trong tham ái sẽ rơi trở vào dòng, như nhện sa vào lưới của chính nó".

Đức Phật cũng dạy "Những người trí tuệ thô thiển, khi hôn mê, tham ăn, thích ngủ, ngã lăn, nằm dài như con heo to mà người ta nuôi bằng thức ăn thừa." Trong một dịp khác, vì ăn uống quá độ mà vua Ba Tư Nặc thường thấy mệt mỏi và khó chịu, nhờ Đức Phật khuyên dạy, vua ăn uống có độ lượng và do đó cải tiến tình trạng sức khỏe. Nhân dịp này để diễn tả kẻ ưa ngủ, ăn uống không chừng mực, nằm lăn lóc qua lại, Ngài dùng hình ảnh con heo ham ăn cho no bụng:

(Pháp Cú 325)
Người phàm, ngu muội, tham ăn
Lại thêm ưa ngủ, nằm lăn lóc hoài
Như heo ăn bụng no rồi
Tái sinh chịu mãi, luân hồi tránh đâu.
Có một Tỳ kheo ít thông minh lại hay lơ đãng, vụng về. Ít khi biết nói những lời cho hợp thời, hợp cảnh. Trí tuệ không được mở mang. Ngài đưa ra hình ảnh bò với trâu để so sánh:

(Pháp Cú 152)
Người không chịu học, chịu nghe

Giống như bò với trâu kia vô ngần,
Trâu bò lớn mạnh thịt gân
Nhưng mà trí tuệ trăm phần y nguyên
Nào đâu phát triển được thêm.

Kế đến Đức Phật đưa ra hàng loạt hình ảnh súc vật khác. Ngài dạy: Người trí như tuấn mã chạy nhanh bỏ lại phía sau những con ngựa gầy, lười biếng và hèn kém; Hãy nhiệt tâm chuyên cần như ngựa giỏi chạy hăng lại thêm roi thúc giục; Luyện được lòng ẩn nhẫn mới là khó, khó hơn luyện được voi; Kẻ có tài tự chế ngự được mình là điều rất quý, quý hơn cả tài huấn luyện la, lừa, ngựa và voi; Người phóng túng, không biết tự kiềm chế giống như con voi hung hăng khó trị.

Nhân có một thầy Sa di trẻ tuổi có giới hạnh rất trang nghiêm nhưng về sau muốn hoàn tục. Bà mẹ thầy thuyết phục thầy không nên làm vậy. Cuối cùng thầy nhận định được sự ích lợi dồi dào phong phú của đời sống thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật khuyên thầy "Hãy khéo điều khiển tâm mình như tay quản tượng giỏi điều phục voi":

(Pháp Cú 326)
Như Lai thuở trước buông lung
Bao nhiêu tham dục cứ thường chạy theo,
Tâm ta nay đã xoay chiều
Nhờ vào chánh niệm ta điều phục tâm
Như voi hung dữ vô ngần
Nhờ tay quản tượng sẽ thuần tính ngay

Đức Phật dạy "Người không tiến bộ về vật chất và tinh thần sẽ ăn năn hối hận như con cò già bên cái ao không cá". Trong một dịp khác tâm của một Tỳ kheo bị những tư tưởng xấu chế ngự, Ngài khuyên thầy nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu vì "Cá mắc câu và bị kéo lên khỏi nước, vứt trên đất khô, vùng vẫy như thế nào thì tâm của người trí cũng vùng vẫy và phấn đấu để tránh xa dục vọng như thế ấy":

(Pháp Cú 34)
Tựa như cá ở hồ ao
Bị đưa khỏi nước quăng vào bờ kia
Vẫy vùng, sợ sệt kể chi,
Tâm người nên vậy khác gì cá đâu
Phải vùng vẫy, phải lo âu
Cố mà phấn đấu thoát mau tâm mình
Khỏi tay Ma giới dục tình.

Hình ảnh loài quạ, diều hâu cũng được nhắc tới “Sống không hổ thẹn, lại lỗ mãng trơ trẽn như loài này thời dễ":

(Pháp Cú 244)
Sống không xấu hổ bao giờ
Lại thêm lỗ mãng giống như quạ diều

Chê bai, khoác lác đủ điều
Khoa trương, ngạo mạn, tự kiêu tháng ngày
Sống như vậy thật dễ thay!
Hình ảnh những cánh thiên nga, những cánh chim tung bay tự do trên bầu trời cũng được mang ra để làm ví dụ thuyết pháp. Đức Phật dạy “Chư vị A La Hán không còn luyến ái tựa như những con thiên nga rời bỏ ao hồ". Và "Không nên luyến ái vật thực, không màng đến vật chất thời sẽ thảnh thơi trong cảnh Niết Bàn giống như chim bay giữa chốn không trung. Tìm chim dấu vết vô vàn khó thay." Rồi hình ảnh ong trong vườn "Đi trì bình khất thực mà không gây phiền phức cho ai như loài ong chỉ hút mật của hoa rồi bay đi mà không gây tổn hại đến hương hay sắc của hoa”.

Đức Phật dạy "Thấy lỗi người thì dễ, nhưng lỗi mình thời quả là khó thấy". Một ông trưởng giả nọ muốn đến yết kiến Đức Phật nhưng có mấy vị đạo sĩ nói xấu Ngài để thuyết phục ông ấy đừng đi. Nghe câu chuyện, Đức Phật lưu ý các đệ tử rằng có người chỉ thấy lỗi kẻ khác, lắm khi là những lỗi không bao giờ có, nhưng lại không thấy lỗi của chính mình:

(Pháp Cú 252)
Lỗi người dễ thấy biết bao
Lỗi ta khó thấy ai nào muốn khui,
Lỗi người cứ cố phanh phui
Như tìm trấu lẫn trong nồi gạo kia
Lỗi ta lại giấu giếm đi
Tựa người săn bắn muốn che dấu mình
Hay như con bạc cố tình
Cờ gian bạc lận lưu manh dấu bài.
Hình ảnh thợ săn ẩn núp giấu mình và kẻ cờ gian bạc lận trong đời sống hàng ngày được đưa ra thật sinh động.

Hình ảnh hoa sen cũng được nhắc tới nhiều lần. Một Tỳ kheo đang hành thiền về tính cách ô trược của thể xác nhưng không hiệu quả. Đức Phật thấy vậy trao cho thầy một cành sen và dạy thầy an trụ tâm vào đây. Vị Tỳ kheo thành công, đắc những từng Thiền và phát triển tâm lực. Theo lời khuyên của Đức Phật về sau thầy đắc quả A La Hán. Đức Phật dạy “Hãy cắt đứt dây tình cảm như ngắt cành sen mùa thu":

(Pháp Cú 285)
Dây tình ái hãy dứt liền
Như tay ngắt bỏ cành sen thu tàn
Siêng tu an tịnh đạo vàng
Là đường Phật dạy tìm sang Niết Bàn.
Trong đám người mê muội vẫn có những người giữ mình cao thượng như "hoa sen thanh khiết mọc lên giữa đám bùn nhơ, rác rưởi". Người đã dập tắt ái dục không còn sầu muộn như "giọt nước rời lá sen", như "mưa trơn tuột khỏi hàng lá sen". Bà La Môn

không luyến ái dục lạc như "giọt nước trôi mau trên lá sen", như "hột cải trên đầu mũi kim" không thể dính lại được.

Kế đến là mặt trăng với mặt trời. Người trong sạch, không bợn nhơ như "mặt trăng sáng ngời giữa bầu trời không mây":

(Pháp Cú 413)
Người nhơ bẩn phủi sạch rồi
Như trăng vằng vặc sáng ngời trong đêm
Rất thanh tịnh, rất lặng yên
Diệt trừ ái dục quẩn bên hại mình
Bà Là Môn thật xứng danh.
Dầu trẻ tuổi nếu nhiệt thành với giáo pháp, thầy Tỳ kheo có thể rọi sáng toàn thể thế gian này như "mặt trăng ra khỏi vừng mây". Hào quang Đức Phật rạng tỏ ngày như đêm;

(Pháp Cú 387)
Mặt trời chiếu sáng ban ngày
Mặt trăng đêm xuống tỏa đầy ánh quang
Gươm đao, nhung giáp huy hoàng
Trận tiền chiếu sáng rỡ ràng cho Vua
Bà La Môn vốn từ xưa
Hào quang chiếu sáng khi tu hành thiền,
Nhưng hào quang Phật vô biên
Ngày đêm chiếu sáng khắp miền nhân gian.
Trong Kinh Pháp Cú có nhiều ví dụ cho thấy rằng không phải Đức Phật chỉ thuyết pháp cho hàng trí thức mà Ngài cũng giảng dạy giáo lý cho cả các trẻ em nữa. Ngài dùng những chuyện ngụ ngôn rất giản dị để cho mọi người đều hiểu được lời Ngài muốn giảng dạy. Như thí dụ cái bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe, bóng theo người, mái nhà khéo lợp, một làng đang say ngủ, ao hồ sâu thẳm và trong veo, hoa có hương thơm, ong hút mật v.v... Trí tuệ của Đức Phật đã tỏ rạng trong cách trình bày chân lý cao thâm với những danh từ thông thường, dễ hiểu, không rườm rà phiền phức.

Trong nhiều ví dụ, chúng ta nhận thấy Đức Phật cũng có cái nhìn của một nhà nghệ sĩ tài ba. Hình ảnh vị Tỳ kheo chèo thuyền lướt tới, thuyền được tát cho nhẹ nước, và nhờ vậy thuyền lướt tới mau chóng và nhẹ nhàng. Hình ảnh này nói lên đặc tính vừa hướng thượng vừa siêu thoát, diễn tả vị Tỳ kheo đoạn trừ được lòng tham và sân hận và đang mau chóng tiến dần đến mục đích Niết Bàn an lạc. Chiếc thuyền trống rỗng. Chiếc thuyền ví như thể xác này và nước trong thuyền là những tư tưởng xấu.

Truyện tích kể rằng vài vị tu sĩ hiểu lầm phẩm hạnh của Đại đức Ca Diếp và bàn tán với nhau rằng ngài còn luyến ái những thí chủ và họ hàng thân thuộc. Nghe vậy, Đức Phật giải thích rằng Đại đức Ca Diếp đã cắt dứt mọi luyến ái. Ngài đưa ra hình ảnh một vị tu sĩ không có nhà cửa chùa chiền, cư xá riêng tư, như con ngỗng trời, rời bỏ hồ ao, bay

liệng giữa hư không. Thầy tu đi lang thang rày đây mai đó không luyến ái một nơi ở nhất định nào, bởi vì thầy đã hoàn toàn tự do, đã thoát ra khỏi mọi quan niệm về "ta" và "của ta":

(Pháp Cú 91)
Những người cố gắng tu thân
Luôn luôn hăng hái, tinh thần thật cao
Đâu còn lưu luyến là bao
Nơi ăn chốn ở thuở nào tại gia
Ví như những cánh thiên nga
Rời ao hồ cũ bay xa tít mù
Đâu còn nhớ tiếc nơi xưa.

Khi Đạo Phật ra đời và khi đức Phật bắt đầu thuyết pháp hành đạo, Ngài đã gặp phải một số rất đông các bậc Đạo sư của nhiều giáo phái khác. Họ có giáo lý và phương pháp tu hành riêng biệt, nên một mặt Đức Phật dùng những định nghĩa thật chính xác và rõ rệt để nói lên phần giáo lý pháp môn của mình, sai khác với họ như thế nào; mặt khác Ngài phải tìm hiểu thật chính xác giáo lý và phương pháp tu hành của các giáo phái đó. Với những danh từ họ thường dùng, Ngài đưa ra những định nghĩa thật mới mẻ, thật chính xác, phù hợp với lập trường giáo lý và pháp môn của Ngài. Thí dụ như đối với

danh từ “Muni”, ẩn sĩ, mà chúng ta thường dùng để gọi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài định nghĩa rằng “Muni” hay Mâu Ni có nghĩa là im lặng, nhưng im lặng như ngu si đâu được gọi là ẩn sĩ. Mâu Ni phải là người có trí, biết đo lường cân nhắc phải trái:

(Pháp Cú 268)
Kẻ ngu đần dù lặng yên
Đâu thành một vị thánh hiền ẩn danh,
Nhưng người trí tuệ tinh anh
Cầm cân nảy mực phân ranh tỏ tường
Chọn lành, bỏ dữ chẳng màng
Mới là ẩn sĩ thuộc hàng xứng danh.

Có một vị Bà La Môn sống cuộc đời ẩn dật, tu theo lối khổ hạnh. Một hôm ông ta nghĩ Đức Phật gọi các đệ tử của Ngài là bậc xuất gia, ông sống ẩn cư, tu khổ hạnh thời cũng đáng được gọi là người xuất gia. Ông ta đến gặp Đức Phật và nói lên ý nghĩ ấy. Đức Phật đọc lên bài kệ sau đây để cùng một lúc định nghĩa Bà La Môn, Sa Môn và người xuất gia:

(Pháp Cú 388)
Người mà nghiệp ác dứt xa
Xứng danh tên gọi là Bà La Môn
Người mà an tịnh luôn luôn
Xứng danh tên gọi Sa Môn tu hành,
Người mà ô nhiễm diệt nhanh

Mới là một bậc thuần thành xuất gia.

Một nhóm sáu vị Tỳ kheo đi đó đi đây rêu rao rằng mình là người học rộng. Đức Phật dạy “Không phải vì nói nhiều mà người ta cho rằng là bậc học rộng. Bậc có trí tuệ phải là người an tịnh, không sân hận oán thù và không sợ sệt":

(Pháp Cú 258)

Nào đâu cứ phải nhiều lời

Mới là kẻ trí, chuyện đời tinh thông

Ai mà an tịnh thân tâm

Oán thù, hãi sợ trăm phần dẹp nhanh

Mới là người trí xứng danh.

Trong một số trường hợp, Đức Phật cũng dùng những "ẩn dụ" để thuyết pháp. Một ngày nọ có một nhóm các thầy Tỳ kheo từ phương xa đến đảnh lễ Phật. Lúc bấy giờ có một trưởng lão dáng người thấp lùn đang đứng ở cuối phòng. Đức Phật hướng về phía trưởng lão và nói với các vị Tỳ kheo rằng: "Này chư Tỳ kheo, các ông có trông thấy vị Tăng đứng ở phía kia không?”.

Đức Phật nói: "Đó là người đã giết mẹ, cha và hai nhà vua hiếu chiến, và đã tiêu diệt một quốc gia cùng với vị đại thần phụ trách quốc khố, vị A La Hán ra đi, không sầu muộn" (câu 294).

Rồi Ngài nói tiếp: "Đó là người đã giết mẹ, cha và hai ông vua của giai cấp Bà la môn và tiêu diệt con đường nguy hiểm, vị A La Hán ra đi, không sầu muộn" (câu 295).

Các vị Tỳ kheo nghe xong đều rất ngạc nhiên, chẳng hiểu được thâm ý của Đức Phật, mới xin Đức Phật giải thích thêm. Sau khi lãnh hội và quán triệt được ý nghĩa thâm sâu của hai câu kệ trên, các vị Tỳ kheo đó đắc quả A La Hán.

Hai câu Pháp Cú 294 và 295 này thật khó mà hiểu rõ được ý nghĩa nếu ta không xem các bản “chú giải” ghi chép lại trong kinh tạng. Các câu kệ đó mang ý nghĩa của lời ẩn dụ như sau: "Giết mẹ, giết cha, không phải là trừ diệt Cha Mẹ thật của mình. Ý nói đã diệt trừ xong các nguyên nhân khiến con người phải tái sinh trong cõi đời này. Diệt trừ xong ái dục và ngã mạn để thoát khỏi vòng luân hồi. Mẹ

là ẩn dụ cho lòng tham ái, và cha là ẩn dụ của ngã mạn. Chính vì tham ái và ngã mạn mà ta phải tái sinh nhiều đời, nhiều kiếp trong cõi ta bà luân hồi này. Hai vị vua chính là hai biên kiến của vô minh: thường kiến và đoạn kiến, thường tạo ra nhiều tranh cãi vô ích, cần phải được phá bỏ. Vương quốc lãnh thổ kia chính là 6 căn và 6 trần: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vị Quốc khố đại thần là để chỉ lòng tham đắm dục lạc phát sinh và chất chứa từ 6 căn đó. Sau cùng, hổ tướng thứ năm chính là con quỷ thứ năm làm cản trở sự định tâm, phát tuệ. Đó là ‘nghi’ của 5 triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử, và hoài nghi. Sau khi đã đoạn diệt tất cả các chướng ngại này thì hành giả mới thong dong, tự tại, đi đến giải thoát ...”. Hai câu Pháp Cú trên có thể được kèm luôn với lời chú thích và diễn tả lại như sau để cho dễ hiểu hơn:

(Pháp Cú 294)
Trừ mẹ ái dục cho mau,
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào, khoe khoang,
Trừ hai Vua nọ kiêu căng
Tham vọng, hiếu chiến, ý càng lầm sai
Chẳng tin nhân quả, luân hồi
Khó mà giải thoát, muôn đời hại dân,
Trừ thêm vương quốc kia luôn
Hạ mười hai xứ: sáu trần, sáu căn
Tự mình làm chủ giác quan
Tạo ra an lạc thân tâm bội phần,
Trừ luôn cả vị đại thần
Bo bo gìn giữ kho tàng quốc vương
Khác gì một kẻ lầm đường
Ham mùi luyến ái, vấn vương cuộc đời
Trừ xong mọi việc trên rồi
Vị A La Hán thảnh thơi cõi lòng
Ra đi, sầu muộn chẳng còn.
(Pháp Cú 295)
Trừ mẹ ái dục cho mau,
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào luôn luôn,
Trừ hai Vua Bà La Môn
Luôn mang tư tưởng sai lầm mãi thôi
Chẳng tin nhân quả luân hồi
Khó mà giải thoát, muôn đời ngu si
Trừ con đường nọ hiểm nguy
Giăng năm chướng ngại ngăn che mắt trần
Giống năm vị tướng dữ dằn
Hoài nghi là tướng đứng hàng thứ năm,
Trừ xong mọi việc khó khăn
Vị A La Hán thênh thang cõi lòng
Ra đi, sầu muộn chẳng còn.
-ooOoo-

ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO YÊU ĐỜI

Khi nghe Đạo Phật nói “đời là bể khổ", nhiều người đã hiểu lầm rằng Đức Phật có quan niệm bi quan. Sự thật không phải như vậy. Từ điển đã định nghĩa bi quan là "có thói quen nghĩ rằng cái gì sắp xảy đến đều là xấu cả, đều đáng chán và không tin tưởng ở tương lai" hoặc bi quan là "chán nản, không tin tưởng, hoặc mất niềm tin vào hiện tại, tương lai".

Đức Phật không bao giờ chủ trương bi quan như vậy và Phật cũng không hề nói trên đời này không thể có hạnh phúc. Đức Phật chỉ nói rằng sống thì phải chịu khổ về thể xác cũng như về tinh thần. Nhận

định của Đức Phật rất khách quan, rất đúng và không ai có thể phủ nhận những sự thật ấy được. Giáo lý của Đạo Phật được phát xuất từ kinh nghiệm sống dựa trên sự thật, trên một thực tế mà mọi người đều biết, đều có trải qua và đều cố gắng phấn đấu để khắc phục. Đạo Phật đi thẳng vào điều lo ấu chính yếu của mọi người trên thế gian là sự "khổ đau" và "làm thế nào để tránh cho khỏi khổ".

Những điều nhận xét của Đức Phật về con người, về cuộc đời chính là những mối suy tư giúp nhân sinh có một quan niệm đúng đắn về cuộc đời để sử dụng đời mình làm sao cho có lợi ích. Lợi ích cho chính bản thân mình và lợi ích cho cả các chúng sinh khác. Chính đây là những lời khuyến khích con người tìm cách thực hiện mau những điều đáng làm và cần thiết phải làm để khỏi chết đi trong niềm tiếc nuối và ân hận là mình đã sống một cuộc sống vô nghĩa đầy uổng phí.

Những người chưa vào Đạo Phật, hoặc chưa hiểu Đạo Phật, thường nghĩ rất sai lầm, tưởng rằng Đạo Phật là một đạo chán đời, bi quan, yếm thế, thối chí, làm cho con người trốn tránh trách nhiệm với xã hội và hèn yếu đối với thân tâm mình. Vì Đạo Phật nói "vô thường", mà một khi sự vật đã vô thường thì không nên làm gì cả, có siêng năng hoạt động kinh doanh sự nghiệp rồi cũng không đi đến đâu. Nghĩ như thế thật là trái ngược với giáo lý nhà Phật.

Thật ra không phải vậy. Vô thường của đạo Phật là một phương pháp chỉ rõ mặt trái của đời, để bài trừ những sự mê lầm, ngăn chặn người chạy theo vật dục, nó chưa phải là thuyết tuyệt đối. Đức Phật cũng như vị lương y tùy theo chứng bệnh mà cho thuốc. Với bệnh "chấp thường còn không mất", thì dùng phương thuốc "vô thường" để đối trị, khi lành bệnh thì Phật lại cho thứ thuốc bổ khác quý báu hơn, là thuyết "chân thường bất biến".

Biết được vô thường, con người giữ được bình tĩnh thản nhiên trước cảnh đổi thay bất ngờ và có thể lạnh lùng trước cảnh ân ái chia ly. Biết vô thường, con người dám hy sinh tài sản, sinh mạng để làm việc nghĩa. Biết vô thường con người mới chán ngán với những thú vui tạm bợ, giả trá, và sáng suốt đi tìm những cái vui chân thật thường còn. Vì thật ra, cái vui chân thật thường còn, cái tánh chân thường vẫn có, nhưng nó nằm bên trong cái lớp giả dối tạm bợ vô thường của cõi đời nầy, nên chúng ta không thể thấy được. Khi chúng ta đã cương quyết gạt bỏ cái vỏ giả dối ấy, thì tất nhiên cái giá trị chân thật, cái hạnh phúc chân chính, cái Phật tánh sáng suốt, chắc thật muôn đời sẽ hiện ra.

"Đạo Phật là một đạo rất yêu đời", nhưng yêu cái đời sống thật, yêu cái bộ mặt thật, (bản lai diện mục) đẹp đẽ, trong sạch, yên vui của đời. Vì yêu bộ mặt thật của đời nên mới sinh ra lòng yêu người, yêu tất cả mọi người, mọi loài không phân biệt. Lòng yêu bao la rộng khắp, trùm bọc hết thẩy chúng sinh, vì chúng sinh dưới những hình tướng sai biệt, đều cùng có một bộ mặt thật, đẹp đẽ, sáng sủa như nhau, tuy rằng bộ mặt ấy

hiện nay còn bị nhơ bụi phủ đầy.

Chúng ta nhớ lại Đức Phật thoạt tiên là một thái tử, sống trong cung vàng điện ngọc, đầy sung sướng, đầy quyền uy. Sợ thái tử sẽ xuất gia tu hành theo đúng như lời của người tiên tri nên vua cha muốn giữ chân thái tử trong cảnh vương giả này. Vua cưới vợ cho thái tử và tạo ra biết bao cảnh vật quyến rũ để giữ chân con mình bên cạnh vợ đẹp, bên cạnh con khôn. Chúng ta hãy nghe tả cuộc sống này:

"Thời gian sau ở hoàng cung
Vua quan tổ chức tưng bừng vui tươi
Lễ thành hôn giữa hai người
Trai tài gái sắc xứng đôi vợ chồng
Tuổi mười sáu, đẹp tơ hồng
Sợi dây luyến ái đôi lòng quyện chung,
Vua luôn suy nghĩ mung lung
Giữ chân thái tử mãi trong lồng vàng
Vua bèn ra lệnh các quan
Xây ba cung điện huy hoàng một nơi
Hoa viên cây cỏ tốt tươi
Sen phô sắc dưới nắng trời nhẹ lay
Hồ xanh in bóng mây bay
Vợ chồng quấn quýt, tháng ngày say mê,
Một cung điện cho mùa hè
Hây hây gió mát bốn bề suối trong,
Một cung điện cho mùa đông
Bập bùng lửa ấm tình nồng hương đưa,
Một cung điện cho mùa mưa
Nhạc mưa thánh thót sớm trưa gợi tình,
Nẻo hoa viên, lối cung đình
Tường cao vây phủ bao quanh phía ngoài
Ngăn che phiền não trần ai
Khỏi vương hạnh phúc của hai tâm hồn.
Trong cung tuyển các nhạc công
Đàn ca réo rắt, tơ đồng lả lơi
Thêm đoàn ca múa xinh tươi
Thân vờn dáng liễu, giọng khơi mạch tình
Cao lương, mỹ vị linh đình
Khiến cho thái tử đắm mình mê say
Trải qua bao tháng cùng ngày
Sống trong cảnh giới hưởng đầy thú vui
Không hề hay biết trên đời

Nhiều nơi bất hạnh, lắm người lầm than."
Sống sung sướng trong cảnh vương giả như vậy mà thái tử vẫn quyết chí buông xả tất cả để xuất gia. Đi tu không phải vì những lý do tầm thường như người không hiểu đạo thường nói tới như là: thất tình, nghèo khổ, chán đời, thối chí, thiếu hạnh phúc v.v... Ngài ra đi là muốn giải thoát muôn loài, muốn tìm cho chúng sinh một hạnh phúc thật sự. Đây là tâm trạng của thái tử lúc rời hoàng cung:

"Dù thương cha mẹ vô vàn
Dù yêu vợ đẹp, con ngoan vô cùng
Nhưng ta quyết bỏ hoàng cung
Xuất gia tìm hạnh phúc chung cho người
Tìm phương giải thoát muôn loài
Cuộc đời vương giả đoái hoài làm chi!"
Ngài đi là mong tìm phương cách diệt khổ đau cho chúng sinh. Đạo Phật là đạo diệt khổ, là đạo giải thoát. Giải là cởi mở. Ở đây là "cởi mở" những trói buộc để “thoát” ra khỏi mọi hình thức đau khổ của đời sống:

"Phóng hồi lâu dưới trăng thanh
Người đi nhìn lại kinh thành xa xa
Nguyện thầm: Đến lúc tìm ra
Con đường diệt khổ thì ta mới về!"
"Đời sống của Đức Phật Thích Ca là hiện thân hoàn toàn của lòng yêu đời". Vì yêu đời và yêu chúng sinh đau khổ nên Đức Phật mới bỏ gia đình, bỏ cha mẹ, vợ con, bỏ ngôi báu, lìa xa cung vàng điện ngọc... để tu tập, tìm phương thuốc chữa khổ cho đời. Vì yêu đời và yêu chúng sinh nên trong gần nửa thế kỷ, Đức Phật đã xông pha khắp đó đây, trong mọi tầng lớp xã hội, để giảng dạy cho mọi người tìm ra và nhận thấy bộ mặt thật của đời mà sống. Bộ mặt ấy là "bản thể, thật tánh, Niết Bàn".

Nhưng cũng như sóng không thể lìa nước mà có, "bản thể, thật tánh, Niết Bàn" không thể lìa đời, lìa người và vạn vật mà có. Cho nên người Phật tử luôn luôn sống tích cực với mình và với đời. Với mình để tu sửa mình, giác ngộ mình. Với đời để thức tỉnh người, cứu độ người. Có thức tỉnh mình hoàn toàn và có cứu độ người đầy đủ mới có thể đạt tới Niết Bàn. Đạo Phật là đạo tích cực hoạt động.

Đoạn sau đây trong kinh Phật là một trả lời rõ rệt cho những kẻ tưởng rằng Đạo Phật làm cho con người ghét đời và xa lánh xã hội. Kinh Phật ghi rằng:

"...Kẻ ngu si sợ hư không mà muốn đi trốn, thì dù bỏ hư không mà chạy cũng không thể nào thoát được hư không. Kẻ đi tìm hư không, dù có chạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, cũng không tìm thấy hư không. Những kẻ ấy chỉ biết cái "danh" (tên) của hư không mà không biết được cái “thực” của hư không. Nay có kẻ muốn tìm Niết Bàn, thường qua lại trong Niết Bàn mà không biết đó là Niết Bàn, chỉ thấy toàn sinh tử, phiền não. Kẻ ấy chỉ biết cái "danh" (tên) của Niết Bàn mà không biết cái "thực" của Niết Bàn".

Vậy ta đừng lầm rằng giải thoát là lìa bỏ, chán ghét cõi đời hiện tại. Giải thoát chính là sống hoạt động, yên vui, sung sướng, tự do hoàn toàn ngay trong đời hiện tại, trước khi từ bỏ xác thân vô thường này để nhập Niết Bàn và rồi lại sẽ từ Niết Bàn mà ứng hoá ra khắp mọi nơi để tiếp tục hoạt động cứu độ vô tận chúng sinh. Chư Phật và chư Bồ Tát đã và đang sống cái đời sống ấy. Phật tử chúng ta tu tập cốt để cũng được sống cái đời sống như chư Phật và Bồ Tát.

Nhân dịp giải đáp bốn câu hỏi do vua Trời Đế Thích cùng đoàn chư thiên đông đảo nêu lên Đức Phật dạy rằng "Niềm vui trong Chân Lý cao thượng hơn tất cả niềm vui khác":

(Pháp Cú 354)
Coi như bố thí hàng đầu
Là đem Chân Lý nhiệm mầu tặng nhau,
Coi như hương vị tối cao
Hương vị Chân Lý ngọt ngào dài lâu
Coi như hoan hỷ hàng đầu
Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời,
Người nào ái dục diệt rồi
Vượt qua phiền não, xa rời khổ đau.
"Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời" được coi là hoan hỷ hàng đầu tức là "pháp hỷ" thắng hơn mọi hoan hỷ khác. Pháp hỷ là niềm vui nhẹ nhàng trong tâm sau khi thấm nhuần chân lý, thấu triệt chánh pháp. Niềm vui này kéo dài cả cuộc sống trong khi các niềm vui khác thường ngắn ngủi và hễ chấm dứt là lại sinh ra khổ đau tiếp nối. Câu này quả thật đã nói lên ý niệm lạc quan yêu đời của đạo Phật, một Đạo vẫn luôn luôn bị hiểu lầm là chán đời và yếm thế.

Vì làm sao người Phật tử có thể chán đời, ghét đời được khi mà chánh pháp đem lại cho mình pháp hỷ, như đã được khéo diễn tả trong những câu sau đây nhân dịp Ma Vương cung thỉnh Đức Phật làm vua để giúp đỡ dân chúng được thanh bình, an lạc. Đức Phật biết Ma Vương muốn cám dỗ nên Ngài dạy rằng Ngài không có gì giống như Ma Vương cả và Ngài kể ra biết bao nguồn hạnh phúc, biết bao niềm vui đến với người tu hành theo con đường giác ngộ và giải thoát.

Vui vì gặp được bạn lúc mình đang cần. Vui vì tự biết là đủ với nhựng gì mình đang có. Vui vì lúc qua đời biết mình đã tạo nghiệp lành. Vui và hạnh phúc hơn nhiều khi biết mình đã lánh xa tội lỗi và mọi nguồn gốc khổ đau:

(Pháp Cú 331)
Vui thay có bạn khi cần!
Vui thay thấy đủ trong tầm đôi tay
Với gì mình có hiện nay!
Vui thay khi chết thân này tạo ra
Nghiệp lành nở đẹp như hoa!
Vui thay thống khổ lìa xa chẳng còn!

Vui vì trên thế gian này được phụng dưỡng mẹ hiền. Vui vì được phụng dưỡng cha yêu. Vui vì cúng dường bậc xuất gia chân chính. Vui vì cúng dường các bậc thánh nhân:

(Pháp Cú 332)
Ở đời còn có nhân duyên
Kính yêu, phụng dưỡng mẹ hiền là vui,
Công cha như núi cao vời
Kính yêu phụng dưỡng được người là vui,
Cũng vui thay nếu ở đời
Có lòng tôn kính tìm nơi cúng dường
Sa Môn cùng với thánh nhân.

Vui vì cho đến tuổi già mà vẫn giữ được đức hạnh. Vui vì lúc nào cũng giữ được niềm tin. Vui khi có đầy đủ trí tuệ. Vui khi tâm trong sạch và không làm điều gì ác:

(Pháp Cú 333)
Vui thay từ trẻ đến già
Luôn luôn giữ giới thiết tha chẳng rời,
Vui thay khi sống làm người
Niềm tin chân chánh muôn đời chẳng thay!
Vui thay trí tuệ tràn đầy!
Vui thay điều ác hàng ngày tránh xa!

Truyện tích kể rằng nhân trong giờ nghỉ các vị Tỳ kheo bàn luận về vấn đề hạnh phúc ở đời. Ý kiến các vị đưa ra đều dựa trên sự thỏa mãn đầy đủ của các giác quan, về tiền bạc, danh lợi và quyền thế. Đó chỉ là các điều sung sướng ở thế gian. Đức Phật nghe được bèn dạy rằng những thứ sau đây mới thật sự đem lại hạnh phúc và niềm vui "Phật ra đời! Pháp được giảng! Tăng hòa hợp! Cùng tu hòa hợp!":

(Pháp Cú 194)
Vui thay đức Phật ra đời!
Vui thay giáo pháp giảng nơi cõi trần!
Tăng hòa hợp đẹp muôn phần!
Đẹp thay giới luật xa gần đồng tu!

Ngày kia Đức Phật vào thôn xóm khất thực. Do sự can thiệp khuấy phá của Ma Vương, hôm ấy không có ai cúng dường Ngài cả. Các phụ nữ bị Ma Vương cám dỗ nên ham vui mà lãng quên công đức cúng dường. Ma Vương mỉa mai hỏi Ngài có thấy đói bụng không? Ngài giải thích thái độ tinh thần của người đã thoát khỏi mọi chướng ngại "Luôn luôn sống với niềm vui phỉ lạc trong chánh pháp và luôn luôn an lạc như ở cõi trời Quang Âm":

(Pháp Cú 200)
Chúng ta hạnh phúc vô biên
Khi không chướng ngại, não phiền nổi trôi
Sống đời hỷ lạc tuyệt vời

Tựa như những vị cõi trời Quang Âm.
Người Phật tử không phải là kẻ chán đời rồi tìm cách xa lánh cuộc sống, trốn tránh trách nhiệm với xã hội. Đạo Phật là một đạo tích cực hoạt động. Người Phật tử từ lúc bắt đầu vào đạo đã phải hoạt động hăng say để mở mang trí tuệ, chiến thắng tham, sân, si đồng thời phải tập chiến đấu với hoàn cảnh, xông pha trong xã hội để cứu giúp người khác.

Theo gương chư Phật và Bồ Tát, Phật tử không sống cho riêng mình, không tìm giác ngộ và giải thoát riêng cho mình, mà còn phải sống và giác ngộ, giải thoát cho kẻ khác. Đời của Phật tử là một đời hoạt động không ngừng, đi từ chiến công này đến chiến công khác, đem lòng từ bi và bình đẳng gieo rắc nhân lành khắp mọi nơi, dưới mọi hình thức.

Kinh Phật từng dạy: "Trong hoạt động của người Phật tử, không một việc lành nào mà không làm, không một vật gì mà không cứu độ". Quả thật Đạo Phật là một đạo tích cực hoạt động. Quả thật Đạo Phật là Đạo yêu đời.

-ooOoo-

HÃY TỰ MÌNH THẮP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI

Đức Phật, một vị thầy hoàn hảo, là khuôn vàng thước ngọc, là chuẩn mực đạo đức cho nhân sinh, cho những ai học hạnh của Ngài. Những việc làm, lời nói, tư tưởng của Ngài được kiết tập trong tam tạng Phật Giáo "Kinh, Luật, Luận" là những lời dạy tiêu biểu về đạo đức, về một lối sống an lạc, giải thoát.

Đức Phật dạy cho chúng ta biết rằng tất cả mọi người, cũng như tất cả các loại chúng sinh khác, đều có đầy đủ khả năng thành Phật. Chúng sinh và Chư Phật đều chung một bản thể sáng suốt, đều cùng một chân tâm trong sạch, linh diệu, bất sinh bất diệt. Nhưng bản thể chúng sinh đã bị bụi dơ phủ kín, chân tâm của chúng sinh đã bị ngu tối làm mê lầm, xấu xa. Khi nào chúng sinh lau chùi hết nhơ bụi, diệt trừ hết vô minh, phiền não, bấy giờ tự nhiên sẽ thành Phật, không khác gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tất cả chư Phật khắp mười phương thế giới.

Hiện nay, sự khác biệt giữa chúng sinh và Phật không phải do nơi bản thể, nơi chân tâm, mà do ở sự sai biệt giữa giác ngộ sáng suốt và ngu tối mê lầm. Các Đức Phật là những chúng sinh đã giác ngộ hoàn toàn, còn những chúng sinh, vì còn say đắm trong cảnh tham lam, sân giận, si mê, nên chưa thành Phật. Bởi vậy Đức Phật dạy rằng: “Ta là Phật đã thành; chúng sinh là Phật sẽ thành". Nếu chúng sinh kiên quyết tu tập theo giáo lý của Phật thì chắc chắn thế nào cũng sẽ thành Phật. Bởi vậy Đức Phật coi tất cả mọi chúng sinh đều bình đẳng như Ngài và Đức Phật chỉ tự nhận là một người hướng đạo, một vị chỉ đường mà thôi.

Chúng ta vẫn niệm "Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật", ấy là vì chúng ta chân thành cung kính, sùng bái Đức Phật Thích Ca là ông thầy của chúng ta. "Sư" là thầy học, "bổn" là gốc của ta. Chứ Đức Phật không phải là một ông chúa tể, một vị Thượng Đế, một vị Trời nào có quyền năng định đoạt số mệnh của chúng ta hay ban ân huệ cho

chúng ta. Đức Phật cũng chỉ là một người bình thường như chúng ta, nhưng là một người đã tu hành đắc đạo, đã giác ngộ. Chúng ta hãy nghe qua những vần thơ tả lúc Ngài ra đời:

Nơi vùng Hy Mã Lạp Sơn
Tuyết giăng núi biếc, mây vờn đỉnh cao
Ven sườn phong cảnh đẹp sao
Bềnh bồng sương gió, dạt dào nắng mưa
Ngay miền bắc Ấn Độ xưa
Có vương quốc nhỏ nên thơ vô cùng,
Một ngày xảy chuyện đáng mừng
Khiến cho thế giới tưng bừng đổi thay,
Ma Da hoàng hậu ngủ say
Nằm mơ chợt thấy sắc mây rạng ngời
Một luồng ánh sáng từ trời
Lung linh chiếu xuống tận nơi giường bà
Trong hào quang bỗng hiện ra
Voi to, màu trắng, sáu ngà đẹp thay,
Voi và ánh sáng cùng bay
Tới gần hoàng hậu nhập ngay vào bà.
Sáng hôm sau tỉnh giấc ra
Trong lòng hoàng hậu chan hòa niềm vui
Tâu vua rõ chuyện lạ đời
Nhà vua Tịnh Phạn cho mời các quan
Quần thần thông thái giỏi giang
Đoán điềm giải mộng rõ ràng giúp vua.
Quần thần hoan hỉ cùng thưa:
"Đây là điềm tốt. Giấc mơ tuyệt vời
Báo tin mừng sắp tới nơi
Rồi đây hoàng hậu thụ thai an lành
Sau này hoàng hậu sẽ sanh
Tương lai thái tử rạng danh thiên tài
Siêu nhân vĩ đại giúp đời
Sẽ mang hạnh phúc cho người gần xa
Cho vua dòng dõi Thích Ca
Và cho nhân loại nhà nhà thơm hương".
Vua nhìn hoàng hậu yêu thương
Cùng nhau âu yếm mừng thầm biết bao
Từ lâu vua vẫn ước ao
Sinh con nối dõi thế vào ngôi vua

Hai mươi năm mãi đợi chờ
Sắp thành hiện thực giấc mơ lâu dài.
Quả nhiên lời đoán chẳng sai
Thế rồi hoàng hậu mang thai một ngày
Thật vui thay! Thật mừng thay!
Hương lành theo gió dâng đầy thoảng xa,
Theo phong tục Ấn Độ xưa
Đàn bà sinh nở thường đưa trở về
Khai hoa nở nhụy chốn quê
Nhà cha mẹ ruột thêm bề bình yên,
Biết ngày sinh tới gần bên
Cho nên hoàng hậu vội lên đường về
Đi cùng một số bạn bè
Thêm người hầu hạ cận kề trước sau,
Hoàng cung đưa tiễn hồi lâu
Đoàn về quê ngoại cùng nhau lên đường.
Khi gần về đến quê hương
Cả đoàn được lệnh bên vườn ghé qua
Lâm Tỳ Ni tỏa hương ra
Đón người nở nhuỵ khai hoa chốn này
Trong vườn phong cảnh đẹp thay
Cây vươn nhánh xuống dang tay đỡ người
Bà vin cành biếc mỉm cười
Hoa vô ưu nở cánh tươi đón chào
Bà sinh thái tử lành sao
Dễ thương, kháu khỉnh, hồng hào, tinh anh.
Địa cầu như rạng bình minh
Tràn niềm hạnh phúc, đầy tình vui tươi
Điềm lành xuất hiện khắp nơi
Cầu vồng phô sắc, đất trời tỏa hương
Rằm tháng Tư đẹp lạ thường
Một ngày trọng đại mở đường tương lai.
Trong vương quốc khắp nơi nơi
Hân hoan đón nhận tin vui vô cùng
Cả đoàn trở lại hoàng cung
Muôn chim đua hót bên đường tiễn chân
Nhà vua cùng các quần thần
Chào mừng đón tiếp phái đoàn hồi cung
Khắp nơi lễ hội vui chung

Chập chùng cờ phướn, tưng bừng múa ca.
Bấy giờ khắp nước gần xa
Ngát hương an lạc, thắm hoa thanh bình
Cho nên thái tử sơ sinh
Được vua, hoàng hậu, triều đình đặt tên
"Tất Đạt Đa" nghĩa bình yên
"Người mang toại nguyện", "người đem tốt lành".
Chính Đức Phật Thích Ca đã dạy: "Ai ăn người ấy no, ai tu người ấy chứng" chứ không có cách nào để người khác tu hộ cho mình thành Phật được cả. Sự giác ngộ và giải thoát bao giờ cũng hoàn toàn do ở nơi ta, ở sự siêng năng tu tập, sửa đổi tâm trí của ta. Người Phật Tử không sùng bái Đức Phật để xin ân huệ trần tục, nhưng họ tôn trọng Đức Phật vì thành quả tối cao của Ngài. Khi người Phật Tử kính trọng Đức Phật, gián tiếp họ đã nâng cao tâm linh họ để một ngày nào đó, họ cũng đạt được giác ngộ như Ngài hầu phụng sự nhân loại ngoài việc họ mong ước trở thành Phật.

Phật Giáo không tin vào một đấng Thượng Đế, vì Phật Giáo cho rằng vũ trụ được hình thành và chuyển vận bằng những định luật không có chủ thể, vũ trụ không phải là sáng tạo của một Đấng Trời nào; Phật Giáo không chủ trương cầu xin, và Phật Giáo xem việc thờ cúng không phải là một điều luật bắt buộc, đó chỉ là cách để bày tỏ sự biết ơn đối với Đức Phật và là phương thức để trau dồi, phát triển thân tâm. Đấng "Thượng Đế" hoặc "Tạo Hóa" hay các "Thần Linh" được con người tin tưởng thờ phụng vì con người nghĩ rằng các đấng ấy có thể ban phúc hay giáng họa cho họ. Đấy là quan điểm của tâm lý sợ hãi, yếu đuối, mất tự tín đã sản sinh ra thần thánh (đa thần hoặc nhất thần). Đạo Phật với chủ trương luật nhân quả, nghiệp báo đã nói lên tinh thần trách nhiệm cá nhân và cộng đồng trước sự đau khổ và hạnh phúc của chính mình. Đức Phật dạy: "Chính ta là kẻ thừa kế của hành động của ta, là người mang theo với mình hành động của mình".

Đức Phật dạy các đệ tử: "Các ngươi phải cố gắng tu hành để tự giải thoát, ta chỉ là người hướng dẫn mà thôi. Trong công việc chiến thắng mọi trở lực trên đường tiến triển để đi đến đích, chỉ có các ngươi là người có công hơn cả". Đức Phật cũng dạy: "Ta như thầy thuốc hay, biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống, lỗi ấy không phải tại thầy. Ta như vị chỉ đường, dạy con đường phải, nghe mà không đi, lỗi ấy không phải tại người chỉ đường".

Sau khi đã chỉ dạy lý thuyết về hành động và nêu rõ con người làm chủ nghiệp của mình và chịu kết quả các hành vi thiện ác của mình, Đức Phật muốn cho con người ý thức rõ rệt bằng con người thật sự hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, nên Ngài tuyên bố rõ ràng Ngài chỉ là đạo sư dẫn đường chỉ lối, không thể "cứu rỗi" hoặc làm thay cho ai, và con người phải tự chủ lấy mình, tự mình đi trên con đường giải thoát.

Đức Phật không bắt buộc chúng ta phải triệt để tuân theo lời Ngài và cũng không hăm dọa nếu chúng ta không tuân theo thì phải bị Ngài trừng phạt. Sự giữ hay không giữ giới là do chúng ta hoàn toàn tự liệu lấy. Đạo Phật khác với các tôn giáo khác chính là ở

điểm Đức Phật không phải là một quan tòa tối cao giữ quyền thưởng phạt. Một ý nghĩ, một lời nói, một hành động tốt hay xấu của một người thời chính tự nó đã mang theo nó một mầm thưởng phạt rồi.

Đức Phật chỉ là một vị dẫn đường rất từ bi và rất sáng suốt. Ngài chỉ cho chúng ta con đường nào là con đường sáng và con đường nào là con đường nguy hiểm không nên đi. Nhưng nếu chúng ta không theo con đường sáng mà lại muốn đi vào con đường nguy hiểm, thì tất nhiên chúng ta sẽ gặp tai họa tự nhiên, chứ Phật không tạo ra tai họa để trừng phạt chúng ta. Tòa án chính là luật nhân quả. Ta làm ác thì ta chịu quả xấu, ta làm thiện thì ta được quả tốt. Giới luật chính là thành trì ngăn chận cho ta đừng đi lạc vào đường ác, là hàng rào ngăn chận cho ta khỏi rơi xuống vực sâu, trong khi ta đi trên con đường giải thoát.

Con người phải tự nương tựa vào chính mình, "tự mình thắp đuốc lên mà đi". Truyện tích kể rằng ni cô kia hạ sinh một trai mà bà đã thụ thai từ lúc chưa xuất gia mà không biết. Vua Ba Tư Nặc nuôi đứa trẻ. Về sau, cậu bé lớn lên cũng xin xuất gia và đắc quả A La Hán. Tuy nhiên, ni cô không thể dứt tình mẫu tử. Ngày kia, thấy vị Tỳ kheo, con bà, đi trì bình, bà đến gần với tất cả tấm lòng ưu ái kể lể nỗi

thương nhớ. Nhưng ông con không đáp lại sự trìu mến ấy sợ rằng con đường tu tập của mẹ bị cản trở vì tình cảm quyến luyến. Thái độ của người con thức tỉnh, thúc giục bà sớm dập tắt tâm luyến ái và đắc quả A La Hán. Nghe bà chứng ngộ đạo quả, Đức Phật giải thích rằng vị cứu tinh, hay chỗ nương tựa, của ta, phải là chính ta chớ không ở đâu khác. Chính ta là chủ của ta chớ không ai khác hơn:

(Pháp Cú 160)
Tự mình là vị cứu tinh
Tự mình nương tựa vào mình tốt thay
Nào ai cứu được mình đây?
Tự mình điều phục hàng ngày cho chuyên
Thành ra điểm tựa khó tìm.
Chính ta là vị cứu tinh của ta. Chính ta là kẻ bảo hộ cho ta. Một nông dân nghèo, chỉ có mảnh vải rách đắp thân và cái cày để đi cày thuê. Một hôm có vị Tỳ kheo đi ngang qua thương hại hỏi anh có muốn xuất gia không. Anh xin xuất gia làm Sa di. Nhiều lần thầy này chán cảnh tu hành, định hoàn tục, cứ mò tới thăm lại mảnh vải rách và cái cày của mình mãi. Cuối cùng thầy cố gắng hành thiền và đắc quả A La Hán. Giảng về thành quả tốt đẹp của thầy Đức Phật nói:

(Pháp Cú 380)
Tự mình bảo vệ bản thân
Tự mình nương tựa chẳng cần nhờ ai,
Vậy nên kiềm chế thân người
Như là chàng lái buôn ngồi ngựa hay
Lo kiềm chế ngựa luôn tay.

Chỉ có người biết tự điều, mới tự mình xây dựng lên hòn đảo, nước lụt không có thể ngập tràn. Một tăng sĩ trẻ tuổi nọ không thể học thuộc một câu kinh dài bốn hàng, mặc dầu hết sức cố gắng trọn bốn tháng. Người anh, cũng đã xuất gia, khuyên thầy nên hoàn tục. Vị sư trẻ tuổi vẫn còn muốn sống đời thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật hiểu được tâm tính thầy, đưa cho thầy một cái khăn lau tay sạch và dạy thầy mỗi sáng cầm khăn, căng ra trước mặt trời. Khi cầm cái khăn đưa lên như thế với bàn tay có ít nhiều bụi và mồ hôi thì không bao lâu cái khăn trở nên dơ. Sự thay đổi trông thấy ấy làm cho thầy Tỳ kheo trẻ tuổi suy gẫm về tính cách vô thường của đời sống. Thầy cố gắng hành thiền và đắc quả A La Hán. Đức Phật dạy rằng do cố gắng cá nhân, bậc thiện trí tạo cuộc sống hạnh phúc cho chính mình.

Một hòn đảo nổi cao trên mặt nước không thể bị ngập lụt mặc dầu những bãi đất thấp chung quanh có thể bị nước tràn vào. Một hải đảo như thế có thể là nơi an toàn cho tất cả. Cùng thế ấy, bậc thiện trí trau dồi tuệ minh sát phải tự biến mình thành một hải đảo bằng cách thành tựu đạo quả A La Hán, và như vậy thì không còn bị sóng biển nhận chìm, không còn bị lôi cuốn trong dòng ngập lụt của các phiền não tham, sân, si, ái dục, tà kiến và vô minh v.v...:

(Pháp Cú 25)
Luôn luôn cố gắng nhiều bề
Lại thêm hăng hái, không hề buông lung
Tự mình khắc chế mọi đường
Những người hiền trí vô cùng tinh anh
Tạo ra hòn đảo cho mình
Vượt trên sóng nước vây quanh thét gào
Não phiền theo ngọn sóng trào
Dễ gì quấy nhiễu dâng cao ngập tràn.
Truyện tích kể rằng một con voi chiến khi còn trẻ rất mạnh mẽ. Lúc về già thời yếu đi. Một hôm voi ra bờ ao định xuống uống nước thời rủi thay, chân bị sa lầy, chẳng rút ra khỏi bùn được. Tên nài đến nơi, nhận ra đó là voi chiến, nên làm như sẵn sàng xuất trận, rồi khua chiêng gióng trống ầm ĩ lên. Voi hăng hái, cố gắng rồi rút được chân ra khỏi đầm lầy. Khi câu chuyện được bạch lại với Đức Phật, Ngài

khuyên dạy các vị Tỳ kheo cũng nên noi gương đó mà gia công cố gắng giống như voi bị sa lầy để tự rút ra khỏi đầm lầy của dục vọng, của vòng luân hồi:

(Pháp Cú 327)
Canh phòng tâm thật kỹ càng
Tươi vui, sáng suốt, siêng năng, nhiệt tình
Mình lo tự cứu lấy mình
Khỏi đường tà ác chúng sinh đọa đày
Như voi kia bị sa lầy
Rút chân gắng sức vượt ngay đầm bùn.

Con đường tự lực được Đức Phật dạy như sau: "Này các Tỳ kheo, hãy tự mình thắp lên ngọn đuốc của chính mình, thắp lên với chánh pháp, đừng thắp lên với một pháp nào khác. Hãy tự mình làm chỗ nương tựa của chính mình, nương tựa với chánh pháp, đừng nương tựa với một pháp nào khác". Tinh thần tự lực mang tính triệt để nhân bản này là một đặc tính của đạo Phật.

Đức Phật còn thúc giục mọi người hãy nên tự lực cố gắng để mà tiến bộ ngay từ lúc còn trẻ. Người không tiến bộ cả về vật chất lẫn tinh thần sẽ ăn năn hối hận. Truyện tích kể rằng con một nhà triệu phú lấy vợ cũng là con một nhà rất giàu. Khi cha mẹ hai bên qua đời vợ chồng này được thừa hưởng gia tài to lớn của cả bên chồng lẫn bên vợ. Hai vợ chồng không chịu làm ăn, phung phí hết cả tài sản sự nghiệp và sau đó cả hai trở thành nghèo đói khốn cùng, phải đi ăn xin. Đề cập đến số phần bất hạnh của hai vợ chồng này Đức Phật dạy người sống không đạo hạnh, lúc trẻ chây lười không lo tạo sự nghiệp và cũng chẳng lo tu hành, thì khi về già sẽ "tàn tạ như con cò đứng trên bờ ao khô cạn nước, không cá, không mồi, mỏi mòn ủ rũ", hoặc lúc về già sẽ "nằm dài xuống như một cái cung bị gãy, bị vứt bỏ dưới đất, quay nhìn dĩ vãng mà than vắn thở dài":

(Pháp Cú 155)
Lúc còn cường tráng thiếu niên
Đã không tạo dựng được thêm gia tài
Tu hành biếng nhác, chây lười
Đến khi luống tuổi con người giống sao
Cò già buồn đứng bờ ao
Ao khô cạn nước kiếm sao ra mồi
Chết mòn thân xác mất thôi!
(Pháp Cú 156)
Lúc còn cường tráng thiếu niên
Đã không tạo dựng được thêm gia tài
Tu hành biếng nhác, chây lười
Khi già nằm xuống dáng người khác chi
Cây cung bị gãy vứt kia
Buồn than dĩ vãng trôi đi mất rồi.

Truyện tích kể lại rằng có ông vua nọ tuyệt tự. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ vua không có con nối dòng vì trong một kiếp quá khứ ông có đời sống không thận trọng. Vua và vương phi là hai hành khách còn sống sót trên một chuyến tàu đi biển bị chìm. Cả hai trôi tấp vào một hoang đảo. Để khỏi bị chết đói cả hai đã phá các ổ chim, lấy trứng ăn, mà trong lòng chẳng hề có một chút hối tiếc vì sát hại sinh mạng chim non sắp chào đời. Về sau khi trở lại với loài người cả hai cũng chẳng hề hối tiếc về việc sát sinh đó suốt trong thời gian còn trung niên, và cả đến lúc tuổi già. Đức Phật khuyên dạy vua và hoàng hậu:

(Pháp Cú 157)
Ai mà biết tự thương mình

Phải nên bảo vệ nhiệt tình bản thân
Trong ba giai đoạn đường trần
Trẻ trung, lớn tuổi và luôn về già Người hiền trí hãy tỉnh ra Tìm đường giác ngộ, lìa xa mê lầm.

Kinh Pháp Cú xưa nay thường được xem như là cao điểm của tư tưởng hướng thượng hiền thiện của con người trong cuộc sống. Đức Phật như "người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc." Kinh Pháp Cú không phải là sách để đọc thoáng qua như một thiên tiểu thuyết. Chúng ta nên đọc đi đọc lại. Thường suy niệm về những lời vàng ngọc trong ấy và đem ra thực hành trong đời sống hàng ngày, tự thanh lọc thân tâm rồi ta sẽ thấy đó là người bạn cố tri luôn đem lại nguồn cảm hứng, an ủi, nâng đỡ, hộ trì và cải thiện tâm linh trên những bước thăng trầm trong cuộc sống hàng ngày. Kinh Pháp Cú trở thành một kho tàng Phật bảo để chúng ta nghe những lời dạy quý báu của Đức Phật, giúp chúng ta sống một cách tốt đẹp và có ý nghĩa, có lợi cho mình, có lợi cho người, có lợi cả hai.

-ooOoo-

TÀI LIỆU THAM KHẢO

BÀI VIẾT

(1) BÀI GIẢNG VỀ KINH PHÁP CÚ - Thích Minh Châu

(2) NẾP SỐNG ĐẠO HẠNH VÀ TRÍ TUỆ TRONG KINH PHÁP CÚ - Thích Minh Châu

(3) NĂM GIỚI: MỘT NẾP SỐNG LÀNH MẠNH, AN LẠC, HẠNH PHÚC - Thích Minh Châu

(4) TRÍ TUỆ TRONG ĐẠO PHẬT - Thích Minh Châu

(5) MƯỜI THIỆN NGHIỆP VÀ MƯỜI ÁC NGHIỆP - Thích Minh Châu

(6) ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO QUA KINH PHÁP CÚ - Thích Nữ Giới Toàn

(7) GIÁ TRỊ THẨM MỸ TRONG KINH PHÁP CÚ - Thích Huệ Quang

(8) TRÍCH GIẢNG KINH PHÁP CÚ - Thích Thanh Từ

(9) NGHIỆP - Thích Tâm Thiện

(10) LUÂN HỒI - Thích Tâm Thiện

(11) NHÂN QUẢ - Khải Thiên

(12) TAM VÔ LẬU HỌC (GIỚI - ĐỊNH - TUỆ) - Thích Từ Hòa, Thích Phước Lương

(13) KINH THAM SÂN SI (TƯƠNG ƯNG BỘ) - Thích Thiện Châu

(14) GIỚI ĐỨC TRONG ĐẠO PHẬT - Phạm Kim Khánh

(15) MƯỜI ĐIỀU THIỆN - Phúc Trung

(16) BỐN CHÂN LÝ (TỨ DIỆU ĐẾ) - Thích Viên Giác

(17) NGŨ UẨN - Thích Viên Giác

(18) TÁM PHẦN THÁNH ĐẠO (BÁT CHÁNH ĐẠO) - Thích Tâm Khanh

(19) PHÁP CÚ, BẢN KINH SƯU TẬP CỔ XƯA NHẤT - Thích Quảng Bảo (dịch theo Lakehouse)

(20) ĐẠO PHẬT VỚI CON NGƯỜI - Thích Tâm Châu

(21) HOA TRONG KINH PHÁP CÚ - Mang Viên Long

(22) KỆ NGÔN KINH PHÁP CÚ SỐ 295 - Chánh Minh

(23) GIỚI THIỆU KINH PHÁP CÚ - DHAMMAPADA - Bình Anson

(24) ĐOẠN DIỆT ĐỂ GIẢI THOÁT - Bình Anson

(25) TRÍ TUỆ TRONG ĐẠO PHẬT - Thích Thông Huệ

(26) ĐẠO PHẬT - Thích Viên Giác

(27) NHÂN THỨC CƠ BẢN VỀ PHẬT GIÁO - Thích Tố Huân

(28) BA DẤU ẤN CỦA CHÁNH PHÁP - Nguyên Tuấn

SÁCH

(1) KINH PHÁP CÚ - Thích Minh Châu (Viện Nghiên Cứu Phật Học VN, TP.HCM, 1996)

(2) LỜI PHẬT DẠY - Thích Thiện Siêu (Học Viện Phật Giáo Việt Nam, Huế, Việt Nam 2000)

(3) DHAMMAPADA (KINH PHÁP CÚ) - Narada (Phạm Kim Khánh biên dịch), Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, Hà Nội, Việt Nam, 2004

(4) ĐỌC PHÁP CÚ NAM TÔNG - Thích Trí Quang

(5) KINH PHÁP CÚ - Tâm Minh Ngô Tằng Giao (chuyển dịch thơ), Diệu Phương Xuất Bản, Virginia, USA, 2003

(6) LỜI PHẬT DẠY - Đinh Sĩ Trang (Australia), Văn Nghệ, California, USA, 2001

(7) TÌM HIỂU VÀ HỌC TẬP KINH PHÁP CÚ - Thiện Nhựt (Canada, 2001 và 2002)

(8) TÍCH TRUYỆN PHÁP CÚ - Viên Chiếu, Nhà Xuất Bản TP. HCM, Việt Nam, 2000

(9) PHẬT HỌC PHỔ THÔNG - Thích Thiện Hoa

(10) PHẬT HỌC KHÁI LUẬN - Thích Chơn Thiện

(11) ĐƯỜNG VÀO ÁNH SÁNG ĐẠO PHẬT - Tịnh Mặc

(12) ĐỨC PHẬT VÀ PHẬT PHÁP - Narada (Phạm Kim Khánh dịch)

(13) PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN - Đoàn Trung Còn

Chân thành cám ơn cư sĩ Tâm Minh Ngô Tằng Giao đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 06-2006).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.